

mưa

Guy de Maupassant
Somerset Maugham
Jack London
John Steinbeck
Charles Dickens
Lâm Ngữ Đường



Nguyễn Hiến Lê
dịch

Tập truyện ngắn



Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin

Mura

Nhiều tác giả

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Table of Contents

[Lời nói đầu](#)

[GUY DE MAUPASSANT](#)

[1. Thùng nước lèo](#)

[2. Chiếc dây chuyền](#)

[W. SOMERSET MAUGHAM](#)

[3. Mưa](#)

[4. Cái đầm](#)

[JOHN STEINBECK](#)

[5. Johnny Gấu](#)

[6. Người chỉ huy](#)

[7. Một cuộc ráp](#)

[CHARLES DICKENS](#)

[8. Người báo hiệu](#)

[JACK LONDON](#)

[9. Ngôi nhà của Mapouhi](#)

[ĐỖ QUANG ĐÌNH và LÂM NGỮ ĐƯỜNG](#)

[10. Lão râu quăn](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

[\[8\]](#)

[\[9\]](#)

[\[10\]](#)

[\[11\]](#)

[\[12\]](#)

[\[13\]](#)

[\[14\]](#)

[\[15\]](#)

[\[16\]](#)

[\[17\]](#)

[\[18\]](#)

[\[19\]](#)

- [\[20\]](#)
- [\[21\]](#)
- [\[22\]](#)
- [\[23\]](#)
- [\[24\]](#)
- [\[25\]](#)
- [\[26\]](#)
- [\[27\]](#)
- [\[28\]](#)
- [\[29\]](#)
- [\[30\]](#)
- [\[31\]](#)
- [\[32\]](#)
- [\[33\]](#)

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1963 chúng tôi cho in tuyển tập gồm tám truyện ngắn ngoại quốc nhan đề là **Những truyện thương tâm**, hai năm sau tuyển bản.

Năm 1966 ông Giản Chi rút ra một truyện – truyện **Kiếp sống thừa**, cho vào **Tuyển tập Lỗ Tấn**; và năm ngoái chúng tôi lại rút ra một truyện nữa – truyện **Trời biết đấy nhưng còn đợi** – cho vào phần phụ lục bộ **Chiến tranh và Hoà bình** của Léon Tolstoi.

Để thay hai truyện đó, chúng tôi đưa vô bốn truyện khác đều dịch từ lâu:

- **Người chỉ huy** của John Steinbeck
- **Một cuộc ráp** của John Steinbeck
- **Người báo hiệu** của Charles Dickens
- **Lã Râu Quăn** của Đỗ Quang Đình

Nhan đề cũ không còn hợp nữa, chúng tôi đổi lại là **Mưa**.

Vậy tuyển tập mới này gồm cả thảy mười truyện của sáu danh sĩ Pháp, Anh, Mỹ, Trung Hoa.

Sáu danh sĩ, mỗi nhà một bút pháp riêng, nhưng kỹ thuật đều là cổ điển – cổ điển theo cái nghĩa trái với kỹ thuật trong loại “tân tiểu thuyết” (nouveau roman) của Pháp ngày nay; và tuy có nhà không nói ra nhưng chắc chắn đều nghĩ như Tolstoi: “Chỉ vì tính cách không vì lợi mà nghệ thuật mới được thiên hạ tôn sùng” và đều chủ trương như Somerset Maugham: “Cứ sáng tác cho nghệ thuật, làm vui cho người đọc người nghe rồi (...) độc giả thông minh sẽ tự rút ra được một bài học”.

Mười truyện ngắn, mỗi truyện một vẻ: truyện thì mĩa may cay độc, truyện thì bình dân mà chua xót, truyện thì buồn man mác, truyện thì mơ màng hoặc rùng rợn, khung cảnh cũng rất thay đổi: từ một khách sạn ở Pháp thế kỷ XVIII hoặc một túp lều ở Trung Hoa thế kỷ thứ VII, tới cảnh đông tố kinh hồn trên Thái Bình Dương, cảnh một cái đầm trong veo, nên thơ mà huyền ảo giữa một khu rừng ở Apia, cảnh một đám sương mù uốn khúc bò lên từng đợt từ những vũng lầy hôi hám ở Mỹ...

Nhưng truyện nào cũng rất hấp dẫn, hễ đã bắt đầu đọc là không thể ngừng được nữa, tình tiết rất đột ngột, kết cấu hầu hết bất ngờ, vì chúng tôi nghĩ một truyện hay thì trước hết phải có những đặc điểm đó đã. Nhiều truyện đọc xong thì làm cho chúng ta miên man suy nghĩ về những yếu đuối, mâu thuẫn, những đau khổ, chiến đấu của con người, chiến đấu với thiên nhiên, với số mạng, với kẻ khác và cả với bản thân mình nữa; và chúng ta phải nhận rằng triết lý không phải chỉ nằm trong các bộ luận thuyết khô khan mà còn tiềm tàng trong các truyện ngắn dài bất hủ của nhân loại. Danh sĩ nào cũng là một triết nhân. Chính nhờ có một nhân sinh quan đẹp, một bút pháp cao mà họ mới được hậu thế trọng vọng.

Sài Gòn ngày 15-5-1969[2]

GUY DE MAUPASSANT

Độc giả ít ai còn lạ với Guy de Maupassant (1850-1893) nên chúng tôi không cần phải giới thiệu nhiều. Ông với Honoré Balzac (1799-1850) là hai tiểu thuyết gia Pháp ở thế kỉ trước được Âu, Mỹ, mà có lẽ cả thế giới khâm phục nhất.



Guy de Maupassant
(1850-1893)

Anatole France bảo “nghệ thuật viết truyện của ông hoàn toàn: mạnh mẽ, uyển chuyển mà cân xứng”. Léon Tolstoi khen ông là “đã đạt được những chỗ thâm áo yên lặng của con người”. Còn những tiểu thuyết gia Anh như Joseph Conrad và William Somerset Maugham đều nhận rằng “tài kể chuyện của ông thì không ai bằng”; nhất là Maugham coi ông như bậc thầy của mình, chịu phục rằng nhiều truyện ngắn của ông, không dư mà cũng không thiếu một chi tiết, đem kể ra thì bất kì ai nghe cũng phải mê.

Tác phẩm của ông gồm non hai chục cuốn vừa truyện ngắn, truyện dài (không kể một tập thơ). Nhiều nhà phê bình đồng ý rằng truyện dài hay nhất của ông là *Une Vie* (Một đời sống); còn truyện ngắn xuất sắc nhất là *Boule de Suif*^[3] mà chúng tôi dịch là *Thùng Nước Lèo*. Chính truyện ngắn này đã được nhà xuất bản Seghers lựa trong tập *Les Vingt meilleures nouvelles française* (1956) và nhà Pocket Library trích và ca tụng trong tập: *The great short stories of De Maupassant* (1955).

Trong khoảng bốn chục trang, tác giả kể cho ta nghe một bi hài kịch thời chiến tranh Pháp – Phổ (1870). Nhân vật gần đủ các giới trong xã hội Pháp thời đó: giới quý phái, giới con buôn trọc phú, giới cách mạng, giới cần lao... nhân vật chính là một gái điếm, mà hạng người còn có liêm sỉ giữ được chút thiên lương lại chính là ả gái điếm đó chứ không phải là bọn thượng lưu như ta tưởng.

Ông không giảng luân lí, không dựng một triết thuyết, không phân tích tâm lí, cơ hồ như cũng không có thắc mắc nào cả, chỉ kể chuyện một cách khách quan, không thương cũng không ghét, mà rất có nghệ thuật, tình tiết xảy ra tự nhiên, đoạn trước gọi ra đoạn sau, đoạn sau giảng thêm đoạn trước, thành thử câu chuyện rất nhất trí, mạnh mẽ, đầy đủ mà hấp dẫn, đọc không thấy chán. Đọc xong ai cũng thấy chua chát và có cảm tưởng rằng tác giả nhìn xã hội mắt một cặp mắt tinh quái, ngạo đời, nhưng không tàn nhẫn.

Riêng chúng tôi, chúng tôi thấy có vài nét hơi đậm, mạnh và bén thật, nhưng kém phần tế nhị; có lẽ đó là một tật chung của tuổi trẻ vì ông viết chuyện đó hồi mới ngoài hai mươi. Những tác phẩm hồi sau giọng đầm khi đã từng trải nhiều, lòng trắc ẩn của ông mới hiện rõ, như trong truyện dài *Une Vie* chẳng hạn.

Dù sao, văn mỗi tuổi cũng có vẻ đẹp riêng của nó, và *Thùng Nước Lèo* vẫn đáng là “một trong những bi kịch hay nhất của hậu bán thế kỉ trước”^[4].

THÙNG NƯỚC LÈO

BOULE DE SUIF[5]

Luôn mấy ngày liền, những mảnh tàn quân đã đi qua châu thành. Không còn phải là một bộ đội nữa mà chỉ là một bầy ô hợp tán loạn. Râu thì dài và bẩn, quần phục thì rách rưới, họ uể oải tiến, chẳng cờ xí, chẳng kỷ luật gì cả. Hết thấy đều có vẻ mệt đừ, không suy nghĩ, quyết định được gì nữa, chỉ do thói quen mà bước, chứ hề dừng lại là té quì liền vì kiệt sức. Nhiều nhất là bọn bị động viên, hạng người vốn hiếu hòa, yên nhiên hưởng lợi tức đó mang không nổi cây súng; rồi tới bọn dân quân nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ hoảng hốt mà cũng dễ hăng tiết, sẵn sàng chiến đấu mà cũng sẵn sàng đào tẩu; xen vào những bọn đó có vài tên lính chánh qui, quần cắt đồ đã mệt đừ, còn sót lại sau một trận lớn; một số lính pháo thủ ủ rũ sắp hàng với những bộ binh hỗn tạp đó; và thỉnh thoảng người ta thấy cái nón bóng loáng của một kỵ binh nặng nề bước mà theo không kịp bọn phóng viên nhanh nhẹn.

Tới phiên những đoàn nghĩa dũng quân đi ngang qua, tên thì rất oai hùng: “*Đội trả thù Chiến bại – Đội Công dân của Nhà mồ – Đội Chia phần chết*”, mà vẻ mặt thì y như tụi ăn cướp.

Chủ soái của họ, xưa kia buôn nỉ hay buôn lúa, bán mỡ bò hay bán xà bong, do hoàn cảnh mà thành chiến sĩ, nhờ có nhiều tiền hay có bộ râu mép dài mà được phong làm sĩ quan, mình đeo đầy khí giới, bận đồ nỉ, găng lon, bàn cãi oang oang về những trận đồ, phách lối khoe khoang rằng chỉ có mình là đưa vai ra để chống đỡ nước Pháp hấp hối; nhưng đôi khi họ sợ ngay những lính của họ, bọn đầu trộm đuôi cướp, thường can đảm ghê gớm, phá phách và truy lạc.

Tụi Phổ sắp vô thành Rouen, người ta bảo vậy.

Đội dân quân, hai tháng nay, thận trọng dò xét trong những cánh rừng bên cạnh, có khi bắn lầm vào lính gác của mình, và mới nghe thấy tiếng động của một con thỏ con ở trong bụi là đã lấp đạn sẵn sàng chiến đấu rồi, bây giờ cũng đã giải tán, ai về nhà nấy. Khí giới của họ, quần phục của họ, tất cả những khí cụ sát nhân của họ trước kia làm cho các cây trụ trên quốc lộ trong một khu rộng ba dặm ở chung quanh phải bỏ vĩa, bỗng biến đi đâu mất hết.

Những người lính Pháp cuối cùng mới qua con sông Seine để theo đường Saint-Sever, Bourg-Achard mà tới Pont-Audemer, và ở cuối đoàn, viên tướng tuyệt vọng, vô phương mưu tính cái gì được với bọn tàn quân rời rạc đó, đành bước theo họ, giữa hai sĩ quan hầu cận. Vì chính ông cũng ngơ ngác trong cuộc tan rã lớn lao của một dân tộc quen thắng trận mà rồi thua một cách tai hại mặc dầu khét tiếng hùng dũng.

Rồi thì một không khí trầm lặng, chờ đợi, hoảng hốt, bao phủ khắp châu thành. Nhiều ông trọc phú[6] buôn bán riết rồi hóa ra bụng bự, mất cả khí lực y như một tụi hoạn, lo lắng run rẩy đợi kẻ thắng tới, chỉ sợ chúng cho những cây tiêm nường thịt và những con dao phay là khí giới thì có mà bỏ mạng với chúng.

Đời sống như ngưng lại; tiệm thì đóng cửa, mà đường phố thì không có tiếng người. Thỉnh thoảng một thường dân thấy cảnh tĩnh mịch đó đâm hoảng, nép vào chân tường mà chạy.

Đợi chỉ thêm lo, nên người ta mong kẻ thù tới phát đi cho rồi.

*

Buổi chiều sau cái ngày quân Pháp rút đi, vài tên kỵ binh Phổ, không biết ở xó nào chui ra, vội vã băng qua châu thành. Rồi một lát sau một đám đen từ dốc Sainte-Catherine tiến xuống trong khi hai đợt sóng xâm lăng xuất hiện trên những con đường Darnetal và Boisguillaume. Cùng một lúc, tiền quân của ba đội đó hợp nhau lại ở Thị Sảnh, và do tất cả những đường phố chung quanh, quân Đức ập tới, trải ra trên đường, bước chân gõ nhịp nhàn vang động.

Trong khi những hiệu lệnh hô lớn bằng một giọng lạ tai, ồ ồ dội lên giữa hai dãy nhà như bỏ hoang, thì sau những cánh cửa sổ khép, có những cặp mắt rình ngó bọn người thắng trận, bọn người do “quyền chiến tranh” mà được làm chủ châu thành, chủ tài sản và sinh mạng. Ở trong

căn phòng tối tăm vì đóng kín, dân chúng hoảng sợ như gặp thiên tai, những cuộc biến chuyển tàn hại của trái đất mà kẻ nào khôn lanh, mạnh mẽ tới mấy cũng đành thúc thủ. Vì mỗi lần mà trật tự bị đảo lộn làm mất sự an toàn, mà luật lệ của loài người và vũ trụ không còn che chở được cái gì nữa, mà mọi sự đều bị một sức tàn bạo vô ý thức chi phối, thì cái cảm giác đó lại hiện lên. Một cuộc động đất đè bẹp cả một dân tộc dưới những ngôi nhà sụp đổ; một trận lụt cuốn trôi những người nông dân với thầy những con bò hay những cây xà nhà bức lìa nóc, hoặc một đội quân thắng trận tàn sát những kẻ dám chống cự lại, lừa bịp tù binh đi, rồi nhân danh lưỡi kiếm mà cướp bóc, và cảm ơn một vị Thần nào đó bằng tiếng đại bác; những cái đó đều là những tai ách khủng khiếp làm cho người ta chung hưởng, hết tin ở lẽ công bình của Thượng đế, hết tin ở sự che chở của Trời và ở lẽ phải của loài người như trong sách thường dạy.

Kể đó những toán người đi gõ cửa từng nhà và biến mất vào trong nhà. Sau khi chiếm đất rồi tới lúc đóng quân. Bốn phận của kẻ thua là phải tỏ ra ân cần với kẻ thắng.

Được ít lâu, sự hoảng sợ lúc đầu đã qua, sự yên tĩnh trở lại. Trong nhiều gia đình, sĩ quan Phổ ăn chung một bàn với chủ nhà. Vài kẻ cũng có giáo dục, tỏ vẻ nhã nhặn mà thương hại cho nước Pháp và bảo rằng không muốn dự cái chiến tranh này, nó tởm lắm. Người ta mang ơn họ đã có thiện cảm với mình, vả lại, biết đâu chừng, sau này chẳng có lúc cần sự che chở của họ. Vị nể họ thì có thể xin bớt được vài miếng phải nuôi. Đã hoàn toàn ở trong tay họ rồi thì làm mất lòng họ làm chi? Hành động như vậy không phải là can đảm mà là táo bạo – Mà các ông trọc phú ở Rouen không còn cái tật táo bạo như hồi xưa, hồi châu thành đó rạng danh vì những cuộc chống cự anh dũng nữa – Sau cùng người ta tự nhủ rằng – và đây là cái lý do tối thượng người ta rút được trong phép lịch sự của Pháp – miễn là ra ngoài đường đừng tỏ ra thân mật với lính ngoại quốc, còn ở trong nhà thì có thể lễ phép với họ được. Ra ngoài, thì là người lạ, mà ở nhà thì cứ vui vẻ chuyện trò; và người Đức mỗi buổi tối lại ngồi sưởi nán thêm một lúc ở bên lò sưởi chung.

Đến ngay châu thành cũng lần lần có vẻ bình thường trở lại. Người Pháp vẫn chưa ra đường nhưng lính Phổ thì lúc nhúc ngoài phố. Với lại, bọn sĩ quan khinh ki bần đồ xanh, tuy ngạo nghễ kéo lê thanh gươm trên mặt đường, nhưng đối với bọn dân chất phác, coi vẻ cũng không khinh họ gì quá lắm, không khó chịu gì hơn bọn sĩ quan truy kích mà năm trước, từng giải khát ở những quán cà phê này.

Nhưng trong không khí vẫn có cái gì, một cái gì tế nhị và bí mật, một không khí lạ, chịu không nổi, như có một mùi gì nó lan ra, mùi xâm lăng. Nó đầy trong các tư gia, trong các công trường, làm cho thức ăn mất vị và người ta có cảm tưởng đi du lịch ở đâu xa lắm, tại những bộ lạc dã man và nguy hiểm.

Tụi thắng trận đòi tiền, rất nhiều tiền. Dân châu thành luôn luôn phải trả; với lại người ta giàu có mà. Nhưng một thương gia càng giàu có, thì lại càng đau khổ vì phải hi sinh của cải khi thấy đồng tiền kiếm ra được vào tay kẻ khác mất.

Tuy nhiên theo dòng sông đi xuôi xuống phía dưới châu thành độ vài ba dặm, về phía Croisset, Dieppedalle hoặc Biessart, những người chèo thuyền hay đánh cá thường kéo lên được ở đáy sông xác một tên Đức bận quân phục; đã trương ra, bị đâm hay đập, liệng đá bể đầu hay từ trên cầu cao xô xuống dòng nước. Bùn sông vùi lấp những cuộc trả thù tối tăm, man rợ, âm thầm đó, nó nguy hiểm hơn những cuộc chiến đấu giữa thanh thiên bạch nhật mà lại không có tiếng vang của danh vọng.

Vì luôn luôn có những người Đại đóm căm thù kẻ ngoại quốc mà sẵn sàng chết cho một lí tưởng.

Sau cùng, thấy bọn xâm lăng mặc dầu bắt châu thành phải phục tùng một kỉ luật sắt, nhưng không có những hành động ghê tởm mà người ta phao lên trong cuộc tiến binh đặc thắng của họ, nên dân chúng bạo dạn lên và bọn thương gia lại thấy cần phải buôn bán, không thể ngồi không được. Vài người có những mối lợi lớn mắc kẹt ở Havre còn do quân đội Pháp chiếm, và họ muốn đi theo đường bộ tới Dieppe rồi xuống thuyền ra hải cảng đó.

Người ta làm quen với sĩ quan Đức, vận động xin viên tướng tổng tư lệnh một giấy phép

xuất hành.

Một chiếc xe lớn bốn ngựa đã được giữ trước cho cuộc hành trình đó, mười người đã ghi tên ở nhà chủ xe, và người ta định sáng thứ ba, khởi hành khi còn tối đất để đi cho dân chúng khỏi bu lại coi.

*

Từ mấy bữa nay, đất đóng giá, cứng ngắc, và vào khoảng ba giờ chiều hôm thứ hai, những đám mây đen từ phương Bắc đùn về rồi tuyết đổ liên tiếp suốt buổi tối và ban đêm.

Bốn giờ rưỡi sáng, hành khách họp nhau ở sân khách sạn Hôtel de Normandie để lên xe.

Họ còn ngái ngủ, quần mền mà vẫn rét run. Trong bóng tối người ta không thấy rõ mặt nhau; người nào cũng bận những bộ áo lạnh dày cộm và nặng nề, coi y như là những ông mục sư bụng bự lướt lướt trong bộ áo thầy tu vậy. Nhưng có hai người nhận được nhau, rồi một người thứ ba tiến lại, họ trò chuyện với nhau.

Một người nói:

- Tôi dắt nhà tôi theo.

- Tôi cũng vậy.

- Mà tôi cũng thế.

Người thứ nhất nói thêm:

- Chúng tôi sẽ không trở về Rouen nữa và nếu tụi Phổ tiến lại Havre thì chúng tôi sẽ qua Anh.

Khí chất giống nhau nên dự tính của họ cũng giống nhau.

Nhưng sao vẫn chưa thẳng xe kìa? Một ngọn đèn nhỏ - do một tên giữ ngựa cầm - thỉnh thoảng ở trong một cái cửa tối om hiện ra rồi lại biến ngay vào trong một cái cửa khác. Ở phía sau nhà có tiếng chân ngựa dậm đất, nhưng nghe không vang vì đất phủ rơm, rồi có tiếng đàn ông nói với ngựa và chửi thề. Tiếng lục lạc leng keng báo rằng người ta lấy bộ cương ra, rồi tiếng đó rung lên, trong trẻo, đều đều, nhịp nhàng theo bước chân ngựa, thỉnh thoảng ngưng một chút rồi thành linh khua động trở lại, tiếp theo là tiếng lục đục của những móng sắt dậm trên mặt đất.

*

Đột nhiên cửa khép lại. Mọi tiếng ngưng hẳn. Bọn trọc phú lạnh cóng, cứng ngắc, không nói năng gì cả.

Một bức màn tuyết trắng bất tận, liên tục rót xuống đất, lấp lánh; mọi vật đều mất hình, phủ một lớp bụi như bột nước đá; và trong cảnh tĩnh mịch của thành phố yên lặng, bị vùi dưới mùa đông, người ta chỉ nghe thấy tiếng sột soạt mơ hồ, chập chờn, không có tên để gọi, của tuyết rơi; nó là một cảm giác hơn là tiếng động, nó là sự xen trộn của những vật rất nhỏ và nhẹ đầy cả không trung, khắp cả mặt đất.

Người đàn ông mang cây đèn hiện ra, tay cầm đầu dây kéo một con ngựa; con vật buồn rầu miễn cưỡng bước. Người đó ghì con ngựa ở sát càng xe, cột lại, loay hoay một lúc lâu ở chung quanh để thẳng cho được chắc, vì một tay mắc cầm đèn rồi, chỉ có một tay là rảnh. Khi người đó quay lại kiểm con ngựa thứ nhì thì nhận thấy rằng hành khách đứng im, tuyết đầy người, bèn bảo: "Tại sao không lên xe mà ngồi, ít nhất cũng khỏi phải hứng tuyết."

Có lẽ họ không hề nghĩ tới, nay có người nhắc, họ mới ulla lên xe. Ba người đàn ông để cho vợ ngồi trong cũi rồi leo lên theo; những bóng mờ mờ húp húp khác lảng lảng lên chiếm những chỗ còn lại.

Sàn xe phủ đầy rơm, chân họ lún xuống. Những bà ngồi ở trong có đem theo lồng ấp nhỏ bằng đồng, đốt thứ than hóa học lên rồi thì thầm kể những tiện lợi của thứ lồng ấp đó cho nhau nghe, lặp lại những điều mà ai nấy biết thừa rồi.

Sau cùng xe đã thắng xong sáu con ngựa chứ không phải bốn, vì phải kéo nặng. Một tiếng ở ngoài hỏi vô: “Mọi người lên xe cả rồi chứ?” Có tiếng ở trong đáp: “Rồi”. Thế là khởi hành.

*

Xe tiến chậm, chậm quá, từng bước một. Bánh xe lún xuống tuyết; thùng xe rắc rắc, rên rĩ; ngựa trượt chân thỏ phì phì; và chiếc roi lớn của người đánh xe, kêu đôm đốp hoài, bay tứ phía, cuốn lại rồi bung ra như một con rắn tong teo, thỉnh thoảng quất vào một cái mông ngựa tròn, làm cho con vật phải lấy gân mà gắng sức.

Ánh sáng lên lần lần mà không hay. Tuyết không đổ nữa. Một hành khách, dân Rouen chính cống, so sánh tuyết đổ với một trận mưa bông gòn. Một ánh sáng đục lợc qua những đám mây lớn, đen và nặng, làm cho cảnh đồng quê trắng xóa càng thêm phần rục rở; đây đó hiện lên một hàng cây lớn đóng giá hoặc một mái nhà tranh phủ tuyết.

Trong ánh sáng ảm đạm của bình minh, hành khách trên xe nhìn nhau.

Ở trong cùng, chiếm những chỗ tốt nhất, vợ chồng Loiseau, buôn rượu ở đường Grand-Pont, đương thiêm thiếp ngủ.

Trước kia làm tài phú cho một nhà buôn, nhà buôn này phá sản, Loiseau mua lại cửa tiệm mà làm giàu. Hắn bán rất rẻ những thứ rượu rất tồi cho các tiệm bán lẻ ở nhà quê và trong giới quen biết thân hay sơ, người ta đều coi hắn là một tên bợm quỷ quyết, một dân Normand chính cống, mưu mô, vui tính.

Hắn nổi danh xoáy đến nỗi một buổi tối nọ ở quận, ông Tournel, một nhà đặt ngụ ngôn và về có giọng cay độc và tế nhị, được nhiều người trong miền biết tiếng, khi thấy các bà các cô buồn ngủ cả, mới đề nghị chơi trò “*Loiseau bay*”^[7] rồi danh từ đó bay khắp các phòng khách ở quận, lan ra tới tỉnh, làm cho dân trong tỉnh cười sái hàm suốt một tháng trời.

Loiseau còn có tài khôi hài, thanh nhã và tục tĩu, đủ giọng, và nhắc đến tên hắn thì ai cũng phải bảo:

- Thằng cha đó thật tức cười!

Nhỏ con mà bụng tròn như trái banh, mặt đỏ, râu mép lồm đồm hoa râm.

Mụ vợ cao lớn, cương quyết, to tiếng, quyết định mau, trông nom sổ sách tiền nong trong cửa hàng, nhờ mụ mà cửa hàng hoạt động và vui vẻ. Bên cạnh cặp đó, là lão Carré-Lamadon, đàn ông hơn, ở trong một giới sang trọng hơn, được trọng vọng, có địa vị trong nghề buôn bông, làm chủ ba hãng dệt, được thưởng Tứ đẳng Bắc đẩu bội tinh và là nghị viên quận hạt. Trong suốt thời Empir^[8]. Lão cầm đầu phe đối lập có thiên chí, đả kích bằng những khí giới lễ độ - như lão nói - mục đích duy nhất là để cho chính quyền có muốn mua chuộc hắn thì phải trả một giá đắt. Mụ Carré-Lamadon trẻ hơn ông chồng nhiều, là niềm an ủi cho những sĩ quan con nhà sang trọng phải đối diện đến đóng ở Rouen.

Đối diện với chồng, mụ ta nhỏ xíu rất dễ thương, rất xinh xắn, thu hình trong bộ áo cầu, nảo nuột ngó phía trong thảm hại của chiếc xe.

Ngồi bên cạnh mụ là ông bà bá tước Hubert de Bréville một trong số những gia đình quý phái kì cựu nhất ở Normandie. Ông bá tước già, rất sang trọng, tướng mạo vốn đã hơi giống vua Henri IV lại được ông rán tô chuốt cho càng giống hệt. Theo một truyền thuyết về vang cho gia đình ông thì vua Henri IV hồi xưa có làm cho một bà trong giòng Bréville mang bầu rồi ông chồng của bà đó nhờ vậy được phong bá tước, làm thống đốc một tỉnh.

Bá tước Hubert là bạn đồng viên với lão Carré-Lamadon, thay mặt cho đảng Orléan ở trong tỉnh. Tại sao mà ông lại cưới con gái một chủ tàu nhỏ ở Nanter, thì tới bây giờ vẫn là chuyện bí mật. Nhưng bà bá tước có vẻ sang trọng tiếp khách rất khéo, có kẻ đồn rằng bà được một người con của vua Louis-Phillipe^[9] để mắt tới, thành thử tất cả giới quý phái trong miền rất niềm nở với bà mà phòng khách của bà nổi tiếng nhất tỉnh, khó khăn mới được vô cái nơi độc nhất mà người ta còn giữ được thái độ phong nhã thời cổ đó.

Gia tài của gia đình Bréville, gồm toàn bất động sản, theo thiên hạ kháo nhau, lợi tức được

tới năm trăm ngàn đồng mỗi năm.

Sáu người đó, ngồi ở phía trong cùng chiếc xe. Đó là khu của giới có lợi tức, của bọn người lương thiện, có quyền hành, theo tôn giáo và sống có qui tắc.

Do một sự ngẫu nhiên kỳ dị, đàn bà ngồi chung cả một ghế; và bên cạnh bà bá tước có hai bà Phước đương lần tràng hạt lầm rầm tụng *kính Lay cha* và *kính Kính mừng*. Một bà Phước đã già, mặt đỏ như tổ ong. Bà kia rất nhỏ yếu, mặt mũi xinh mà bệnh hoạn, ngực lép như người ho lao bị đức tin tàn phá đục rỗng phổi, thứ đức tin nó tạo nên những kẻ cảm tử vì đạo.

Trước mặt hai bà Phước đó là một người đàn ông và một người đàn bà mà mọi người đều chăm chú ngó. Người đàn ông là Cornudet, biệt danh “dân chủ” mà ai cũng biết hắn là ông ke của hạng tôn tưởng. Từ hai chục năm nay, hắn nhúng bộ râu đỏ và rậm vào những cốc rượu tại khắp tiệm cà phê dân chủ. Hắn cùng với anh em và bạn bè đã ăn hết cái gia sản khá lớn của cha hắn bán mút để lại, và hắn nóng lòng đợi Chính phủ Cộng hòa thành lập để nhận một địa vị xứng đáng cho bỏ cái công hắn uống bao nhiêu là rượu dân chủ rồi. Ngày mừng bốn tháng chín^[10], có lẽ do một trò khôi hài, hắn tưởng được chức chủ quận, nhưng khi hắn tới nhậm chức, thì chỉ có những tùy phái là làm chủ phòng giấy, họ lại không chịu nhìn nhận hắn và hắn đành rút lui. Thực ra thì hắn tốt bụng, không làm hại ai, thích giúp đỡ người khác, hắn tổ chức sự cự địch một cách hăng hái không ai bì. Hắn sai đào hầm trong các cánh đồng, hạ những cây nhỏ trong các khu rừng bên cạnh, đặt bẫy trên khắp các nẻo đường và khi quân thù sắp tới, khoái chỉ về những công trình dự bị của mình, hắn vội vàng rút về châu thành. Bây giờ hắn nghĩ nên lại Havre để giúp ích cho quốc gia được nhiều hơn, vì ở đó sắp có những cuộc phòng bị cần thiết nữa.

Còn người đàn bà, một ả trong bọn gái điếm, cũng nổi tiếng, vì còn trẻ mà đã mập, cho nên người ta gọi ả là *Thùng Nước Lèo*. Nhỏ mà tròn vo, toàn những mỡ, ngón tay húp lên, thắt eo ở những đốt, y như chuỗi dòi ngắn ngắn vậy, da láng bóng, căng thẳng, ngực vĩ đại nhô ra dưới lớp áo; vậy mà coi ả vẫn gợi tình, lắm kẻ đeo đuổi ra phết, vì vẻ tươi tắn của ả làm cho người ta ưa nhìn. Mặt ả như một trái táo đỏ, một nụ mầu đơn hàm tiếu; và trong cái mặt đó, phía trên, dính một cặp mắt đen nhánh, đẹp lạ, thăm thẳm dưới hàng lông mi dài; phía dưới nở một cái miệng có duyên, nhỏ, cặp môi ươn ướt sẵn sàng đón những cái hôn và hàm răng nhỏ nhắn, trắng bóng.

Người ta bảo ả còn có nhiều đức rất quý nữa.

Khi các bà trong giới lương thiện nhận ra được ả, thì tiếng thì thầm lan đi, người ta nói nhỏ với nhau những tiếng “điếm” “nhục nhấ trơ trên”, tuy là thì thầm mà lớn đến nỗi ả phải ngẩng đầu lên. Rồi ả ngó chung quanh, vẻ khiêu khích bạo dạn làm cho mọi người tức thì im bặt, cúi đầu xuống chỉ trừ có Loiseau là liếc ả, lòng phẫn khởi.

Nhưng rồi ba bà lại tiếp tục truyện trò với nhau; có con điếm đó, họ bỗng thấy thân mật với nhau hơn lên. Hình như họ nghĩ rằng trước mặt cái đồ bán tròn vô sỉ đó, hạng có chồng con tử tế như họ phải đoàn kết lại với nhau; vì ái tính hợp pháp bao giờ cũng khinh bỉ thứ ái tình tự do.

Ba ông cũng vậy, thấy Cornudet thì, vì bản năng bảo tồn mà thân nhau hơn, nói chuyện với nhau về tiền nong bằng một giọng khinh khi kẻ nghèo. Bá tước Hubert kể những tai hại do bọn Phổ gây ra, bò thì bị ăn cắp, mùa màng thì mất mát, ông ra vẻ một ông lớn mười lần triệu phú, bị phá phách như vậy mà không hề núng, có cùng lắm là khó chịu trong một năm thôi. Lão Carré-Lamadon, mà kĩ nghệ bông lung lay nhiều, đã gọi sáu trăm ngàn quan qua Anh, cũng như người ta để dành một trái lê phòng lúc khát vậy. Còn Loiseau thì đã thu xếp để bán cho Quân nhu cục của Pháp hết số rượu xấu còn ở trong hầm, thành thử chính phủ thiếu hắn một số tiền vĩ đại mà lần này đi Havre hắn hy vọng sẽ được lãnh.

Cả ba người đều nháy nhau, thân mật. Tuy giai cấp khác nhau mà cũng như anh em với nhau nhờ có đồng tiền cùng ở trong cái giới của bọn người giàu có, bọn người thọc tay vào túi quần lúc lắc những đồng tiền vàng cho kêu lẳng xằng mà nghe.



Xe chạy chậm tới nỗi hồi mười giờ sáng vẫn chưa đi được bốn dặm. Đàn ông phải xuống xe ba lần để leo dốc. Người ta đã bắt đầu lo, vì định ăn cơm ở Tôtes mà cái điệu này thì không mong gì tới đó trước khi tối trời được. Ai nấy đều ngó xem có cái quán nào trên đường không khi xe bị lầy trong một đồng tuyết và phải mất hai giờ mới thoát ra được.

Đói quá, trí óc người ta mù đi, mà không thấy bóng một cái quán tồi, một cái tiệm rượu nào cả, bọn chủ quán, chủ tiệm đã hoảng hốt tạm dẹp nghỉ khi hay tin tụi Phổ và tụi lính Pháp chết đói sắp tới.

Bọn đàn ông chạy vô các trại ở bên đường để mua thức ăn, nhưng đến bánh mì cũng không có, vì dân quê nghỉ ngơi đã giấu hết cả rồi, sợ các ông lính không có gì ăn, thấy có cái gì là cướp cái đó.

Khoảng một giờ chiều Loiseau kêu rằng kiến bò bụng quá rồi. Ai nấy cũng ở trong tình trạng của hắn đã từ lâu, và nhu cầu ăn mỗi lúc một tăng đã làm im bật câu chuyện. Thỉnh thoảng có người ngáp dài, tức thì người khác ngáp theo; mỗi người thay phiên nhau, tùy theo tính tình, cách xử thế và địa vị trong xã hội của mình mà mở miệng ra hoặc kêu rằng rắc hoặc kín đáo yên lặng hơn trong khi đưa vôi bàn tay lên che cái lỗ miệng hoặc cổ hơi thở bay ra.

Thùng Nước Lèo cúi xuống nhiều lần như để kiểm cái gì ở dưới cùng. Á do dự một giây, ngó các người chung quanh rồi lẳng lẽ ngẩng lên. Mặt mọi người xanh xao và nhả nhỏ. Loiseau bảo giá có khúc đùi thịt muối lúc này thì ngàn quan hắn cũng mua liền, Mụ vợ ra dấu như để phản đối, rồi bình tĩnh lại. Hễ nghe nói đến tiêu phí phạm là luôn luôn mụ đau khổ, mụ không hiểu được những lời nói đùa về chuyện đó.

Ông bá tước bảo:

- Tôi thấy khó chịu trong người, tại sao tôi quên không nghĩ tới việc mang theo thức ăn chứ?

Ai cũng tự trách mình như vậy.

Cornudet có một bầu đầy rượu rum; hắn mời mọi người; ai nấy lạnh lùng từ chối. Chỉ có Loiseau chịu uống hai giọt thôi; khi trả bầu, hắn cảm ơn.

Vậy mà cũng đỡ chứ, nóng người lên mà khuây đói được. Nhờ có rượu hắn hóa ra vui tính và đề nghị hành động như bọn người ở trên chiếc tàu nhỏ trong bài hát: là làm thịt hành khách nào mập nhất. Lời nói bóng bẩy về *Thùng Nước Lèo* đó làm chướng tai những người có giáo dục. Không ai đáp; chỉ một mình Cornudet mỉm cười. Hai bà Phước đã ngưng tụng kinh, bàn tay dút sâu vào cổ tay rộng, họ ngồi yên, mắt kiên quyết cuối xuống có lẽ để dằn nỗi khổ mà Chúa bắt họ phải gánh chịu.

Sau cùng, lúc ba giờ chiều, xe qua một cánh đồng mênh mông bất tận, xa xa không thấy làng xóm gì cả, *Thùng Nước Lèo* vội vàng cuối xuống, kéo dưới băng ra một ổ lớn phủ chiếc khăn trắng.

Trước hết ả lấy trong ổ ra một cái đĩa sứ nhỏ, một cái chén đẹp bằng bạc rồi một cái bát sành lớn chứa hai con gà giò đã cắt sẵn từng miếng, ướp trong thịt đông; người ta còn thấy trong ổ nhiều món ngon khác nữa: ba-tê, trái cây, bánh kẹo, đủ cho ba ngày đi đường mà khỏi phải ăn ở các quán trọ. Bốn cổ chai ló ra khỏi các gói thức ăn. ả lấy ra một cánh gà rồi nhỏ nhẹ ăn với một thứ bánh nhỏ mà ở Normandie người ta gọi là bánh "*Nhiếp chính*".

Ai nấy đều trở mắt ngó ả. Rồi mùi thức ăn tỏa khắp, làm cánh mũi phồng lên, nước miếng chảy ra, mà hàm thì đau thắt lại ở phía dưới tai. Lòng khinh bỉ của các bà đối với con điếm đó hóa ra dữ tợn, như là họ muốn giết ả, hoặc liệng ả xuống đường, trong tuyết, liệng cả chén, ổ và các thức ăn theo ả nữa.

Nhưng Loiseau thì hau háu nhìn cái bát sành thịt gà.

Hắn bảo:

- Khéo quá, bà khéo dự phòng hơn chúng tôi. Có những người chu đáo không quên một việc gì cả.

Ả ngẩng lên nói:

- Xin mời ông ... Nhịn từ sáng đến giờ, chịu sao nổi.

Hắn ngả đầu chào:

- Vâng, tôi chịu không nổi nữa, thú thực vậy, bà cho phép thì tôi không từ chối. Gặp hoàn cảnh nào theo hoàn cảnh này, phải không bà?

Rồi liếc xung quanh một lượt, hắn nói thêm:

- Những lúc như lúc này, gặp được người tốt bụng thực quý hóa quá.

Hắn trải một tờ báo ra cho khỏi dơ quần, lấy ra một con dao luôn luôn bỏ theo trong túi, cắm mũi dao vào một đùi gà còn lảng những thịt đông, rồi lấy răng xé, nhai, vể khoan khoái lộ rõ đến nỗi trong xe phát ra tiếng thở dài nào nuốt.

Nhưng *Thùng Nước Lèo* giọng ngọt ngào và khiêm tốn mời hai bà Phước ăn chung với mình. Cả hai bà đều nhận lời liền, lăm bằm ít lời cảm ơn rồi chẳng kịp ngẩng mắt lên nữa, bắt đầu ăn rất nhanh. Cornudet cũng không từ chối lời mời của ả, thế là cả bốn người trải báo lên đùi, làm thành như một cái bàn ăn vậy.

Miệng mở ra, khếp lại liên tiếp, nuốt, nhai, ngốn một cách dữ tợn. Ngồi trong góc, Loiseau làm việc rất hăng, khuyên nhỏ mụ vợ nên bắt chước mình. Mụ chống cự một lúc lâu, rồi sau khi thấy ruột đã thắt lại, mụ chịu thua. Lúc đó người chồng mới vui vẻ hỏi “bà bạn đồng hành nhà nhận của họ” cho phép hắn được tặng vợ một miếng nhỏ không.

Ả mỉm cười chìa cái bát sành ra:

- Dạ được xin ông cứ tự nhiên.

Khi mở chai rượu vang thứ nhất, người ta hơi lúng túng: chỉ có mỗi một cái chén. Đành chùi qua nó đi rồi chuyền tay nhau vậy. Chỉ có Cornudet, có lẽ là muốn lịch sự với ả, đặt môi vào cái chỗ còn ướt môi của ả.

Thấy chung quanh mình người ta ăn uống, mùi thức ăn tỏa ra ngào ngạt, ông bà bá tước De Bréville và ông bà Carré-Lamadon, chịu không nổi các cực hình ghê gớm mà người ta gọi là cực hình Tantale đó[11].

Thình lình người vợ trẻ của nhà công nghiệp thở dài làm cho mọi người quay lại; mụ ta trắng nhợt như tuyết, mắt nhắm lại, đầu cúi xuống; xỉu rồi. Ông chồng hoảng hốt cầu cứu mọi người. Ai nấy luýnh quýnh, chỉ có bà Phước già là đỡ đầu mụ ta lên, dí vào môi chiếc chén bạc của *Thùng Nước Lèo*, cho uống vài giọt rượu. Thiếu phụ kiêu diễm đó cựa cựa, mở mắt ra, mỉm cười, tuyên bố bằng một giọng sắp chết rằng đã thấy dễ chịu lắm. Nhưng để khỏi xỉu một lần nữa, bà Phước buộc mụ uống đầy một ly rượu vang và bảo:

- Tại đói đấy chứ có gì đâu.

Lúc đó *Thùng Nước Lèo* then thò, lúng túng, nhìn bốn hành khách nhìn đói kia, lắp bắp:

- Trời ơi! Tôi đâu dám; nhưng nếu các ông các bà không chê ...

Ả ngưng bật, sợ xúc phạm họ. Loiseau nói vào:

- Khéo khổ lắm! Trong những trường hợp như vậy, đều là anh em với nhau cả, phải giúp đỡ lẫn nhau chứ. Thôi đi các bà, đừng làm khách nữa, nhận đi mà. Đêm nay chắc gì đã có nhà để trú chân. Xe mà chạy cái điệu này thì sợ trưa mai vẫn chưa tới Tôtes.

Người ta còn do dự, không ai dám lãnh cái trách nhiệm “vâng”.

Nhưng ông bá tước giải quyết ngay vấn đề. Ông quay lại nói cô ả mập và then thò nọ, rồi giọng rất quý phái, ông bảo:

- Chúng tôi xin nhận lời, cảm ơn bà.

Chỉ có bước đầu là khó khăn. Đã liều rồi thì người ta cứ phăng phăng tới, gần hết rổ thức ăn. Chỉ còn một cái ba-tê gan, một cái ba-tê sơn ca, một miếng lưỡi hun khói, những trái lê Crassane, một ổ bánh ngọt thơm Pont l'Évêque, những chiếc bánh bông lan, một chén đầy dưa chuột và hành ngâm dấm, vì ả ưa đồ sống như mọi người đàn bà khác.

*

Không lẽ ăn của ả mà không nói chuyện với ả. Cho nên phải chuyện chớ, mới đầu còn giữ kẽ, sau thấy ả biết điều, lễ phép, người ta hóa tự nhiên hơn. Bà De Bréville và cụ Carré-Lamadon, rất lịch thiệp, tỏ vẻ lễ nhượng một cách nhã nhặn. Nhất là bà bá tước có cái thái độ hạ cố dễ thương của những bà rất quý phái mà không có sự tiếp xúc nào có thể làm hoen ố được, rõ ra con người lịch sự. Còn cái cụ cao lớn Loiseau tâm hồn cục cằn, vẫn ương ngạnh, nói thì ít mà ăn thì nhiều.

Tất nhiên người ta nói về chiến tranh. Người ta kể những chuyện kinh khủng của tụi Phổ, những hành động anh hùng của Pháp, và bọn người chạy trốn này đều khâm phục sự can đảm của những người ở lại. Rồi tới những chuyện tự, và *Thùng Nước Lèo* thành thực cảm động – bọn gái điếm khi tả những cơn giận dữ tự nhiên của mình, thường có giọng hăng hái như vậy – kể những nguyên do bắt ả phải rời Rouen:

- Mới đầu em tưởng có thể ở lại được. Nhà có đầy thức ăn. Thà chịu nuôi mấy thằng lính còn hơn là bỏ xứ mà không biết đi đâu. Nhưng khi em thấy tụi Phổ đó thì em chịu không nổi nữa! Chúng làm cho em dóa lên; và em đã tủi nhục khóc suốt ngày. Em mà là thân nam nhi thì phải biết! Đứng ở cửa sổ em ngó chúng và chị ở của em ghì tay em lại cho em khỏi liệng đồ đạc vào đầu vào cổ chúng. Rồi có đứa lại ở nhà em; em nhảy lại bóp cổ đứa thứ nhất. Bóp cổ chúng cũng không khó gì hơn bóp cổ những kẻ khác! Và nếu không có một đứa nắm tóc em kéo lại thì em đã bóp chết thằng đó rồi. Rồi sau em phải trốn đi. Gặp được cơ hội, em thoát thân liền nên mới có ngày hôm nay.

Người ta khen ả lắm. Người ta mến ả, có ai đâu mà gan như ả. Cordunet vừa nghe vừa mỉm cười tán thưởng, đại lượng như một sứ đồ, một linh mục ca tụng Chúa vậy, vì tụi dân chủ râu dài này nắm độc quyền tôn giáo. Rồi tới phiên hấn thuyết bằng một giọng khoa trương học trong những tờ báo dán đầy tường; cuối cùng là một đoạn hùng hồn đả kích kịch liệt “tên bọn Badinguet” [12].

Thùng Nước Lèo tức thì nổi giận vì ả vào phe Bonaparte. Đỏ gay như trái anh đào, ả bất bình, lấp lắp:

- Để các ông lên thay họ đi coi! Có mà loạn! Chính các ông đã phản người ta! Nếu bọn đều giả các ông mà lên cầm quyền thì thiên hạ phải bỏ xứ mà đi.

Cornudet thản nhiên mỉm cười một cách ngạo nghễ, tự cao, nhưng người ta cảm thấy rằng hấn sắp văng tục nếu như ông bá tước không xen vô tuyên bố một cách có uy thế rằng tất cả những ý kiến thành thực nào cũng đáng tôn trọng, và nói mãi ả mới chịu dịu xuống. Bà bá tước và cụ chủ hãng dệt, thuộc bọn người đảng hoàng nên trong thâm tâm vốn ghét Chính thể Cộng hòa mà chẳng cần suy nghĩ gì; vốn ưa như mọi người đàn bà, những Chính phủ lèo lẻo, độc tài, thành thử dù không muốn mà cũng có thiện cảm với cô gái điếm biết tự trọng nọ, vì tình cảm của ả giống với tình cảm của hai bà.

Rổ thức ăn đã nhẵn. Mười người ăn, làm gì mà chẳng hết; người ta tiếc rằng sao rổ không lớn hơn chút nữa. Câu chuyện cũng tiếp tục thêm một lát, nhưng từ khi ăn xong thì chuyện cũng ngưng dần.

Đêm đổ xuống, lần lần hóa tối mò; trong lúc tiêu hóa người ta càng thấy lạnh, và cô ả mập như vậy mà cũng run lên. Bà De Bréville cho ả mượn cái lông ấp mà than đã thay nhiều lần từ sáng, và ả nhận liền vì chân muốn cồng rồi. Cụ Carré-Lamadon và cụ Loiseau đưa lông ấp của mình cho hai bà phước.

Người đánh xe đã tắt đèn. Người ta thấy rõ một đám hơi nước ở trên mông dấm mồ hôi của những con ngựa buộc bên gọng xe; và hai bên đường, tuyết như trái lòn ra dưới ánh sáng phản chiếu di động của các ngọn đèn.

Trong xe tối om, không phân biệt được gì nữa; nhưng thỉnh thoảng giữa *Thùng Nước Lèo* và Cornudet có một cử động; và mắt Loiseau soi bóng, trong bóng tối, thấy Cornudet, né vội ra một bên như bị thoi ngằm một cái mạnh.

Phía trước, ở trên đường đã hiện ra những đốm lửa nhỏ. Sắp tới Tôtes. Xe đã chạy 11 giờ, kể thêm 2 giờ cho ngựa nghỉ ăn lúa bốn lần hết thấy là 13 giờ. Xe vô thị trấn rồi ngừng trước khách sạn Hôtel du Commerce.



Cửa xe mở ra. Một tiếng động quen thuộc làm mọi hành khách giật mình: tiếng bao gươm cà trên mặt đất. Rồi có một tiếng tên Đức la cái gì đó.

Xe đã ngưng hẳn rồi mà không ai xuống như sợ hễ ra khỏi xe là bị giết. Rồi người đánh xe hiện ra tay cầm một cây đèn thỉnh thoảng rơi vào tới phía trong cùng, ánh sáng chiếu trên hai hàng đầu người lơ nhố, ngơ ngác, miệng há hốc, mắt trợn trừng, vừa ngạc nhiên vừa hoảng hốt.

Đứng bên người đánh xe, trong ánh sáng, là một sĩ quan Đức, trẻ mà rất cao, tóc hung hung, bộ quân phục khít người như một thiếu nữ bạn coóc-xê, chiếc nón lưỡi trai đẹp đánh xi bóng láng, chụp nghiêng trên đầu, có vẽ một anh bồi trong khách sạn Anh. Râu mép hẳn dài quá mức, cứng, vuốt nhọn, và đâm ngang ra mỗi bên, ở đầu là một sợi nhỏ xiu, hung hăng, không rõ tới đâu là hết; bộ râu đó như đè nặng ở hai mép, kéo xệch hai bên má ra, làm cho môi có một nếp nhăn hạ xuống.

Hắn nói tiếng Pháp, mời hành khách xuống xe, giọng lơ lớ cứng nhắc:

- *Xuống xe cho, xuống hộc.*

Hai bà Phước tuân lệnh trước nhất, những thánh nữ đó vốn nhu mì, quen mọi sự khuất phục rồi. Rồi tới ông bà bá tước, vợ chồng nhà công nghiệp Loiseau ra sau, đẩy mụ vợ to lớn ra trước. Mới đặt chân xuống đất, vì khôn khéo hơn là vì lễ phép, hắn đã chào ngay "*kính chào ông*". Viên sĩ quan Đức xắc láo như những kẻ có đủ quyền sinh sát, chỉ ngó hắn mà không thèm đáp.

Thùng Nước Lèo và Cornudet mặc dầu là ngồi gần cửa mà bước xuống sau cùng, nghiêm trang ngạo mạn trước mặt kẻ thù. Á rấn tự chủ và bình tĩnh; còn lão "dân chủ" thì bàn tay run run, bi thảm, hành hạ bộ râu dài, hung hung của mình. Họ muốn giữ vẻ đàng hoàng, vì biết rằng trong những cuộc gặp gỡ như vậy, mỗi người lãnh một chút trách nhiệm thay mặt cho xứ sở của mình, cả hai đều bất bình trước thái độ mềm mỏng của những bạn đồng hành, ả thì rần tỏ ra dững cảm hơn những bà đứng bên, những bà trong giới lương thiện; còn lão nọ thì thấy rằng mình phải làm gương cho người, tiếp tục, bằng thái độ, cái sứ mệnh kháng chiến mà lão đã bắt đầu thì hành khi đào phá đường để cản địch.

Người ta vô nhà bếp rộng lớn của lữ quán và viên sĩ quan Đức bảo trình giấy phép của viên tướng tư lệnh, trong đó có ghi tên, tướng mạo và nghề nghiệp của mỗi hành khách hắn ngó mỗi người rất lâu, so sánh xem có đúng với những lời ghi không.

Rồi thỉnh thoảng hắn bảo: "*Tựợc*", rồi biến mất.

*

Lúc đó người ta mới khoan khoái. Lại đói nữa, bảo nấu xúp. Phải nửa giờ mới nấu xong, và trong khi hai người ở gái có vẻ lảng xảng về món xúp thì họ đi coi phòng. Các phòng đều ở trong một hành lang dài, phía cuối có một cái cửa ra vào lắp kính ghi số.

Sau cùng người ta mới ngồi vào bàn ăn thì chủ quán đích thân vô. Trước kia lão buôn ngựa, người mập, bị bệnh suyễn, thở phì phì, khàn tiếng, đờm khò khè trong họng. Ông thân lão truyền cho lão cái tên Follenvie.

Lão hỏi:

- Ai là cô Elisabeth Rousset?

Thùng Nước Lèo giật mình, quay lại:

- Tôi.

- Thừa cô, viên sĩ quan Phổ muốn nói chuyện với cô ngay bây giờ.

- Nói chuyện với tôi?

- Vâng nếu cô phải là cô Elisabeth Rousset.

Ả lo lắng, suy nghĩ một giây, rồi từ chối hẳn:

- Phải, nhưng tôi không đi.

Chung quanh ả có vẻ xôn xao, ai nấy bàn tán, hỏi nhau tại sao có lệnh đó. Ông bá tước lại gần:

- Bà làm rồi, bà từ chối như vậy có thể gây ra những nỗi khó khăn ghê gớm chẳng riêng cho bà mà cho cả những bạn đồng hành của bà nữa. Không nên chống cự lại với những kẻ mạnh hơn mình. Bá cứ đi đi, chắc chắn không có gì nguy hiểm đâu, có lẽ chỉ là còn thiếu một nghi thức nào đó thôi.

Mọi người đều nói vào, người ta năn nỉ ả, hối thúc ả, thuyết giáo ả và sau cùng thuyết phục ả; vì ai nấy đều sợ ả mà bùng nổ thì sinh ra nhiều sự rắc rối. ả bảo :

- Vì các ông các bà mà tôi phải nghe lời đấy!

Bà bá tước nắm tay ả:

- Và chúng tôi cảm ơn bà.

Ả đi ra người ta đợi ả về rồi mới ăn.

Người ta buồn rầu vì tại sao viên sĩ quan Đức không gọi mình mà lại gọi cô ả dữ tợn, nóng nảy đó, và nghĩ thầm nếu tới phiên mình phải gọi thì sẽ trả lời những câu hèn hạ ra sao.

Nhưng độ mười phút, ả trở về, hớn hển, đỏ mặt lên, giận đến nghẹt thở. ả lắp bắp:

- Quân chó má, quân chó má!

Mọi người vội vàng hỏi, nhưng ả làm thinh; vì ông bá tước hỏi gặng quá, ả đáp rất nghiêm trang:

- Không, chuyện đó không liên quan gì tới các ông các bà cả, tôi không thể nói được.

Người ta ngồi chung quanh một liễn xúp cao ngào ngạt mùi thơm hấp cải. Mặc dù có vụ kinh hãi đó, bữa cơm cũng vẫn vui. Rượu tần ngon, cặp Loiseau và hai bà Phước uống thứ đó cho rẻ tiền. Những người khác đòi rượu vang; Cornudet đòi rượu bia. Hắn có một lối đặc biệt để mở nút ve, làm cho rượu xùi bọt lên, rồi cầm nghiêng cái ly mà ngắm, soi lên ánh đèn để ngó kĩ màu rượu. Khi hắn uống, bộ râu dài, một màu với thứ rượu quý của hắn, run run lên như cảm động vì ầu yếm; mắt hắn lác đi không rời ly rượu một chớp, và hắn có vẻ làm tròn cái nhiệm vụ độc nhút, mà trời giao cho hắn đó. Trong đầu hắn, hắn đã hòa hợp, liên kết với nhau hai cái đam mê nó ám ảnh hắn suốt đời: rượu bia và Cách mạng; và nhất định là hắn không thể uống cái này mà không nghĩ cái kia.

Vợ chồng Follenvie ngồi ăn ở cuối bàn. Người chồng thì rên như một cái đầu máy bể, khò khè trong ngực, thành thử không vừa ăn vừa nói được; vợ trái lại không lúc nào ngớt miệng. Vợ kể tất cả những cảm tưởng của vợ khi tị Phổ tới; kể chúng làm cái gì, nói những gì; vợ rất ghét chúng trước hết vì tổn tiền cho vợ, sau nữa vì vợ có hai người con trai trong quân đội. Vợ nói nhiều nhất với bà bá tước, lấy cái việc hầu chuyện một bà quý phái làm vinh hạnh lắm.

Rồi vợ hạ giọng để kể những chuyện khó nói, và người chồng thỉnh thoảng ngắt lời:

- Im miệng đi, vợ Follenvie.

Nhưng vợ chẳng thềm nghe, cứ tiếp tục.

- Thừa bà, tụi nó chỉ ăn khoai và thịt heo, rồi lại thịt heo và khoai. Mà đừng tưởng là chúng

sạch nhé.

- Không đâu! Vô phép bà, chúng bậy bạ ra khắp chỗ. Và nếu bà thấy chúng luyện tập hằng giờ, hằng ngày; chúng nhóm lại trong một cánh đồng; rồi đi tới đi lui, quay bên này, quay bên kia. Nếu chúng cày ruộng hoặc đắp đường ở xứ của chúng thì cũng đỡ! Nhưng thưa bà, không, tụi nhà binh đó không ích lợi gì cho ai cả! Dân chúng phải nuôi họ để họ học cách tàn sát! Tôi chỉ là một người đàn bà thất học, nhưng thấy họ hủy hoại thể chất mà cứ dậm chân từ sáng tới tối như vậy, tôi tự nhủ: Khi có những người phát minh được biết bao nhiêu điều để giúp ích nhân loại, thì tại sao có những kẻ chịu khó nhọc để làm hại người như vậy! Nghĩ mà coi, có gì khả ố bằng cái việc giết người không, dù là giết tụi Phổ hay tụi Anh, tụi Ba Lan, tụi Pháp? Ai làm hại mình mà mình trả thù, thì mình có lỗi và chính phủ xử mình; nhưng khi người ta tận diệt con trai chúng ta như giết bầy thú, giết bằng súng, thì lại tốt vì ai giết được nhiều thì được thưởng huy chương. Thật là tôi không còn hiểu chút gì nữa.

Cornudet lớn tiếng:

- Chiến tranh là dã man khi người ta tấn công một xứ láng giềng yên ổn; nhưng nó là một bốn phận thiêng liêng khi người ta bảo vệ tổ quốc.

Mụ chủ quán cuối đầu xuống:

- Phải, khi tự vệ thì lại khác; nhưng tất cả những ông vua tự ý gây chiến, thì có nên đem giết cả đi không?

Cặp mắt Cornudet bùng lên:

- Hay! Một nữ công dân đáng khen lắm.

Lão Carré-Lamadon suy nghĩ lung. Mặc dù vốn tôn sùng những tượng tá nổi danh, lão thấy mụ nhà quê đó có lương tri, và lão nghĩ: bao nhiêu cánh tay ở không, tổn kém tai hại đó; bao nhiêu sức lực phải nuôi báo cô mà chẳng sản xuất được gì cả đó, nếu đem dùng vào những công trình kĩ nghệ lớn lao cần hằng thế kỉ chưa xong, thì có phải là lợi cho quốc gia biết bao không.

Nhưng Loiseau đã đứng dậy, lại nói thầm với chủ quán. Lão này cười, ho, khạc; bụng bự của lão dội lên dội xuống, khi nghe Loiseau khôi hài, và lão hỏi mua sáu thùng nhỏ rượu vang, giao vào mùa xuân khi nào tụi Phổ đã đi hết.

Mới ăn xong, ai nấy đi ngủ liền vì mệt lử.

Nhưng Loiseau vì đã để ý nhận xét, cho vợ đi nằm rồi, mới đi lại phía cửa lúc thì ghé tai lúc thì ghé mắt vào lỗ khoá để rón tìm ra được cái gì mà hẩn gọi là “bí mật của hành lang”.

Khoảng một giờ sau hẩn nghe có tiếng sột soạt, vội vàng ngó, và thấy *Thùng Nước Lèo* bận cái áo choàng bằng vải xanh viền ren trắng. Ắ cầm một cái giá đèn, tiến về phía cuối hành lang, chỗ có con số lớn. Nhưng ở bên cạnh, một cánh cửa hé mở và vài phút sau, ả trở về thì Cornudet bận quần tuột dải đeo, đi theo ả. Họ nói nhỏ với nhau rồi ngừng lại. Ắ như cương quyết ngăn không cho hẩn vô phòng. Khổ tâm thay, Loiseau nghe không rõ gì cả; nhưng sau cùng họ lớn tiếng, và lão bắt được vài lời. Cornudet hằng hái năn nỉ.

Hẩn bảo:

- Thì có làm sao? Cô điên hả?

Ắ đáp giọng bức tức:

- Không được, ông ơi, có những lúc không làm những chuyện đó được; với lại, ở đây mà làm vậy thì xấu hổ lắm.

Hẩn không hiểu, hỏi tại sao.

Ắ càng tức, lớn tiếng:

- Tại sao ư? Ông không hiểu tại sao ư? Khi có tụi Phổ ở trong nhà, biết đâu chừng, ngay ở phòng bên cạnh?

Hắn làm thình. Hạng dĩ đó mà cũng ái quốc, biết mắc cỡ, có kẻ thù ở bên thì không chịu ân ái. Thái độ đó chắc đã đánh thức cái phong thể suy nhược của hắn, vì sau đó, hắn chỉ ôm ả hôn thê, rồi rón rén về phòng mình.

Loiseau bùng bùng lên, rời lỗ khoá, nhảy nhót trong phòng, hai chân đạp vào nhau, chụp cái nón vải vào đầu, giở tấm “ra” phủ bộ xương cứng ngắt của cụ vợ, hôn cụ, đánh thức cụ dậy hỏi:

- Yêu anh không chừng?

Rồi thì cả nhà hoá tĩnh mịch. Nhưng chẳng bao lâu từ một phía nào đó, không biết là từ hầm rượu hay từ cái trang, phát ra một tiếng ngáy mạnh, độc điệu, đều đều một tiếng ồ ồ và kéo dài, khừ khừ như tiếng nổi súp-de sôi sùng sục vậy.

Lão Follenvie đã ngủ.

*

Vì đã định tám giờ sáng hôm sau khởi hành nên người ta họp nhau ở trong bếp; nhưng chiếc xe – mà cái mui vải đỡ cả một nóc tuyết – đứng trơ trọi giữa sân, không có ngựa, cũng không có người đánh xe. Người ta đi kiểm tên này ở chuồng ngựa, ở chỗ chứa rơm, ở chỗ để xe mà không thấy. Mọi người quyết định đi lòng khắp thị trấn. Họ ra chỗ công trường, mà phía sau là nhà thờ; hai bên là những căn nhà nhỏ có lính Phổ. Người lính thứ nhất họ thấy đương gọt khoai. Người thứ nhì ở xa hơn, đương cọ rửa một tiệm hớt tóc. Một người nữa râu kín tới mắt ôm một đứa nhỏ đương khóc, ru nó ở trên đùi để dỗ nó nín; và những cụ nhà quê to lớn mà chồng ở trong “quân đội chiến đấu” ra dấu cho những kẻ thắng trận ngoan ngoãn đó, bảo làm việc này việc khác: bửa củi, đổ nước nóng lên bánh, xay cà phê: một người lính giặt cả quần áo cho chủ nhà, một bà cụ tàn tật nữa.

Ông bá tước ngạc nhiên hỏi một người phụ nữ ở trong nhà thờ bước ra. Con chuột già của giáo đường này đáp:

- Tụi đó không độc ác đâu; người ta bảo chúng không phải là người Phổ. Chúng ở một xứ nào xa hơn nữa, tôi không biết ở đâu; chúng để vợ con lại ở nhà, chúng đâu có ham chiến tranh. Tôi chắc rằng vợ con chúng ở nhà cũng đương khóc chồng và cha; ở xứ họ cũng như xứ mình, dân chúng thật điều đúng. Ở đây, lúc này, người ta chưa đến nỗi khổ lắm, vì tụi lính đó không làm hại gì ai cả mà chúng cũng làm mọi việc như ở nhà chúng vậy. Thừa ông, cùng nghèo khó với nhau cả thì phải giúp đỡ lẫn nhau chứ... Chỉ các ông cụ mới gây chiến thôi.

Cornudet thấy kẻ thắng và kẻ bại mà lại hoà hợp thân mật với nhau, tỏ vẻ bất bình, rút về quán trọ, không ra đường nữa. Loiseau nói đùa: “Họ sinh sản lại”. Carré-Lamadon nghiêm trang hơn: “Họ sửa sang lại”. Nhưng vẫn không thấy tên đánh xe. Sau cùng người ta tìm thấy hắn trong một quán cà phê, đương thân mật nhậu nhẹt với tên lính thị vệ của viên sĩ quan. Ông bá tước lớn tiếng hỏi:

- Đã ra lệnh cho chú thắng xe hồi tám giờ sáng, chú quên ư?

- Phải, nhưng rồi sau tôi lại nhận được lệnh khác.

- Lệnh ra sao?

- Lệnh không được thắng xe.

- Ai ra lệnh đó cho chú?

- Viên chỉ huy Phổ.

- Tại sao?

- Tôi không biết. Lại mà hỏi ông. Người ta cấm tôi thắng xe và tôi không thắng xe. Đó, có vậy thôi.

- Chính viên sĩ quan bảo chú như vậy?

- Không, chủ quán truyền lệnh xuống cho tôi.

- Bao giờ?

- Tối qua, khi tôi sắp đi ngủ.

Ba người đàn ông trở về, lo ngay ngáy.

Họ muốn gặp chủ quán Follenvie nhưng chỉ ở bảo ông chủ bị bệnh suyễn, bao giờ cũng mười giờ sáng mới dậy. Và ông chủ còn cấm ngặt không được đánh thức trước giờ đó, trừ khi có hoả tai.

Họ lại muốn gặp viên sĩ quan, nhưng vô phương, mặc dù hắn cũng ở trong quán, vì chỉ có Follenvie là được phép gặp hắn về những vấn đề dân sự. Họ đành phải đợi vậy. Phụ nữ về phòng làm những việc lặt vặt hoặc nói chuyện tầm phào. Cornudet ngồi dưới lò sưởi cao, lửa cháy ngùn ngụt ở bếp. Hắn bảo đem xuống cho hắn một cái bàn nhỏ, một chai bia, rồi hắn đốt ống điếu. Ông điếu đó được bọn dân chủ coi trọng ngang với hắn, hình như người ta cho rằng nó đã phụng sự Cornudet tức thì cũng là phụng sự quốc gia.

Nó rất đẹp, bằng đá bọt, sái thuốc đóng đen, đen bằng răng chủ nhân nó, nhưng nó thơm, cong lại, bóng láng, tay hắn cầm quen rồi và có nó thì diện mạo của hắn mới đủ bộ. Hắn ngồi yên, lúc thì ngó ngọn lửa trong lò, lúc thì nhìn bọt rượu bia viền miệng ly; và mỗi lần hớp xong, thì hắn lại khoan khoái lùa những ngón tay dài, gầy vào mớ tóc nhờn của hắn, đồng thời hít những bọt rượu bám ở râu mép.

Loiseau lấy ý rằng ngồi hoài tê chân, nên đi chào khách tại các quán rượu nhỏ ở trong miền. Ông bá tước và lão chủ xưởng dệt nói chuyện chính trị, tiên đoán về tương lai nước Pháp. Một ông thì tin ở giòng họ D'Orléans, một ông thì tin ở một vị cứu quốc còn mai danh nào đó, một vị anh hùng sẽ xuất đầu lộ diện khi nào mọi sự đều thất vọng: một Du Guesclin, một Jeanne D'Arc biết đâu chừng? Hoặc một Nã Phá Luân đệ nhất khác nữa... À! Nếu hoàng tử mà không còn nhỏ như vậy! Cornudet nghe họ, mỉm cười, như người biết rõ vận mạng rồi. Khói thuốc ống điếu của hắn toả ra, thơm cả nhà bếp.

Đồng hồ gõ mười giờ, Follenvie hiện ra. Người ta vội vàng hỏi, thì lão chỉ lặp đi lặp lại lời này hai ba lần mà không thay đổi một tiếng:

- Sĩ quan bảo tôi như vậy: "Ông Follenvie, ông phải cấm người ta ngày mai thắng xe cho những hành khách đó. Không có lệnh của tôi thì họ không được đi. Nghe chưa? Có bấy nhiêu thôi".

Rồi người ta muốn gặp mặt sĩ quan. Ông bá tước sai người mang lên cho hắn một tấm thiệp trên đó lão Carré-Lamadon đã ghi thêm tên và tất cả chức tước của mình. Sĩ quan Phổ nhấn rằng ăn cơm trưa xong, nghĩa là khoảng một giờ, hắn sẽ bằng lòng cho hai người đàn ông đó vô nói chuyện.

Các bà ló mặt ra, mặc dầu lo lắng nhưng ăn cũng được vài miếng. *Thùng Nước Lèo* có vẻ đau và bối rối lạ.

Họ vừa uống cà phê xong thì tên lính hầu vô gọi họ. Loiseau nhập bọn với hai người kia; người ta muốn lôi Cornudet đi theo nữa cho thêm phần long trọng nhưng hắn dương dương tuyên bố rằng nhất định không liên lạc gì với tụi Đức. Và hắn lại xuống bếp ngồi dưới lò sưởi, gọi một chai bia nữa.

Ba người đàn ông lên gác, được dẫn vô căn phòng đẹp nhất của quán. Viên sĩ quan nằm dài trên ghế bành, chân gác lên lò sưởi, hút một ống điếu dài bằng sứ, khoác một cái áo mặc ở trong nhà đồ rục mà chắc hắn đã xoáy được trong căn phố bỏ trống của một nhà trọc phú quê mùa nào. Hắn đứng dậy, cũng không chào, không ngó họ. Đúng là thói thô bỉ của tụi quân thắng trận.

Một lúc sau hắn mới hỏi:

- *Các ông muông gì?*

- Ông bá tước đáp:

- Thưa ông chúng tôi muốn khởi hành.

- Không.

- Ông cho phép chúng tôi hỏi lí do gì vậy?

- *Lí do là tôi không muông.*

- Thưa ông, chúng tôi kính cần thưa ông hay rằng vị tướng tư lệnh của ông đã cho phép chúng tôi đi lại Dieppe; và tôi nghĩ rằng chúng tôi không làm cái gì để cho ông phải nghiêm khắc với chúng tôi như vậy?

- *Tui không muông. Có phậi thui. Thui cạc ông ti xuông.*

Cả ba cuối đầu chào rồi rút lui.

Buổi chiều hôm đó thật thảm hại. Không sao hiểu nổi tính tình bất thường của thằng cha Đức này cả; và mọi người đều có những ý nghĩ rất lạ lùng. Người ta họp ở trong bếp, bàn cãi hoài, tưởng tượng những việc khó tin. Hẳn muốn giữ họ làm con tin chẳng – nhưng để làm gì vậy? – Hay là dẫn đi làm tù binh? Hay là bắt cóc họ để đòi một số tiền chuộc rất lớn? Nghĩ tới điều đó, ai nấy kinh hoảng. Người nào giàu nhất lại càng sợ nhất, nghĩ rồi đây phải trút cả từng bao đầy vàng vào tay thằng sảng đá[13] ngạo nghễ đó để chuộc mạng mình. Họ moi óc để tìm kiếm những lời nói dối sao cho xuôi tai, kiếm cách giấu của cải đi, làm bộ nghèo, rất nghèo. Loiseau tháo dây chuyền đồng hồ đeo tay giấu vào túi. Đêm xuống họ càng thêm lo. Đã lên đèn rồi mà còn phải đợi hai giờ nữa mới tới bữa cơm tối, mụ Loiseau đề nghị chơi vài ván bài để tiêu khiển. Mọi người biểu đồng tình. Chính Cornudet cũng lịch sự dúi ống điếu đi, ngồi vào bàn.

Ông bá tước trang bài, chia bài, *Thùng Nước Lèo* ăn ngay ván đầu, rồi ham chơi, người ta quên lo. Nhưng Cornudet thấy rằng cặp Loiseau thông đồng với nhau để ăn gian.

Sắp ăn cơm thì lão Follenvie bước vô, bảo, giọng đặc những đàm:

- Sĩ quan Phổ cho hỏi cô Elisabeth Rousset đã đổi ý chưa?

Thùng Nước Lèo tái mét, đứng yên; rồi thỉnh linh tía tai, ả giận muốn nghệt thở, không thốt được nữa. Sau cùng ả xổ ra:

- Ông lại bảo cái thằng Phổ bọm bãi, dơ dáy, thằng Phổ chó chết đó rằng không khi nào tôi bằng lòng; ông nghe rõ chưa, không khi nào, không khi nào, không khi nào!

Lão chủ quán mập đi ra. Người ta bu lại hỏi ả, năn nỉ ả hé cho biết có điều bí mật gì vậy, thằng Phổ đó gọi ả lên làm gì vậy. Mới đầu ả không chịu nói, sau giận quá, ả la lên:

- Nó muốn cái gì? Nó muốn, nó muốn ngủ với tôi! Mả mẹ nó!

Ai nấy đều rất bất bình nên không thấy chướng tai, Cornudet dấn mạnh cái ly lên bàn, làm bể ly. Tiếng bể đó là tiếng mạt sát quân sảng đá thô bỉ, dè tiện kia, là một luồng phẫn nộ, một sự đoàn kết để đề kháng, để kêu gọi mỗi người hy sinh một chút cho ả. Ông bá tước vẽ ghê tởm tuyên bố rằng tui đó cư xử y như bọn dã man thời ăn lông ở lỗ. Nhất là các bà, đối với *Thùng Nước Lèo*, có thái độ thương hại cương quyết mà âu yếm. Hai bà Phước tới bữa cơm mới ló ra, cuối xuống không nói gì cả.

Khi cơm giận đã nguôi, người ta mới ngồi ăn, nhưng nói ít: ai nấy nghĩ ngợi liên miên.

Các bà về phòng sớm; còn các ông vừa hút thuốc vừa đánh bài các-tê, người ta mời lão Follenvie chơi, để khéo léo hỏi lão xem có cách nào thắng sự kháng cự của tên Phổ đó không. Nhưng lão chỉ nghĩ đến ván bài, chẳng nghe gì cả, cũng chẳng đáp gì cả; luôn luôn nhắc:

- Chơi đi chứ, mời các cụ.

Lão chú ý tới nỗi quên cả khạc, thành thử có tiếng kéo nhị[14] trong ngực lão. Phổi lão khô khè đủ điệu của bệnh suyễn từ những âm trầm, đục cho tới những âm ồ ồ mà cao như tiếng gà trống mới tập gáy.

Khi mụ vợ buồn ngủ quá rồi lại nhắc lão, lão cũng không chịu bỏ cuộc. Rồi mụ phải lên lầu một mình, vì mụ là con người “ban mai”, hể mặt trời mọc thì thức dậy; còn lão là con người “ban đêm”, luôn luôn sẵn sàng thức thâu canh với bạn bè. Lão lớn tiếng nói với theo: “Để ly

lòng đỏ trứng với nước đường[15] ở gần lửa cho tôi nhé”. Khi người ta thấy không gọi được của hắn một chút gì cả, người ta tuyên bố tới giờ đi ngủ và ai về phòng nấy.



Hôm sau người ta dậy sớm, hy vọng một cái gì và nóng đi hơn hôm trước nữa, nghĩ tới nông nỗi phải ở lại thêm một ngày trong cái quán nhỏ ghê tởm này mà phát sợ.

Nhưng hỡi ơi! Ngựa vẫn ở chuồng, mà tên đánh xe thì mất dạng. Không làm gì, người ta dạo chung quanh cỗ xe. Bữa cơm trưa mới tẻ làm sao! Người ta như có vẻ lạnh lùng với *Thùng Nước Lèo*. Vì sau một đêm suy nghĩ sự phán đoán của người ta đã hơi thay đổi. Bây giờ đây, người ta gần như oán con điếm đó sao đêm trước không lén lút lại kiểm thẳng Phổ đi, như vậy có phải là các bạn đồng hành, khi bừng mắt dậy được ngạc nhiên một cách thú vị không. Giản dị quá đi! Mà ai biết đâu đấy? Ắ hẳn với tên Phổ đó là ắ thương tình những bạn đồng hành mà nhận lời, thế là vẫn giữ được thể diện cho ắ. Đối với ắ, quan trọng gì cái thứ đó!

Nhưng không ai dám thú những ý nghĩ đó ra.

Buổi chiều, buồn đến chết đi, ông bá tước đề nghị đi dạo chung quanh. Ai nấy bận áo cho thật ấm rồi cả bọn đi ra trừ Cornudet – lão thích ngồi sưởi hơn – và hai bà Phước vì hai bà suốt ngày không ở nhà thờ thì lại nhà Cha sở.

Mỗi ngày mỗi thêm lạnh, lạnh buốt mũi và tai, chân đau quá, hễ bước một bước thì thấy nhức nhối; khi ra tới cánh đồng, nhìn cảnh mênh mông trắng toát ảm đạm ghê gớm, mọi người vội trở về ngay, tâm hồn cồng lại, lòng thắc lại.

Bốn bà đi trước, ba ông đi sau, cách xa xa một chút.

Loiseau hiểu rõ tình trạng, thỉnh linh hỏi không biết cái “con điếm đó” bắt họ phải ở lại cái xó xỉnh này bao lâu nữa. Ông bá tước luôn luôn nhã nhặn, bảo không thể buộc một người đàn bà hy sinh một cách khổ tâm như vậy được; bà ta muốn hay không là tùy ý. Lão Carré-Lamadon nói rằng nếu quân Pháp quay trở lại tấn công theo con đường Dieppe, vì có tin đồn như vậy, thì hai bên chắc sẽ gặp nhau ở Tôtes, không sai được. Ý đó làm cho hai ông kia lo lắng.

Loiseau bảo:

- Hay là đi bộ mà trốn.

Ông bá tước nhún vai:

- Trốn làm sao được? Tuyệt như vậy? Lại thêm bận bịu các bà nữa. Vả lại thế nào chúng cũng đuổi theo, chỉ nửa phút là tóm lại được, dẫn về làm tù binh, tụi lính Đức tha hồ mà hành hạ.

Đúng; ai nấy làm thinh.

Các bà nói chuyện về y phục; nhưng có chút gượng gạo, cơ hồ họ không đoàn kết với nhau nữa.

Thỉnh linh ở đầu đường viên sĩ quan Đức xuất hiện. Thân hình cao lớn, thắt eo trong bộ quân phục, nổi bật lên nền tuyết ở chân trời; hắn đi, đầu gối dang ra, đúng cái đặc biệt của bọn quân nhân muốn giữ cho đôi giày đánh bóng khỏi bị dơ.

Khi hắn gần tới các bà, hắn cúi đầu chào, còn bọn đàn ông thì hắn chỉ khinh bỉ ngó, bọn này cũng giữ thể diện, không thềm ngã nón, mặc dầu Loiseau hơi đưa tay lên nón muốn chào.

Thùng Nước Lèo đỏ mặt tía tai, còn ba bà kia, thấy nhục quá: để cho thằng sảng đá đó bắt gặp khi đi chung với con điếm mà nó đe đối xử một cách suồng sã tới mức đó!

Rồi người ta bàn tán với nhau về hắn, về dáng điệu, vẻ mặt của hắn. Mụ Carré-Lamadon đã quen nhiều sĩ quan, sành sỏi lắm, bảo thằng tướng đó coi cũng được đấy; mụ tiếc rằng hắn là người Đức chứ nếu là người Pháp thì mặc đồ khinh kỵ binh vào, hắn sẽ bảnh trai ra phết và không thiếu gì phụ nữ mê hắn.

Về quán rồi, họ không biết làm gì. Họ sinh ra chua chát với nhau vì những chuyện chẳng

nghĩa lý gì cả. Bữa cơm tối lặng lẽ; họ ăn vội rồi về phòng, hy vọng ngủ được để hết thì giờ.

*

Sáng hôm sau họ dậy, mặt mũi bơ phờ, lòng bức tức. Các bà gần như không nói năng gì với *Thùng Nước Lèo*.

Có tiếng chuông nhà thờ làm lễ rửa tội. Ấy có một đứa con gởi một gia đình nông dân ở Yvetot nuôi giùm. Mỗi năm chỉ gặp con có một một lần mà cũng chẳng bao giờ nhớ tới nó; nhưng bây giờ nghĩ tới đứa nhỏ sắp được rửa tội kia, thành linh ả thấy yêu mến đứa con của ả quá chừng và nhất định đi dự lễ.

Ấy vừa đi ra là mọi người ngó nhau, kéo xích ghế lại nhau, vì người ta cảm thấy rằng thế nào cũng phải quyết định một cái gì. Loiseau nảy ra một ý: đề nghị với sĩ quan Đức giữ một mình *Thùng Nước Lèo* lại thôi, còn những người khác thì cho đi.

Lại nhờ chủ quán nói giùm, nhưng chủ quán vừa mới lên đã xuống liền. Tên Đức đó hiểu bản tính con người lắm, đuổi lão đi. Hắn định giữ cả bọn lại cho tới khi nào ý muốn của hắn được thoả mãn mới thôi.

Lúc đó, cái bản chất thô lỗ đề tiên của mẹ Loiseau mới bộc lộ:

- Chúng ta chịu chết già ở đây à? Cái nghề của nó, của cái con điểm ấy, là làm cái việc đó với bất kì thằng đàn ông nào, thì tôi tưởng nó không có quyền từ chối thằng này mà ưng thằng khác. Tôi hỏi các bà nè, ở Rouen nó gặp thằng nào nó cũng ngủ với thằng đó, cả với những thằng đánh xe. Vâng thưa bà, cả với thằng đánh xe ở quận! Tôi biết rõ vì thằng đó mua rượu ở tiệm tôi mà. Và bây giờ đây, lúc chúng ta gặp bí, nó có thể giúp chúng mình được thì nó lại ổng eo, cái thứ dĩ thập thành ấy!... Tôi thấy ông sĩ quan ấy cư xử đàng hoàng lắm. Có lẽ ông ta phải nhìn từ lâu; bọn ba chúng ta đây, chắc ông ta thêm lắm chứ. Nhưng không, ông ta chỉ đòi cái thứ của trăm thằng kia thôi, còn những đàn bà có chồng thì ông ta biết kính trọng. Thử nghĩ coi, ông ta làm chủ mà. Chỉ cần bảo: "*Tôi muốn*" là ông ta và lính ông ta có thể bắt ép chúng ta cả rồi.

Hai bà kia hơi rùng mình. Cặp mắt của bà Carré-Lamadon sáng lên càng tăng vẻ đẹp của bà, và mặt bà hơi lợt, tưởng chừng như đã bị viên sĩ quan cưỡng ép rồi vậy.

Bọn đàn ông bàn bạc ở xa xa, lúc đó lại gần. Loiseau nổi quau, muốn cột tay cột chân cái con "khốn nạn" đó mà đem dưng cho kẻ thù. Nhưng ông bá tước tổ tiên ba đời, đã làm sứ thần, mà cử chỉ ngôn ngữ ra con nhà ngoại giao lắm, nghĩ nên khôn khéo thì hơn. Ông bảo: "Phải dụ cô ta mới được".

Thế là người ta âm mưu với nhau.

Bọn đàn bà ngồi sát lại nhau, người ta nói nhỏ nhỏ, người ta cùng bàn bạc, mỗi người đưa một ý kiến. Đàng hoàng lắm. Nhất là các bà kiếm được những lời thanh nhã, những tiếng tế nhị rất hay để nói về những cái tục tũn nhất. Họ giữ gìn lời nói nên một người lạ có nghe cũng không hiểu được. Nhưng sự e lệ của hạng người đàn bà sang trọng chỉ là một lớp mỏng phủ bên ngoài thôi, họ hoan hỉ nghe những chuyện dâm ô, thâm tâm thích mê đi, như cá gặp nước vậy, vầy vọc ái tình một cách khoái lạc như một tên đầu bếp tham ăn nấu nướng cho mọi người vậy.

Thế là họ vui vẻ trở lại câu chuyện, vì họ thấy nó ngộ quá đi. Ông bá tước nói đùa vài câu hơi bạo, nhưng ông ta khéo nói thành thử người ta chỉ mỉm cười thôi. Tới phiên Loiseau cũng chêm vài câu tục tũn hơn, nhưng không ai ngượng cả; và mọi người đều nghĩ về cái ý mà mẹ Loiseau đã nói toạc ra: "Đã là cái nghề của nó, của cái con điểm đó, thì tại sao nó lại từ chối thằng này mà ưng thằng khác?" Mẹ Carré-Lamadon, con người dễ thương, hình như còn nghĩ rằng ở vào địa vị mẹ thì mẹ thấy thằng đó còn đáng ưng hơn thằng khác.

Người ta dự bị cẩn thận cuộc phong toả như để bao vây một cái đồn vậy. Mọi người đồng ý về nhiệm vụ của mình, về những lý lẽ mình sẽ đem ra chống đỡ, những hành động mình phải làm. Người ta định kế hoạch tấn công, định mưu mô, cách đột kích ra sao, để bắt cái thành trì sống đó phải tiếp kẻ thù tại chỗ.

Cornudet đứng ở xa, hoàn toàn không liên quan gì đến vụ đó.

Mọi người chăm chú đến nỗi không nghe thấy tiếng *Thùng Nước Lèo* trở về.

Ông bá tước “suyt” nhẹ, họ ngẩng cả lên. Á đã đứng đó rồi. Thành linh người ta yên lặng, hơi lúng túng, không hỏi gì ả cả. Bà bá tước quen phép xã giao hời hợt bề ngoài lên tiếng:

- Cui lễ rửa tội có vui không?

Ả còn cảm động, kể lại hết, từ nét mặt tới cử chỉ, đến cả cái vẻ của nhà thờ nữa.

- Thỉnh thoảng cầu kinh, thấy nhẹ người lắm.

Nhưng cho tới bữa tối, người ta mới bắt đầu vào đề. Mới đầu là nói chuyện băng quơ về đức tận tâm vị tha, người ta kể những gương cổ nhân: Judith và Holopherne[16], rồi chẳng có lý do gì cả, nhảy qua Lucrèce với Sextus[17], rồi Cléopâtre[18] ăn nằm với tất cả các tướng soái thù địch của nàng, làm cho họ thành nô lệ nàng hết. Rồi họ kể buống một chuyện do những đầu óc triệu phú ngu dốt của họ tưởng tượng ra, kể rằng đàn bà La Mã lại Capoue quyến rũ Annibal[19], bọn sĩ quan và những đội dũng binh của ông. Người ta kể tên tất cả những người đàn bà đã ngăn được quân xâm lăng, đem thân mình làm bãi chiến trường, một phương tiện để thống trị, một khí giới và tên những phụ nữ đã dùng những cái vuốt ve anh dũng của mình để thắng những kẻ thù ghê tởm, mà hy sinh trinh tiết của mình cho sự tận tâm, sự trả oán.

Người ta còn nói bóng bẩy về một phụ nữ Anh nọ, con nhà rất sang trọng chịu tiêm vào người một thứ bệnh truyền nhiễm ghê gớm để đỡ bệnh cho Bonaparte, nhưng Trời xui khiến làm sao, đến giờ hẹn hò nguy hiểm đó, Bonaparte bỗng một không tới được nên thoát chết.

Người ta kể tất cả những chuyện đó bằng một giọng nghiêm trang, ôn tồn, thỉnh thoảng mới cố tình tỏ ra hăng hái để kích thích sự ganh đua.

Cứ nghe họ thì người ta có thể tin rằng chức vụ duy nhất của đàn bà ở cỏi trần này là luôn luôn hy sinh, phó thác liên tục tấm thân cho cái động cốn của tội sẵn đã.

Hai bà Phước hiền hậu cơ hồ như không nghe gì cả, dăm dăm chiêu chiêu, còn *Thùng Nước Lèo* thì làm thỉnh.

Cả buổi chiều hôm đó người ta để cho ả suy nghĩ. Nhưng đáng lẽ gọi ả là “bà” như trước thì người ta chỉ gọi là “cô” thôi, không ai hiểu tại sao; có vẻ như người ta muốn hạ ả xuống một bậc trên một cái thang danh dự mà ả đã leo được, để cho ả thấy địa vị xấu hổ của mình.

Lúc dọn món canh, lão Follenvie lại vô, lặp lại câu hôm trước:

- Sĩ quan Đức cho hỏi cô Elisabeth Rousset đã đổi ý kiến chưa?

Ả đáp cụt ngắn:

- Không.

Bữa cơm tối đó, cuộc đồng minh đã suy yếu. Loiseau lỡ lời mất ba câu. Mọi người dăm hông để tìm những thí dụ mới nhưng không ra, thì bà bá tước, có lẽ không suy nghĩ trước, mơ hồ thấy cần phải ca tụng Tôn giáo, bèn hỏi bà Phước lớn tuổi nhất về sự nghiệp các vị Thánh. Nhiều ông Thánh có những hành động mà chúng ta cho là tội lỗi; nhưng Giáo đường dễ dàng xoá cho hết, khi những hành động đó có mục đích làm vẻ vang cho Chúa, hay làm phúc cho người khác. Lý đó mạnh đấy; bà bá tước lợi dụng liền. Rồi, hoặc là do một sự đồng tình ngầm ngầm, một sự chiều lòng che đậy mà những kẻ bán áo tu hành thường tỏ ra rất xuất sắc; hoặc là do dần dần một cách may mắn, ngu xuẩn mà lại giúp được người, bà Phước già ủng hộ được cuộc âm mưu đó rất nhiều. Người ta tưởng bà e lệ, thì bà tỏ bạo dạn, nói nhiều, hăng hái. Bà không lúng lúng quýnh mà dò dẫm, quỷ biện; thuyết của bà danh thép; đức tin của bà không do dự; lương tâm của bà không ngần ngại. Bà cho sự hy sinh của Abraham[20] là tự nhiên, vì nếu có lệnh trên ban xuống thì bà sẽ giết cha và mẹ tức thì; và theo ý bà, không có gì mà không đẹp lòng Chúa miễn là ý chí đáng khen. Bà bá tước lợi dụng ngay uy quyền thiêng liêng của kẻ đồng loã bất ngờ đó, hỏi bà câu này có ý như mong bà chú giải định lí luân lí: “Mục đích biện hộ cho phương tiện” mà khuyến thiện người nghe!

- Vậy thưa bà, theo ý Chúa cho rằng con đường nào cũng tốt, và Chúa sẽ tha thứ hành động nếu lý do trong sạch?

- Thưa bà, còn gì nghi ngờ điều đó nữa? Một hành động tự nó xấu xa, thường khi hoá ra đáng khen nếu khi làm, người ta nghĩ đến một mục đích cao cả.

Và họ tiếp tục như vậy, khám phá ra những ý chí của Chúa, đoán trước những quyết định của Người, buộc Người lưu tâm tới những việc mà thực ra chẳng liên can gì tới Người cả.

Tất cả những lời đó đều che đậy, khôn khéo, kín đáo. Nhưng mỗi lời của thánh nữ đội mũ vải kia làm thủng một lỗ lớn trong sự chống cự, sự bất bình của ả giang hồ. Rồi câu chuyện đổi chiều một chút, người đàn bà đeo tràng hạt thong thong đó nói về những giáo đường của thánh hội của mình, về nữ viện trưởng của mình, về bản thân mình, về bà bạn dễ thương ngồi gần mình, tức bà Phước thân ái Saint-Nicephore. Người ta mời hai bà lại Havre để săn sóc hàng trăm binh lính bị đau mùa trong các nhà thương. Bà tả những bệnh nhân thống khổ đó, kể những chi tiết về bệnh của họ. Và trong khi hai bà mắc kẹt ở giữa đường vì tư ý của tên Phổ này thì một số đông người Pháp thiếu sự săn sóc của hai bà mà có thể chết được. Bà chuyên môn săn sóc quân nhân; bà đã qua Crimée, qua Ý, qua Áo; và nghe bà ta tả những trận bà đã dự, người ta bỗng thấy rằng bà là một vị nữ tu hành có chiêm có trống, trời sinh để theo bộ đội, lượm những lính bị thương trong sự hỗn loạn của chiến tranh, và còn hơn một chủ soái nữa, bà chỉ nói một tiếng là bọn lính vô kỷ luật vào phép hết, đúng là một bà *Phước Thùng thùng thình thình* rất tốt, mà mặt rỗ chẳng chịt y như một khu đất bị bom đạn tàn phá vậy.

Bà nói xong, không ai nói thêm nữa, kết quả có vẻ tốt quá rồi.

Ăn cơm xong người ta về phòng ngay.

*

Sáng hôm sau, đợi trễ trễ một chút người ta mới xuống phòng khách.

Bữa cơm trưa yên lặng. Để cho hạt giống gieo hôm trước có thì giờ đâm mầm rồi ra trái chứ.

Bà bá tước đề nghị buổi chiều đi dạo một lúc; và ông bá tước khoát tay *Thùng Nước Lèo*, đi chậm lại phía sau, như đã định trước.

Ông nói với ả bằng một giọng thân mật, như cha nói với con, nhưng hơi khinh khỉnh một chút, giọng mà bọn người nghiêm trang thường dùng với hạng gái điếm. Từ địa vị cao trên thang xã hội, từ sự tôn kính không ai chối cãi được, ông ngó xuống, gọi ả là “cháu ả”. Ông vô thảng ngay đề:

- Vậy ra cháu muốn để các bà ở lại đây, chịu chung với cháu tất cả những sự tàn nhẫn nó sẽ xảy ra sau khi quân Phổ thua trận ư? Sao cháu không chịu chiều lòng một chút như cháu vẫn thường làm trong đời cháu đấy?

Ả làm thình.

Ông ta ngọt ngào, lý luận, đập vào tình cảm. Vẫn giữ được cái thái độ “ông bá tước” mặc dầu là nếu cần, cũng biết tỏ ra nịnh đầm, khéo khen, nhã nhặn; ông tán tụng công ả đối với mọi người, mọi người sẽ mang ơn ả lắm; rồi đột nhiên ông gọi ả bằng em:

- Nay em, hẳn có thể khoe rằng đã được hưởng một bông hoa đẹp mà ở quê hương hẳn không dễ gì tìm ra được.

Ả vẫn làm thình, tiến lên kịp bọn đi trước. Về tới quán, ả vào phòng riêng liền, không trở ra nữa. Lo lắng cực độ. Không biết ả sẽ làm gì đây? Nếu ả mà vẫn ương ngạnh thì thật là rắc rối!

Tới giờ ăn cơm tối; đợi ả mà ả không ra. Lão Follenvie vô, bảo rằng cô Rousset khó ở và xin đừng đợi cô nữa. Mọi người vểnh tai mà nghe. Ông bá tước lại gần chủ quán:

- Xong rồi chứ?

- Vâng.

Vì lịch sự, ông không nói gì với các bạn đồng hành cả, chỉ gật đầu ra dấu thôi. Tức thì mọi bộ ngực thở phào ra một cách nhẹ nhàng, vẻ hoan hỉ hiện trên các bộ mặt. Loiseau la lớn:

- Trời đất quý thần ơi! Nếu quán này có sấm banh thì tôi đãi bà con một chầu liền.

Mụ Loiseau lo ngay ngáy khi thấy chủ quán trở vô với chai rượu. Bỗng người ta hoá ra ồn ào, để thổ lộ tâm can; lòng đầy một nỗi vui phóng đảng. Ông bá tước hình như nhận thấy rằng mụ Carré-Lamadon có duyên dáng để, ông chủ hăng dật khen sắc đẹp của bà bá tước. Câu chuyện ồn ào, vui vẻ; nhiều câu hóm hỉnh lạ.

Thình lình Loiseau nét mặt lo lắng, đưa tay lên, la:

- Im!

Mọi người nín thình, ngạc nhiên, đã gần đâm hoảng. Rồi hần ngóng tai, đưa cả hai tay ra, làm dấu “suyt”, ngược mắt lên trần, lại nghe ngóng, sau cùng giọng tự nhiên, bảo:

- Chư vị cứ yên tâm, mọi sự như ý.

Mới đầu không ai hiểu là nghĩa gì, nhưng rồi mọi người mỉm cười.

Độ mười lăm phút sau, hần lại làm trò hề đó, như vậy mấy lần trong buổi tối: hần làm bộ như gọi ai ở tầng trên, dặn dò người đó những câu bóng bảy mà hần quen dùng trong nghề chào hàng của hần. Lúc đó hần làm bộ buồn rầu, thở dài: “Tôi nghiệp cô ả”; hoặc nổi doạ lên cầu nhàu: “Thằng Phổ mặt kiếp!”. Đôi khi, đúng cái lúc không ai nghĩ tới nữa thì giọng vang lên, hần la mấy tiếng liền: “Thôi! Thôi!” rồi thêm, như tự nói với mình: “Miễn là mai còn thấy mặt ả: đừng làm chết con người ta, thằng khốn nạn!”.

Những lời pha trò ấy tuy điều giả, mà chẳng làm ai phật ý cả, người ta còn thấy thú vị nữa, vì sự bất bình cũng tùy thuộc hoàn cảnh như mọi cái khác mà cái không khí tạo ra ở chung quanh họ đã đầy những tư tưởng tục tĩu rồi.

Tới lúc ăn tráng miệng, chính các bà cũng có những lời bóng bảy hóm hỉnh, kín đáo. Mắt sáng lên vì người ta uống rượu đã nhiều. Ông bá tước, cả những lúc phóng túng vẫn giữ được vẻ nghiêm trang, kể cả, nảy ra một ý hay, so sánh cảnh của họ lúc đó với hồi cuối đông ở bắc cực, và nỗi vui của họ không khác gì nỗi vui của bọn đắm tàu mà thấy được con đường về phương nam.

Loiseau hăng lên, đứng dậy tay cầm ly sấm banh:

- Tôi xin cạn ly để mừng sự giải thoát của chúng mình.

Mọi người đều đứng lên; hoan hô hần. Cả hai bà Phước nữa, nể lời mời mọc của các bà kia, cũng bằng lòng nhúng môi vào ly sấm banh mà từ hồi cha sinh mẹ đẻ chưa hề được nếm. Các bà ấy bảo rằng giống nước chanh có bọt, nhưng mà ngon hơn.

Loiseau tóm tắt lại tình hình:

- Không có chiếc pianô ở đây, để mình phổ một khúc chơi nhỉ.

Cornudet không thốt một lời, không có một cử động, có vẻ đăm đăm suy nghĩ những vấn đề rất nghiêm trang, và thỉnh thoảng giần dử kéo bộ râu dài của hần như muốn cho nó dài thêm ra. Sau cùng, khoảng nửa đêm, lúc sắp chia tay, Loiseau lão đảo, thình lình vỗ vào bụng hần, lúng búng hỏi:

- Tối nay bác không vui à? Không nói gì hết, sao vậy, công dân?

Cornudet ngẩng ngay đầu lên, liếc mọi người một lượt, mắt long lanh, dữ tợn:

- Tôi bảo cho hết thảy mọi người nghe này, các người mới làm một việc ô nhục!

Hần đứng dậy, ra cửa, lặp lại một lần nữa: “Ô nhục!” rồi biến mất.

Mới đầu họ như bị xối nước lạnh, Loiseau chưng hửng, đứng ngây ra, nhưng rồi hần định thần lại được, thình lình ôm bụng mà cười, bảo:

- Nho xanh quá, bồ ơi, xanh quá[21].

Vì không ai hiểu gì cả, hần mới kể những “bí mật trong hành lang” cho nghe. Thế là cả bọn lại nhao nhao lên dữ dội. Các bà vui hoá điên. Ông bá tước và lão Carré-Lamadon cười đến chảy

nước mắt. Làm sao mà tin được?

- Sao! Chắc chắn không? Hẳn muốn...
- Tôi đã bảo rằng tôi thấy tận mắt mà.
- Và ả đã từ chối...
- Vì thằng Phổ đó ở phòng bên cạnh.
- Có lẽ nào?
- Tôi thề với ông.

Ông bá tước cười ngất, nhà kĩ nghệ thì hai tay ôm bụng. Loiseau tiếp tục:

- Các ông hiểu chứ, tối nay, hẳn oán cô ả lắm, oán lắm.

Rồi cả ba lại cười, cười đến hết hơi, đến mệt đừ.

Tối đó người ta chia tay nhau. Nhưng mẹ Loiseau, bẩm tính hay châm chọc, khi lên giường nằm, bảo chồng rằng cái con ranh Carré-Lamadon cay nghiệt đó, cả buổi tối vừa cười và vừa bực tức.

- Mình biết không, bọn đàn bà, khi đã say mê tui quân nhân thì họ bất chấp, là Pháp hay là Phổ, được tuốt. Có đáng thương tâm không, hỡi Trời!

Và cả đêm đó, trong cái bóng tối của hành lang, có tiếng chạy qua chạy lại, như run rẩy, để ý lắm mới nhận ra được như những hơi thở rất nhẹ, có tiếng chân rón rén, tiếng rắc rắc rất nhỏ. Và khuya lắm người ta mới ngủ, chắc vậy, vì dưới cánh cửa có những tia sáng lọt ra lâu rồi mới tắt. Rượu sấm banh báo đời như vậy: người ta bảo nó làm cho khó ngủ.



Hôm sau mặt trời mùa đông sáng sủa, tuyết chiếu rục rỡ. Chiếc xe lần này mới thẳng sẵn, đợi trước cửa trong khi một bầy bồ câu trắng, uốn cổ trong bộ lông xù, mắt hồng hồng điểm một chấm đen ở giữa, đứng đỉnh lên lỏi giữa đám chân sáu con ngựa, kiếm ăn trong những đồng phân bốc hơi rải rác trên đất.

Tên đánh xe khoác một chiếc áo da cừu, đương ngồi ở ghế đốt một ống điếu; tất cả các hành khách tươi cười bảo gói mau các thức ăn để dùng khi đi đường.

Chỉ còn đợi *Thùng Nước Lèo*. Sau cùng ả ló ra.

Ả có vẻ hơi bần thần, xấu hổ; rụt rè tiến lại phía các bạn đồng hành; bọn này cùng quay mặt đi một lượt như không thấy ả. Ông bá tước nghiêm trang nắm tay bà vợ kéo xa ra, sợ dây cái đồ dơ dáy đó.

Cô ả đứng lại, ngạc nhiên; rồi gom hết cả can đảm lại, ả chào mẹ chủ hăng dệt, giọng nho nhỏ, kính cẩn: "Kính chào bà". Mẹ gật nhẹ đáp lại một cách vô lễ, rồi lườm ả, như ả đã xúc phạm đến trình tiết của mẹ. Ai nấy ra vẻ lạnh lùng, và người ta đứng xa ả như trong cái cung của ả có nhiễm độc. Rồi người ta ùa lên xe; ả lên sau cùng, lại ngồi vào chỗ cũ của mình.

Người ta làm bộ không thấy ả, không biết ả; mẹ Loiseau ngồi ở xa khinh bỉ ngó ả, nói nhỏ với chồng:

- Cũng may mà em không phải ngồi gần nó,

Chiếc xe nặng nề chuyển bánh và cuộc hành trình lại tiếp tục.

Mới đầu không ai nói gì cả. *Thùng Nước Lèo* không dám ngước mắt lên. ả vừa bực tức với họ, vừa xấu hổ đã nhượng bộ, để cho bọn giả đạo đức xô ả vào cánh tay tên sĩ quan Phổ mà bị nhor nhuốc vì những cái hôn của hắn.

Nhưng rồi bà bá tước phá tan sự im lặng khó chịu đó đi, quay về phía mẹ Carré-Lamadon hỏi:

- Bà quen bà D'Etrelles chứ?

- Vâng, bà ấy là bạn thân của tôi.

- Con người nhả nhận quá!

- Lịch sự lắm! Đúng là giới thượng lưu, hiểu biết rộng mà nghệ sĩ tới chân răng kẽ tóc; hát rất hay mà vẽ tuyệt khéo.

Lão chủ hãng dột nói với ông bá tước, và tuy các cửa kính run động rầm rầm, người ta cũng lờ mờ bắt được những tiếng: *"Vé – tới hạn – tiền thưởng – trả góp"*.

Loiseau đánh bài tay đôi với vợ nhờ đã thó được một cỗ bài cũ của chủ quán, nhầy mỡ vì đã năm năm cọ trên những mặt bàn ăn lau không kĩ.

Các bà Phước hiền hậu cầm chuỗi hạt lòng thông ở dây lưng lên, cùng làm dấu thánh giá với nhau rồi thỉnh linh môi họ mấp máy, mỗi lúc một mau, thì thầm tụng kinh, thỉnh thoảng lại hôn một chiếc mề đay, làm dấu lại, rồi lại làm rầm đều đều, liên thoắng.

Cornudet ngồi yên nghĩ ngợi.

Đi được ba giờ đường, Loiseau dẹp cỗ bài lại, bảo:

- Đói rồi.

Mụ vợ với một gói cột dây gai, lấy ra một miếng thịt bò nguội. Mụ cẩn thận cắt thành những lát mỏng mà cứng, rồi hai vợ chồng cùng ăn.

Bà bá tước bảo:

- Chúng mình ăn nhé?

Người ta đồng ý và bà mở những gói thức ăn sắp chung cho hai gia đình. Thức ăn để trong một cái liễn dài, nắp có một con thỏ bằng sứ để tỏ rằng ở trong có món ba-tê thỏ bồ và ngon, có những làn mỡ trắng chảy qua đám thịt thỏ màu nâu, trộn với nhiều thứ thịt khác băm nhỏ. Một khúc Gruyère gói trong một tờ nhật trình mà hai chữ "Tin vật" như in lên mặt pho mát nhồn nhồn.

Hai bà Phước hiền hậu mở một khoanh xúc xích hăng mùi tỏi; còn Cornudet dứt một lần cả hai tay vào túi áo choàng may như cái bao, moi ra một bên bốn cái trứng luộc, một bên một miếng vỏ bánh mì. Hắn lột vỏ trứng liệng xuống lớp rơm ở dưới chân, rồi ngoạm vào trứng, làm rớt những miếng lòng đỏ nhỏ lên bộ râu của hắn, thành thử bộ râu như lốm đốm những ngôi sao.

Thùng Nước Lèo khi thức dậy, vội vàng và hoảng hốt không kịp nghĩ tới gì cả: ả ngó bọn đó thản nhiên ăn mà nổi xung, muốn nghệt thở. ả giận sôi lên, nghiêng răng lại, rồi mở miệng tính chửi cho họ một tràng, chửi cái thái độ của họ, nhưng ả uất quá, thốt không được.

Chẳng ai ngó tới ả, nghĩ tới ả. ả thấy bị tụi lương thiện vô lại đó khinh bỉ, họ bắt ả hy sinh rồi gạt bỏ ả ra, như một vật dơ dáy, vô ích vậy. Và ả nghĩ tới rõ lớn thức ăn đầy những món ngon mà họ nghiêng ngấu, nghĩ tới hai con gà giò bóng nhẫy những thịt đông, tới những miếng ba-tê, những trái lê và bốn chai rượu vang của ả; rồi nổi giận của ả thỉnh linh nguội xuống, như một chiếc dây căng quá mà đứt, ả rung rung muốn khóc.

ả gắng sức ghê gớm, lấy gân rần nuốt lệ như con nít, nhưng lệ cứ trào lên, lóng lánh ở mi mắt rồi hai giọt lớn chảy ra, từ từ lăn trên má. Những giọt sau chảy nhanh hơn, như nước từ trong một phiến đá rỉ ra, rồi rớt đều đều trên bộ ngực căng tròn của ả. ả ngồi ngay, mắt đăm đăm, mặt nghiêm và lợt lạt, hy vọng người ta không thấy mình khóc.

Nhưng bà bá tước nhìn thấy và ra dấu cho chồng hay. Ông chồng nhún vai như muốn nói: "Biết sao được, đâu phải lỗi của tôi". Mụ Loiseau mỉm cười đắc thắng và thì thầm: "Nó tủi thân mà khóc".

Hai bà Phước hiền hậu lấy giấy gói khúc xúc xích còn lại rồi lại tiếp tục tụng kinh.

Cornudet để tiêu hoá mấy quả trứng, duỗi chân cà khêu dưới chiếc ghế dài trước mặt, ngửa

lưng, khoanh tay, mỉm cười như mới tìm được một trò khôi hài thú vị, bắt đầu huýt gió điệu *La Marseillaise*.

Các vẻ mặt sa sầm lại. Chắc chắn là họ không ưa điệu hát bình dân đó. Họ bực mình, quau quơ, muốn tru lên như chó nghe tiếng phong cầm man rợ vậy. Hẳn thấy thế càng huýt già không ngừng miệng. Thỉnh thoảng hẳn lại hát nho nhỏ những câu này:

Hỡi Thần ái quốc thiêng liêng,

Hãy dắt và đỡ cánh tay trả thù của chúng tôi.

Hỡi thần Tự do, Thần Tự do yêu mến,

Hãy chiến đấu với những kẻ bênh vực Người!

Xe chạy nhanh hơn, vì tuyết cứng hơn; và cho tới khi đến Dieppe, suốt mấy giờ ngồi xe đặng đặng buồn tẻ, trong tiếng lộc cộc gấp ghềnh, hẳn liên tục huýt, cả tới lúc đêm đổ xuống rồi tối mịt, hẳn cũng vẫn ngoan cổ huýt một cách dữ tợn, huýt hoài điệu đều đều đó để trả thù, buộc bọn người mệt nhọc và bực tức kia phải theo bài hát từ đầu đến cuối, mà nhớ lại những lời hẳn nhấn vào mỗi nhịp.

Còn *Thùng Nước Lèo* thì vẫn khóc; thỉnh thoảng một tiếng nấc, mà ả không nén được, phát ra ở giữa hai đoạn ca, trong đêm tối.

CHIẾC DÂY CHUYỀN

LA PARURE^[22]

Nàng vào hạng thiếu nữ xinh đẹp, có duyên, mà Trời bắt sanh làm vào một gia đình công chức tầm thường. Nàng không có hồi môn, không có hy vọng, không có phương tiện nào để được người ta biết, hiểu, yêu, để được một người giàu có sang trọng cưới làm vợ; và nàng đành phải kết duyên với một thầy kí ở bộ Quốc gia Giáo dục.

Nàng ăn bận giản dị vì không có gì để trang điểm và nàng khổ sở như kẻ bị tụt địa vị; vì đàn bà không có giai cấp, không có huyết thống: cái nhan sắc, cái kiêu diễm của họ thay cho dòng dõi, môn phiệt của họ. Chỉ có cái tinh anh bẩm sinh, cái bản năng thanh nhã và cái tinh thần uyển chuyển của họ là đỉnh giai cấp cho họ thôi và làm cho những thiếu nữ thường dân ngang hàng với những bà quý phái nhất.

Nàng đau khổ hoài vì nghĩ rằng mình đáng được hưởng tất cả những cái thanh nhã, những cái xa xỉ. Nàng đau khổ vì nổi căn nhà nghèo nàn, tường vách tồi tàn, ghế thì cũ mà vải thì xấu. Tất cả những cái đó, một người đàn bà khác trong giới của nàng không nhận thấy đâu, nhưng nàng thì thấy đau khổ, phần uất. Trông thấy con ở nhỏ miền Bretagne giúp những việc nhà bần tiện cho mình, nàng đâm ra hối tiếc, chua xót và mơ mộng cuống cuồng. Nàng nghĩ tới những tiền sảnh lộng lẫy, tường căng những vải hoa phương Đông, trưng bày những chũc đài cao bằng đồng đen, có hai người hầu to lớn thêm thiếp ngủ ở những chiếc ghế bành rộng trong cái không khí nặng nề của lò sưởi. Nàng nghĩ tới những phòng khách lớn ghế phủ lụa cổ, những bàn tủ thanh nhã bày những bảo vật vô giá, và tới những phòng khách nhỏ, xinh xắn, lịch sự, thơm tho rất hợp với những câu chuyện tâm sự vào hồi năm giờ chiều giữa những bạn trai thân thiết, những người danh tiếng và sang trọng mà người đàn bà nào cũng thêm muốn được họ chú ý tới.

Bữa cơm tối, khi nàng ngồi xuống, đối diện người chồng, trước cái bàn ăn tròn trải một chiếc khăn ba ngày rồi chưa thay, rồi thấy chồng mở nắp liền xúp ra, vẻ hoan hỉ, bảo: “A! Có thịt bò hầm! Thú tuyệt, không còn món nào bằng...”, thì nàng nghĩ tới những bữa tối sang trọng, đĩa muông đều bằng bạc bóng láng, tường treo những bức thảm, vẽ hình những nhân vật thời cổ và những con chim kì dị ở giữa một rừng toàn những cảnh tiên; nàng nghĩ tới những món tuyệt ngon dọn trong những chén đĩa cực đẹp, những lời tình tứ thì thầm bên tai làm cho người nghe mỉm cười một cách bí mật, trong khi nhai thịt hồng hồng của những con hương ngừ^[23] hoặc cánh của con đa đa.

Nàng không có trang phục, không có đồ trang sức, không có một chút gì cả. Mà nàng lại chỉ thích những cái đó; nàng cảm thấy rằng mình đáng được hưởng những cái đó. Nàng muốn được người ta thích, người ta ước ao mình, người ta xiêu lòng vì mình, người ta cho mình là hiếm, là quý; nàng muốn quá chừng đi.

Nàng có một người bạn gái giàu, quen từ hồi ở nhà tu, mà nàng không muốn lại thăm nữa vì mỗi lần thăm về là nàng đau khổ. Và nàng khóc suốt mấy ngày liền, khóc vì buồn bã, ân hận, thất vọng, khổ sở.

Rồi một buổi chiều, chồng nàng ở sở về, vẻ hãnh diện, chìa một bao thư lớn cho nàng bảo:

- Đây em, có cái này tặng em.

Nàng xé vội bao thư, rút ra một tấm thiệp in, đọc mấy hàng này:

“Ông Bộ Trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục và bà Georges Ramponneau kính mời ông bà Loisel tối thứ hai 18 tháng giêng, lại dự dạ hội tại Bộ phủ cho thêm phần long trọng”.

Người chồng tưởng nàng sẽ hoan hỉ, không ngờ nàng tức giận liệng tấm thiệp xuống bàn, lẩm bẩm:

- Dừng làm gì cái thứ đó?

- Sao vậy, em? Anh cứ nghĩ rằng em sẽ vui lòng. Em chả bao giờ đi dạ hội lần nào cả, thì đó là một cơ hội, một cơ hội tốt! Khó nhọc vô cùng mới xin được tấm thiệp đó. Ai cũng muốn có một tấm; nhưng hiếm lắm, hạng thư kí dễ gì mà được. Tối đó em sẽ gặp tất cả giới quan trường.

Nàng ngó chồng vẻ giận dữ, rồi gắt gỏng bảo:

- Anh muốn em bận cái áo nào để đi dạ hội đó?

Chàng quên phứt điều đó, nên ấp úng:

- Thì bận cái mà khi đi coi hát em vẫn bận đó. Anh thấy nó được lắm,...

Chàng đương nói thì ngưng bật, ngạc nhiên, hoảng hốt thấy vợ mình khóc.

Hai giọt lệ lớn từ từ lăn từ đuôi mắt tới mép; chàng lắp bắp:

- Em làm sao vậy? Làm sao vậy?

Nhưng nàng nghiêng rằng thẳng được nỗi khổ, vừa lau nước mắt trên má, vừa bình tĩnh đáp:

- Không sao hết. Nhưng không có áo thì em không thể dự dạ hội đó được. Thôi, anh đem tấm thiệp đó cho ông bạn đồng sự nào mà người vợ có quần áo sang trọng hơn em.

Chàng chán nản. Rồi bảo:

- Em Mathilde, một chiếc áo coi được có thể bận trong những dịp khác, và rất giản dị, thì tốn khoảng bao nhiêu em?

Nàng suy nghĩ vài giây, tính toán, đoán trước xem nên xin chồng chừng bao nhiêu để khỏi bị anh chàng tằn tiện đó quyết liệt từ chối hoặc hoảng hốt kêu trời là đất.

Sau cùng nàng ngập ngừng đáp:

- Em cũng không biết rõ nữa, nhưng có bốn trăm quan thì có lẽ đủ.

Chàng hơi tái mặt, vì chàng đã để dành đúng số tiền đó, tính mua một cây súng để mùa hè tới, gặp ngày chủ nhật, cùng bạn bè ra cánh đồng Nanterre bắn chim sơn ca.

Nhưng chàng cũng nói:

- Được. Anh cho em bốn trăm quan. Nhưng rán may một cái áo cho đẹp nhé.

Ngày đại hội đã gần, áo may xong rồi, mà cô Loisel vẫn có vẻ buồn rầu, bồn chồn lo lắng. Một buổi tối chồng nàng hỏi:

- Em làm sao đấy? Ba ngày nay coi kì cục quá.

Và nàng đáp:

- Em buồn vì không có một món nữ trang nào, không có lấy một hạt ngọc để đeo. Có vẻ tồi tệ quá. Em gần như không muốn đi dự dạ hội đó nữa.

Chàng bảo:

- Cài hoa thiếp cũng được lắm mà. Mùa này, như vậy là nhã. Mười quan thì được hai ba bông hồng tuyệt đẹp.

Nàng không tin lắm.

- Không... Giữa đám các bà các cô giàu sang, mà mình có vẻ nghèo khổ, thì thấy nhục lắm.

Người chồng bỗng la lên:

- Em thật là đần! Lại thăm chị bạn của em, chị Forestier, xin chị ấy cho mượn ít nữ trang. Hai người thân với nhau lắm, mượn được mà.

Nàng vui quá, thốt lên :

- Phải đấy. Thế mà em không nghĩ ra.

Hôm sau nàng lại thăm bạn, kể lể nỗi khổ tâm của mình.

Cô Forestier lại tủm tỉm, lấy ra một cái hộp tư trang lớn, đem lại, mở ra, bảo cô Loisel:

- Đó, tùy ý chị lựa.

Nàng thấy những chiếc vòng, rồi một chuỗi ngọc trai, rồi một chiếc thánh giá kiểu Venise, vòng ngọc chiếc nào chiếc nấy làm khéo quá. Nàng đeo thử rồi ngẩng trong gương, do dự, không muốn rời ra, không muốn trả lại. Nàng vẫn hỏi:

- Chị còn món nào khác không?

- Có. Chị cứ kiểm đi. Em không biết chị muốn thứ nào.

Thình lình nàng kiểm được một cái hộp xa tanh đen, trong để một chuỗi kim cương cực đẹp; tim nàng đập vì thèm muốn quá sức. Tay nàng run run cầm lên. Nàng đeo ra ngoài chiếc áo cổ cao, và đứng ngẩng người ra mà ngắm mình.

Rồi nàng ngập ngừng, lo lắng, hỏi:

- Chị cho em mượn chiếc dây chuyền này nhé? Em chỉ mượn món đó thôi.

- Cố nhiên là được rồi, chị cứ đeo đi.

Nàng nhảy lên, bá cổ, ôm bạn, vui như điên, rồi đeo bảo vật đó mà chạy tuốt về nhà.

Ngày hội tới. Cô Loisel thành công. Nàng đẹp nhất, lịch sự, duyên dáng, tươi cười, vui quá là vui. Người đàn ông nào cũng ngó nàng, hỏi tên nàng, đòi được giới thiệu với nàng. Tất cả các tùy viên ở Bộ muốn được khiêu vũ với nàng. Ông Bộ trưởng cũng để ý tới nàng.

Nàng say sưa khiêu vũ, hăng hái, thích mê đi, chẳng nghĩ ngợi gì cả, chỉ cảm thấy sự thắng lợi của nhan sắc, thấy cái rực rỡ của sự thành công, thấy như có một đám mây hạnh phúc ở chung quanh mình, gồm những lời tôn sùng, những vẻ ngưỡng mộ, những niềm khao khát dấy lên, và cái đắc thắng hoàn toàn nhất, êm đềm nhất đối với lòng phụ nữ đó.

Nàng ra về vào lúc bốn giờ sáng. Từ hồi nửa đêm, người chồng đã ngủ ở một phòng khách nhỏ vắng vẻ với ba ông nữa mà các bà vợ cũng ham vui như nàng.

Chàng khoát lên vai vợ chiếc áo mà chàng mang theo để bận ở ngoài đường, chiếc áo tầm thường trong đời sống hàng ngày, so với chiếc áo khiêu vũ sang trọng thì càng thấy nó tồi tàn. Nàng cảm thấy vậy, muốn trốn đi để cho các bà khác bận những chiếc áo lông đắt tiền khỏi nhận thấy.

Nhưng Loisel giữ nàng lại:

- Hãy khoan. Ra ngoài lạnh, rồi phải cảm bây giờ. Để anh kêu một chiếc xe ngựa.

Nàng không nghe, vội vàng xuống cầu thang. Khi họ xuống tới đường, không gặp một chiếc xe nào cả, phải đi kiếm, thấy chiếc xe nào ở xa cũng kêu với lại.

Họ thất vọng, run lấy bầy đi xuôi về phía sông Seine. Mãi về sau họ mới gặp trên bờ sông một chiếc xe cũ kỹ, chạy ban đêm, mà ở Paris người ta chỉ thấy xuất hiện vào những giờ khuya, như thể chúng xấu hổ vì cái vẻ tồi tàn của chúng mà không dám chạy ban ngày.

Xe đưa họ về tới cửa nhà ở đường Martyrs, và họ buồn bã lên thang về phòng. Đối với nàng, thế là hết. Còn chàng thì nghĩ rằng mười giờ sáng phải đi lại Bộ làm việc rồi.

Nàng đứng trước gương, cởi bỏ chiếc áo ngoài mà nàng đã khoát lên vai, để tự ngắm lại một lần nữa trong trang phục rực rỡ. Thình lình nàng la lên. Cái chuỗi kim cương đeo ở cổ đâu mất rồi?

Người chồng đương thay quần, hỏi:

- Cái gì đó?

Nàng kinh khủng quay lại, đáp:

- Em đã... đã... không còn cái dây chuyền của chị Forestier nữa.

Chàng đứng phắt ngay dậy, cuống cuống:

- Thế nào?... Sao?... Vô lý!

Rồi họ kiểm trong các áo dài, nếp áo choàng, kiểm trong các túi áo, kiểm khắp. Mà không thấy.

Chàng hỏi:

- Em chắc chắn là còn đeo nó khi khiêu vũ ra chứ?

- Vâng. Em còn rõ thấy nó khi qua phòng trước của Bộ mà.

- Nhưng nếu đánh rớt ở ngoài đường thì đã nghe thấy tiếng rơi rồi. Chắc rớt ở trên xe.

- Vâng. Chắc vậy. Anh có ghi số xe không?

- Không. Còn em, em có nhìn số xe không?

- Không.

Họ sững sốt ngó nhau. Sau cùng Loisel lại bận quần áo lại, bảo vợ:

- Anh trở lại quảng đường mà mình đã đi bộ để xem có tìm thấy không.

Rồi chàng ra đi. Nàng vẫn bận chiếc áo dự dạ hội đó mà ngồi xuống ghế dựa, mệt mỏi không còn sức lại giường nằm nữa, không suy nghĩ gì cả mà phòng cũng không đốt lửa.

Khoảng bảy giờ sáng, người chồng về, kiểm không thấy.

Chàng lại sờ Cảnh sát, lại các toà báo, lại các hãng xe nhỏ, bất kì đâu có chút hi vọng, chàng cũng tới, hứa sẽ thưởng một số tiền nếu ai bắt được mang trả lại.

Nàng chờ đợi suốt ngày hôm đó, vẫn chưa bớt hoảng hốt trước cái tai nạn ghê gớm ấy.

Chiều tối Loisel trở về nhà, má hóp xuống, mặt xanh nhợt: chẳng có tin tức gì cả.

Chàng bảo:

- Phải viết cho chị bạn của em, bảo rằng lỡ làm gãy cái khoá, và đương đem đi sửa. Như vậy có thì giờ để xoay sở.

Rồi chàng đọc cho nàng viết.

Một tuần lễ sau, họ hết hi vọng rồi.

Và Loisel già đi đến năm tuổi, chàng bảo:

- Phải mua chiếc khác thường chứ.

Hôm sau, họ tìm địa chỉ ghi trong cái hộp chứa chiếc dây chuyền đó rồi theo địa chỉ ấy mà tìm lại cửa hàng bán châu báu.

Chủ tiệm mở sổ sách ra coi, bảo:

- Thưa bà, tôi không bán chuỗi hột xoàn đó, chắc là tôi chỉ bán cái hộp không thôi.

Rồi họ đi hết tiệm kim hoàn này tới tiệm kim hoàn khác. Nhớ lại chiếc dây chuyền cũ. Kiểm một sợi dây chuyền giống như vậy. Cả hai đều buồn rầu, lo lắng gần hoá đau.

Họ thấy trong một tiệm ở Palais-Royal, một chuỗi hột xoàn mà họ cho rằng như in chuỗi cũ. Giá bốn mươi lăm ngàn quan. Chủ tiệm bằng lòng để lại với giá ba mươi sáu ngàn.

Họ năn nỉ chủ tiệm đợi họ ba ngày nữa, đừng bán cho ai. Và họ đưa thêm điều kiện này là nếu trước cuối tháng hai, họ tìm được chiếc dây cũ thì họ đem trả tiệm chiếc dây mà họ mua và chủ tiệm sẽ hoàn lại cho họ ba mươi bốn ngàn quan.

Loisel có được mười tám ngàn quan của cha để lại. Số tiền thiếu phải đi vay.

Họ hỏi vay người này ngàn quan, người kia năm trăm quan, chỗ này năm đồng[24], chỗ kia ba đồng. Chàng phải làm giấy nợ, kí những cam kết tai hại, hỏi tiền những kẻ cho vay nặng lãi,

giao thiệp với mọi hạng chủ nợ. Chàng làm hại hết cái đời của chàng, cứ kí liều, không biết có giữ được lời kí kết hay không, rồi hoảng hốt, lo lắng về tương lai, lo cho cái cảnh khốn đốn tối tăm sẽ tới, cái nông nổi phải chịu tất cả những thiếu thốn về thể chất và tất cả những hành hạ về tinh thần. Chàng đem số tiền ba mươi sáu ngàn quan chồng cho chủ tiệm kim hoàn rồi cầm chuỗi hạt xoàn mới về.

Khi cô Loisel mang chiếc dây chuyền trả cô Forestier, cô này căn nhắc bảo:

- Sao chị không đem lại sớm hơn? Tôi có lúc phải đeo nó.

Nàng sợ bạn sẽ mở hộp ra coi, nhưng cô Forestier không mở. Nếu bạn mở ra thấy cái dây chuyền này khác thì sẽ nghĩ làm sao nhỉ? Sẽ trách móc làm sao nhỉ? Có lẽ cho nàng là quân ăn cắp chăng?

Cô Loisel chịu sống cảnh nghèo khổ ghê gớm. Nhưng bỗng nhiên cô an phận với tất cả hừng tâm. Phải trả món nợ kinh khủng đó. Thì nàng sẽ trả. Nàng cho người ở thôi việc; đi mượn chỗ khác: một cái gác xép ở sát mái nhà.

Nàng làm hết những công việc nặng nhọc trong nhà, hết những công việc góm ghềnh ở trong bếp. Nàng rửa chén, móng tay hồng hồng của nàng chà riết vào những đồ sành nhòn mỡ và vào đáy những cái xoong mà mòn đi. Nàng chà xát bằng những quần áo dơ, những chiếc sơ-mi, những mảnh giẻ rồi đem phơi trên một chiếc dây thừng, mỗi buổi sáng nàng đem rác xuống đường rồi xách nước lên, cứ lên được hết mỗi tầng lại phải nghỉ để thở. Rồi ăn bận như một thường dân, nàng xách giỏ đi lại tiệm trái cây, tiệm tạp hoá, tiệm thịt, bị nguyên rửa mà vẫn trả giá từng xu để bảo vệ cái số tiền bần tiện của nàng.

Tháng nào cũng phải trả những món nợ cũ rồi kí những món khác để xin gia hạn, cho có thì giờ.

Chồng làm việc cả buổi tối, giữ thêm sổ sách cho một nhà buôn, và nhiều khi, ban đêm phải chép giấy má để kiếm năm xu một trang.

Đời sống đó kéo dài mười năm.

Hết mười năm, họ trả hết nợ, trả cả vốn lẫn lời, những số lời nặng chồng chất lên nhau.

Bây giờ cô Loisel có vẻ già rồi. Cô thành một người đàn bà khoẻ mạnh, thô kệch, như những người đàn bà vất vả trong những gia đình nghèo. Tóc bù xù, váy xốc xếch, tay đỏ lên, cô nói lớn tiếng, dội nước để cọ sàn. Nhưng thỉnh thoảng, khi chồng ở sở, cô ngồi gần cửa sổ và nhớ cái buổi tối, cái buổi khiêu vũ mà cô rất diễm lệ, được người ta rất hoan nghênh hồi trước đó.

Nếu cô không đánh mất chiếc dây chuyền đó thì đời cô sẽ làm sao nhỉ? Biết đâu chừng? Phải, biết đâu chừng? Đời người thật kì cục, thay đổi mau làm sao! Chỉ một việc nhỏ mọn cũng đủ làm hại hoặc cứu vớt mình được.

Rồi một bữa chủ nhật nợ, nàng đi dạo một vòng ở Champs-Élysées để nghỉ ngơi sau một tuần lễ mệt nhọc, thì thỉnh thoảng nàng thấy một thiếu phụ dắt một đứa con. Chính là cô Forestier, vẫn trẻ, vẫn đẹp, vẫn có duyên như trước.

Cô Loisel cảm động. Lại hỏi thăm bạn không? Lại chứ. Bây giờ đã trả hết nợ rồi thì nên kể hết cho bạn nghe chứ ngại gì?

Nàng tiến lại.

- Chị Jeanne, mạnh giỏi chứ?

Cô kia không nhận ra nàng, nhạc nhiên thấy bà đó gọi mình thân mật như vậy. Cô ta lắp bắp:

- Nhưng... thưa bà!... Tôi không biết... Có lẽ bà lầm chăng?

- Không. Em là Mathilde Loisel đây mà.

Cô bạn bật lên một tiếng:

- Trời!... Tội nghiệp chị Mathilde, sao chị thay đổi quá vậy!...

- Vâng, em đã phải trải qua nhiều nỗi vất vả lắm, từ cái ngày em không lại thăm chị nữa; bao

nhiều nỗi khổn khổ chị ơi,... mà tại chị đấy!...

- Tại em... Sao thế?

- Chị còn nhớ cái sợi dây chuyền kim cương mà chị cho em mượn đi dạ hội ở Bộ Quốc gia Giáo dục không?

- Nhớ? Thế rồi sao?

- Rồi em đánh mất nó.

- Đâu có! Chị trả lại em rồi mà.

- Em đã đem lại trả chị chiếc khác y hệt đấy. Và mười năm nay trả nợ mới xong. Chị lạ gì, chúng em có của cải gì đâu, trả món nợ đó không phải là dễ... Nhưng thôi, trả xong rồi, và em bằng lòng lắm.

Cô Forestier ngừng lại.

- Chị nói rằng chị đã mua một sợi dây chuyền hột xoàn khác để đền sợi của em ư?

- Vâng. Chị không nhận ra, phải không? Hai chiếc y hệt nhau.

Nàng mỉm cười, vui vẻ một cách tự đắc và ngây thơ.

Cô Forestier rất cảm động, nắm lấy hai tay bạn.

- Trời ơi! Tội nghiệp chị quá, chị Mathilde! Nhưng chiếc của em là đồ giả mà. Đáng giá nhiều lắm là năm trăm quan!...

W. SOMERSET MAUGHAM

Nhà Cardinal đã xuất bản trong loại Pocket Book một cuốn nhan đề là Short Stories (Truyện ngắn), gồm hai mươi hai truyện ngắn hay của các danh sĩ Âu Mỹ (Anh, Pháp, Mỹ, Nga...) trong thế kỷ trước và thế kỷ này. Mỗi tác giả, nhà xuất bản chỉ lựa một truyện, và trong số hàng trăm truyện ngắn của W. Somerset Maugham, nhà xuất bản đã lựa truyện Mưa (Rain)^[25].



William Somerset Maugham
(1874-1965)

Danh của Somerset Maugham vang lừng khắp thế giới. Ông mất năm 1965 thọ 91 tuổi (sinh năm 1874 ở Paris, nhưng là người Anh).

Mới đầu ông làm y sĩ, sau bỏ nghề, xoay qua viết văn, thất bại luôn mười một năm, có lúc phải nhìn đói. Bạn bè khuyên trở lại nghề đỡ đở, nhưng không có gì lay chuyển được ý chí sắt đá của ông là lưu danh trong văn học Anh.

Rồi ông bắt đầu thành công nhờ kịch Lady Frederick, có tiền đi du lịch Đức, Pháp, Ý-Pha-Nho. Nhờ du lịch nhiều, có tài nhận xét, thấu tâm lý con người, ông sáng tác rất nhiều: khoảng hai chục vở kịch, một chục truyện dài (những chuyện nổi danh nhất là: Of Human bondage^[26], The moon and sixpence, The Magician), nhiều du kí và vô số truyện ngắn.

Năm 1959, ông cho xuất bản tác phẩm cuối cùng của ông, nhan đề Points of View gồm nhiều tiểu luận rồi gác bút luôn, nghĩ dưỡng già, chu du khắp thế giới một lần nữa và có ghé Sài Gòn. Ông là tiểu thuyết gia già nhất thế giới: tác phẩm của ông đã được dịch ra khắp các thứ tiếng, bán được khoảng 60 triệu cuốn.

Có lẽ ông đã học thuật viết truyện ngắn của Guy de Maupassant. Trong cuốn Points of View, ông ca tụng Guy de Maupassant là viết truyện ngắn rất hay, không ai sánh kịp.

Phê bình truyện La Parure của Maupassant, ông bảo rằng “ta có thể đem truyện ấy ra kể trong khi ăn hoặc trong phòng hút thuốc trên chiếc tàu, và mọi người đều chăm chú nghe... Cốt truyện được mô tả một cách ngắn nhưng đầy đủ, sáng sủa”.

Ông cũng khen Guy de Maupassant có tài viết một truyện hai lần, một lần dài vài trăm chữ, một lần dài vài ngàn chữ, mà đọc bài thứ nhất, không thấy một chữ nào thiếu, đọc bài thứ nhì, không thấy một chữ nào thừa.

Cả hai thuật đó, thuật hấp dẫn và thuật không thiếu không thừa, William Somerset Maugham đã áp dụng được trong truyện Mưa.

Mới đầu ông đặt cho truyện cái nhan đề là Sadie Thompson. Viết xong, ông coi là một truyện tầm thường, không nhớ tới nữa; rồi một hôm đưa cho người bạn đọc, người này thích quá,

khuyến ông soạn thành kịch. Ông nghe lời, không ngờ thành công ngoài sức tưởng tượng: diễn trên bốn trăm rưỡi lần, đem lại cho ông một số tiền là bốn chục ngàn Anh kim, theo giá chính thức hiện nay^[27] là tám triệu bạc Việt Nam. Riêng ở Nữ Uớc, kịch đó đã được diễn luôn trên hai năm. Một lần, một số nhà phê bình nổi danh ở Nữ Uớc đã bầu kín để lựa mười kịch hay nhất thì kịch Hamlet của Shakespeare đứng đầu số rồi tới kịch Mưa.

Chúng tôi xin dịch truyện đó dưới đây để độc giả thưởng thức. Truyện có nhiều kịch tính. Đọc được non nửa truyện, sau phần giới thiệu khung cảnh và nhân vật, ta biết trước được sẽ có một cái gì bất thường xảy ra, ta hồi hộp theo dõi, đoán thế này, đoán thế nọ; tới gần cuối truyện, ta đã yên trí là việc sẽ xảy ra như vậy; rồi đột nhiên ta chưng hửng, vì cái chết bất ngờ của nhà truyền giáo, ta không hiểu nguyên do tại đâu và mãi đến hàng áp chót, đọc tới lời chửi của cô ả Thompson, ta bỗng hiểu ra hết, bao nhiêu thắc mắc của ta trong mười trang trước bỗng được cởi tung ra cả; và nhớ lại những nét mặt, cử chỉ, ngôn ngữ của mỗi nhân vật, ta thấy nhất thiết chi tiết nào cũng hợp lý, hàm súc, chứa đựng một dụng ý của tác giả. Cái tài dựng truyện của William Somerset Maugham ở chỗ đó.

Trước khi đọc truyện, chúng ta cũng nên hiểu qua quan niệm về nghệ thuật của ông. Maugham là một trong số rất ít nhà dám tự nhận rằng mình chỉ là một người kể truyện. Ông nghĩ rằng một tiểu thuyết gia cũng như một thi sĩ, một họa sĩ, một nhạc sĩ, đừng nên chủ trương “văn dĩ tải đạo”. Cứ sáng tác cho nghệ thuật, làm vui người đọc, người nghe, người nhìn, rồi đôi khi có vô tình công kích cuộc sống, thì những độc giả thông minh sẽ tự rút trong tác phẩm ra được một bài học.

Ông lấy thí dụ tập truyện ngắn Plain tales from the hills (dịch ra tiếng Pháp là: Simples contes des collines) của Rudyard Kipling. Trong tập đó, Kipling tả những thường dân Ấn Độ và những sĩ quan Anh, “với tấm lòng khâm phục chất phác của một kí giả xuất thân trong đám thường dân mà quáng mắt về những cái mình duyên dáng” trong đời sống quý phái của giới cầm quyền Anh tại Ấn. Hồi mới xuất bản, có ai cho tập truyện đó là một bản cáo trạng chỉ trích nhà cầm quyền châu; nhưng ngày nay đọc lại ta thấy rằng ngay từ hồi đó, cái mầm suy vi của người Anh ở Ấn đã hiện ra rồi, và không sớm thì muộn, người Anh phải rút ra khỏi Ấn. Tiểu thuyết gia Chekhov của Nga cũng vậy: chỉ mô tả một cách khách quan cảnh điêu đứng của dân Nga, lòng vô tư lự của hạng quý phái Nga, mà đủ cho ta thấy tình trạng đó thế nào cũng đưa đến một cuộc cách mạng đẫm máu.

Có thể rằng bạn không đồng ý với Maugham về quan niệm trên: đừng nhắm cái Thiện mà nhắm cái Mĩ và cái Chân – tất nhiên, muốn vậy, nhà nghệ sĩ phải nhận rằng truyện của ông rất hấp dẫn, làm cho ta miên man suy nghĩ, rút ra được nhiều kinh nghiệm, đôi khi một bài học nữa. Như truyện Mưa này, mới đọc xong tôi tưởng bị kịch xảy ra chỉ vì những cơn mưa dai dẳng, phủ phàng, tình quái ở Pago-Pago, nó làm cho thần kinh con người chịu không nổi, mà con người không tự chủ được mình nữa, nhưng xét lại thì tôi thấy chính ông Davidson cũng có cái lỗi là quá tin ở mình. Tôi còn nghĩ thêm rằng cái chính sách người da trắng dùng để cải hoá người da đen sớm muộn gì cũng phải thay đổi. Nhưng sao tôi lại làm một việc việc vô ý thức như vậy, tranh phần phán đoán của độc giả, phản lại chủ trương của tác giả, và thu hẹp ý nghĩa của tác phẩm lại.

MƯA^[28]

Đã gần tới giờ đi ngủ và sáng hôm sau người ta sẽ trông thấy bờ. Bác sĩ Macphail đốt thuốc hút, rồi nghiêng mình ra mạn tàu, tìm chòm sao chữ thập ở phương Nam. Sau hai năm ở ngoài mặt trận - ông bị một thương tích lâu lành - ông vui vẻ được nghỉ ngơi yên tĩnh ít nhất là mười hai tháng tại Apia, và ngay chuyến đi này đã làm cho ông khoan khoái rồi. Vì hôm sau có nhiều hành khách xuống Pago-Pago, nên tối hôm đó, người ta tổ chức một cuộc khiêu vũ, và tiếng dương cầm ẽ ẽ còn vang trong tai ông. Nhưng ở trên boong tàu, thì đã yên lặng. Cách chỗ ông đứng chừng vài bước, bà Macphail nằm trên chiếc ghế dài, đương nói chuyện với ông bà Davidson. Ông tiến lại phía đó, ngồi vào chỗ sáng, lột nón ra. Người ta thấy đầu ông hơi sỏ, tóc hung hung đỏ, mặt có tàn nhang cũng hung hung; ông khoảng tứ tuần; gầy, mặt choắt, có vẻ tỉ mỉ, hơi gàn; ông nói giọng Tô Cách Lan, nhỏ nhẹ, bình tĩnh.

Cặp Macphail và cặp Davidson - một gia đình truyền giáo - thân với nhau không phải vì thanh khí mà vì gặp nhau hàng ngày ở trên tàu. Họ có một điểm gần nhau là cùng ghét hạng hành khách ngày đêm đánh bạc và uống rượu trong phòng hút thuốc.

Trong số hành khách, ông bà Davidson chỉ làm quen với ông bà Macphail, điều đó là cho bà Macphail hãnh diện; mà bác sĩ Macphail, nhút nhát chứ không ngây thơ, cũng hơi cảm động về thịnh tình của cặp Davidson. Nhưng vốn có óc dị nghị, nên ban đêm, trong phòng riêng, bác sĩ thường chỉ trích ông bà Davidson.

Bà Macphail vừa chải kĩ mớ tóc mượt, vừa kể:

- Bà Davidson tự hỏi nếu không có vợ chồng mình thì không biết làm sao chịu nổi chuyến đi này. Bà ta bảo rằng khắp trên tàu, ông bà chỉ muốn làm quen với tội mình thôi.
- Anh lại cứ nghĩ rằng một nhà truyền giáo đâu phải là một nhân vật quan trọng gì mà khó tính đến thế!
- Không phải là khó tính. Em hiểu lòng bà ta lắm. Ông bà ấy mà phải tiếp xúc với hạng người thô lỗ ở trong phòng hút thuốc thì chịu sao nổi?

Bác sĩ cười ngạo:

- Vị sáng lập ra tôn giáo của họ không chấp nhất tới như vậy.

Bà vợ đáp:

- Em van mình biết bao lần rồi, rằng đừng đem tôn giáo ra mà giễu. Anh Alec à, em không ưa cái tính đó đâu. Anh chỉ nhận thấy mặt trái của kẻ khác thôi.

Bác sĩ đưa cặp mắt xanh nhạt liếc nhìn bà vợ và làm thinh. Sống chung với nhau, ông đã có kinh nghiệm rằng muốn cho yên thân thì nên nhịn vợ một chút. Ông thay quần áo, xong trước, leo lên cái giường treo trên cao rồi lấy sách ra đọc để dỗ giấc ngủ.

*

Sáng hôm sau, khi ông lên trên boong thì tàu đã tới sát bờ. Ông chăm chú ngó. Sau đường viền trắng như bạc ở bãi biển, nổi lên những ngọn đồi cây cối um tùm. Trong bụi dừa rậm và xanh mọc lan tới gần bờ nước, ẩn hiện những chòi lá của thổ dân, và đây đó một ngôi nhà thờ nhỏ ló ra rục rở trắng. Bà Davidson tiến lại, đứng bên cạnh bác sĩ. Bà bận đồ đen, cổ đeo một dây chuyền vàng, đầu dây lủng lẳng một chiếc thánh giá xinh xinh. Bà nhỏ con; tóc đen, không bóng, chải, vén kĩ; mắt lồi sau một cặp mắt kính kẹp mũi, không gọng. Mặt dài như mặt ngựa, nhưng không có vẻ đần mà trái lại, có vẻ rất lanh lợi, linh hoạt như con chim. Nhất là tiếng nói the thé, sang sảng, không uốn giọng của bà làm cho ai cũng để ý tới. Nó đập vào tai ta một điệu

đều đều, tàn nhẫn như tiếng động một cái máy khoan, đến bực mình.

Cặp môi mỏng của bác sĩ rán nhoe ra:

- Tới đây, bà có cảm giác là tới nhà rồi chứ?

- Những đảo san hô của chúng tôi thấp hơn miền này. Đây là đất hỏa sơn. Còn phải đi biển mười ngày nữa mới tới.

Ông Macphail vui tính, bảo:

- Trong miền này thì đảo san hô với đất hỏa sơn cũng là kế cận nhau cả, như phố trên phố dưới, ở xứ mình.

- Ông nói cũng hơi quá, nhưng quả thật là ở miền biển Nam này, quan niệm về không gian có hơi khác. Vậy lời của ông cũng không sai hẳn.

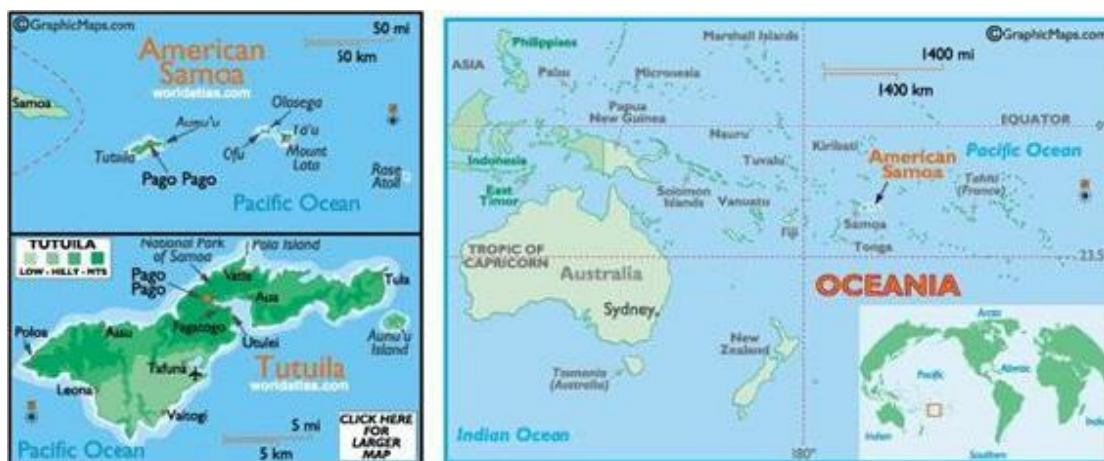
Bác sĩ Macphail thở dài nhẹ nhàng.

Bà Davidson nói tiếp:

- Đáng mừng là chúng tôi không phải truyền giáo ở đây. Nghe nói miền này công việc khó khăn lắm. Những tàu cập bến làm cho dân chúng láo nháo cả lên; lại thêm có một quân cảng nữa, ảnh hưởng tai hại tới thổ dân. Trong khu vực chúng tôi, không có những khó khăn ấy. Tất nhiên có một vài con buôn, nhưng chúng tôi rán tìm họ được, nếu họ kháng cự thì chúng tôi sẽ làm cho họ chịu không nổi mà phải tự ý đi nơi khác.

Sửa lại cặp kính, bà ta ngoảnh quanh đảo, vẻ tàn nhẫn.

- Ở đây công việc của nhà truyền giáo thật là vô vọng. Tôi không ngót cảm ơn Chúa đã tránh cho vợ chồng tôi phải chịu sự thử thách đó.



Bản đồ Samoa thuộc Mỹ

Khu truyền đạo của ông Davidson gồm một nhóm cù lao ở phía bắc Samoa; vì đảo nọ cách xa đảo kia nên ông dùng ghe máy, đi hằng ngày đường, để bà ở lại tổng hành dinh chỉ huy giáo hội. Nghĩ đến cái lối chỉ huy đặc lực của bà mà bác sĩ rung mình.

Bằng một giọng không có sức nào át nổi, bà mạt sát sự truy lục của thổ dân, làm cho ta ghê tởm kịch liệt mà thảm thía. Cái lối then thùng của bà thật cũng lạ. Ngay từ hồi mới quen nhau, bà đã rĩ tai bác sĩ:

- Ông a, hồi chúng tôi tới đảo, tục lệ cưới hỏi của họ nó chường làm sao ấy, đến nỗi tôi không dám tỏ cho ông nghe. Nhưng tôi sẽ kể cho bà nghe rồi bà kể lại cho ông.

Thế là hai bà, bà Davidson và bà Macphail, xích ghế lại gần nhau, nghiêm trang nói chuyện với nhau khoảng hai giờ đồng hồ. Bác sĩ Macphail đi bách bộ qua lại cho khí huyết lưu thông, bắt nghe được lời thì thầm liếng thoảng thao thao bất tuyệt của bà Davidson; thấy vợ há hốc miệng ra, nước da nhợt nhạt, ông biết rằng bà khoái nghe câu chuyện ghê tởm đó lắm. Ban đêm, trong phòng riêng, bà vợ hỗn hển kể lại hết cho chồng nghe.

- Thế nào? Tôi nói có đúng không? Bà Davidson thốt lên một cách đặc ý vào sáng hôm sau.

Có bao giờ ông được nghe những chuyện ghớm ghiech như vậy không? Làm sao mà tôi dám kể thẳng cho ông nghe được! Mặc dầu ông là bác sĩ.

Rồi bà ta dò xét nét mặt của Macphail xem câu chuyện có gây kết quả như mình muốn không.

- Ông hiểu rằng hồi mới tới, chúng tôi lợm giọng chứ? Ông tưởng tượng giùm tôi, trong khắp các làng xóm, không làm sao kiếm được một thiếu nữ ngoan.

Bà ta nói tiếng “ngoan” đó bằng một giọng nghiêm khắc ngụ một ý nghĩa riêng.

- Vợ chồng tôi suy nghĩ kĩ rồi quyết định rằng việc đầu tiên phải làm là cấm ngặt khiêu vũ. Dân bản xứ họ mê cái đó lắm.

Bác sĩ Macphail đáp:

- Hồi trẻ tôi cũng không ghét môn khiêu vũ.

- Tối qua, nghe ông rủ bà nhảy một bản tôi cũng đã đoán được rằng ông không ghét môn đó. Trong chỗ vợ chồng cũng vui vui. Trong cái nhốn nháo như vậy, đừng nên chen chân với họ làm gì!

- Thế nào là nhốn nháo?

Bà Davidson lờm bác sĩ qua cặp kính kẹp mũi mà không trả lời, cứ tiếp tục:

- Trong giới người da trắng thì khác, nhưng tôi đồng ý với nhà tôi là, thật là khó coi khi ông chồng đứng bên mà nhìn người khác ôm vợ mình mà nhảy. Tôi thì từ hồi cưới tới giờ, không hề nhảy lấy một bước. Mà cái lối khiêu vũ của dân bản xứ khác hẳn. Nó không những trái luân thường mà còn đưa tới sự truy lạc nữa. Thật là nhờ Trời, chúng tôi đã diệt được rồi. Có nói mà không ngoa rằng tám năm nay, trong khu vực của chúng tôi, không có một người nào khiêu vũ nữa.

Tàu đã tới bờ, bà Macphail lại nhập bọn. Thành linh tàu queo rồi chậm chậm tiến vô. Hải cảng rộng đủ chứa một hạm đội; chung quanh là những ngọn đồi xanh, cao, dựng đứng lên. Dinh của viên Thống đốc ở cửa biển, dưới ngọn gió khơi thổi vào, giữa một khu vườn. Ngọn cờ đầy ngôi sao và sọc ngang phấp phới nhẹ nhẹ. Tàu chạy ngang qua hai ba nhà quan cư xinh xắn, một sân quần vợt, rồi ghé bờ, bên cạnh nhiều kho hàng. Bà Davidson lấy tay chỉ một tàu buồm đậu cách đó hai ba trăm thước, bảo sẽ đáp tàu đó đi Apia. Thổ dân ở khắp nơi trong đảo ùa lại, ồn ào, vui vẻ, hoặc để coi, hoặc để bán hàng cho những hành khách đi Sydney. Họ đem lại những trái khóm, những nải chuối lớn, những thứ vải tapa, những kiểu chuỗi dây răng cá mập, vỏ ốc, chén kava, và những kiểu xuồng chiến nhỏ xíu. Lính thủy Mĩ ăn vận hàng hoàng, sạch sẽ, râu mới cạo, mặt sáng sủa, đi đi lại lại như một nhóm công chức. Trong khi phu khuân đồ của họ lên bờ, ông bà Davidson và ông bà Macphail nhìn đám đông. Ông bác sĩ nhận xét những mụn lở loét ghê tởm không sao lành được, mà đa số trẻ em và thanh niên bản xứ mắc phải. Cặp mắt nhà nghề của ông sáng lên khi ông thấy - lần ấy là lần đầu - những con bệnh mắc chứng da sùi lên như da voi, chân tay họ sưng vù, to lớn nặng nề dị thường. Đàn ông và đàn bà đều quần cái lava-lava.

Bà Davidson nói:

- Thứ y phục đó thật sỗ sàng. Nhà tôi bảo phải cấm ngặt thứ đồ đó mới phải. Những kẻ chỉ quần mỗi một miếng khăn đỏ ở bụng thay cho quần áo thì còn có tinh thần đạo đức, luân lí gì nữa.

Bác sĩ Macphail lấy khăn thấm mồ hôi ở trán, đáp:

- Nó hợp với khí hậu chứ.

Khi họ lên bờ, ánh nắng đã oi ả mặc dầu lúc đó còn sớm. Chung quanh là đồi, thành thử Pago-Pago khuất gió.

Bà Davidson nói tiếp, giọng như xé tai người ta:

- Trong những cù lao của chúng tôi, chúng tôi đã cấm tuyệt cái lava-lava. Chỉ còn vài người

già cả bận nó thôi; còn đàn bà thì bận áo choàng mà đàn ông thì bận quần và áo nịt. Ngay từ hồi mới tới, nhà tôi đã tuyên bố như vậy trong một tờ thuyết trình: “Ngày nào mà con trai trên mười tuổi vẫn không bận quần thì ngày đó đạo Ki-tô vẫn chưa gọi là thắng được trên những đảo này”.

Nhưng cặp mắt nhanh như cắt của bà Davidson đã ngó những đám mây đen đương đùn lên ở cửa biển. Đã bắt đầu có vài giọt mưa.

Bà khuyên:

- Nên kiếm chỗ trú mưa thôi.

Họ theo đám đông chạy lại một cái xưởng lợp bằng tôn uốn, và mưa đổ xuống như trút nước. Được một lúc ông Davidson lại. Khi ở dưới tàu, mặc dù đối đãi với ông bà Macphail một cách rất lễ độ, ông ít giao du hơn bà vợ, chỉ đọc sách. Ông ít nói, gần như lầm lì, vì đạo bác ái mà gắng sức tỏ ra vui tính, chứ bản tính ông kín đáo, gắt gỏng là khác nữa. Bộ dạng kỳ dị: rất cao mà gầy, chân lêu nghêu, má hóp, gò má nhô, môi dày, có vẻ da đục, trái hẳn với nước da nhợt nhạt của ông. Tóc để rất dài. Mắt đen, sâu hoắm, trông thấy mà ghê; bàn tay tuyệt đẹp mà có vẻ mạnh mẽ lạ. Đặc biệt nhất là nhìn ông, ta có cảm giác rằng ông cố nén một ngọn lửa bùng bùng trong nội tâm. Cảm giác đó làm cho ta khó chịu. Không thể nào thân mật với con người như vậy được.

Ông lại báo tin không may. Bệnh sởi, một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường làm cho dân Kamaka chết, đương phát ở đảo, và một thủy thủ trên chiếc tàu chạy Apia mà họ sẽ đáp, đã mắc bệnh đó. Người ta đã chở bệnh nhân lên bờ, đợi hết thời gian kiểm dịch; nhưng ở Apia người ta đều đánh điện tới cấm tàu vào bến cho tới khi biết chắc là bệnh không phát ra ở tàu nữa mới thôi.

- Thế là chúng ta phải ở lại đây ít nhất là mười ngày.

Bác sĩ Macphail bảo:

- Ở Apia người ta cần tôi gấp mà.

- Gấp cũng phải chịu. Nếu dưới tàu không còn người nào mắc bệnh nữa thì tàu mới được phép chở những hành khách da trắng đi, còn những người bản xứ thì phải đợi ba tháng nữa.

Bà Macphail hỏi:

- Ở đây có khách sạn không?

Ông Davidson mỉm cười:

- Tuyệt nhiên không.

- Thế thì làm sao bây giờ?

- Tôi mới nói với ông Thống đốc. Trên bãi biển, một nhà buôn có phòng cho mượn: tôi đề nghị hể ngớt mưa một chút, chúng ta lại đó coi liền. Đừng hòng có tiện nghi đâu đấy. Miễn có được một cái giường để nằm và một cái mái để che là quý rồi.

Nhưng mưa vẫn chưa muốn ngớt và họ đành khoác áo mưa, che dù, đi đại. Thực ra không phải là một thành phố, chỉ có một dãy công sở, vài cửa hàng, rồi phía sau là ít nhà lá của thổ dân lúp xúp trong đám dừa và chuối. Đi độ năm phút là tới ngôi nhà họ kiếm. Nhà bằng cây, có hai tầng, từng nào cũng có hiên rộng, mái lợp tôn uốn. Chủ nhà là một người lai tên Horn, vợ là người bản xứ, chung quanh là một bầy con còn nhỏ da ngăm ngăm; họ mở một cửa tiệm ở từng dưới bán đồ hộp và vải. Phòng cho mượn không có đồ đạc gì cả. Phòng của ông bà Macphail chỉ có mỗi một cái giường tồi tàn, với một cái mùng rách, một cái ghế khập khiễng và một cái bồn rửa mặt. Họ ngó quanh mà ngán ngẩm. Mưa vẫn không ngớt.

Bà Macphail bảo:

- Em chỉ lấy ra những đồ cần thiết thôi nhé?

Bà đương mở va-li thì bà Davidson nhanh nhẹn bước vô, không có vẻ gì buồn bực về cảnh tồi tàn của phòng. Bà ta khuyên:

- Trước hết, bà lấy kim chỉ mà vá ngay cái mùng lại đi, bà ạ; không thì đêm không thể nào nhắm mắt được đâu.

Bác sĩ Macphail hỏi:

- Muỗi dữ vậy kia à?

- Mùa này là mùa muỗi mà. Tới Apia, trong những buổi tiếp tân của ông Thống đốc, ông sẽ nhận thấy rằng người ta đưa cho mỗi bà một cái áo gối để bao chân cho khỏi bị muỗi đốt.

Bà Macphail thở dài:

- Nếu ngớt mưa cho mình được một lúc nhỉ! Trời có nắng lên, tôi mới vui dọn dẹp lại cái phòng này được chứ.

- Đợi cho hết mưa thì còn lâu, Pago-Pago là nơi mưa nhiều nhất trên Thái Bình Dương. Cái vịnh này, những đồi kia, đều giữ mưa lại. Đương giữa mùa mà.

Bà hết nhìn ông Macphail tới bà Macphail, cả hai đều đứng trơ trơ mỗi người một nơi như kẻ mất hồn, rồi cần mẫn suy nghĩ. Cái cặp nhu nhược này thấy họ mà bức mình. Bẩm tính hoạt động, bà Davidson thấy tay ngứa ngáy, phải lằng xằng dọn dẹp lại căn phòng giúp họ.

- Đâu, đưa cho tôi kim chỉ đi. Tôi vá mùng lại cho trong khi bà mở va-li lấy đồ. Bữa cơm trưa vào lúc một giờ đấy nhé. Còn bác sĩ thì xuống bến xem người ta có đặt những đồ đạc cống kênh của ông vào một chỗ khô ráo không. Ông còn lạ gì dân bản xứ này nữa, chúng có thể xếp đại nó ở giữa trời lắm.

Ông Macphail lại khoác áo mưa xuống thang. Ở cửa, Horn đang nói chuyện với một người thủy thủ trưởng và một cô hành khách đi hạng nhì mà bác sĩ đã gặp nhiều lần ở dưới tàu. Thủy thủ trưởng nhỏ bé, nhăn nheo, dơ dáy lạ lùng, ngả đầu chào ông khi ông đi qua, và nói:

- Cái bệnh sỏi thật là tai hại. Bác sĩ đã mượn được phòng rồi?

Macphail thấy giọng đó hơi sỗ sàng, nhưng vốn rụt rè nên không tỏ vẻ bức mình.

- Phải, chúng tôi đã mượn được phòng ở trên lầu.

- Cô Thompson cũng phải tới Apia với ông. Nên tôi dắt cô ấy lại đây.

Vừa nói vừa lấy ngón tay chỉ một ả đứng bên cạnh. Khoảng hai mươi bảy tuổi, mập, thô, ả bận áo dài trắng và đội một chiếc nón lớn cũng trắng. Bắp chân mập mạp của ả đeo vớ sợi, lòi ra khỏi đôi giày cổ cao bằng da dê sơn trắng bóng. ả cười tình với bác sĩ, rồi nói, giọng khàn khàn:

- Thằng tướng này đòi cửa cổ em đấy, cái phòng khốn nạn đó mà đòi đồng rưỡi một ngày.

Người thủy thủ trưởng nói:

- Tôi bảo chú rằng cô ấy là bạn thân của tôi. Cô ấy không thể trả trên một đồng, thôi thì nhận cái giá đó đi.

Chủ tiệm mập mạp, bình tĩnh mỉm cười, ngọt như mía:

- Ông Swan à, nếu vậy thì tôi rán làm vui lòng ông. Để tôi bàn với nhà tôi xem, có thể được thì hạ giá một chút.

Cô ả Thompson nói:

- Thôi đi, đừng giở trò khỉ ra nữa. Quyết định phứt đi. Tôi trả chú một đồng một ngày đấy, không thêm một trình.

Macphail mỉm cười, thấy cô ả trơ trẽn trả giá như vậy, ông ta phục quá. Ông thuộc vào hạng người không ưa trả giá, thà chịu hớ chứ không muốn cò kè thêm bớt. Chủ tiệm thờ dài.

- Nể lời ông Swan quá; vâng, thì tôi nhận.

Cô ả đáp:

- Ừ, biết điều đấy. Thôi vô! Tôi đãi các người một chén rượu. Có thứ huyết-ky chính hiệu

trong cái xác này đây. Anh Swan, đem giùm vô. Bác sĩ nữa, vô cho vui.

- Thôi, cảm ơn. Tôi còn phải đi xem hành lí của tôi ra sao.

Nói xong, Macphail đi ra đường; mưa ở ngoài biển hắt vào; bờ bên kia mù mịt.

Ông ta gặp hai ba người bản xứ bạn lava-lava, che cây dù lớn. Họ uyển chuyển, cử động khoan thai, đi đứng ngay ngắn. Khi họ ngang qua ông, họ mỉm cười chào bằng ngôn ngữ của họ.

Tới bữa, ông trở về tiệm. Bàn ăn đã dọn trong phòng khách, một phòng để trưng bày chứ không phải ở, buồn tẻ, hồi hám, chung quanh tường bày những hàng ghế bành ngay ngắn, rất có thứ tự; giữa trần thông xuống một cây đèn treo mạ vàng, bao giấy lụa vàng để che ruồi. Ông Davidson vắng mặt. Bà Davidson giảng:

- Nhà tôi lại thăm ông Thống đốc; chắc ăn cơm trong dinh.

Một thiếu nữ bản xứ bùng ra một đĩa bò. Ít phút sau, chủ nhân vô phòng soát lại xem còn thiếu cái gì không.

Bác sĩ Macphail bảo:

- Ông Horn, ông mới thêm một khách trọ phải không?

- Cô ta chỉ mượn phòng thôi ạ, cơm nước tự lo lấy.

Horn liếc nhìn hai bà khách vẻ khúm núm:

- Tôi để cô ấy ở tầng dưới, như vậy khỏi có sự chung chạ mà phiền đến hai bà.

Bà Macphail hỏi:

- Có phải cô ta cũng ở tàu lên không?

- Thừa bà vâng, đi hạng nhì ạ. Cô ấy tới Apia để làm chân thu tiền nào đó.

- Vậy à?

Khi chủ nhà ra, Macphail nói:

- Ăn một mình trong buồng thì chắc buồn lắm.

Bà Davidson hỏi:

- Nếu là một hành khách hạng nhì thì như vậy cũng là chuyện thường. Ai đấy nhỉ?

- Lúc tôi ở dưới nhà, người thủy thủ trưởng dắt cô ta lại. Tên cô ta là Thompson.

Bà Davidson hỏi:

- Phải cô ả tối hôm qua khiêu vũ với hấn không?

- Có lẽ. Tôi cũng không biết rõ. Chắc đúng như vậy.

Bà Davidson nói:

- Hạng hư thân mất nết.

Rồi họ nói qua chuyện khác. Ăn xong, mệt mỏi vì sáng hôm đó dậy sớm, họ chia tay nhau, về phòng riêng nghỉ ngơi.

*

Sáng hôm sau, trời vẫn xám, mây vẫn thấp, nhưng không mưa, họ dạo chơi trên con đường lớn mà người Mĩ xây dọc bờ vịnh.

Khi về tới nhà thì ông Davidson cũng vừa mới về, ông bảo:

- Có lẽ chúng ta phải ở lại đây đến nửa tháng. Tôi đã bàn cãi với ông Thống đốc, ông ấy bảo không có cách nào khác.

Bà Davidson ngó chồng, vẻ ái ngại nói:

- Nhà tôi nóng về khu vực để làm việc lắm.

Davidson đi đi lại lại trong hiên, nói tiếp:

- Chúng tôi vắng mặt một năm rồi; tôi ngại rằng dưới sự chỉ huy của các mục sư bản xứ, giáo hội không còn giữ được kỉ luật nữa. Phải nhận rằng họ tốt, sùng đạo, sợ Chúa; đức tin thành thật của họ có thể làm cho nhiều người tự cho là ngoan đạo ở xứ mình phải mắc cỡ. Nhưng họ thiếu nghị lực một cách thảm hại. Họ chống cự được một lần, hai lần thôi, không thể nào kiên nhẫn hơn được. Dù họ là người đáng tin cậy tới mấy, mà giao cho họ thay mình thì rồi thế nào cũng có chỗ hỏng.

Ông ta nói xong, đứng lại. Thân hình gầy mà cao, cặp mắt sáng ngời trong một gương mặt xanh xao, có vẻ uy nghi lắm. Tấm lòng thành thực hiện rõ trong cử chỉ hăng hái, giọng nói trầm trầm, sang sảng.

- Tôi tin rằng bốn phận tôi vạch rõ. Phải hoạt động, hoạt động gấp. Nếu cây mà đã mục rồi thì phải cưa liệm vô lửa.

Tối hôm đó, họ không ăn cơm mà uống trà và ăn bánh ngọt. Trong phòng khách nghiêm trang, các bà ngồi đan, bác sĩ hút thuốc; còn nhà truyền giáo thì kể cho họ nghe hoạt động của mình trên các đảo.

- Hồi chúng tôi mới tới, thổ dân không có quan niệm về tội lỗi, phạm tất cả những giới luật của Thiên Chúa mà không ngờ. Nhiệm vụ khó khăn nhất của tôi là dạy cho họ hiểu thế nào là điều ác.

Ông bà Macphail biết rằng ông Davidson đã truyền giáo năm năm ở quần đảo Salomon trước khi gặp bà ấy. Hồi đó bà truyền giáo ở Trung Hoa. Họ về xứ sở nghỉ phép và gặp nhau ở Boston, trong một cuộc hội nghị các nhà truyền giáo. Họ cưới nhau rồi được phái tới miền này luôn cho tới ngày nay.

Trong khi chuyện trò với ông Davidson, ông bà Macphail có cảm giác là con người đó bất khuất, can đảm lạ lùng. Vừa truyền giáo, vừa làm y sĩ, ông phải đi tới đảo này, đảo khác bất kì lúc nào. Mùa mưa, trong những cơn giông tố, ngồi trong một chiếc thuyền đánh cá voi còn nguy thay, mà người ta thường lái chiếc ca-nô lại đón ông đi. Hễ có người bị tai nạn hay ốm đau, thì không khi nào ông do dự. Trên mười hai lần rồi, ông phải chống cự với sóng gió, ở giữa biển, ban đêm; và nhiều lần bà vợ tưởng mình đã thành quả phụ.

Bà ta kể:

- Thỉnh thoảng tôi năn nỉ ông ấy đừng đi hoặc đợi cho bớt sóng gió rồi hãy đi, nhưng vô ích! Nghị lực sắt đá, hễ quyết định thì không có gì ngăn cản được.

Davidson lớn tiếng:

- Làm sao mà tôi có thể bảo thổ dân họ tin ở Chúa được nếu chính tôi, tôi không làm gương cho họ? Trong cơn nguy mà họ cho gọi tôi thì họ biết rằng thế nào tôi cũng tới, trừ phi là một việc ngoài sức của con người. Thử nghĩ coi, Chúa có lẽ nào bỏ tôi không khi tôi làm việc cho Ngài? Ngài mà ra lệnh thì gió sẽ dậy, sóng sẽ gầm.

Macphail vốn nhút nhát. Không thể nào ông ta quen được tiếng đạn vèo vèo trên miêng hàm; và khi ở tiền tuyến, có lần ông gắng tự chủ cho tay khỏi run, đến nỗi mồ hôi chảy ròng ròng trên trán, làm mờ cả cặp kiếng. Cho nên nhìn nhà truyền giáo, ông hơi rùng mình, bảo:

- Tôi ước sao có thể nói rằng không hề biết sợ một cái gì.

Davidson bẻ ngay:

- Tôi ước sao ông có thể nói rằng ông tin Chúa.

Tối đó, ông ta nhớ lại những buổi đầu tiên hai vợ chồng sống ở quần đảo.

- Đôi khi vợ chồng tôi ngó nhau mà nước mắt ròng ròng trên má! Làm việc không ngừng suốt ngày đêm mà cơ hồ không có kết quả. Không có nhà tôi không biết tôi đã ra sao. Khi tôi mềm lòng, chán nản, nhà tôi làm cho tôi can đảm lại, tin tưởng lại.

Bà Davidson e lệ cúi mặt xuống, cặp má hốc hác bỗng ửng lên một chút. Tay bà run run.

Không nói năng gì cả.

- Không có ai giúp chúng tôi cả. Cô độc trong cảnh tối tăm, cách cả ngàn cây số mới có người đồng hương. Mỗi lần thấy tôi tuyệt vọng, thì nhà tôi ngưng may vá, mở Thánh Kinh ra đọc cho tới khi nào sự bình tĩnh trở lại tâm hồn của tôi như giấc ngủ trở lại cặp mi em bé thì mới thôi, lúc đó gấp kính lại, nhà tôi bảo: “Dù họ không muốn thì ta cũng cứ cứu họ”. Và mạnh mẽ tin trở lại ở Chúa, tôi đáp: “Phải nhờ Chúa phò hộ, anh phải cứu họ, anh phải cứu họ”.

Ông ta lại đứng bên cạnh bàn như đứng trước một cái giá đặt kính.

- Bản chất của họ truy lạc quá rồi, đến nỗi không thể nào giảng cho họ thấy cái truy lạc của họ được. Những hành động mà họ cho là tự nhiên thì chúng tôi phải biến đổi thành tội lỗi; chẳng những sự gian dâm, nói dối, ăn cắp, mà ngay như sự lừa dối, thói khiêu vũ, không lại nhà thờ, cũng là tội lỗi. Tôi đặt ra cái luật rằng đàn bà mà để hở ngực, đàn ông mà không mặc quần là có tội.

Bác sĩ Macphail ngạc nhiên hỏi:

- Làm cách nào vậy?

- Dùng cách phạt tiền. Tất nhiên chỉ mỗi một cách làm cho người ta hiểu rằng một hành động nào đó là tội lỗi; cách đó là cách phạt họ nếu họ làm hành động đó. Vậy tôi phạt tiền họ nếu họ không tới nhà thờ, nếu họ khiêu vũ hoặc ăn bận không đứng đắn. Tôi đặt ra một tà-ríp; tội nào cũng phải chuộc bằng tiền hay bằng công. Rốt cuộc họ hiểu.

- Có khi nào họ không chịu nộp phạt không?

- Làm sao có thể như vậy được?

Bà Davidson mím đuôi môi, tiếp lời chòng:

- Dám chống cự ông Davidson thì phải là gan cóc tía.

Bác sĩ ngó ông bạn, vẻ suy nghĩ. Tuy thấy chướng tai mà còn do dự chưa dám chỉ trích.

- Ông đừng quên là tới nước cùng, tôi có thể đuổi họ ra khỏi giáo đường nhé!

- Họ sợ hình phạt đó à?

Ông Davidson xoa tay nhẹ nhẹ, mỉm cười:

- Vô phương bán dùa, và đi chài về hết chia phần. Gần chắc chắn là chết đói. Họ sợ lắm chứ!

Bà Davidson góp ý:

- Sao mình không kể chuyện Fred Ohlson cho ông bà nghe?

Nhà truyền giáo nhìn bác sĩ bằng cặp mắt nẩy lửa:

- Fred Ohlson là một con buôn Đan Mạch lập nghiệp ở đảo từ lâu. Nhờ buôn bán, hắn khá giàu và thấy chúng tôi tới, hắn không vui. Hắn quen làm mưa làm gió, mua dùa của thổ dân muốn trả sao thì trả, có khi trả bằng hàng hóa, có khi trả bằng rượu huyết-ky. Vợ hắn là người bản xứ, mà hắn công nhiên lừa vợ. Lại thêm cái tật say sưa. Tôi cho hắn cơ hội sửa tính, nhưng hắn không nghe lại còn cười ngạo tôi nữa.

Khi nói những lời cuối cùng đó, giọng Davidson trầm hẳn xuống, rồi ông ta ngừng một hai phút. Người ta đoán có cái gì kinh khủng sắp xảy ra.

- Trong hai năm, hoàn toàn phá sản, công lao cóp nhặt trong một phần tư thế kỷ tiêu tan hết. Bị áp đảo, sau cùng hắn phải lại tôi, thảm hại như một tên hành khất, năn nỉ tôi cho hắn giấy tàu về xứ ở Sydney.

Bà Davidson nói:

- Phải thấy cái bộ mặt của hắn lúc đó! Xưa kia khỏe mạnh đẹp đẽ, bệ vệ, dong dạc, bây giờ nhận không ra nữa, tay chân run lẩy bẩy. Hắn đã hóa thành một ông già, mau quá!

Davidson chăm chú ngó trong bóng tối. Mưa lại đổ. Bỗng có tiếng ở nhà dưới đưa lên, ông ta quay lại ngó vợ, như có ý hỏi: “Cái gì vậy?”. Một chiếc máy hát phát ra một điệu ồn ào như

ngheet mũi, chướng tai.

Ông ta hỏi:

- Cái gì vậy?

Bà vợ sửa lại cặp kính kẹp mũi.

- Có một cô hành khách hạng nhì mượn phòng ở dưới nhà. Có lẽ tiếng hát ở phòng đó phát ra.

Họ yên lặng nghe. Rồi có tiếng người khiêu vũ. Rồi âm nhạc ngưng bật, tiếng nút chai nổ lộp bộp, trong khi tiếng cười nói vang lên.

Bác sĩ Macphail bảo:

- Chắc cô ta đãi tiệc từ biệt bạn bè dưới tàu. Tàu nửa đêm nhổ neo thì phải?

Ông Davidson làm thinh. Rồi ngó đồng hồ, hỏi vợ:

- Mình về phòng chứ?

Bà ta đứng dậy, gấp đồ đan lại, đáp:

- Vâng, về.

Bác sĩ hỏi:

- Giờ này mà đi ngủ, e sớm chẳng?

Bà Davidson đáp:

- Chúng tôi còn phải đọc kinh. Bất kỳ ở đâu, chúng tôi cũng phải đọc một chương Thánh Kinh trước khi đi ngủ, đọc hết những lời chú giải nữa ông ạ, rồi lại bình luận với nhau cho thấu nghĩa. Một cách luyện tinh thần rất công hiệu.

Hai cặp vợ chồng đó chia tay nhau. Ở lại trong phòng, vợ chồng bác sĩ ngồi im một lát, rồi chồng bảo vợ:

- Anh muốn đi kiểm cổ bài đánh chơi vài ván.

Bà vợ chăm chú ngó chồng, do dự. Câu chuyện của gia đình nhà truyền giáo làm cho bà không được yên lòng; bà không dám thú với chồng rằng bà ngại họ trở lại lắm, thấy mình đánh bài sẽ coi mình ra sao. Ông chồng trở về với cổ bài, bà nhìn ông chơi một mình mà nơm nớp sợ. Ở nhà dưới, cuộc chè chén say sưa vẫn tiếp tục.

*

Sáng hôm sau, trời hơi đẹp, cặp Macphail tìm cách tiêu khiển cho qua cái nửa tháng ngồi không ở Pago-Pago này.

Họ xuống bến, mở rương lấy ít cuốn sách ra. Ông chồng lại thăm bác sĩ giải phẫu, giám đốc bệnh viện thủy quân và được dẫn đi coi các phòng ở bệnh viện.

Lại chào ông Thống đốc mà không gặp, để thiếp lại. Giữa đường gặp cô Thompson, Macphail gỡ nón chào, cô ta vui vẻ, ồn ào đáp lễ "Chào bác sĩ". Cô ả cũng bận chiếc áo dài trắng như hôm trước. Đôi giày cao gót, lóng, để hở cặp giò mập mập đó, trong cái khung cảnh này mới chương mắt làm sao!

Bà Macphail nói:

- Ở cái xứ này mà ăn bận như vậy, coi sao được? Con người thô bỉ!

Về đến nhà, thấy cô ả đang chơi dưới mái hiên với một đứa trẻ da sạm.

Macphail nói nhỏ với vợ:

- Trò chuyện với cô ta vài câu; cô ta lẻ loi ở chốn này; mà mình làm ra vẻ như không thấy, cứ làm lơ thì không nhả.

Bà Macphail cũng hay e lệ, nhưng luôn luôn chiều ý chồng, nên cũng hỏi cô Thompson một

câu vợ vẫn:

- Hình như chúng ta ở trọ một nhà với nhau.

Cô ả đáp:

- Thật là tệ hại, há! Chui rúc trong cái chuồng ngựa này; vậy mà họ còn bảo tôi may mắn lắm mới kiếm được một căn phòng đấy. Không lẽ mà mình đi ở cái chòi của tụi bản xứ; chứ lại đó như tụi khác còn hơn. Tại sao mà họ không cất khách sạn nhỉ?

Họ nói với nhau vài câu nữa. Cô Thompson nói bô bô, miệng quai ra chỉ mong có người để kể lể, nhưng bà Macphail không biết nói gì thêm, bảo:

- Thôi, tôi phải lên phòng.

*

Tối hôm đó, tới bữa cơm, Davidson đưa tin:

- Có hai anh lính thủy ở trong phòng con đó. Nó làm quen họ cách nào nhỉ?

Bà Davidson nói:

- Chắc ả không khó tính lắm.

Cả bọn đều mệt mỏi vì suốt ngày ở không.

Macphail thở dài:

- Phải ở lại đây tới nửa tháng, không biết rồi tình trạng chúng mình sẽ ra sao?

Nhà truyền giáo đề nghị:

- Phải lập chương trình cho mỗi ngày. Tôi sẽ bỏ ra vài giờ để học, ít giờ để tập thể dục, bất kỳ mưa nắng - mùa mưa thì đợi nắng làm sao được? - thì giờ còn lại thì tiêu khiển.

Macphail nhìn bạn, không có vẻ tin lắm. Chương trình đó nặng quá đối với ông. Trong khi họ ăn món thịt bò - nhà bếp chỉ biết nấu có mỗi món đó - thì máy hát lại vang lên.

Khách khứa của cô Thompson cùng lớn tiếng hát một bản dương được thiên hạ hoan nghênh, nhưng rồi giọng oang oác của cô ả lặn át hết. Họ la hét, đùa giỡn.

Hai gia đình rán tiếp tục chuyện trò, nhưng rồi cũng phải chú ý tới tiếng li cụng nhau, tiếng ghế lết trên sàn. Chắc có thêm khách tới.

A, một dạ hội rồi đây.

Hai ông đương bàn cãi với nhau về y khoa thì bà Macphail bỗng chen vô:

- Không biết cô ta có chỗ đâu mà chứa bấy nhiêu người?

Ốc bà ta vợ vẫn dẫu dẫu. Davidson nhăn mặt lại. Mặc dầu đương nói chuyện về y khoa mà trí não ông cũng hướng về phía dưới. Thành linh trông khi bác sĩ tả vài chứng bệnh mà ông có dịp nhận xét trên mặt trận Plandre, thì nhà truyền giáo đứng phắt ngay dậy, thốt một tiếng lớn.

Bà Davidson hỏi:

- Cái gì đó, mình?

- Hiển nhiên rồi! Sao mà mình không nghĩ tới chứ? Con đó ở Iwelei ra mà!

- Vô lí!

- Nó đáp tàu ở Honolulu. Rõ ràng quá rồi. Và nó kiếm ăn ở đây. Ở đây!

Ông ta dẫn mạnh vào hai tiếng cuối, vẻ khinh bỉ.

Bà Macphail hỏi:

- Iwelei là cái gì?

Cặp mắt sâu hoắm của Davidson nhìn trừng trừng bà Macphail, giọng ông ta vang lên vì ghê tởm:

- Cái xóm quỉ ở Honolulu, xóm bình khang. Một vết dơ trên nền văn minh của chúng ta.

Iwelei của đầu tỉnh. Từ hải cảng đi vào những ngõ hẻm, trong bóng tối, qua một cái cầu lung lay, tới một đại lộ vắng vẻ đầy ổ gà, rồi thành lình vồ một khu có đèn sáng trưng. Hai bên đường có những xưởng sửa xe hơi, những quán cà phê rực rỡ, mà quê mùa, ồn ào tiếng đàn, tiếng ca, những tiệm hớt tóc và tiệm bán thuốc hút. Không khí có cái gì như kích thích, chờ đợi khoái lạc.

Con đường lớn đó chia xóm Iwelei làm hai, mỗi bên có những con đường ngang nhỏ. Queo vào những con đường này là thấy hàng dãy nhà, mà nhà nào nhà nấy xinh xắn, đẹp đẽ, sơn xanh, cách nhau bằng những lối đi rộng và thẳng. Cái vẻ đều đặn, xinh đẹp, ngăn nắp đó mà lại tiết ra một cái gì làm cho ta cái cảm giác ghê tởm; vì không ở đâu mà sự mua son bán phấn lại tổ chức có hệ thống như ở đây. Chỉ có ít ngọn đèn rải rác trên những lối đi, thành thử nếu ánh đèn trong nhà không chiếu qua cửa sổ thì ngoài đường sẽ tối tăm. Đàn ông dao tới dao lui, ngó những cô ả ngồi ở cửa sổ đương thêu thùa hoặc đọc sách, làm bộ không để ý đến khách qua đường. Đàn ông cũng như đàn bà thuộc đủ dân tộc: nào là người Mĩ, nào là những lính thủy ghe bến, tụi lính tình nguyện trên chiến hạm, say mèm, rồi tụi sáng đá da trắng và da đen đóng đồn trên đảo, bọn Nhật Bản đi từng nhóm hai ba người, bọn Hạ-Uy-Di, bọn Trung Hoa áo dài lượt lượt, bọn Phi Luật Tân đội những chiếc nón kì cục; hết thấy đều lằm lũi, như ngạt thở. Tình dục sao mà tẻ.

Davidson hống hách quát tháo:

- Ổ truy lạc trâng tráo nhất trên Thái Bình Dương. Đã bao lâu nay, các nhà truyền giáo mạt sát sự đồi bại đó và sau cùng báo chí trong miền cũng phải lên tiếng. Mà ty cảnh sát không chịu diệt. Họ viện lẽ rằng không sao tránh được cái xấu xa đó, vậy thì tốt hơn là dồn vào một khu cho dễ kiểm soát. Sự thực là họ ăn tiền. Đúng vậy, những chủ quán cà phê, tụi ma cô và chính tụi điểm nữa hối lộ họ. Nhưng rồi rốt cuộc họ cũng phải hành động.

Macphail nói:

- Tôi có đọc tin trên báo *Honolulu*.

- Đúng ngày chúng tôi tới thì xóm Iwelei với tất cả cái tội lỗi, cái nhục của nó bị diệt hẳn. Toàn dân khu đó bị đưa ra tòa... Tại sao mà lại không nhận ngay ra được con điểm đó kia chứ?

Bà Macphail bảo:

- Bây giờ nghe ông nói tôi mới nhớ rằng cô ta xuống tàu vài phút trước khi tàu chạy. Lúc đó tôi đã nhận thấy cô ta có vẻ không lương thiện.

Vấn giận dữ, Davidson la:

- Làm sao mà nó dám tới đây, kìa? Tôi không khi nào tha thứ điều đó.

Rồi ông ra rào cằng bước ra cửa.

Bà Macphail hỏi:

- Ông định làm gì vậy?

- Bà muốn tôi làm cái gì nữa bây giờ? Phải làm ngưng cái đó lại chứ. Tôi không để cho chúng nó biến cái nhà này thành... thành...

Ông ta kiếm một tiếng để khỏi làm hai bà mắc cỡ. Cảm xúc làm cho mắt ông sáng ngời, nước da đã tái lại tái thêm.

Bác sĩ nói:

- Hình như có ba bốn người đàn ông ở dưới đó. Xuống lúc này e có khinh xuất chăng?

Vị cố đạo lờm bác sĩ, vẻ khinh bỉ, rồi chẳng nói chẳng rằng, chạy ra khỏi phòng.

Bà vợ bảo:

- Ông chưa biết tính nhà tôi, không có sự nguy hiểm nào về bản thân mà có thể ngăn cản ông ấy được khi thực hành nhiệm vụ.

Bà ta ngồi, tay chấp lại vì kích thích mạnh, lưỡng quyền cao đỏ ửng lên, rán nghe xem cái gì xảy ra ở dưới. Cả ba đều lắng tai nghe. Thấy tiếng Davidson xuống cầu thang bằng cây rồi mở cửa. Thành linh tiếng ca ngưng bật nhưng máy vẫn hát vẫn ồ ồ một bản thô lỗ. Có tiếng Davidson vang lên, tiếp ngay là tiếng một vật nặng rớt xuống, âm nhạc ngừng. À, thì ra ông đã gạt cái máy xuống sàn. Rồi có tiếng Davidson với tiếng the the của cô Thompson; sau cùng là tiếng ồn ào, như có nhiều người cùng gào hét một lúc, bà Davidson thở dài, hai bàn tay nắm chặt lại. Macphail nhìn hết bà nọ đến bà kia, không biết nên làm gì. Ông không muốn xen vào chuyện đó, nhưng có lẽ hai bà mong ông xuống chẳng? Rồi như có cuộc ẩu đả. Tiếng động bây giờ rõ ràng hơn. Ông Davidson đã bị họ hất ra ngoài rồi chẳng? Cửa đóng lại cái rầm. Yên lặng một chút, rồi có tiếng ông Davidson leo cầu thang, trở về phòng.

Bà Davidson bảo:

- Tôi đi kiểm nhà tôi.

Bà ta đứng dậy, đi ra.

Bà Macphail dặn:

- Nếu tôi giúp được bà việc gì thì bà kêu tôi nhé.

Khi bạn đi khỏi, bà nói:

- Em mong rằng ông ấy không bị thương.

Bác sĩ hơi gắt:

- Khi không ông ấy xen vô làm cái gì chứ?

Họ yên lặng ngồi xuống. Được vài phút, tiếng khiêu khích của máy hát lại làm họ giật mình. Có những giọng khàn khàn ngạo nghễ hát một bài tục tĩu.

Hôm sau bà Davidson xanh xao, mặt nhọc. Bà than là nhức đầu. Về bà già đi, sạm lại. Bà kể chuyện với bà Macphail rằng cả đêm ông chồng không ngủ được, trần trọc ghê gớm rồi năm giờ sáng xuống phố. Họ hất một li rượu bia vào ông làm cho quần áo ông bết bết. Nghĩ đến cô Thompson, mặt bà Davidson sáng lên, bà bảo:

- Con đó sẽ chua xót hối hận rằng đã dám coi thường ông Davidson. Lòng ông ấy rất tốt, sẵn sàng giúp đỡ mọi người; nhưng đối với tội lỗi thì ông rất nghiêm khắc, và khi cơn giận chính đáng của ông đã bùng lên thì thật là ghê ghớm.

Bà Macphail hỏi:

- Ông nhà tính làm gì đây?

- Tôi không biết, nhưng tôi không ở vào địa vị con đó.

Bà Macphail rùng mình. Trong thái độ quyết tin đặc ý ấy có cái gì rất đáng sợ. Vì hôm đó hai bà có việc cùng đi với nhau, nên họ song song xuống cầu thang. Ngang qua cửa phòng để ngủ của cô Thompson, họ thấy cô bận một cái áo ngủ dơ dáy, đương nấu nướng cái gì trên lò.

Cô ta nhanh nhẩu:

- Mạnh giỏi? Sáng nay ông Davidson đã bớt chưa?

Họ làm thỉnh bước qua, mặt vênh lên, như không trông thấy ả.

Tiếng cười chế nhạo vang lên, làm cho họ đỏ mặt. Bà Davidson thành linh quay lại:

- Sao chị dám ăn nói với tôi như vậy hả? Chị mà chửi tôi thì tôi đuổi chị ra khỏi nơi này, nghe!

- Nay, tôi có mời ông Davidson lại chơi với tôi không? Mà ông ấy tới?

Bà Macphail vội nói nho nhỏ:

- Kệ nó, đừng đáp.

Khi đi xa rồi, không còn nghe được gì nữa, họ mới ngừng lại. Bà Davidson giận dữ gần như

ngheet thờ:

- Quân này cả gan thật, cả gan thật!

Khi trở về nhà, họ gặp cô ta mặc đồ rất bảnh, dạo ở bến. Chiếc nón rộng lớn, hoa rực rỡ, có vẻ khiêu khích. Đi ngang, cô ả gọi, giọng đùa cợt, làm cho hai bà ngượng chết đi, và hai người lính thủy Mĩ thấy vậy, cười ngạo. Về tới nhà thì mưa lại bắt đầu đổ.

Bà Davidson cười cay chua:

- Bộ đồ vía của nó sẽ hư hết.

Giữa bữa cơm trưa thì ông Davidson về, ướt như chuột lột, nhưng không chịu thay quần áo. Im lặng rầu rĩ, ông ta nuốt vài miếng rồi chăm chú nhìn những hạt mưa nghiêng nghiêng. Bà vợ kể chuyện hai lần gặp ả Thompson ông cũng không đáp, chỉ cau mày một chút, tỏ rằng có nghe.

Bà Davidson đề nghị:

- Mình có nên nói với chủ tiệm đuổi nó ra khỏi nhà này không? Không thể để cho nó chửi chúng mình được.

Macphail hỏi:

- Bảo cô ta đi đâu bây giờ?

- Lại ở với tụi thổ dân ấy.

- Thời tiết như vậy mà ở trong chòi thì bất tiện lắm.

Nhà truyền giáo nói:

Tôi đã ở chòi nhiều năm.

Khi đưa ở gái bung món ăn xen thường ngày, tức món chuối chiên lên, Davidson quay lại, bảo nó:

- Xuống hỏi cô Thompson khi nào cô ấy có thể tiếp tôi được.

Đưa ở e lệ cúi đầu rồi đi ra.

Bà Davidson hỏi:

- Tại sao mình lại muốn thăm nó?

- Anh có bốn phận phải nói với cô ta. Anh không muốn hành động trước khi cho cô ta cái cơ hội cuối cùng là để cải tà qui chính.

- Mình không biết nó mà. Nó chửi mình cho mà xem.

- Thà cô ta cứ chửi. Cứ khắc nhổ vào mặt tôi này. Linh hồn của cô ta bất diệt, và anh phải gắng hết sức tìm đủ mọi cách để cứu vớt linh hồn đó.

Tiếng cười ngạo mạn của cô ả như vẫn còn văng vẳng bên tai bà Davidson.

- Nó sa đọa quá rồi.

- Sa đọa quá đối với lòng từ bi của Chúa ư?

Cặp mắt ông bỗng sáng lên và giọng ông hóa ra êm ái, uyển chuyển:

- Không khi nào! “Khi một kẻ tội lỗi sa xuống thấp hơn cái hạ tầng của Địa ngục, thì tình yêu của Chúa Kitô cũng tới kẻ đó được”.

Đưa ở trở lên với câu trả lời:

- Cô Thompson gửi lời chào Cha Davidson; cô ấy sẽ vui lòng tiếp người, miễn là người đừng lại phá trong những giờ làm việc của cô ấy.

Nghe lời nhắn đó, ai nấy im lặng, không khí lạnh lẽo. Bác sĩ mím môi để khỏi mỉm cười sợ làm chướng mắt bà vợ: lời lẽ khiêu khích như vậy làm mà cho là vui được! Tới cuối bữa không ai nói với ai nửa lời. Rồi các bà đứng dậy, lấy kim chỉ ra. Từ đầu chiến tranh, bà Macphail đã đan vô số khăn bao mũ [\[29\]](#) và lúc này bà đang đan một cái khác. Chồng bà đốt ống điếu.

Ngồi lì ở chỗ cũ, ông Davidson ngó mặt bàn, vẻ suy nghĩ lung. Sau cùng ông đứng dậy lẳng lẳng đi ra. Họ nghe thấy tiếng ông xuống cầu thang và giọng khiêu khích của cô Thompson: “Mời vô!” khi ông ta gõ cửa. Một giờ sau ông ta mới trở ra.

Macphail ngó mưa trút. Thần kinh ông không chịu nổi nó nữa rồi. Ở bên Anh mưa lặng lẽ, nhẹ nhàng rớt xuống đất; ở đây mưa tàn nhẫn đến phát ghê; người ta tưởng đâu như trong mưa có cái ranh mãnh của những sức man dã của hóa công. Không phải là một trận mưa rào, mà là một cơn lụt, một cơn hồng thủy nó đập vào nóc tôn như tiếng búa đều đều, không ngớt, làm cho người ta hóa điên lên! Quả thực là có sự cuồng nộ trong cái mưa đó. Thỉnh thoảng người ta muốn gào lên, bảo nó ngừng đi nhưng rồi khốn khổ, thất vọng, người ta ngồi phịch xuống, uể oải, như là gân cốt bỗng sụm xuống.

Khi Davidson trở về, Macphail quay lại, và hai bà đều ngẩng đầu lên.

- Tôi đã thử đủ cách, đã khuyên nó cải tà qui chính. Con quỷ!

Ông ta ngưng nói. Bác sĩ thấy mắt ông ta tối lại và vẻ mặt xanh xao hóa cứng rắn, nghiêm khắc.

- Bây giờ thì tôi sẽ vung cây roi mà Chúa Ki tô đã dùng để trục xuất bọn đổi tiền và bọn sét-ti ra khỏi đền của Đấng Tối Cao.

Ông ta mồm môi, cau cặp mày đen, đi đi lại lại trong phòng.

- Nó có chạy trốn đến chân trời thì tôi cũng đuổi theo đến cùng.

Thình lình ông ta quay lại rồi chạy ra khỏi phòng. Người ta lại nghe thấy ông xuống cầu thang.

Bà Macphail hỏi:

- Ông ấy làm gì thế này?

- Tôi không biết.

Bà Davidson gỡ cặp kính kẹp mũi để lau.

- Khi nhà tôi làm việc cho Chúa thì không khi nào tôi hỏi han gì cả.

Nói xong rồi thở dài.

- Bà làm sao vậy?

- Nhà tôi không biết giữ sức, kiệt sức mất thôi.

Người chủ nhà cho bác sĩ hay kết quả đầu tiên của Davidson. Macphail đang đi ngang cửa tiệm, thì Horn bước ra bắt chuyện, vẻ mặt lo lắng dữ.

- Cha Davidson trách tôi sao lại cho cô Thompson mượn phòng, nhưng trước kia tôi đâu có biết cô ấy là ai. Có kẻ nào lại mượn phòng thì tôi chỉ cần biết kẻ ấy trả nổi tiền phòng hay không. Mà cô ta đã trả trước một tuần.

Bác sĩ không muốn liên lụy vào vụ đó.

- Nghĩ cho cùng thì ông là chủ nhà. Ông cho chúng tôi ở trọ cũng là may cho chúng tôi rồi.

Horn dò xét bác sĩ, vẻ nghi ngờ. Macphail bênh vực Davidson tới cái mức nào? Rồi hấn ngập ngừng, tiếp:

- Tất cả các nhà truyền giáo đều vào phe với nhau. Khi các ông ấy tấn công một con buôn nào thì chỉ còn cách là đóng cửa tiệm rồi bỏ xứ.

- Ông ấy có yêu cầu ông đuổi cô ta đi không?

- Không, miễn là cô ta có thái độ đàng hoàng. Ông ấy bảo không muốn tỏ vẻ bất công đối với tôi. Tôi đã hứa không cho cô ấy tiếp khách nữa. Tôi mới bảo cô ấy đây.

- Cô ta nghĩ sao?

- Cô ta chửi vào mặt tôi.

Chủ nhà lúng túng vụng về trong chiếc quần trắng cũ. Cô Thompson này khó xử quá.

- Có lẽ cô ta sẽ dờn chỗ. Không được tiếp khách nữa thì ở đây làm cái gì, phải không ông? - Cô ta đi đâu bây giờ, vô ở trong một cái chòi nào đó ư?

Vả lại lưới tầm sắt của các nhà truyền giáo đã bố xuống thì có người thổ dân nào dám chứa cô ta nữa.

Bác sĩ nhìn mưa.

- Đợi tạnh làm gì, hoài công!

Tối hôm đó trong phòng khách, Davidson kể lại hồi ức ở trường Trung học. Nhà nghèo, ông ta phải làm đủ các việc kì cục trong các vụ nghỉ để có tiền ăn học.

Dưới nhà yên lặng. Cô Thompson ngồi một mình trong căn phòng nhỏ. Bỗng có tiếng máy hát. Cô vặn lên để khiêu khích mà cũng để có vẻ bớt cô liêu, nhưng chẳng có ai ở đó để ca, thành thử nghe nó buồn như một tiếng kêu gọi chói vói. Davidson không để ý tới. Thản nhiên, ông tiếp tục câu chuyện dài ông đương kể. Máy hát vẫn chạy. Cô Thompson thay đĩa hoà. Hình như cảnh tịch mịch ban đêm làm cho cô ta chịu không nổi.

Không khí oi bức và nặng nề. Ông bà Macphail chớp mắt không được. Nằm cạnh nhau, mắt mở thao láo, họ nghe tiếng muỗi vo ve đến bức mình ở ngoài mừng.

Bà Macphail thì thầm:

- Cái gì vậy?

Bên kia bức vách, có tiếng ai đều đều, hăng hái, khẩn khoản. Tiếng ông Davidson. Ông ta lớn tiếng cầu nguyện cho linh hồn cô Thompson.

*

Hai ba ngày trôi qua. Bây giờ gặp nhau ngoài đường, cô Thompson không chào hoặc mỉm cười với họ một cách thân mật, mỉa mai nữa, mà làm bộ như không thấy, mũi hếch lên trời, môi bĩu, mặt nhăn nhó, bực phẫn.

Chủ nhà cho ông Macphail hay rằng cô ta rán kiếm chỗ khác để ở mà không ra. Đêm đến, cô lại quay cho hết loạt đĩa của mình, nhưng rõ ràng rằng là cái vui đó giả tạo. Điều giật giật thể thảm vang lên như một hành khúc tuyệt vọng vậy.

Đêm chủ nhật, khi ả bắt đầu cho máy chạy thì ông Davidson nhấn chủ nhà bảo ả ngưng lại tức thì vì hôm đó là ngày của Chúa. Người ta gỡ đĩa ra. Căn nhà lại tịch mịch trở lại, chỉ còn nghe tiếng mưa lộp độp đều đều trên mái tôn.

Hôm sau chủ nhà kể lại với ông Macphail:

- Tôi ngờ rằng cô ta hoang mang. Cô ta không rõ thâm ý của ông Davidson ra sao và đâm hoảng.

Cũng buổi sáng hôm đó, Macphail đã gặp cô Thompson, ngạc nhiên vì vẻ mặt cô ả trước kia vênh váo bây giờ đã thay đổi hẳn. Y như một con vật bị tróc nã. Horn liếc mắt nhìn bác sĩ:

- Chắc ông cũng không ngờ rằng ông Davidson đương nghĩ một mưu sâu nào chứ?

- Không. Tôi không biết chút gì hết.

Câu hỏi đó làm cho Macphail ngạc nhiên. Chính ông ta cũng có cảm tưởng rằng Davidson hoạt động gì đó bí mật, như dệt một cái lưới chung quanh cô ả, kiên nhẫn, tỉ mỉ dệt, để đợi một cơ hội đến, xiết chặt lại.

Horn tiếp tục:

- Ông ấy có nhờ tôi bảo cô ta rằng bất kì giờ nào, nếu cần điều gì thì cứ cho hay, ông ấy sẽ tới liền.

- Cô ta trả lời ra sao?

- Không đáp gì cả. Tôi không đứng lại lâu, nhẵn xong thì ra liền. Cô ta có vẻ như muốn khóc.

Bác sĩ nói:

- Cảnh cô độc đó chắc làm cho cô ta chịu không nổi. Với lại, ai mà chịu nổi những trận mưa này - giọng ông bức tức khi thốt ra câu đó - Mưa hoài mưa hủ, không chịu ngừng sao, ở cái địa ngục này!

- Mùa này thì ngày nào cũng mưa. Mưa tới gần tám thước mỗi năm. Tại địa thế như vậy. Ông thấy không, cái vịnh này thu hút hết cả mưa ở Thái Bình Dương vào đây.

Bác sĩ rửa:

- Cái vịnh mắc dịch!

Quao quao ông ta gãi mấy nốt muỗi đốt. Sau cơn mưa, mặt trời chói lọi thì không khí nóng bức, ẩm thấp, ngột thở y như ở trong một cái nhà kính để trồng cây. Người ta có cảm giác lạ lùng rằng cái gì cũng phát triển mạnh mẽ một cách man rợ. Thổ dân mà ai cũng nhận là bầm tít vui vẻ, ngây thơ mà lúc đó cũng có vẻ hung ác. Coi những mớ tóc nhuộm, những hình xăm trên mình họ, ta thấy sợ, và nghe tiếng họ lon-ton, chân không ở sau lưng ta, ta bất giác quay lại, hoảng hốt tưởng đâu như con dao dài họ thủ trong tay sắp cắm phập vào giữa hai bả vai của ta. Sau cặp mắt mở rộng ra kia, có những ý tưởng hắc ám gì đây? Họ làm cho ta nhớ tới hình những người Ai Cập cổ đục ở trên tường các đền đài, mà chung quanh là cái không khí sợ cái dĩ vãng thăm thẳm.

Ông Davidson đi đi về về. Ông ta bận việc lắm, nhưng ông bà Macphail không biết làm gì. Horn kể chuyện với bác sĩ rằng ông Davidson ngày nào cũng lên thăm Thống đốc. Một lần, ông ta ám chỉ những cuộc thăm viếng đó:

- Ông Thống đốc có vẻ là người cương quyết mà xét cho kĩ thì mới thấy ông ấy nhu nhược.

Macphail mĩa mai:

- Nghĩa là không làm theo ý của ông đưa ra chứ gì?

Nhà truyền giáo không mỉm cười:

- Tôi yêu cầu ông ấy làm tròn bốn phận. Cần gì phải lí luận về bốn phận nữa? Chỉ cho người ta thấy cũng đủ rồi.

- Nhưng về điểm đó, ý kiến có thể mỗi người một khác.

- Nếu chân một người bị chứng hoại thư, mà người ta do dự không chịu cưa đi, thì ông có bức mình không?

- Bệnh hoại thư là một sự kiện.

- Thế còn cái ác không phải là một sự kiện à?

*

Nhưng rồi người ta cũng thấy ngay công việc làm của ông Davidson. Họ mới ăn cơm trưa xong, còn ngồi ở bàn, chưa về phòng riêng, mặc dầu hai bà và viên bác sĩ cần phải nghỉ trưa vì trời nóng nực quá. Davidson không có thói bạc nhược đó. Thành linh cửa mở ra và cô Thompson vô. Nhìn quanh một lượt rồi cô ta tiến lại phía Davidson.

- Đồ chó ghẻ, đi mách lẻo cái gì với ông Thống đốc đấy, hở?

Cô ta lắp bắp vì giận quá, muốn hóa điên. Yên lặng một chút. Rồi vị cố đạo kéo ghế:

- Ngồi chơi, cô Thompson? Tôi muốn nói chuyện với cô đây.

- Thì nói đi, đồ chó hoang!

Cô ta xổ ra một hơi những lời chửi kịch liệt và tục tĩu. Davidson nghiêm nghị nhìn cô ta một cách chăm chú.

- Lời chửi của cô không làm động lòng tôi đâu, cô Thompson, nhưng cô phải nhớ rằng có hai bà này nữa.

Cô ả tức quá, thút thít. Mặt cô ta nổi gân lên, tím lại, như nghẹt thở.

Bác sĩ hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

- Một thằng tướng lại bảo tôi rằng chuyển tàu sau thì phải đông.

Mắt Davidson sáng lên, nhưng vẻ mặt vẫn thản nhiên.

- Cô có thể tin rằng trong trường hợp như vậy, Thống đốc cho phép cô ở lại đây sao?

Cô ả gào lên:

- Là tại ông. Tôi biết rồi, ông đừng chối. Tại ông hết.

- Tôi chối làm cái gì? Đúng vậy, tôi đã nói cho ông Thống đốc hiểu rằng chỉ có mỗi một hành động hợp với bốn phần của ông ấy.

- Ông không thể để yên cho tôi được ư? Tôi có làm hại gì ông đâu?

- Nếu cô không làm hại tôi thì không khi nào tôi lại thù cô.

- Vậy thì ông tưởng rằng tôi ham ở lại cái nơi khốn khổ, chợ không ra chợ, quê không ra quê này ư? Tôi đâu phải là dân rừng rú?

- Vậy thì cô phần nản về cái gì?

Cô ả hét lên một tiếng rồi chạy ra.

Im lặng một lúc. Rồi Davidson nói:

- Hay tin ông Thống đốc đã hoạt động, tôi thấy nhẹ người. Ông ta nhu nhược, do dự. Lấy lẽ rằng cô ta chỉ ở đây có nửa tháng rồi đi Apia, mà Apia thuộc về địa phận của Anh, ông ta bảo chuyện đó không liên can gì đến ông ta hết.

Thình lình, ông đứng lên, đi đi lại lại trong phòng.

- Thấy những nhà cầm quyền trốn tránh trách nhiệm, tôi nghĩ mà gớm! Nghe họ nói thì ta tưởng rằng cái ác, một khi giấu kín nó đi, thì không còn là cái ác nữa. Xã hội mà có người như con đó, đủ là cái ô nhục rồi, đem nó tặng cho một đảo khác, đâu phải là một giải pháp? Sau cùng tôi phải dùng một cách quyết liệt. Mày ông cau lại, cầm nhô ra, vẻ cương quyết.

- Cách quyết liệt là làm sao?

- Hội truyền giáo của chúng tôi không phải là không có uy quyền trong giới Washington. Tôi cho ông Thống đốc hiểu rằng nếu có lời kêu nài về sự cai trị của ông thì không có lợi gì cho ông hết.

Yên lặng một lúc, bác sĩ hỏi:

- Bao giờ cô ta phải đi?

- Thứ ba tuần tới có một chuyến tàu ở Sydney ghé qua đây rồi đi San Francisco. Nó phải đi chuyển đó.

Tính ra còn năm ngày nữa. Hôm sau Macphail ở nhà thương về không biết làm gì - buổi sáng nào ông cũng đến đó - tới cầu thang thì chủ nhà gọi giật ông lại:

- Xin lỗi bác sĩ, cô Thompson đau. Mời ông vô coi mạch giùm cho cô ấy.

- Được.

Horn dắt ông ta vô phòng cô Thompson. Bận chiếc áo dài trắng, đội chiếc nón lớn có hoa, cô ta ngồi trong một chiếc ghế, uể oải, mắt đăm đăm. Macphail nhận thấy làn da vàng úa, bèo nhèo sau lớp phấn, vẻ mặt kém tinh thần, chán nản.

- Tôi hay tin cô khó ở.

- Thực ra tôi không đau gì cả. Tôi nói vậy để muốn gặp ông. Người ta bắt tôi phải cuốn gói xuống chiếc tàu Frisco tuần tới.

Cô ta nhìn bác sĩ, mắt có vẻ sợ sệt. Bàn tay cô ta mở ra, nắm lại như bị bệnh thần kinh. Chủ

tiệm đứng ở cửa, nghe.

Bác sĩ nói:

- Tôi có hay tin đó.

Cô ả nuốt nước bọt.

- Lúc này mà phải về Frisco thì không tiện cho tôi. Chiều hôm qua tôi lại thăm ông Thống đốc nhưng người ta không cho tôi vô. Thấy thư kí bảo tôi phải theo lệnh là xuống tàu. Vì tôi cần gặp mặt ông Thống đốc, nên tôi đứng đợi trước tư dinh của ông, rồi khi ông ở trong bước ra, tôi nín ông lại. Thấy rõ rằng ông ấy không muốn nói chuyện với tôi, nhưng tôi nhất định không buông ông ra và cuối cùng ông bảo nếu Cha Davidson bằng lòng thì ông ấy cũng không ngăn cản gì cả, sẽ để cho tôi ở lại đây, đợi chuyển tàu đi Sydney.

Cô ta ngừng rồi lo lắng nhìn bác sĩ.

Bác sĩ nói:

- Tôi không biết có thể giúp cô được việc gì.

- Đây! Tôi nghĩ rằng có lẽ ông sẵn lòng nói giúp tôi với ông ấy. Nếu ông ấy để cho tôi ở lại đây, thì tôi thề rằng sẽ không làm gì bậy bạ. Tôi sẽ không ra khỏi nhà này, nếu ông ấy muốn. Chỉ nửa tháng thôi mà.

- Để tôi hỏi ông ấy xem.

Horn nói:

- Ông ấy sẽ từ chối. Ông ấy muốn cô cuốn gói vào thứ ba tuần tới. Cô nên chịu vậy đi.

- Ông nói giùm với ông ấy rằng ở Sydney, tôi kiếm được việc làm được, công việc lương thiện. Tôi xin như vậy đâu phải là quá.

- Tôi sẽ gắng sức.

- Ông trả lời ngay cho tôi hay nhé? Tôi phải quyết định không được cách này thì xoay cách khác.

Macphail không ưa cái lối vận động đó, và có lẽ do bản tính, ông dùng một cách gián tiếp. Ông kể lại câu chuyện cho bà vợ, bảo bà nói với bà Davidson. Thái độ của ông Davidson có vẻ độc tài quá, cho cô ả đó ở lại Pago-Pago nửa tháng có hại gì đâu chứ? Macphail không ngờ kết quả trái hẳn ý mình. Nhà truyền giáo gặp ông, nói thẳng ngay:

- Nhà tôi bảo rằng con Thompson đó đã kể lể gì với ông.

Bị tấn công trực tiếp như vậy, bác sĩ phản kháng lại theo lối của những người nhút nhát bị kẻ khác dồn vào góc tường. Ông ta nổi giận, mặt đỏ gay.

- Cô ta đã hứa sẽ không làm gì bậy trong khi ở đây, thì đi Sydney hay đi San Francisco cũng vậy chứ khác gì? Sao mà ngược đãi người ta một cách tàn nhẫn vậy?

Davidson ngó bác sĩ trừng trừng:

- Tại sao nó không muốn trở về San Francisco?

- Tôi không hỏi nên không biết. Theo tôi, đèn nhà ai nấy tỏ.

Lời đáp đó có vẻ thiếu lịch sự.

- Ông Thống đốc ra lệnh hễ có chiếc tàu nào rời bến là trục xuất nó liền. Đó là bốn phần của ông ấy, tôi không muốn can thiệp vào đó. Nó ở đây là một cái nguy hiểm cho thành phố này.

- Đích thị là áp chế.

Hai bà ngó bác sĩ, lại lo ngại có sự xung đột. Nhưng thái độ của Davidson làm cho họ vững lòng: ông ta mỉm cười, ngọt ngào:

- Bác sĩ, tôi rất tiếc rằng ông đã nghiêm khắc với tôi như vậy. Xin ông tin rằng nghĩ tới kẻ không khổ đó, lòng tôi như thắt lại: tôi chỉ rán làm tròn bốn phần của tôi thôi.

Bác sĩ không đáp. Bực tức, ông ta nhìn ra cửa sổ. Lần này trời mới tạnh. Bên kia vịnh, những chòi lá của thổ dân nép trong bụi cây.

Ông ta bảo:

- Được lúc hết mưa, tôi đi chơi đây.

Davidson âu sầu cười gượng, nói thêm:

Bác sĩ đừng giận vì tôi không làm vừa lòng bác sĩ được nhé. Tôi mến bác sĩ lắm, bác sĩ trách tôi, tôi buồn lắm đấy.

Macphail đáp liền:

- Ông có đủ lòng tự ái để có thể vui vẻ nghe lời chỉ trích của tôi mà.

Davidson cười:

- Đập nhau rồi đó.

Thấy lời vô lễ của mình chẳng có kết quả gì, Macphail hơi ngượng, xuống cầu thang. Cô Thompson đứng rình ở bên cửa hể mở.

- Sao, ông đã nói giùm cho chưa?

Lúng túng, ông không dám ngó thẳng cô ta, đáp:

- Nói rồi, ông ấy không nghe. Tôi buồn cho cô.

Cô ả khóc, mặt tái đi, vẻ sợ sệt. Thấy vậy Macphail thương hại, nảy ra một ý:

- Chưa tuyệt vọng hẳn. Người ta đối đãi với cô như vậy là một sự nhục nhã. Tôi lại nói thẳng với ông Thống đốc.

- Ngay bây giờ?

Macphail gật đầu. Mặt cô ả tươi lên.

- Vậy thì quý hóa quá. Nếu ông xin giùm thì chắc chắn tôi được ở lại và suốt thời gian ở lại, tôi sẽ không làm gì bậy bạ nữa.

Macphail không hiểu cái gì thúc đẩy mình can thiệp với Thống đốc giùm cho cô ả. Ông thần nhiên với chuyện cô Thompson nhưng Davidson đã làm cho ông nổi giận. Cơn giận của ông bao giờ cũng âm ỉ trong lòng ông.

Ông lại thăm ông Thống đốc tại tư dinh. Thống đốc là một sĩ quan trong thủy quân, cao lớn, đẹp trai, râu mép đen, cắt thành hình bàn chải, bận quân phục trắng rất đàng hoàng.

- Tôi lại thăm ông về một thiếu phụ ở chung nhà trọ với tôi. Tên cô ta là Thompson.

Thống đốc mỉm cười:

- Tôi bắt đầu ngán việc đó rồi. Tôi đã cho cô ta hay là thứ ba tuần tới phải xuống tàu, không có cách nào khác.

- Tôi muốn xin ông cho phép cô ta ở lại đây đợi chuyến tàu ở San Francisco lại, như vậy cô ta có thể đi Sydney. Tôi đảm bảo cho hạnh kiểm cô ta.

Viên Thống đốc vẫn mỉm cười, nhưng mắt ông chớp chớp rồi vẻ mặt hóa nghiêm trang.

- Tôi muốn giúp bác sĩ lắm, nhưng lệnh đã ra thì phải giữ.

Macphail rần rần trình bày trường hợp một cách hợp lí nhất, nhưng bây giờ thì nụ cười đã tắt hẳn trên môi viên Thống đốc. Ông này buồn bực nghe, cặp mắt xa xăm; Macphail cảm thấy rằng có gắng sức cũng vô ích.

- Làm cho một người đàn bà nào phải buồn khổ tôi cũng ân hận lắm; nhưng trường hợp này không thể làm khác được, thứ ba cô ấy phải xuống tàu.

- Có cái gì mà cần phải như vậy?

- Xin lỗi bác sĩ, tôi chỉ trình bày lí do với cấp trên của tôi thôi.

Macphail xoi bói nhận xét ông ta.

Davidson đã chẳng có lần nói bóng bẩy về vài cách dọa dẫm nào đó ư? Thái độ viên Thống đốc có vẻ lúng túng lạ.

Macphail tức giận, lớn tiếng:

- Davidson là một tên mật thám đê tiện!

- Giữa chúng mình với nhau, bác sĩ, tôi có thể nói rằng tôi không có thiện cảm với ông ta lắm; nhưng tôi phải nhận rằng ông ta có lí khi ông chỉ cho tôi rằng một người đàn bà như cô Thompson ở một nơi mà lính tráng trà trộn với thổ dân như nơi này, là một điều tai hại.

Nói xong, đứng dậy; bác sĩ cũng phải đứng dậy theo.

- Xin lỗi ông, tôi có hẹn. Ông cho tôi gởi lời chào bà nhà.

Macphail gầm mặt mà đi. Ông ta biết rằng cô Thompson đợi mình. Không muốn thú thật sự thất bại của mình, ông ta đi cửa sau, lén lên cầu thang như giấu diếm một cái gì.

*

Tới bữa cơm tối, thái độ hai ông trái ngược nhau; Macphail thì im lặng ngượng ngịu, còn Davidson thì vui vẻ, hoạt bát. Macphail tưởng chừng như trong mắt Davidson có những tia sáng vui vẻ của kẻ thắng trận. “Hắn có biết mình lại can thiệp với ông Thống đốc mà thất bại không nhỉ? Nhưng hắn làm cách nào mà biết được? Năng lực của hắn có cái gì đáng ghê sợ”.

Sau bữa cơm, viên bác sĩ thấy Horn ở ngoài hiên tiến lại, như để trò chuyện.

Chủ tiệm thì thầm:

- Cô ta muốn biết ông đã gặp ông Thống đốc chưa?

- Gặp rồi, mà ông ấy không chịu nghe. Tôi hết phương rồi. Tôi nghiệp cho cô ấy.

- Tôi cũng biết trước như vậy. Họ đâu dám chống cự với các nhà truyền giáo.

Davidson lại gần nhả nhận hỏi:

- Các ông nói chuyện gì với nhau đó?

Chủ tiệm khúm núm đáp:

- Dạ, tôi mới nói rằng các ông bà còn phải ở đây ít nhất là một tuần nữa mới có thể đi Apia được. Nói xong rồi đi. Hai ông kia trở vô phòng khách. Sau mỗi bữa cơm, ông Davidson nghỉ ngơi chừng một giờ. Một lúc sau, có tiếng gõ nhẹ nhẹ, rụt rè ở cửa.

Bà Davidson lên tiếng the thé:

- Cứ vô.

Cửa vẫn khép. Bà ta đứng dậy, ra mở. Cô Thompson hiện ra ở bậc cửa, bộ dạng hoàn toàn thay đổi. Mất hẳn cái vẻ xấc lảo, ngạo mạn đối với các bà mấy hôm trước khi gặp nhau ngoài đường, chỉ còn cái vẻ sợ sệt, tán đởm, mớ tóc thường vẫn một cách cầu kỳ, bây giờ xỏa xuống gáy. Y phục thì lôi thôi, dép thì vệt gót, mặt đầy nước mắt, cô ta thập thò ở cửa không dám vô.

Bà Davidson hỏi sảng:

- Muốn gì hở?

Giọng ghen ngào, cô ả đáp:

- Thưa bà, tôi muốn nói chuyện với ông nhà ta, không biết được không ạ?

Nhà truyền giáo đứng dậy, tiến lại, ân cần đáp:

- Vô đi cô Thompson. Tôi giúp cô được việc gì đây?

Cô ta bước vô.

- Tôi ân hận rằng hôm trước đã thất lễ với ông. Hôm ấy chắc tôi say ả. Xin ông tha thứ cho ả.

- Ổ có gì đâu... Cái lưng của tôi đủ rộng để chịu được vài lời xấc láo mà.

Cô ả tiến lại gần ông ta, thái độ khúm núm một cách dè dặt, đến tởm.

- Ông đã thắng rồi. Tôi quy phục ông. Nhưng ông đừng đuổi tôi về Frisco chứ?

Vẻ hiền lành của Davidson biến đâu mất. Giọng ông sắc và nghiêm, ông hỏi:

- Tại sao cô không chịu về đó?

Cô ả cúi đầu xuống.

- Gia đình tôi ở đó. Người thân sẽ thấy tôi truy lạc tới cái nông nổi này. Trừ nơi đó ra, ông bảo tôi đi đâu, tôi cũng xin vâng.

- Vậy thì tại sao lại không chịu về San Francisco?

- Tôi đã thưa với ông rồi ạ.

Ông ta nghiêng mình ngó cô ả, như muốn dò xét tận đáy tâm hồn cô ta. Thành linh ông bảo:

- Nhà khám.

Cô ả hét lên một tiếng. Ngồi sụp xuống sàn, ôm chân cố đạo.

- Xin ông đừng đuổi tôi về đó. Trước mặt Chúa tôi xin thề với ông rằng tôi sẽ hoàn lương. Tôi sẽ từ bỏ đời sống hiện thời.

Tiếp theo những lời năn nỉ thao thao, nghe không rõ. Nước mắt đầm đìa trên má loang lổ những phấn. Davidson lại cúi xuống, đỡ đầu cô ta lên, nhìn vào mắt cô ta:

- Nhà khám, phải vậy không?

Cô ta thú, giọng hỗn hển:

- Tôi đã trốn thoát. Nếu tội mã tà bắt lại được thì tôi phải ngồi khám ba năm.

Ông ta gỡ không cho ả ôm. ả khóc nức lên, té đánh bịch như một bao gạo, viên bác sĩ đứng dậy:

- Điều đó thay đổi cả vấn đề rồi. Đã biết thực sự, ông không thể bắt cô ấy trở về lại nơi đó nữa. Đưa sào cho cô ấy nắm, cho cô ấy cơ hội lập lại cuộc đời.

- Tôi cho cô ấy cơ hội độc nhất. Nếu cô ấu biết hối hận thì phải nhận hình phạt.

Cô ả không hiểu. Cặp mắt sưng húp chiếu ra một tia hi vọng, ả ngẩng đầu lên.

- Ông cho tôi được tự do ư?

- Không. Thứ ba xuống tàu đi San Francisco.

Cô ả rên rỉ vì sợ hãi, kêu la, giọng ồ ồ, khàn khàn, không ra tiếng người nữa. Cô ta đập đầu vào sàn như một mụ điên. Bác sĩ chạy lại.

- Bình tĩnh lại chứ! Về phòng mà nghỉ đi. Tôi sẽ kiểm thuốc cho.

Bác sĩ đỡ cô ả dậy, giận rằng bà Davidson và vợ mình không ai tiếp tay cả, rồi nửa vục, nửa kéo, ông ta dắt cô xuống cầu thang được. Chủ tiệm đứng đợi ở chân cầu thang, tiếp ông khiêng cô đặt vào giường. Gần mê man, cô ra chỉ sứt sứt rên rỉ nhỏ nhỏ. Bác sĩ chích một mũi thuốc ở dưới làn da. Vừa mệt, vừa nức, ông trở lên phòng khách.

- Tôi cho cô ấy nằm rồi.

Hai bà và ông Davidson vẫn ngồi trơ trơ y như hồi bác sĩ xuống thang, chắc chắn trong thời gian đó, không ai cử động, nói năng gì cả.

Davidson bảo, giọng xa xăm, lạ lùng:

- Tôi đợi ông về. Nào chúng ta cùng cầu nguyện cho người em gái lạc đường của chúng ta nào.

Nhà truyền giáo lại một cái kệ lấy quyển Thánh Kinh, rồi ngồi vào bàn. Vì người ở vẫn chưa

dọn bàn, ông đẩy ấm trà ra xa, rồi bằng một giọng mạnh mẽ, trầm và vang, ông đọc chương về sự gặp gỡ của Giêsu với dân phụ.

- Bây giờ chúng ta quỳ xuống và cầu nguyện cho cô em Sadie Thompson của chúng ta được sạch tội.

Ông hăng hái cầu nguyện rất lâu, xin Chúa thương hại kẻ tội lỗi. Các bà ôm mặt quỳ cả xuống, còn ông Macphail gặp lúc bất ngờ quá, nên vụng về và luống cuống, cũng quỳ theo. Davidson cầu nguyện một cách hùng hồn man dã: cảm xúc quá mạnh, nước mắt tràn lên má. Mưa vẫn tuôn, tàn nhẫn tuôn hoài tuôn hủy; hăng hái tuôn một cách quái ác như loài người vậy.

Sau cùng ông ta ngừng, nghỉ một lúc rồi bảo:

- Nào, bây giờ chúng ta đọc kinh *Lạy Cha*.

Ông ta đứng dậy, ba người kia làm theo. Bộ mặt nhợt nhạt của bà Davidson đã tươi ra, bình tĩnh lại. Ông bà Macphail, trái hẳn, thỉnh thoảng thấy ngượng ngịu, không biết ngó phía nào.

Ông chồng nói:

- Tôi xuống xem cô ấy ra sao nhé.

Horn mở cửa cho ông. Cô Thompson khóc tỉ tê trong một chiếc ghế bành.

Ông Macphail la:

- Cô làm gì đó? Tôi đã bảo phải nằm kia mà.

- Không thể nằm được ông ạ. Tôi muốn thưa chuyện với ông Davidson.

- Tội nghiệp! Còn hi vọng gì nữa? Không thể nào làm cho ông ấy cảm động được đâu.

- Ông ấy đã bảo tôi rằng nếu cho người gọi thì ông ấy sẽ xuống.

Macphail ra hiệu cho chủ nhà: "Mời ông ấy xuống!". Trong lúc Horn đi, ông ta ngồi đợi ở bên cạnh cô Thompson, không nói năng gì hết. Davidson vô.

Cô Thompson nói:

- Xin lỗi ông, đã làm mất công ông xuống.

- Tôi đợi cô gọi tôi. Tôi biết rằng Chúa sẽ nghe lời cầu nguyện của tôi.

Họ chăm chú nhìn nhau một lúc, rồi cô Thompson quay mặt đi, nói:

- Tôi đã xấu xa. Bây giờ tôi muốn chuộc tội.

- Lạy Chúa! Lạy Chúa! Chúa đã nhận lời cầu nguyện của chúng con. Rồi quay lại nói với hai người kia: Để cho tôi ở lại đây một mình với cô ấy và cho nhà tôi hay rằng Chúa đã nghe lời cầu nguyện của chúng ta.

Họ đi ra, khép cửa lại.

Horn bảo:

- Kì cục, ta!

Đêm đó, bác sĩ trần trọc mãi mới ngủ được. Khi nghe tiếng chân Davidson lên cầu thang, ông ta ngó đồng hồ: hai giờ khuya. Mà ông cố đạo vẫn chưa đi ngủ. Qua tấm kính, Macphail còn nghe tiếng cầu nguyện, cho tới lúc mệt quá, thiếp đi mà không hay. *Sáng hôm sau, về mặt nhà truyền giáo làm cho Macphail ngạc nhiên. Một nhọc, xanh xao hơn trước nữa, nhưng cặp mắt sáng ngời, như có ngọn lửa thiêng nào cháy ở trong lòng, nên mặt mày hớn hở lạ lùng.

Davidson bảo:

- Lúc nữa, ông làm ơn xuống coi mạch giùm cho Sadie nhé? Tôi không tưởng rằng cô ấy bình phục, nhưng linh hồn - linh hồn cô ấy đã thay đổi hẳn.

Bác sĩ thấy uể oải, mặt bình tĩnh nói:

- Đêm qua, ông ở dưới đó khuya quá.

- Phải, cô ấy đòi tôi ở lại, hễ vắng tôi thì chịu không nổi.

Bực mình, Macphail có giọng mỉa mai:

- Bây giờ ông có vẻ vui như mở hội rồi.

Mắt Davidson sáng ngời vì khoái chí.

- Chúa đã ban cho tôi một niềm vui lớn. Đêm qua tôi đã được cái đặc ân dắt một con chiên lạc đàn về dâng cho Chúa.

Cô Thompson lại ngồi thu mình trong cái ghế bành ở giữa căn phòng lộn xộn. Giường không dọn. Quần áo cũng chẳng buồn thay, vẫn bận chiếc áo ngủ dơ dáy, và tóc thì quăn vội vàng như một mớ bông bong. Cô ta đã lấy khăn ướt chùi mặt nhưng mắt còn húp lên và còn vệt nước mắt. Coi mà thảm hại.

Mệt mỏi, thất vọng, sợ sệt, cô ta ngược mắt nhìn bác sĩ, vẻ ngây dại, hỏi:

- Ông Davidson đâu?

Macphail chưa chát đáp:

- Nếu cô muốn, thì lát nữa ông ấy xuống. Tôi vô thăm bệnh trạng của cô.

- Không sao. Tôi, tôi bình thường. Ông đừng lo gì cả.

- Cô đã ăn uống gì chưa?

- Horn có mang cà phê lại cho tôi.

Cô ta lo lắng nhìn về phía cửa:

- Ông tin rằng ông ấy sắp xuống chứ? Có ông ấy gần, tôi thấy mọi sự đỡ ghê rợn.

- Thứ ba cô vẫn phải xuống tàu chứ?

- Vâng. Ông ấy bảo phải vậy. Xin ông lên nói giùm để ông ấy xuống ngay tức thì đi. Ông không giúp tôi được việc gì đâu. Từ nay chỉ ông ấy cứu giúp được thôi.

Bác sĩ đáp:

- Được.

*

Trong ba ngày, trừ những bữa cơm là Davidson lên lầu gặp ba người kia còn thì ở miết trong phòng Sadie Thompson. Macphail nhận thấy rằng ông ta ăn rất ít.

Bà Davidson thương hại cho chồng:

- Nhà tôi kiệt sức mãi; không giữ gìn rồi thì đau ọ, nhưng có bao giờ ông ấy biết giữ sức đâu.

Chính bà ta cũng xanh xao, mệt nhọc, bảo với Macphail rằng mình thiếu ngủ. Ban đêm, ở phòng cô Thompson lên, nhà truyền giáo cầu nguyện cho tới khi mệt lả mới thôi, vậy mà cũng không ngủ được lâu. Nằm xuống được một hai giờ rồi dậy, thay quần áo, đi dạo trên bờ biển. Ngủ thì mộng thấy những cái kì dị.

Bà Macphail kể:

- Sáng nay, ông ấy bảo tôi rằng ông ấy mộng thấy dãy núi Nebraska.

Bác sĩ Macphail bảo:

- Kì quá ta!

Ông Macphail nhớ lại có lần ngồi trên xe lửa đi ngang qua châu Mỹ, ngó qua cửa sổ thấy dãy núi Nebraska. Núi đột khởi giữa một cánh đồng, tròn và nhẵn, tựa những nắm hang chuột chũi khổng lồ. Ông ngạc nhiên, sao thấy nó giống vú đàn bà quá.

Chính ông Davidson cũng không chịu được sự kích động đó, nhưng nhờ một nỗi hoan hỉ lạ

lòng, ông chưa đến nỗi quý. Ông nhớ cho hết những rổ cuối cùng của tội lỗi trong chỗ sâu kín nhất của lòng thiếu phụ.

Ông đọc kinh, tụng kinh với nàng.

Một hôm, trong bữa cơm tối, ông nói:

- Thực là mầu nhiệm. Đích là một sự phục sinh. Tâm hồn nàng trước kia tối tăm như vậy, bây giờ trong trắng như tuyết trên trời mới rơi. Tôi thấy tôi hèn mọn và sợ sệt. Sự cải tà đổ thực đẹp đẽ. Tôi không đáng được rờ gấu áo nàng nữa.

Bác sĩ hỏi:

- Ông còn đủ can đảm để trục xuất cô ta về San Francisco nữa không? Ba năm trong một nhà khám Huê Kỳ. Tôi tưởng rằng ông có thể tránh cho cô ta được cái khổ đó chứ.

- Nay, ông không thấy điều đó cần thiết sao? Ông tưởng rằng lòng tôi không chua xót vì nàng sao? Tôi yêu nàng như yêu vợ, yêu em gái tôi vậy. Suốt cái thời nàng ngồi khám, nàng chịu những đau khổ nào thì tôi cũng chịu tất cả những đau khổ ấy.

Bác sĩ bực mình thốt:

- Dốc tổ!

- Ông không hiểu tôi vì ông đui. Nàng đã có tội, thì bây giờ nàng phải chịu khổ. Tôi biết nàng sẽ phải chịu những cảnh ra sao. Nàng sẽ đói, bị ngược đãi, bị khinh bỉ. Tôi muốn rằng nàng nhận hình phạt của loài người như một sự hi sinh cho Chúa. Tôi muốn nàng vui vẻ nhận nó. Rất ít kẻ gặp được cơ hội quý như vậy. Chúa rất tốt và rất thương người.

Giọng Davidson run lên vì cảm động, ông ta chỉ còn lắp bắp được những lời nồng nhiệt.

- Suốt ngày tôi cầu nguyện với nàng, và khi tôi rời nàng tôi cũng lại hết sức cầu nguyện đức Ki-tô ban cho nàng ơn sung sướng. Tôi muốn làm cho nàng phát sinh cái lòng khao khát chuộc tội, lòng khao khát nhiệt thành đến nỗi nếu tôi có đề nghị cho nàng được tự do thì nàng cũng từ chối. Tôi muốn rằng hình phạt nghiêm khắc là ngồi khám biến thành công quả mà nàng đem dâng ở chân Chúa kính yêu của chúng ta. Đáng hi sinh cho nàng.

*

Ngày giờ qua chậm chạp. Cả nhà lo lắng về thiếu phụ khốn khổ đó và sống trong một sự kích động khác thường. Nàng có vẻ như một kẻ sắp bị đem hi sinh trong một cuộc tế thần man dã và lưu huyết. Sợ quá, nàng như bị tê liệt. Nàng không chịu cho ông Davidson xa nàng, nên bám níu lấy ông một cách dễ tiện như một kẻ nô lệ. Nàng khóc nhiều, đọc kinh và tụng kinh. Có lúc kiệt sức, không còn cảm giác nữa, nàng mong sao cho hình phạt mau tới, để chấm dứt cái nỗi lo lắng hiện tại đó, chứ sống trong cảnh sợ sệt hoang mang này, nàng chịu không nổi. Từ khi thấy mình tội lỗi, nàng không còn tự trọng nữa. Đầu tóc rối bù, lúc nào cũng bận chiếc áo ngủ dơ dáy đã bốn ngày rồi không thay; chân không đi vớ, nàng lê la trong cái phòng bề bộn, ngổn ngang.

Mưa vẫn tàn nhẫn cứ tiếp tục trút hoài. Mưa tới vậy thì nước trên trời phải cạn rồi chứ, sao mà vẫn còn? Nặng và ngay, giọt mưa đập mãi trên mái tôn một cách đều đều làm cho ta nổi xung lên. Cái gì cũng ảm thấp, nhóp nhép. Tường hóa mốc mà giày đặt trên sàn cũng hóa mốc. Đêm trần trọc, nghe tiếng muỗi vo ve mà bực mình.

Bác sĩ nói:

- Nếu trời tạnh cho được một ngày thôi, thì mọi sự hoàn hảo cả.

Ai nấy đều nóng lòng đợi ngày thứ ba, ngày mà chuyến tàu ở Sydney ghé bến rồi đi San Francisco. Thần kinh căng thẳng quá, không chịu nổi nữa, Macphail hết thương hại cho thiếu phụ, cũng hết oán giận nhà truyền giáo, chỉ mong thiếu phụ đi đi cho rảnh. Ông ta có cảm tưởng rằng, tàu nhổ neo rồi, thì sẽ nhẹ hẫng người đi. Một nhân viên của chính phủ sẽ tới dắt cô Sadie Thompson xuống tàu. Tối thứ hai, thầy ấy lại cho cô ta hay mười một giờ trưa hôm sau phải sẵn sàng để đi. Lúc đó Davidson ở bên cạnh nàng.

- Tôi sẽ lo việc đó cho. Tôi có ý đích thân đưa cô ấy xuống tàu.

Cô Thompson làm thình.

Sau khi tắt nến, bác sĩ cẩn thận chui vô phòng, và thở dài một cách nhẹ nhàng.

- Nhờ Trời, thế là xong. Ngày mai, giờ này cô ả không còn ở đây nữa.

Bà Davidson cũng khoan khoái. Bà ấy nói rằng ông chồng chỉ còn là một cái bóng của thời trước. Người đàn bà đó thay đổi hẳn.

- Ai thay đổi hẳn?

- Cô Sadie. Trước kia tôi không thể tin như vậy được. Hóa ra dốc lòng thờ Chúa.

Ông chồng không đáp. Mệt quá, ông ta ngủ say hơn những ngày khác.

*

Sáng hôm sau, có ai nắm cánh tay của ông, làm ông giật mình tỉnh dậy. Horn đứng bên cạnh giường. Một ngón tay đặt trên môi, hắn ra hiệu cho ông cứ yên lặng đi theo hắn. Mọi khi hắn bận một bộ quần áo vải đã sờn, lần này hắn đi chân không, và chỉ quấn một chiếc lava-lava. Bác sĩ bước xuống sàn, thấy mình hắn xăm rất nhiều, có vẻ man rợ. Hắn chỉ về phía hiên, ông ta theo hắn ra đó.

Hắn thì thầm:

- Phải im lặng. Có việc cần đến ông. Khoác áo rồi xỏ giày đi. Mau.

Bác sĩ nghĩ ngay rằng có chuyện gì xảy ra cho cô Thompson, hỏi:

- Cái gì vậy? Phải mang theo đồ nghề của tôi không?

- Mau lên. Xin ông mau lên.

Ông ta trở vô phòng, khoác một cái áo mưa ra ngoài bộ áo ngủ, xỏ chân vô một đôi giày đế cao su, rồi trở ra hiên. Cả hai người rón rén xuống cầu thang. Cửa cái đã mở, năm sáu thổ dân đứng ở đó.

Bác sĩ lại hỏi:

- Cái gì vậy?

Horn đáp:

- Đi.

Họ băng qua đường, tới bãi biển. Nhóm thổ dân theo gót họ. Ở mé nước, một đám người bản xứ vây chung quanh một cái gì. Khi hai người chạy lại, khoảng vài chục thước; đám người rẽ ra khi bác sĩ lại. Horn đẩy ông ta tiến tới. Và ông thấy xác Davidson, nửa dưới nước, nửa trên cạn, ghê tởm. Vốn bình tĩnh trong cơn biển, ông ta cúi xuống, lật cái cây lên. Cuống hòng cắt một vết dài từ tai bên đây tới tai bên kia, tay còn nắm chặt con dao cạo để cửa cổ.

Bác sĩ nói:

- Lạnh ngắt rồi. Chắc chết đã được một lúc lâu.

- Một đứa trẻ đi làm ngang qua thấy vậy, báo cho tôi hay mới tức thì. Phải là một vụ tự tử không?

- Phải. Báo cho cảnh sát hay đi. Horn nói vài tiếng bản xứ với hai thanh niên.

Bác sĩ bảo:

- Cứ để yên vậy, đợi cảnh sát tới.

- Đừng có khiêng về nhà tôi. Tôi không muốn chứa của đó đâu.

Bác sĩ nghiêm khắc:

- Nhà cầm quyền bảo sao thì làm vậy. Nhưng tôi chắc là sẽ đưa vào nhà xác.

Họ đứng yên, đợi. Mọi ở trong chiếc lava-lava một gói thuốc, Horn mời bác sĩ hút. Vừa hút, họ vừa nhìn thầy ma. Macphail không hiểu gì cả.

Horn hỏi:

- Theo ông, tại sao ông ấy lại tự tử như vậy?

Bác sĩ nhún vai. Cảnh sát khiêng một cái băng ca tới, một người lính thủy binh mang súng chỉ huy họ; tiếp theo, hai sĩ quan và một y sĩ thủy binh tới. Họ làm mọi việc một cách rất lạnh lẽ, thực tế.

Một sĩ quan hỏi:

- Bà ta đâu?

- Có ông ở đây, thì tôi về thay quần áo và cho bà Davidson hay tin. Nên sửa soạn lại cái thầy một chút rồi hãy cho bà ấy thấy.

Viên y sĩ thủy quân đáp:

- Phải đấy.

Về tới phòng, Macphail thấy vợ đã sẵn sàng rồi. Bà bảo chồng:

- Bà Davidson rất lo lắng về tình cảnh ông ấy. Suốt đêm ông ta không ngủ. Bà nghe tiếng ông rời phòng cô Thompson hồi hai giờ khuya, rồi đi ra đường. Nếu đi chơi đến bây giờ thì kiệt sức hẳn rồi.

Bác sĩ kể chuyện cho vợ nghe và nhờ vợ báo tin cho bà Davidson.

Bà vợ kinh hoảng hỏi:

- Nhưng tại sao ông ta lại tự tử?

- Anh không biết.

- Em không thể báo tin đó cho bà ấy được. Không thể được.

- Em phải làm, không được từ nan.

Bà ra hoảng sợ, ngó chồng rồi đi ra. Ông chồng nghe tiếng vợ vô phòng bà Davidson. Nghỉ ngơi một chút, để bình tâm trở lại, rồi ông ta rửa mặt, thay quần áo, ngồi ở giường, đợi vợ. Bà vợ trở về, bảo:

- Bà ấy muốn đi coi.

- Người ta đã chở lại nhà xác. Chúng ta nên cùng đi với bà ấy. Bà ta xúc động lắm không?

- Em thấy bà ấy như chết điếng. Không khóc mà run như cây sậy.

- Nên đi ngay thôi.

Nghe tiếng họ gõ cửa, bà Davidson đi ra, mặt tái ngắt, nhưng mắt ráo hoảnh. Bác sĩ thấy thái độ đó thật khác thường. Không ai nói với ai một lời. Họ yên lặng xuống đường. Tới nhà xác, bà Davidson bảo:

- Ông bà để tôi vô một mình.

Họ né ra. Một người bản xứ mở cửa cho bà ta vô rồi khép cửa lại. Họ ngồi xuống, đợi. Vài người da trắng lại thì thầm với họ. Bác sĩ kể đầu đuôi cho những người đó nghe. Sau cùng cửa nhẹ nhẹ mở và bà Davidson hiện ra. Lại yên lặng.

Bà Davidson bảo:

- Bây giờ tôi về được rồi.

Giọng bà khô và cương quyết. Bác sĩ Macphail không hiểu vẻ nhìn của bà có ý nghĩa gì. Mặt nhợt nhạt nhưng nghiêm nghị. Họ chậm chạp, yên lặng trở về, tới chỗ góc đường mà qua khỏi đó thì thấy nhà. Bà Davidson thở dài. Họ ngừng một chút. Những thanh âm bất ngờ đập vào tai họ. Cái máy hát yên lặng từ mấy bữa nay, lại gào lên những bản lạc điệu.

Bà Macphail hoảng hốt hỏi:

- Cái gì vậy?

- Cứ đi.

Họ leo mấy bậc ở hiên rồi vô phòng ngoài. Ở bậc cửa, cô Thompson chuyện trò với một người lính thủy. Có sự thay đổi đột ngột ở con người đó, không còn cái vẻ sợ sệt những hôm trước nữa.

Lại bận những đồ tốt nhất: cái áo dài trắng, đôi giày lác và đôi vớ để hở cặp giò lớn, tóc chải cẩn thận và đầu đội cái nón to, trông rực rỡ. Mặt trát phấn, lông mày tô đen góm ghiếc, môi đỏ chót, cô ta đứng ngay ngắn. Lại là ả giang hồ ngạo mạn lúc trước. Trông thấy ba người về, ả phá lên cười chế giễu, và khi bà Davidson vô tâm ngừng lại thì ả tận lực khạc hết cả nước miếng trong mồm ra. Bà phải lùi vội về phía sau, gò má bỗng ửng lên. Rồi hai tay che mặt, bà phóng lên cầu thang. Bác sĩ Macphail nổi giận, giúi ả vào phòng, la:

- Cái quỷ gì thế này? Hãm cái máy trời đánh kia lại.

Ông ta chạy lại, gỡ đĩa hát ra.

Ả quay lại:

- Ê, bác sĩ, đừng giở trò đó ra với gái này chứ! Ông vô phòng tôi làm cái gì hở?

Macphail lớn tiếng:

- Muốn nói gì? Muốn nói gì hả?

Ả ưỡn ngực lên. Không thể nào tả nổi vẻ khinh bỉ, nổi oán hận chứa chấp trong nét mặt, giọng nói của ả:

- Bọn đàn ông các người! Bầy heo nhóp nhúa! Thằng nào như thằng nấy, hết thấy! Đồ heo! Đồ heo!

Bác sĩ rùng mình, ông ta sực hiểu.

CÁI ĐÀM^[30]

Somerset Maugham viết nhiều truyện ngắn để tả ảnh hưởng của khí hậu các đảo miền nhiệt đới trên Thái Bình Dương tới tâm lí, tính tình người da trắng. Người thì tìm được ở đó một hạnh phúc mê hồn, kẻ thì chịu những đau khổ tủ nhục ê chề sau một thời gian sung sướng, nhưng hầu hết đều đổi tính, mất cả nghị lực, chí phấn đấu mà đồng hóa ít nhiều với thổ dân.

Đây là một truyện tả hạng người đau khổ trong số người đó. Tình tiết không dồn dập như trong truyện Mưa, mà biến chuyển từ từ, nhưng kết quả cũng bi thảm như trong Mưa. Bối cảnh cũng là quần đảo Salomon, nhưng không phải trong mùa mưa mà trong mùa nắng với mặt biển, khi thì xanh ngắt, khi thì rực rỡ như xà cừ, với những dòng suối mát rượi, những thân dừa “kiều diễm đến phù phiếm”.

Đọc xong truyện Mưa, ta còn nghe văng vẳng tiếng mưa lộp độp trên nóc tôn, tiếng mưa tàn nhẵn, ranh mãnh, cứ đều đều trở lại trong câu chuyện như một điệp khúc day dứt. Đọc truyện dưới đây ta cũng bị ám ảnh vì vẻ đẹp của một cái đầm trong veo mà tĩnh mịch ở giữa một khu rừng, trên một dòng suối. Hình ảnh của nó hiện lên tất cả năm lần (một lần lơ mờ sau một cảnh đẹp ở Tô Cách Lan), lần nào cũng có một sức quyến rũ bí mật. Nhân vật chính trong truyện, chàng Lawson tìm thấy hạnh phúc thần tiên ở đó, rồi đau khổ, tủ nhục ở đó, chết cũng ở đó. Cái đầm ấy là chủ đề (thème) của câu chuyện, cũng như những giọt mưa là chủ đề trong truyện Mưa.

Kĩ thuật dùng chủ đề đó làm cho cả hai chuyện thêm bi thảm mà riêng chuyện Cái Đầm này lại nhờ nó mà nên thơ, huyền ảo. Chúng tôi chưa được biết ở nước ta gần đây có tiểu thuyết gia nào áp dụng kĩ thuật đó không, nhưng trong cuốn Đồi Shelley, André Maurois cũng đã cho hình ảnh của dòng nước xuất hiện nhiều lần: hồi nhỏ Shelley thơ thần bên một bờ sông ở Eton, rồi sau lớn lênhên đênh trên một chiếc thuyền, người vợ thứ nhất chết đuối trong một dòng nước rồi cuối cùng chính Shelley cũng chết đuối trong vịnh Skezzia.

Trước cả Maugham và Maurois, thi hào bậc nhất của chúng ta, Nguyễn Du, cũng đã dùng thủ thuật đó trong Truyện Kiều. Chủ đề ở đây là tiếng đàn của nàng Kiều. Trước sau tiếng đàn văng vẳng lên bốn lần và ngay từ lần đầu ta cũng đoán được đời nàng trong những âm thanh nào nuốt. Hai lần sau tiếng đàn càng chua xót cay đắng bội phần, đến lần cuối mới ầm áp được đôi chút. Tiếng đàn vừa đánh dấu, vừa là phản hưởng của đời nàng; cũng như cái đầm trong truyện dưới đây là phản ảnh những biến chuyển lớn trong đời Lawson. Càng đọc văn chương ngoại quốc rồi so sánh, ta càng thấy rõ thiên tài của Nguyễn Du. Đó là cái thú mà vô tình Maugham đã tặng thêm chúng ta.

Công việc của nàng chẳng có gì cả: Mơ mộng rồi tắm, nhất là tắm, - hát và đi dạo mát trong rừng với Tiahoui, cô bạn bé chí thiết của nàng - Rarahu và Tiahoui là hai thiếu nữ nhỏ bé vô tư lự, tươi cười, gần như hoàn toàn sống trong làn nước trong của dòng suối, nơi đó hai nàng nhảy nhót, vùng vẫy như hai con cá bay vậy.

Pierre Loti

Khi Chaplin, chủ khách sạn Metropole ở Apia, giới thiệu tôi với Lawson thì tôi không chú ý đặc biệt gì tới chàng này cả. Chúng tôi ngồi trong cái phòng rộng của khách sạn, trước ly cốc-tai buổi sáng, và tôi nghe người ta kể những tin tức đôi mách sốt dẻo nhất ở trong đảo.

Con người của Chaplin có chỗ ngồi ngộ. Vốn là một kỹ sư mỏ mà lão lại định cư ở một nơi không có cách nào dùng những tri thức về nghề của mình được. Phải đó là một đặc trưng tính tình của lão chăng? Mà không ai là không thừa nhận những khả năng của lão. Lão không có vẻ oai vệ. Tóc thưa thớt đã hoa râm. Râu mép xơ xác như một vach ngang ở giữa mặt, mà mặt thì đỏ lên vì râm nắng miền nhiệt đới và cũng vì uống nhiều rượu quá. Thực ra lão chỉ giữ một hư vị: Khách sạn là một ngôi nhà tầm thường ba tầng do vợ cai quản, vợ là một người Úc bốn mươi lăm tuổi cao mà gầy đét, vẻ cương quyết, thái độ oai nghiêm. Nóng tính, thường say sưa, ông chồng nhỏ con đó sợ vợ lắm; ai mới tới cũng được biết ngay những cuộc gây gổ trong gia đình họ, mà lần nào bà vợ cũng thượng cẳng tay hạ cẳng chân, bắt ông chồng phục tùng một phép. Có đêm say sưa trở về nhà bị vợ nhốt trong phòng hai mươi bốn giờ. Thiên hạ còn nhớ lần đó đứng ngoài hiên ở trên cao, bất bình vì bị giam, lão lâm ly kêu gọi khách qua đường.

Con người đó thật kì. Hồi ức trong đời lão, đúng hay bịa không biết, chứ nghe lão kể thì rất thú, cho nên khi chúng tôi bị ngắt lời, thì tôi hơi bức tức. Mặc dầu chưa tới mười hai giờ, Lawson đã say rồi, và khi chàng ân cần mời tôi một ly nữa thì tôi miễn cưỡng nhận. Tôi biết rằng tửu lượng của Chaplin kém. Nhưng phép lịch sự buộc tôi phải đãi một chén nữa: uống thêm chén này thì Chaplin sẽ say bí tỉ mà tôi sẽ bị bà vợ la, chịu sao nổi!

Cái vẻ ốm nhom của Lawson chẳng có duyên chút nào cả. Mặt dài mà tái mét, cằm thon và lẹm, mũi nhọn và nhô ra quá. Chỉ có cặp lông mày rậm là tỏ ra con người đó có khí lực một chút và cũng chỉ có cặp mắt sâu là đẹp. Chàng vui vẻ nhưng vui gượng, hơi hợt, nhìn cái vẻ bề ngoài đó, tôi đoán là thể chất bạc nhược. Rõ ràng là chàng muốn làm ra vẻ con người thể thao. Chàng đối với bạn bè ra tình thân mật, nhưng trong cái thẳm thiết đó, lộ ra cái mưu mô, xảo quyết. Giọng khàn khàn, chàng rán tranh với Chaplin, kể chuyện những vụ phê phỡn hoang đường: truyện đi săn mà nốc huyết-ki tới say khướt, truyện thám hiểm ở Sydney mà từ ngày đi tới ngày về, ai nấy đều như bầy heo say rượu chẳng còn nhớ chút gì cả. Nhưng mặc dầu trong lúc say mềm - mỗi người vừa mới uống bốn ly cốc-tai - vẫn có sự khác nhau xa giữa hai người đó. Lão Chaplin thì tục tằn thô lỗ, còn Lawson tuy say mà vẫn là con người lịch sự.

Sau cùng chàng loạn choạng đứng lên, bảo:

- Thôi, tôi về đây. Trước bữa cơm tối, chúng mình sẽ gặp nhau.

Chaplin hỏi:

- Bà nhà mạnh giỏi chứ?

- Mạnh.

Gã đi ra.

Giọng đáp cụt ngủn tiếng một làm cho tôi ngạc nhiên, ngừng lên nhìn.

Khi Lawson đã ra khỏi cửa và đi ở dưới nắng, Chaplin nói, giọng quả quyết:

- Thằng tướng dễ thương. Một trong những kẻ khá nhất đấy. Chỉ tiếc là hẩn rượu chè quá!

Lời chê bai ở trong miệng Chaplin thốt ra thì thật là khôi hài.

- Và khi hẩn say thì hẩn chỉ mơ thấy thương tích và u bướu.

- Bị thương làm sao?

- Tận mạng, mỗi tuần ba bốn lần. Lỗi tại cái đảo này và tại ả Ethel.

- Ethel là ai?

- Vợ hẩn. Hẩn cưới một ả lai. Con gái của lão già Brevald. Hẩn đã đem vợ đi. Như vậy khôn hơn cả. Nhưng ả không quen được, rồi họ lại trở về đây! Một ngày kia hẩn phải tự treo cổ mất, nếu không chết vì say rượu. Dễ thương! Nhưng rượu vào thì xấu tính lắm.

Chaplin ợ lớn tiếng.

- Tôi phải vùi đầu xuống nước mới được. Đáng lẽ không nên uống ly cuối cùng đó, luôn luôn là chết vì ly cuối cùng.

Uể oải, lão ngó cái cầu thang đưa lên căn phòng nhỏ vuông có vòi nước để tắm. Sau cùng lão đứng dậy, và nghiêm trang khác thường. Lão bảo:

- Ông nên làm quen với Lawson, thích đấy; hẩn chịu đọc sách. Khi nào hẩn tỉnh, ông thấy hẩn sẽ phải ngạc nhiên. Và thông minh nữa. Nói chuyện với hẩn thú vị lắm.

Nhờ câu đó của Chaplin mà tôi hiểu được hết.

Buổi tối hôm ấy, khi tôi cưỡi ngựa dạo mát ở bờ biển về, thì Lawson lại có mặt ở khách sạn. Ngồi ủ rũ trên chiếc ghế mây trong phòng lớn, chàng ngó tôi bằng cặp mắt lơ đãng. Coi cái vẻ ngây dại của chàng, người ta biết rằng chàng đã uống rượu cả buổi chiều. Mà trong cái vẻ đần độn đó hiện ra một vài nét ai oán hơn. Chàng ngó tôi một lúc mà không nhận được tôi. Hai ba người đánh xúc xắc mà không để ý đến chàng; có lẽ họ quen thấy chàng say rồi. Tôi ngồi vào xúc xắc.

Lawson cầu nhàu:

- Tiếp đãi nhã nhặn lắm, cảm ơn nhé.

Rồi chàng đứng dậy, lão đảo ra cửa. Đầu gối chàng lấy bầy. Trông chàng vừa tức cười vừa tỏm. Khi chàng đi rồi, một người nhe răng cười:

- Lawson hôm nay bí tỉ rồi.

Một người khác bảo:

- Say quá chịu không nổi thì leo lên giường mà nằm, đừng đi đâu nữa.

Trông cái thân hình thảm hại đó, ai có thể ngờ được rằng chàng đã, theo một lối riêng, đóng vai một nhân vật chính trong tiểu thuyết chứ, nghĩa là ít nhất đời chàng cũng đã có những lúc sợ sệt rất thê thảm, gây ra được một cảm giác bi kịch.

Hai ba ngày sau tôi không gặp Lawson.

Rồi một buổi chiều, đương ngồi ở ngoài hiên tầng lầu thứ nhất, nhô ra đường, thì chàng tới, ngồi phịch xuống một chiếc ghế ở bên cạnh tôi. Lần đó chàng không bị ma men ám ảnh. Sau một câu nhận xét vô vị mà tôi đáp như một cái máy, chàng cười, có vẻ để xin lỗi, rồi nói:

- Hôm đó tôi say mèm, bậy quá!

Tôi không đáp vì biết nói gì bây giờ? Tôi ngậm ống điếu, kéo một hơi dài, rồi tôi ngó bọn thổ dân đi làm về. Họ bước khoan thai từng bước dài một. Dáng đi của họ nghiêm trang mà có vẻ thận trọng. Nghe thấy tiếng chân không của họ lướt trên đường. Tóc thường uốn, có người lại ngâm nước vôi cho nhợt màu... Họ có vẻ phong nhã lạ lùng, to lớn, lạnh lẽ. Rồi tới bọn dân quần đảo Salomon nhỏ hơn, mảnh khảnh hơn, da đen như than, tóc bù như mớ bông nhuộm đỏ, diều qua thành một đoàn vui vẻ. Thỉnh thoảng một người da trắng ngồi trong chiếc xe kéo, chạy

ngang qua hoặc cưỡi ngựa vô sân khách sạn. Hai ba chiếc ghe buồm soi hình duyên dáng trên mặt vũng phẳng lặng.

Sau cùng Lawson nói:

- Ở trong một cái hang như vậy, không uống rượu thì biết làm gì bây giờ?

Tôi hỏi đại một câu cho có chuyện.

- Ông có thích đảo Samoa không?

- Đẹp đấy chứ.

Lời đáp đó chẳng hợp chút nào với cái đẹp lạ lùng của đảo, cho nên tôi ngạc nhiên, quay lại ngó. Cặp mắt đen của chàng tỏ một vẻ lo lắng không chịu nổi, tôi lấy làm lạ, chàng có thể cảm xúc mãnh liệt như vậy được.

Nhưng rồi vẻ đó biến liền và chàng mỉm cười một cách giản dị, hơi ngây thơ nữa. Mặt chàng thay đổi hẳn và trong lòng tôi lại dậy lên mối ác cảm đầu tiên.

Chàng bảo:

- Khi mới tới, tôi đi chơi khắp đảo.

Rồi lại làm thính, một lúc sau mới ngáp ngừng, nói tiếp:

- Tôi đã tưởng đi luôn rồi, hồi đó cách đây ba năm, nhưng rồi tôi lại trở về. Nhà tôi muốn vậy. Nhà tôi sinh trưởng nơi đây, ông biết chứ.

- Vậy ư?

Chàng lại làm thính; rồi đánh bạo phê bình một câu về Robert Louis Stevenson. Chàng hỏi tôi có nên coi Vailima không? Rõ ràng là chàng gắng sức lấy lòng tôi, vì lẽ gì thì tôi không hiểu. Mới đầu chàng nói về tác phẩm của Stevenson rồi câu chuyện chuyển qua Luân Đôn.

- Covent Garden vẫn rục rờ phải không? Tôi nhớ Kịch trường quá. Ông đã nghe tuồng *Tristan và Yseult* chưa?

Chàng hỏi tôi câu đó như cho nó là câu thực quan trọng đối với mình. Và khi tôi lơ đãng đáp có thì chàng có vẻ sung sướng. Rồi chàng nói về Wagner, không phải với tư cách một nhạc sĩ lão luyện, mà là tư cách một tài tử thích nhạc của Wagner, cảm được chứ không phân tích được.

Chàng kết luận:

- Tôi nghĩ đáng lý ra phải đi Bayreuth. Khốn nỗi tôi không đủ tiền. Có thể rằng không bằng Covent Garden với tất cả những ánh sáng đó, những phụ nữ trang điểm lòe loẹt và thứ nhạc đó đâu. Mà nhất của vở *Walkyrie* hay đấy nhỉ? Và đoạn cuối vở *Tritan* nữa?

Bây giờ thì mặt chàng sáng lên; mặt tươi tỉnh cơ hồ không nhận ra được nữa. Má hóp của chàng hồng lên, và tôi không để ý đến cái giọng khàn khàn của chàng nữa. Con người của chàng lúc đó như có chút duyên.

- Trời ơi! Tối nay mà được ở Luân Đôn thì thích biết mấy! Ông biết khách sạn Pall Mall không? Hồi xưa tôi thường lại đó. Rồi Piccadilly với những tiệm rục rờ ở chung quanh và đám đông nữa! Đứng ở đó mà ngó những lớp sóng xe buýt và xe tắc xi qua lại không ngớt, thú biết mấy. Tôi cũng yêu đường Bờ Sông nữa. Những câu thơ nói về Chúa và Charing Cross ra sao nhỉ?

Tôi kinh ngạc.

- Phải ông muốn nói về những câu thơ của Thompson không?

Tôi đọc những vần thơ đó lên:

“Và khi nào anh sầu, đến tột độ của cái sầu,

Thì anh khóc đi, và ở trên cái số mạng khốn khổ của anh.

Anh sẽ thấy chiếc thang rớt rở của Jacob

Từ trên trời hạ xuống Charing”.

Chàng thở dài.

- Tôi đã đọc bài *Thám tử của Trời*. Bài đó hay.

Tôi lẩm bẩm:

- Người ta thường khen như vậy.

- Ở đây ông không gặp được một người nào gọi là có đọc lấy một chút gì. Họ cho đọc sách là làm bộ làm tịch.

Mặt chàng tỏ vẻ hối tiếc và tôi tưởng chừng đoán được tại sao chàng muốn gần tôi. Tôi là dây liên lạc nối chàng với cái thế giới mà chàng thiếu thốn đó, với cái đời sống mà chàng không khi nào còn được biết đó nữa. Chàng ngó tôi vừa kính mộ vừa thêm thương: thì mới đây, tôi còn sống ở Luân Đôn, trong cái đô thành mà chàng yêu quý...

Im lặng được vài phút rồi thì Lawson thốt lên kịch liệt:

- Tôi không chịu được nữa rồi, không chịu được nữa rồi.

Tôi hỏi:

- Thế sao ông không đi?

Mặt chàng sầm lại.

- Phổi tôi hơi nám. Tôi không chịu nổi một mùa đông ở bên Anh nữa.

Lúc đó một người lại gần chúng tôi, Lawson hóa ra làm lì dử tợn.

Người mới tới đó bảo:

- Tới giờ uống khai vị rồi. Ai muốn tu huyết ki với tôi không nào? Lawson, tu không?

Lawson như ở một thế giới xa xăm nào trở về. Chàng đứng dậy, bảo:

- Chúng mình xuống quầy đi.

Khi chàng đi rồi, tôi thấy có thiện cảm với chàng mà không ngờ. Tôi đâm ra nghĩ ngợi về chàng.

Ít bữa sau tôi gặp người vợ. Tôi biết rằng chàng cưới vợ năm, sáu năm trước; và tôi ngạc nhiên thấy người vợ trẻ quá. Hồi cưới, không biết nàng có được mười sáu tuổi không. Nhỏ tròn trĩnh, nước da bánh mật, chân tay nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh uyển chuyển, nàng đẹp lạ. Nét mặt đã thanh nhã mà cổ tay cổ chân còn làm cho tôi để ý tới hơn. Bọn người lai thường có vẻ quê mùa thô kệch, nặng nề. Nhưng ai cũng ngạc nhiên khi thấy cái yếu điệu kiều diễm của cô Lawson. Nàng có những nét thanh tú cực kì, làm cho người ta lấy làm lạ sao ở cái chốn này mà có được nhan sắc như vậy, rồi nghĩ tới những mỹ nhân nổi danh khắp thế giới, rớt rở ở triều vua Nã Phá Luân đệ tam. Nàng chỉ bận chiếc áo thường vải mỏng và đội một chiếc nón rơm, nhưng có cái vẻ bình dị của một thiếu nữ ăn bận thời trang. Khi Lawson mới gặp nàng, chắc nàng đẹp mê hồn.

*

Hồi đó chàng mới ở Anh qua để làm giám đốc chi nhánh một ngân hàng ở Apia, và đầu mùa nắng chàng tới đảo Samoa, mượn phòng ở khách sạn. Chẳng bao lâu chàng quen hết mọi người. Đời sống ở đảo dễ chịu và dễ dàng. Chàng thích ngồi chuyện phiếm hàng giờ ở trong phòng lớn của khách sạn và thích dự những cuộc hội họp vui vẻ buổi tối tại câu lạc bộ Anh. Chàng yêu tỉnh lỵ Apia; rải rác trên bờ vũng nào là cửa tiệm, biệt thự, nào là chòi của thổ dân. Những khi nghỉ cuối tuần, chàng lại chơi một chủ đồn điền nào đó để ở lại một vài đêm trên đồi. Trước kia chàng đâu có được tự do, thông thả. Mặt trời làm cho chàng say sưa. Và khi chàng cưỡi ngựa đi chơi rừng, chàng mê man vì có biết bao cảnh đẹp. Rừng có chỗ còn hoang, cây lạ, và nho mọc um tùm, hỗn tạp, tiết ra một cảm giác bí mật mê li.

Nhưng nơi chàng thích nhất là một cái đầm cách Apia một hai cây số. Chiều chiều chàng thường lại đó tắm.

Một dòng sông nhỏ, nước chảy mạnh, sủi bọt trên những hòn đá; rồi, sau khi tỏa thành một làn nước sâu, nó thoát ra, nhẹ nhàng và trong suốt, vượt chỗ cạn lội qua được, có nhiều phiến đá lớn mà thổ dân thỉnh thoảng lại giặt giũ hoặc lặn hụp. Những cây dừa thành lịch phù phiếm chằng chịt các dây leo, chen chúc nhau trên bờ và soi hình trên làn nước xanh. Y như cảnh đồi ở Devonshire, mà được cái rực rỡ của miền nhiệt đới tô điểm, lại nhiễm cái ẻo lả khoáng lạc và thơm tho, nó làm mê lòng người. Nước mát mà không lạnh; sau cơn nắng ban ngày, lại đỏ mà ngâm mình thì tuyệt; khoan khoái cả thể chất lẫn tâm hồn.

Vào cái giờ mà Lawson lại thì cảnh vắng người. Lúc thì bập bềnh trên mặt nước, lúc thì nằm dài cho ánh tà vuốt ve, chàng mê man hưởng cái thú của sự cô liêu và sự tĩnh mịch âu yếm. Những khi đó, chàng không tiếc Luân Đôn, không tiếc những cái mà chàng xa cách; chàng thấy đời cực thú vị và đầy đủ.

Tại đó chàng gặp Ethel lần đầu.

Một hôm, mắc lo xong giấy tờ để hôm sau kịp gởi chuyển tàu cứ một tháng mới chạy có một chuyến, chàng ra về rất trễ và tới đầm vào lúc hoàng hôn. Chàng cột con ngựa rồi thơ thẩn trên bờ. Một thiếu nữ đã ngồi ở đó rồi. Khi thấy Lawson lại gần, nàng quay đi, lặng lẽ trườn xuống nước, rồi mất dạng như một nữ thủy thần thấy người phạm mà hoảng hốt. Ngạc nhiên và vui vui, chàng tự hỏi nàng trốn ở đâu, rồi lội xuôi dòng, lát sau chàng thấy nàng ngồi trên một mỏm đá. Nàng ngó chàng chăm chú mà không có vẻ tò mò. Chàng chào bằng tiếng bản xứ:

- *Talofa*.

Nàng mỉm cười đáp rồi lại xuống nước. Nàng lội khoan thai, tự nhiên, làn tóc xỏa ở phía sau. Chàng nhìn nàng lội qua cái đầm rồi leo lên bờ. Như tất cả những phụ nữ bản xứ, nàng quấn khăn choàng mà tắm, và chiếc khăn ướt, dán vào người, làm nổi bật thân hình yếu điệu của nàng. Nàng quấn lại tóc. Trông nàng đứng, thản nhiên như vậy, người ta phải liên tưởng tới những nữ thần của rừng, của suối. Lúc đó chàng mới nhận ra rằng nàng lai; chàng lên bờ, tiến lại phía nàng, nói bằng tiếng Anh:

- Cô tắm trễ quá nhỉ.

Nàng hất tóc ra phía sau, cho nó xòa trên vai thành từng mớ quăn, dày. Rồi đáp:

- Em thích tắm lúc vắng người.

- Tôi cũng vậy.

Nàng thành thực, ngây thơ cười, quấn một chiếc khăn choàng vào và để thả chiếc ướt xuống chân. Sau khi vắt nước chiếc này rồi, nàng sẵn sàng để về. Nàng ngập ngừng một chút rồi thờ ơ đi. Đêm tối thình lình đổ xuống.

Lawson trở về khách sạn. Chàng hỏi thăm những người đương đánh xúc xắc ăn thua bằng rượu ở trong phòng lớn, và chàng biết ngay về gia đình nàng. Thân phụ nàng là một người Na Uy tên là Brevald, thường lại khách sạn uống nước pha chanh và rượu rum. Làm phó thuyền trưởng một chiếc thuyền buồm, ông ta tới quần đảo này hồi bốn chục năm trước. Ông già nhỏ người, xương mấu như một thân cây cằn đó, đã làm thợ rèn, rồi chủ tiệm buôn, chủ đồn điền. Sau một thời tương đối phong lưu, ông ta bị phá sản vì cơn bão năm 1880, bây giờ chỉ còn lại mỗi một vườn dừa nhỏ. Có tới bốn người vợ bản xứ, còn hỏi về con thì ông ta mỉm cười đáp rằng nhiều quá, đếm không xuể. Đứa thì chết, đứa thì phiêu bạt khắp thế giới; bây giờ chỉ còn có cô Ethel ở với ông ta thôi.

Nelson làm mai biện cho chiếc tàu Moana, bảo:

- Cô em đẹp mê đi. Một hai lần tôi đã liếc tình, mà coi bộ không nước non gì cả.

Một người trong bọn, tên Miller, nói tiếp:

- Lão Brevald đâu có ngu, con. Lão muốn kiếm một chàng rể có thể nuôi lão một cách phong lưu cho tới khi lão xuống hố mà.

Thấy họ nói năng cái giọng đó về thiếu nữ, Lawson không thích. Để kéo câu chuyện qua phía khác, chàng nói lảng về chuyến tàu sắp đi.

Hôm sau chàng trở lại đầm. Ethel đã có ở đó rồi. Vào cái giờ kín đáo này, sự tĩnh mịch của nước thăm thẳm hơn mà cái vẻ đẹp của nàng, dưới những góc dừa mềm mại thanh nhã, như hòa hợp với vẻ bí mật của cảnh. Một vẻ đẹp thần ảo làm cho lòng chàng xao xuyến một cảm xúc kì dị. Lần này chàng bỗng nảy ra ý là không nói năng gì hết. Nàng chẳng để ý gì tới chàng cả. Không buồn ngó về phía chàng, nàng thả thiên lợi chung quanh cái đầm xanh. Nàng hết hụp lặn rồi lại lên ngồi trên bờ, như chung quanh không có người. Chàng có cảm tưởng lạ lùng rằng mình là vật vô hình. Những đoạn thơ đã quên mất một nửa hiện lên trong óc chàng, những đoạn văn về xứ Hy Lạp mà hồi ở trường chàng đã học qua loa. Khi quần chiếc khăn choàng khô rồi nàng lạnh lùng đi về, thì chàng thấy ở chỗ nàng mới đứng, một bông but đỏ. Bông đó dùng để trang sức mớ tóc, nàng đã gỡ ra khi lội xuống nước, rồi quên đi, bỏ đi, không thèm kiểm nữa. Chàng cầm bông lên ngó, lòng xao xuyến lạ. Mới đầu chàng định giữ làm kỉ niệm, nhưng sau nghĩ cái thói đa cảm đó con nít quá, chàng liệng đóa hoa mà lòng hơi thất lại khi thấy nó biến mất trong dòng nước.

Có bản năng thầm kín nào xui Ethel lại đầm vào cái giờ luôn luôn vắng người này? Dân trên đảo thích nước một cách cuồng nhiệt. Hễ có cơ hội là họ hụp, lặn. Nhưng bao giờ họ cũng đi từng đám vui vẻ, từng gia đình một. Thỉnh thoảng một nhóm thiếu nữ bản xứ và lai vùng vẫy bên những phiến đá ở thác. Ánh nắng mặt trời chiếu qua cành lá, lên thân thể họ thành những vết sáng loáng như đá hoa. Cơ hồ như cái đầm đó có sức mê hoặc Ethel mà nàng không sao chống lại nổi.

Lawson để cho dòng nước đưa đi, chỉ uể oải bơi vài cái, mà hưởng cái thú mê hồn và cái tĩnh mịch của đêm tối trong miền nhiệt đới này. Nước như còn phảng phất hương thơm trên thân thể mảnh mai của thiếu nữ.

Một lúc sau, dưới vòm trời đầy sao, khi chàng cưỡi ngựa về châu thành thì chàng thấy vui vẻ với mọi người.

Chiều nào chàng cũng trở lại đầm và lần nào cũng gặp Ethel. Ít lâu sau, chàng làm cho nàng quen quen, hết e lệ. Nàng hóa ra vui vẻ, rồi thân mật. Họ cùng ngồi lên những mỏm đá ở phía trên đầm, chỗ mà nước chảy mạnh, rồi hai người sánh vai nhau, cúi xuống nhìn khoảng trống ở dưới, nhìn cái bí mật của hoàng hôn trải trên cảnh vật.

Không làm sao tránh được những lời đồn bậy. Trong miền Nam Hải này, ai cũng biết rõ chuyện của người khác, và ở khách sạn, người ta hòa nhau nặng lời chế giễu chàng. Chàng mỉm cười mặc kệ. Cãi làm gì kia chứ? Cảm tình của chàng trong sạch. Chàng yêu Ethel như một thi sĩ mê một vì tinh tú vậy. Chàng nghĩ tới nàng, không phải như nghĩ tới một người đàn bà mà như nghĩ tới một vật vô hình: nàng là linh hồn của cái đầm.

Một hôm đi ngang qua quầy khách sạn, chàng thấy ông già Brevald, bận chiếc áo ba-đờ-suy xanh dương đã sờn mà không lúc nào lão rời ra. Chàng nảy ra ý muốn bắt chuyện với thân phụ của Ethel. Kêu người bồi rồi chàng quay lại mời lão uống rượu với mình. Trong vài phút, họ nói chuyện về tin tức trong đảo. Lawson thấy cặp mắt gian xảo của lão phân tích mình tỉ mỉ mà khó chịu. Cử chỉ của lão không dễ thương chút nào cả. Số kiếp long đong đã làm cho lão hóa mềm mỏng, và trong cái dễ tiện của lão còn những dấu vết tàn ác. Lawson nhớ ra rằng Brevald xưa kia chỉ huy một chiếc tàu buôn mọi, một “con quạ” như người ta thường gọi ở Thái Bình Dương. Hồi đó, chiến đấu với thổ dân quần đảo Salomon, lão bị thương và do đó bị bệnh sản khí[31] tới bây giờ vẫn chưa hết. Chuông đổ báo giờ bữa trưa.

Lawson bảo:

- Thôi để khi khác.

Brevald giọng khàn khàn vì bệnh suyễn, ngỏ lời mời:

- Hôm nào ông lại chơi nhà tôi. Nhà không sang trọng gì, nhưng ông sẽ được tiếp đón niềm nở. Ông quen cháu Ethel rồi mà.

- Tôi sẽ tới, còn gì vui bằng.

- Tiện nhất là chiều chủ nhật.

Tầm thường mà đã cũ nát, ngôi nhà của Brevald cất trong một vườn dừa, hơi xa đường đại lộ đưa lên Vailima. Chung quanh là những bụi chuối lớn. Những tàu chuối tả tơi có một vẻ đẹp nào lòng như những mũi nhên bận đồ rách. Cái gì cũng bừa bãi, dơ dáy. Những con heo con, đen, trắng, cao, ỉu ở chung quanh; những con gà mái cục cục, bơi trong những đồng rác rải rác đây đó. Ba bốn người bản xứ thơ thẩn ở sân trước nhà. Khi Lawson hỏi: “Ông Brevald có nhà không?” thì giọng khàn khàn, lão gọi chàng vô phòng khách; chàng thấy lão đang hút một ống điếu bằng gỗ, nhựa thuốc đã đóng đen cả.

Brevald bảo:

- Ông cứ tự nhiên. Đứng vào lúc Ethel đang trang điểm.

Nàng bước vô. Bận một cái cụng và một chiếc áo ngoài, tóc chải như đàn bà Âu. Nàng không còn cái vẻ đẹp e lệ, man rợ của thiếu nữ chàng gặp ở đầm nữa. Nàng chìa tay cho Lawson bắt. Lần đó là lần đầu chàng chạm vào ngón tay nàng.

Nàng hỏi:

- Em pha trà ông xơi nhé?

Lawson biết rằng có học ở trường bà Phước: những vẻ xã giao lịch sự của nàng để tiếp chàng như tiếp một khách quý làm cho chàng vừa thấy ngỡ ngàng vừa cảm động. Bữa quà chiều đã dọn trên bàn và người vợ thứ tư của Brevald đem bình trà ra. Một người đàn bà bản xứ có duyên, xuân đã gần tàn. Mụ biết nhiều lắm là dăm ba tiếng Anh, nên chỉ mỉm cười hoài. Bánh phết mứt, và bánh ngọt chất lên có ngọn, thành thử bữa trà có vẻ trang trọng, mà câu chuyện có tính cách lễ nghi. Sau cùng một bà già nhăn nhoe len lén bước vào.

Lão Brevald khạc mạnh xuống đất, bảo:

- Bà ngoại cháu Ethel.

Mụ già vung về ngồi né vào mép ghế; người ta thấy ngay rằng mụ không quen ngồi ghế mà thích ngồi dưới đất hơn. Dưới bếp, ở phía sau ngôi nhà, có người chơi phong cầm và hai ba giọng ca lên một khúc thánh ca để cho vui hơn là để tỏ lòng mộ đạo.

Khi trở về khách sạn, Lawson sung sướng lạ. Cái lối sống lộn xộn của bọn người đó làm cho chàng cảm động. Nụ cười nhân từ của mụ Brevald, cuộc đời mạo hiểm của ông già Na Uy, cặp mắt bí mật của bà ngoại Ethel, tất cả những cái trò đó có vẻ mới mẻ, quyến rũ chàng. Chưa bao giờ chàng thấy một lối sống tự nhiên như vậy, một lối sống gần với đất phì nhiêu và hiền hậu. Chàng ghé tỏm văn minh. Tiếp xúc với những người chất phác đó, chàng được hưởng cái thú độc lập hơn.

Chán đời sống ở khách sạn, chàng dọn lại một biệt thự xinh xắn quét vôi trắng, ở trước mặt biển, để luôn luôn ngắm cái vũng mà cảnh sắc rất thay đổi. Chàng đã mê hòn đảo tuyệt đẹp đó rồi, quên hình ảnh Luân Đôn và nước Anh rồi. Chàng muốn được chết nơi xa xôi này, để hưởng đủ những cái quý nhất ở đời: hạnh phúc và ái tình. Không có gì ngăn chàng cưới Ethel cả.

*

Mà chàng muốn gì được nấy. Lão Brevald khúm núm, mụ vợ luôn luôn mỉm cười, cả hai lúc nào cũng niềm nở tiếp đón chàng. Thỉnh thoảng có những người bản xứ ra vô gần như người trong nhà. Một hôm chàng thấy một gã cao lớn ngồi bên cạnh lão Brevald, bận chiếc Lava-lava[32], mình xăm, tóc nhuộm nước vôi cho lọt màu. Hỏi ra thì là cháu của mụ Brevald. Nhưng thường thường bọn thổ dân đứng ne né ở xa.

Ethel đối với chàng rất dễ thương. Hễ thấy chàng là mắt nàng sáng ngời lên; chàng thích mê đi. Nàng diu dàng mà ngây thơ, chàng khoan khoái nghe nàng kể về trường Áo trắng và các bà Phước. Chàng dắt nàng đi coi hát bóng nửa tháng mới có một kì, và văn tuồng, có cuộc khiêu vũ thì chàng nhảy với nàng. Ở Upolu rất ít có cuộc vui, cho nên ngày đó, từ những nơi xa xôi nhất đảo, người ta đều về Apia. Tất cả cái xã hội trong đảo tụ họp lại: phụ nữ da trắng thì giữ ý ra

mặt, không muốn mang tiếng với bọn da đen; phụ nữ lai thì rất mỹ miều, ăn bận như đàn bà Mĩ; rồi tới dân bản xứ họp nhau từng đoàn gái và trai da ngăm ngăm, gái thì bận khăn choàng màu nhạt, còn trai thì bận đồ tây, đi giày trắng. Ethel thích khoe với bạn bè rằng có một người Âu bị mình chinh phục, đi đâu cũng theo mình như hình với bóng. Chẳng bao lâu có tiếng đồn rằng chàng muốn cưới nàng. Bạn bè cô ả thêm thường ngó nàng. Một thiếu nữ lai mà cưới được một người chồng da trắng là một sự may mắn không ngờ. Nhiều ả không biết làm cách nào khác, chịu đi lại lén lút mà cũng mãn nguyện. Nhưng ai biết được việc đời sẽ ra sao?

Lawson, giám đốc một ngân hàng, là một trong những đám bỏ nhất trên đảo. Nếu bớt mê Ethel thì chàng đã nhận thấy rằng nhiều người để ý đến mình, và các phụ nữ da trắng thường ngó chàng rồi tùm đầu lại, vui vẻ nói nhảm nhí với nhau.

Có buổi khiêu vũ, khách khứa nhà hàng Metropole còn uống một chén huýt ky nữa. Nelson la:

- Này, có tin đồn Lawson sắp cưới ả đó.

Miller đáp:

- Nếu vậy thì hẳn là thằng chí ngu rồi.

Anh chàng Mĩ gốc Đức đó – trước kia tên hẳn là Muller[33] – to lớn, mập và hói, mặt tròn và nhẵn nhụi. Đeo cặp kính lớn gọng vàng, có vẻ giả dối lắm. Ý phục rất bảnh. Uống nhiều, luôn luôn sẵn sàng truy hoan cùng “bạn trai với nhau”, nhưng hẳn không bao giờ say. Hòa nhã, vui tính nhưng rất quý quyết: lo làm ăn trước hết. Hẳn đại lí cho một nhà buôn ở San Francisco, đầu cơ về các hàng hóa bán trên đảo: vải, máy móc v.v... Nhờ tánh ân cần niềm nở mà hẳn đẩy được những hàng xấu.

Nelson bảo:

- Hẳn không biết là nguy cho hẳn. Phải có người nào mở mắt cho hẳn mới được.

Miller cãi:

- Ông Chaplin cũng đừng nên dự vào.

Hồi đó, Lawson đã không được lòng nhiều người nữa rồi và thực ra chẳng ai nghĩ tới chàng, lo về tương lai của chàng. Mụ Chaplin cũng có nói với hai bà khác nhưng họ chỉ tiếc giùm cho Lawson thôi.

Khi chàng báo tin mừng thì trễ quá, còn can thiệp gì được nữa.

Lawson sung sướng được một năm. Chàng lựa ở đầu làng trên bờ vịnh một biệt thự khuất dưới bóng dừa và nhìn ra mặt nước xanh chói lọi của Thái Bình Dương. Ethel đi lại trong ngôi nhà, yếu điệu, mềm mại như một con vật nhỏ trong rừng; nàng vui vẻ và khả ái. Cái gì cũng làm cho cặp vợ chồng trẻ đó cười được. Thỉnh thoảng những khách du lịch ở khách sạn lại nhà chơi buổi tối. Chủ nhật họ đi thăm bọn thực dân có vợ bản xứ. Lâu lâu một con buôn ở Apia làm tiệc và mời họ. Bây giờ bọn lai đối đãi với Lawson khác hẳn trước. Cùng với nhau rồi, họ gọi chàng một cách thân mật là Bertie, khoác tay chàng và vỗ đôm đốp vào lưng chàng. Lawson thích thấy vợ vui vẻ, mắt long lanh, dự những cuộc hội họp đó. Hạnh phúc hoàn toàn, chàng tự thấy sướng quá. Bà con của Ethel lại nhà chơi, tất nhiên có ông già bà già, nhưng cũng có thêm bọn anh em họ hàng, những người đàn bà bản xứ bận khăn choàng, những người đàn ông và trẻ con quần lava-lava, tóc nhuộm đỏ, mình xăm không chừa một chỗ. Lawson ở ngân hàng về thấy họ ngồi trong nhà, bảo vợ.

- Đừng để họ nuốt sống mình chứ.

- Bà con của em. Họ đòi tới thăm, không tiếp họ sao được.

Chàng biết rằng khi một người da trắng mà cưới một người thổ dân hoặc lai thì thế nào cũng bị gia đình bên vợ coi mình như cái mỏ để đào. Chàng ôm lấy mặt Ethel rồi hôn cặp môi đỏ của nàng. Làm sao có thể giảng cho nàng hiểu được rằng lương chàng dư dật cho người độc thân, nhưng phải chật bóps thì mới đủ cho một gia đình có vợ con?

Ethel sanh một đứa con trai.

Lần thứ nhút Lawson bồng đứa bé trên tay, lòng chàng bỗng thất lại, lo lắng. Không ngờ nước da nó lại đậm thế. Thực ra, đứa nhỏ, trắng đến ba phần tư, có thể coi là một em bé Anh được; nhưng nước da vàng, và nó nằm gọn trong tay người cha, đầu đã rậm những tóc đen, mắt cũng đen và quá lớn, giống hệt một đứa bé bản xứ.

Bọn phụ nữ da trắng không giao thiệp với Lawson nữa từ khi chàng cưới vợ. Khi chàng gặp những bạn giao du từ cái hồi còn độc thân, thì cái bọn này khó chịu, tỏ vẻ quá niềm nở để giấu sự lúng túng của họ.

- Chị có mạnh không? Anh thật là có phước. Chị ấy dễ thương quá.

Nhưng bọn đó nếu đi với các bà vợ mà gặp chàng và Ethel thì các bà ấy chào một cách trịch thượng, làm cho các ông chồng phát ngượng. Lawson giấu họ.

- Cái bọn đó, chán như cơm nếp, không dự những cuộc hội họp thăm hại của họ buổi tối thì chỉ càn dễ ngủ thôi.

Nhưng rồi chàng bắt đầu thấy mình như bị đày.

Thằng bé da đen lắc lư cái đầu. Nó là con của chàng. Chàng nghĩ tới những đứa trẻ lai ở Apia. Ôm nhóm, vàng vọt, xanh xao, chúng có vẻ tinh khôn sớm quá, đáng ngại. Lawson đã để ý chúng trên tàu, khi chúng lại học ở một trường tại Nouvelle Zélande, một trường nhận những trẻ lai. Vừa trơ tráo, vừa nhút nhát, chúng đứng nép vào nhau. Vẻ mặt của chúng đã khác hẳn vẻ mặt những trẻ da trắng. Chúng nói léo xéo với nhau bằng tiếng bản xứ, thành thử chúng đứng riêng, không nhập bọn trẻ con da trắng. Con gái thì còn có thể cưới một người da trắng được, còn con trai thì vô hy vọng: hoặc là cưới một thiếu nữ lai như chúng, hoặc là cưới một thiếu nữ bản xứ. Lawson quyết chí gắng sức tránh cho con cái nhục một đời sống như vậy. Thế nào cũng phải về châu Âu.

Nhìn Ethel ẻo lả, yêu kiều nằm trong giường, chung quanh là những phụ nữ bản xứ, chàng quyết định rồi. Về ở giữa gia đình của chàng, nàng mới thật là hoàn toàn của chàng. Trong lúc say đắm, chàng mơ mộng một sự hòa hợp hoàn toàn của hai linh hồn và thể xác, và chàng cảm thấy rằng ở đây, vì những liên lạc mật thiết đó buộc nàng vào đời sống bản xứ, luôn luôn chàng bị mất mát một cái gì của nàng mà thuộc về chàng. Bản năng thúc chàng hoạt động ngầm. Chàng viết thư cho một người anh họ, giám đốc một công ty hàng hải ở Aberdeen. Cũng như vô số người khác, chàng bảo rằng vì sức khỏe nên phải tới đảo làm ăn, nhưng nay đã mạnh thì không lí gì lại không về xứ. Chàng nhờ ông anh hết sức vận động kiếm cho chàng một chỗ làm ở Deeside dù lương ít cũng được, vì nơi đó khí hậu hợp với phổi yếu của chàng. Từ Aberdeen tới Samoa, thư từ mất năm sáu tuần và phải trao đổi nhiều bức. Chàng có thì giờ để dụ Ethel. Nàng vui như một em bé, khoe với bạn bè là sắp về Anh làm cho Lawson cũng thích. Nàng tưởng sẽ được thăng một bậc trên cái thang giai cấp; ở Anh, nàng sẽ hoàn toàn thành một thiếu phụ Anh. Với lại nàng muốn biết cuộc hành trình ra sao, cho nên ham lắm.

Sau cùng nhận được tin. Người ta đề nghị với Lawson một chỗ làm trong ngân hàng ở Kincardineshire, một tỉnh nhỏ của Tô Cách Lan. Ethel mừng rơn.

Sau cả tháng lênh đênh trên biển, họ tới tỉnh đó mà nhà cửa phần nhiều bằng đá hoa cương. Lawson sung sướng. Nhớ lại ba năm ở Apia – thời biệt xứ - chàng thấy vui vẻ như được giải thoát, trở về đời sống bình thường. Chỉ có đời sống ở đây mới thực là bình thường. Chàng lại vô những hội dã cầu, lại vui chơi, nhất là lại được hưởng cái thú thể thao đi câu cá; ở Thái Bình Dương, chỉ thả cần câu xuống là thế nào cũng kéo lên được một con cá lớn cho nên mau chán lắm. Lại được đọc tin tức hàng ngày trên báo, gặp những đồng bào cùng giới với mình, lại có người để nói chuyện và khỏi phải ăn thịt ướp lạnh và uống sữa đặc nữa. Lawson và Ethel quần quít nhau nhiều hơn ở Samoa và chàng vui thích thấy vợ hoàn toàn là của mình. Sau hai năm sống chung, bây giờ chàng yêu vợ hơn bao giờ nữa, vắng nàng chàng không chịu được và chàng thấy cái nhu cầu hòa hợp thân mật với nhau tăng lên. Nhưng lạ thay, sau sự kích thích hồi mới tới, nàng lần lần không ưa cuộc sống mới này như chàng tưởng. Nàng như bị một trạng thái hôn thụy xâm chiếm. Khi mùa thu đẹp đã chìm trong cảnh đông, nàng phàn nàn tiết trời

lạnh quá. Nàng nằm ở giường hết nửa buổi sáng rồi lại qua nằm chiếc đi văng đọc tiểu thuyết, hoặc nhiều khi chẳng làm gì cả, cho tới hết ngày. Nét mặt có vẻ lo buồn.

Chàng bảo:

- Em đừng ngại. Rồi sẽ quen ngay với thời tiết. Đợi mùa hè tới. Lúc đó đôi khi nóng gần bằng Apia.

Đã lâu chưa bao giờ chàng thấy khỏe mạnh như bây giờ.

Ở Samoa, Ethel biếng nhác việc nhà thì chả sao, nhưng ở đây thì khác. Khách khứa tới chơi, Lawson không muốn rằng nhà mình có vẻ bừa bãi. Chàng vừa chọc vợ, vừa chịu khó lần lần làm thay nàng. Nàng ơ hờ nhìn chồng làm. Nàng ngồi hàng giờ đùa với đứa nhỏ, nói với nó như với những em bé ở quê hương nàng. Muốn cho vợ khuấy khuấy, chàng chịu khó kết thân với các người hàng xóm và người ta mời hai vợ chồng lại dự những cuộc họp nhỏ buổi tối. Các bà hát các điệu tình ca trong khi các ông lạnh lùng, chất phác ngồi nghe. Ethel e lệ ngồi xa xa. Đôi khi, Lawson bỗng nhiên hóa lo, hỏi vợ có sung sướng không.

Nàng đáp:

- Có, sung sướng lắm.

Nhưng có ý nghĩ bí mật gì làm mờ cặp mắt nàng. Nàng trầm ngâm, không cởi mở, và chàng có cảm tưởng cũng không hiểu gì nàng hơn cái buổi gặp nhau lần đầu tiên ở bờ đầm. Thấy người vợ yêu quý như giấu giếm mình cái gì, chàng rất đau khổ.

Chàng hỏi:

- Em không tiếc Apia chứ?

- Dạ không. Ở đây thích lắm.

Chàng ngờ vực rồi đâm ra chê bai các đảo đó và dân bản xứ. Ethel chỉ cười mà không đáp. Họa hoằn lắm nàng mới nhận được một bó thư từ Samoa, những khi đó nàng thơ thẩn một hai ngày, mặt nhợt nhạt và lảm lì.

Một hôm chàng bảo:

- Không khi nào anh chịu trở về đó nữa. Một người da trắng không thể sống ở đó được.

Nhưng chàng đoán rằng trong lúc vắng mặt mình Ethel thỉnh thoảng đã khóc. Ở Apia nàng liến thoắng chuyện trò về mọi chi tiết trong đời sống của hai vợ chồng và về những tin tức đôi mách trong miền; bây giờ mỗi ngày nàng càng ít nói và mặc dầu Lawson gắng sức làm cho vợ vui mà nàng vẫn thản nhiên. Hình như những hồi ức của nàng kéo nàng xa chàng đi. Chàng đâm ghen đến phát giận; ghen mặt biển, ghen hòn đảo, ghen lão Brevald và tất cả cái bọn da đen đó mà bây giờ chỉ nghĩ tới, chàng đã ghê tởm. Giọng chàng hóa chua chát, nhạo báng, khi Ethel nhắc lại kỷ niệm ở Samoa.

Một buổi chiều xuân, cây bu-lô tung bùng đâm búp, đi chơi dã cầu về, chàng thấy vợ không nằm dài trên chiếc đi-văng như thường ngày mà lại đứng ở cửa sổ. Nàng nhìn lúc chồng về; khi chàng vô, nàng nói ngay bằng thổ ngữ Samoa, làm cho Lawson ngạc nhiên.

- Em không chịu được nữa rồi; em không ở đây được nữa. Em ghét tất cả những cái này. Ghét lắm.

Chàng đổ quạu, bảo:

- Trời đất! Sao không dùng ngôn ngữ của người văn minh mà nói?

Nàng tiến lại phía chồng, vụng về ghì chặt chồng, cử động gần như man rợ.

- Chúng ta đi đi. Về Samoa đi. Nếu anh bắt em ở lại đây thì em chết mất. Em muốn về nhà của em.

Chàng bỗng hết giận liền; nàng khóc nức nở.

Chàng cũng bình tĩnh lại, kéo nàng lại ngồi vào lòng mình rồi giảng giải rằng không thể bỏ

chỗ làm được, dù sao cũng phải kiếm ăn chứ! Công việc ở Apia đã về người khác từ lâu rồi, không trở lại đó được nữa. Chàng rán vạch những bất tiện của đời sống trên đảo, những tủi nhục mà vợ chồng phải chịu và cái thân phận ti tiện của những đứa con sau này.

- Không có xứ nào mà sự giáo dục được thuận tiện như ở Tô Cách Lan. Trường học có tiếng mà học phí không đắt; còn chúng mình sẽ vô trường đại học Aberdeen. Anh sẽ đào tạo nó thành một người Tô Cách Lan chính cống.

Họ đã đặt tên cho nó là André[34]. Lawson muốn cho nó sau này học y khoa, cưới một người vợ da trắng.

Ethel gắt gỏng cãi lại:

- Em không mắc cỡ rằng em lai.

- Tất nhiên rồi, cưng. Có gì mà mắc cỡ.

Má mìn của nàng áp vào má chàng, chàng thấy mình lúc đó nhu nhược lạ.

- Em không biết rằng anh yêu em đến bậc nào. Làm sao thổ lộ được hết nỗi lòng của anh cho em nghe.

Chàng kiếm môi nàng để hôn.

Mùa hè vừa tới. Thung lũng ở miền Highlands xanh mướt và thơm tho. Cây thạch thảo lấp lánh trên những ngọn đồi tươi đẹp. Trong cái khu kín đáo đó, những ngày rực rỡ nối tiếp nhau; bóng cây bu lô làm dịu ánh nắng trên đường cái. Ethel không nhắc tới Samoa nữa và Lawson bớt lo. Chàng tin rằng nàng đã an phận, rằng mình yêu vợ như vậy thì vợ tất thỏa mãn, không còn gì muốn hơn.

Một hôm, một y sĩ gặp chàng ở ngoài đường, kêu lại bảo:

- Nay ông Lawson, bà nhà nên có ý tứ một chút khi tắm trên suối. Ở đây đâu phải trên Thái Bình Dương, ông biết mà.

Trong lúc bất ngờ, chàng không đủ lanh trí để giấu giếm.

- Tôi không hay đấy.

Bác sĩ mỉm cười.

- Nhiều người trông thấy và thiên hạ xì xào với nhau. Sao mà khéo lựa cái đầm ở phía trên cầu. Người ta cấm tắm ở đó. Nhưng không hại gì lắm, mà nước lạnh như vậy làm sao bà ấy chịu nổi nhỉ?

Lawson biết cái đầm đó. Chàng bỗng nghĩ ra rằng nó giống một phần nào cái đầm ở Upolu, nơi mà xưa kia Ethel thường chiều chiều lại tắm.

Một dòng suối trong vui vẻ sủi bọt, len lỏi giữa những mỏm đá rồi tỏa ra thành một cái đầm sâu phẳng lặng ở bên một bãi cát. Cây cối um tùm che mặt đầm, không phải là cây dừa mà là cây bu lô; và tia nắng chiếu qua kẽ lá, nhí nhánh múa trên mặt đầm lấp lánh như tấm gương. Chàng bỗng đau lòng. Chàng tưởng tượng Ethel cởi quần áo trên bờ, rồi trườn xuống làn nước lạnh, lạnh hơn nước đầm ở xứ nàng, để được tiếp xúc trong một lúc với dĩ vãng. Một lần nữa, chàng thấy nàng như một nữ thần kì dị và man rợ của dòng suối, làn nước phiêu lưu như kêu gọi nàng.

Chiều hôm đó, Lawson len lén lại suối, đi trong đám cây, bước nhẹ nhẹ trên con đường mòn cỏ êm cho khỏi có tiếng động. Rồi chàng tới một chỗ nhìn thấy đầm. Yên lặng ngồi trên bờ, Ethel ngó ra phía trước, như bị nước quyến rũ, không chống lại nổi. Những tư tưởng bí mật đưa nàng tới đâu nhỉ? Sau cùng nàng đứng dậy, biến mất trong một hai phút rồi trở lại, mình quấn chiếc khăn choàng, bàn chân nhỏ nhắn dẫm đất, nhẹ nhàng theo bờ rêu men đầm. Tới mé nước, nàng từ từ hụp xuống. Nàng khoan thai lội, cử động yếu điệu, huyền ảo. Tại sao Lawson lại cảm động như vậy? Chàng đợi cho nàng lên bờ. Nàng ngừng lại một lát, chiếc khăn choàng ướt dẫm vào người rỏ giọt xuống. Sau cùng nhẹ nhẹ đưa tay lên ngực, nàng thở dài khoan khoái rồi biến mất.

Lawson trở về làng, lòng thất vọng: Ethel đối với chàng vẫn xa lạ. Ái tình của chàng không bao giờ được thỏa mãn.

Chàng làm thinh, không nhắc chuyện đó, nhưng ngầm dò xét vợ để đoán tư tưởng thầm kín của nàng. Chàng càng âu yếm vợ gấp bội để rán làm cho cái tâm hồn bí mật đó bớt nhớ quê đi. Một hôm chàng ngạc nhiên không thấy vợ ở nhà, hỏi chị ở:

- Bà đâu?

Chị ở ngạc nhiên đáp:

- Thừa ông, bà đi Aberdeen với cậu; bà bảo chuyển tàu cuối mới về.

- À!

Chàng chỉ giận rằng nàng đi mà không cho chàng hay chứ không lo ngại gì cả. Ít lâu nay chàng vui vẻ thấy nàng nhiều lần lại Aberdeen, chắc là nàng đi coi các cửa hàng và có lẽ đi coi hát bóng nữa, thôi thế cũng mừng. Chàng ra ga đón chuyển tàu chót; không thấy vợ, đâm hoảng. Chạy về phòng thì thấy ngay rằng quần áo của nàng đã biến mất. Ngắn kéo và tủ gần như rỗng: nàng đã trốn đi rồi.

Chàng giận điên lên. Đêm đã khuya không thể kêu điện thoại lại Aberdeen để hỏi thăm được. Với lại chàng biết dư rồi, còn điều tra làm gì nữa? Thực là mưu mô quỷ quyệt, nàng đã lựa đúng cái lúc chàng đang bận thanh toán sổ sách, không thể bỏ việc mà đi kiếm vợ được. Một tờ báo đăng tin một chiếc tàu sẽ khởi hành đi Úc châu sáng hôm sau. Giờ này đây, chắc nàng sắp tới Luân Đôn. Chàng nức nở muốn ghen hòng không nên được, rên rỉ:

- Vô ơn bạc nghĩa! Nhờ mình mới được vậy mà sao vô tình đến bậc đó!

Sau hai ngày lo lắng, chàng nhận được một bức thư, y hệt như của nữ sinh. Ethel viết vốn khó khăn. Thư rằng:

“Anh Bertie,

Em không chịu nổi nữa đâu.

Em về nhà đây.

Chào Anh”.

Không có một lời ân hận cũng không mong mỗi chồng đi theo nữa. Chàng kinh hoảng. Chàng hỏi thăm bến thứ nhất tàu sẽ ghé là bến nào rồi đánh điện tín năn nỉ nàng trở về, mặc dầu biết chắc rằng nàng không chịu. Rồi lo lắng, thảm hại, chàng chờ đợi, hi vọng nhận được một lời âu yếm nhưng tuyệt vô âm tín. Chàng trải nhiều cơn khủng hoảng dữ dội. Đôi khi chàng mừng thầm đã thoát được cái nợ đó; nhưng ngay lúc sau chàng lại nghĩ cách không gởi tiền cho nàng nữa để nàng phải phục tùng mình. Chàng buồn rầu, thấy bị vợ bỏ lơ. Chàng muốn đòi lại con, đòi lại vợ. Mặc dầu đã gắng sức để tự dối mình mà chàng cũng phải nhận rằng chỉ có mỗi một cách là đi theo nàng thôi, không thể nào thiếu nàng được. Vì nóng nảy, bực tức, bao nhiêu dự định mong manh của chàng sụp đổ hết. Thôi thì hi sinh tương lai đi, cần gì; ngoài Ethel ra, ở đời không có gì đáng kể nữa. Đợi lúc bớt việc, chàng lại ngay Aberdeen, xin ông giám đốc ngân hàng cho từ chức liền. Ông bác đơn. Gấp như vậy, hại cho hăng. Nhưng Lawson không chịu nghe phải trái gì cả, vì đã quyết định chuyển tàu sau là đi. Khi xuống tàu rồi chàng mới bình tĩnh được một chút. Chàng đã bán hết đồ đạc, chung quanh ai cũng cho là điên. Việc cuối cùng của chàng ở Anh là đánh điện tín cho Ethel báo tin chàng tới Apia.

Tới Sydney chàng đánh thêm bức nữa và sau cùng, khi hừng đông, tàu vô cửa biển Apia, chàng khoan khoái lạ lùng, đứng nhìn những ngôi nhà trắng rải rác trên bờ vịnh. Bác sĩ và một nhân viên xuống xét tàu.

Cả hai đều là bạn cũ, gặp lại họ chàng thích lắm, uống với họ một hai ly để nhớ lại cái thời xưa và cũng để được bình tĩnh vì thần kinh chàng bị kích động kịch liệt. Ethel thấy chàng về, có sung sướng không? Ngồi chiếc tàu con để vô bờ, chàng lo lắng tìm tòi trong đám đông người đợi ở bờ. Không thấy nàng trong đám. Lòng Lawson thất vọng; nhưng khi chàng thấy Brevald bạn cái áo cũ màu xanh dương, chàng vững bụng.

Chàng nhảy lên bờ, hỏi:

- Ethel đâu?

- Ở nhà. Ở chung với vợ chồng tôi.

Chàng kinh ngạc nhưng rán tỏ ra vui vẻ.

- Vậy có chỗ cho tôi không? Phải đợi một vài tuần, tụi tôi mới kiếm được nhà.

- Ồ, được, có chỗ cho anh ở được.

Họ qua cửa đoạn rồi tới khách sạn và Lawson được nhiều bạn cũ tiếp đón. Lại phải uống nhiều châu với họ rồi mới thoát được, và khi chàng và Brevald bước qua cửa thì cả hai đều hơi ngà ngà. Lawson ôm chầm lấy Ethel. Gặp vợ, chàng mừng quá, bao nhiêu tư tưởng chua chát đã biến hết. Bà nhạc, cả bà ngoại nữa, y hệt một mụ phù thủy già, nhăn nhoe đều niềm nở tiếp đón chàng. Tụi bản xứ và lai vô phòng, ngồi quây quần chung quanh, tươi tỉnh ngó chàng. Brevald có một vẻ huýt ky, ai tới cũng được mời uống một hớp. Cởi bỏ bộ đồ Anh ra, Lawson bỗng đưa con da đen của chàng, đặt lên đùi, Ethel quần khăn choàng ngồi bên cạnh. Chàng tưởng chừng như mình là đứa con hoang trở về gia đình.

Buổi chiều chàng lại khách sạn, về tới nhà thì đã chuẩn choáng. Ethel và mẹ nàng biết rằng tụi da trắng, phải lâu lâu cho họ say sưa một lần, nên vui vẻ cười cười, vực chàng vô phòng.

Một hai ngày sau, chàng đi kiếm việc. Không hi vọng gì tìm được một chỗ tốt như chỗ chàng đã bỏ trước khi về Anh nhưng chàng có nhiều khả năng, chắc chắn được trọng dụng trong một hãng buôn và có lẽ cũng chẳng thiệt thòi gì nhiều.

Chàng bảo:

- Nghĩ cho cùng, làm ở ngân hàng khó mà kiếm được nhiều tiền. Phi thương bất phú.

Chàng sẽ làm cho một hãng buôn, thành một người cộng tác cần thiết rồi người ta phải mời chàng làm hội viên. Chỉ trong ít năm không có lí gì không làm giàu được.

Chàng bàn với Ethel:

- Khi nào anh có công việc nhất định rồi, thì chúng ta đi kiếm nhà riêng, không thể ở đây hoài được.

Trong ngôi nhà nhỏ hẹp của Brevald, chật chội như vậy, không mong gì mà vợ chồng ngồi một mình với nhau được, không thể thân mật với nhau được.

Nàng đáp:

- Không gấp. Trong khi chờ đợi có căn nhà vừa ý thì ở đây cũng được lắm rồi.

Sau một tuần chạy chọt, chàng vô làm cho một nhà buôn tên là Bain. Nhưng khi bàn với Ethel về chuyện dời nhà thì nàng bảo đợi sanh đứa thứ nhì đã. Lawson rán thuyết phục, nàng không chịu đi đâu cả, bảo:

- Nếu anh không muốn ở đây thì lại khách sạn Metropole mà ở.

Chàng tái mặt:

- Em Ethel, em nữ nào đề nghị với anh như vậy hử?

Nàng nhún vai.

- Có thể ở đây được thì mất công đi tìm chỗ khác làm chi chứ?

Chàng đành nhượng bộ.

Ở hãng về, chàng thấy nhà đầy những người bản xứ. Họ nằm dưới đất, hút thuốc, ngủ, uống rượu kava, trò chuyện đến điếc tai. Nhà thì bẩn thỉu, lộn xộn. Thằng bé André lê la với trẻ con da đen, len lỏi trong đám đó. Chung quanh nó người ta chỉ nói thổ ngữ Samoa. Lần lần Lawson có thói quen lại khách sạn uống rượu rồi mới về nhà, nhờ có hơi men mới đủ can đảm chịu đựng nỗi sự niềm nở của bọn thổ dân đó suốt buổi tối. Và mặc dầu chàng yêu vợ nồng nhiệt hơn bao giờ hết, mà chàng cứ thấy Ethel mỗi ngày một thoát ly mình. Khi nàng sanh rồi, chàng

bàn tới sự dọn nhà, nằng từ chối. Cuộc đời ở Tô Cách Lan hình như đẩy nằng mạnh mẽ về phía cha mẹ nằng và bây giờ đây, ở gia đình, nằng thích sống theo những tục lệ quê hương.

Lawson mỗi ngày một nghiện rượu nặng lên. Tối thứ bảy nào, ở Câu lạc bộ Anh, chàng cũng say mềm, người ta phải vực chàng về. Say rượu rồi chàng đâm ra gây sự. Một lần, chàng gây sự với Bain, chủ hãng, và chàng bị đuổi, phải đi kiếm việc nơi khác.

Thất nghiệp hai ba tuần như vậy, chàng không muốn về nhà, lê la ở khách sạn hoặc Câu lạc bộ và uống rượu cho quên đi. Vì thương hại nên Miller kêu chàng về làm cho mình. Chàng biết nhiều về tài chánh, giúp hắn được nhiều, nhưng hoàn cảnh không cho chàng khó tính như trước nữa. Với lại hắn là con buôn, nên không ngần ngại gì mà không trả cho chàng một số lương quá thấp. Ethel và Brevald trách chàng sao lại nhận trong khi một người lai tên là Peterson trả cao hơn. Nghĩ đến cái nông nổi phải ở dưới quyền một thằng cha lai, chàng chịu không nổi. Ethel nói vô hoại, chàng đáp:

- Thà chết đói chứ không chịu làm với một thằng mọi.
- Chưa biết chừng rồi đây tránh không khỏi đa.

Thực vậy, sáu tháng sau, chàng phải chịu cái nhục nhã vô cùng đó. Vì say sưa hoại, chàng làm việc tệ quá. Miller cảnh báo nhiều lần, nhưng Lawson không phải là người chịu để người ta rầy. Một hôm, giữa lúc cãi nhau, chàng lấy nón ra về. Lần này thì mang tiếng xấu rồi, không ai muốn dùng chàng nữa. Lại thất nghiệp một thời gian. Rồi kể đó, vì say rượu mà bị động kinh. Hết bệnh rồi, vừa yếu sức vừa xấu hổ, bị người chung quanh thôi thúc hoại, chàng muốn nuốt nhục lại Peterson xin việc. Peterson hãnh diện được một người da trắng giúp việc trong cửa hàng, nhất là một người mà hắn phục tài năng.

Từ nay Lawson xuống cái dốc sa đọa. Bọn da trắng lãnh đạm với chàng. Chỉ vì thương hại - thương hại một cách khinh bỉ - và vì sợ khi say chàng hóa dữ tợn, mà họ chưa tuyệt giao với chàng. Chàng nổi xung lên, chỉ sống với bọn người bản xứ và bọn lai, mà trong mắt những bọn này, chàng đã mất cái uy thế của huyết thống rồi. Họ bức mình thấy chàng ghét họ, làm bộ ta đây với họ. Đã cùng một bè một lũ với nhau cả rồi, sao còn lên mặt lên chân làm gì nữa? Brevald xưa kia khúm núm, nịnh nọt, bây giờ đâm khinh chàng: Ethel vô phước, gặp thằng chồng như vậy. Những cuộc xung đột bị thảm xảy ra. Nhiều lần bố vợ và chàng rể đâm đá nhau và bao giờ Ethel cũng bên cha. Chỉ lúc nào chàng say là người chung quanh chịu đựng được chàng nhất. Lúc đó buồn ngủ quá, chàng lăn đùng trên giường hay dưới đất mà ngủ mê đi như con vật.

Một hôm chàng thấy rằng người ta giấu giếm chàng điều gì.

Thường khi về nhà để ăn bữa cơm tối kham khổ, nửa Âu nửa thổ, chàng thấy vắng mặt Ethel. Hỏi thì Brevald bảo nằng đi thăm cô bạn này cô bạn nọ. Một hôm chàng lại chỗ nhà Brevald chỉ để đón vợ về thì vợ không có ở đó. Khi nằng về, chàng tưởng có thể làm cho nằng mất thể diện, nhưng nằng đáp:

- Ba tôi lầm rồi, tôi ở nhà anh chị X...

Lawson biết rằng vợ nói dối. Bận những bộ đồ đẹp nhất, mắt long lanh, nằng thật là yêu kiều.

- Này cô ả đừng gạt tôi, nếu không tôi đánh cho nhừ xương bây giờ.

Nằng khinh bỉ mắng:

- Quân say rượu dê tiện!

Chàng cảm thấy rằng mẹ vợ và bà ngoại vợ chẳng coi mình ra gì cả. Brevald vui tính trở lại. Lão đã có bí quyết gì để làm nhục chàng rể chẳng? Lawson bắt đầu nghi ngờ. Thấy cái vẻ bọn da trắng ngó mình, chàng đoán họ muốn ám chỉ cái gì. Vô phòng lớn của khách sạn, thấy mọi người bỗng nhiên im bật, chàng biết chắc rằng thiên hạ đang bàn tán về mình. Có cái gì xảy ra, mà chỉ trừ chàng ra, còn mọi người đều biết. Con ghen cắn rứt chàng như điên. Tin rằng Ethel đi lại với một người nào đó, chàng dò xét hết người này tới người khác, nhưng không có dấu hiệu gì để đoán chắc được là ai. Điên khùng, chàng quay cuồng tìm một cách để làm cái gì cho hả

giận.

Rồi tình cờ cơn giông trút lên đầu kẻ vô tội nhất.

Một buổi chiều, Lawson ngồi rầu rĩ một mình ở khách sạn. Chaplin tiến lại. Có lẽ lão là người độc nhất ở đảo còn giữ cảm tình với chàng. Họ gọi rượu và nói với nhau ít câu về những cuộc đua sắp tới.

Chaplin bảo:

- Rồi đây hết thảy chúng ta phải xì tiền ra may áo mới cho các bà ấy.

Lawson cười ngạo. Mụ Chaplin giữ hầu bao. Nếu mụ có muốn nhân cơ hội đó may áo mới thì mụ cứ tự tiện, cần gì phải xin phép ông chồng.

Chaplin muốn tỏ vẻ nhã nhặn, hỏi thăm:

- Bà nhà mạnh giỏi chứ?

Cặp lông mày đen của Lawson thành linh cau lại.

Chàng đáp:

- Hỏi làm chi vậy kìa?

- Chỉ vì xã giao.

- Tôi không ưa cái xã giao đó.

Chaplin nóng tính. Vì ở miền nhiệt đới lâu năm, lại uống nhiều rượu huyết ky, gặp nhiều nỗi buồn bực về gia đình, lão sinh ra dễ quạu.

- Nè, chú em, ngồi trong phòng khách sạn của tôi, chú phải có thái độ của con người lịch sự, nếu không thì chú văng ra ngoài đường lúc nào mà không hay đấy.

Cái mặt bí xị của Lawson đỏ tía lên, chàng nổi điên sùi bọt mép, bảo:

- Tôi chỉ nói một lần thôi, nhớ kĩ lấy và bảo cho tụi khác biết rằng có thằng tướng nào xun xoe ve vãn vợ tôi thì nó coi chừng đấy.

- Ai mà muốn ve vãn vợ chú?

- Tôi không đui đâu. Nhớ kĩ lấy. Thôi, không nói nữa.

- Say rồi, nên đông đi, khi nào tỉnh sẽ trở lại.

- Lúc nào tôi muốn đi thì đi, chẳng thằng nào đuổi được tôi cả.

Lời phách lối đó tai hại cho chàng. Làm nghề chủ quán, Chaplin đã luyện được một kĩ tài về cái nghệ thuật tổng cổ những khách mà lão không thích. Lawson chỉ vừa mới nói xong thì bị tóm cổ liền, xô mạnh ra ngoài. Dưới ánh nắng chói lòa, chàng loạng choạng đi trên thềm nhà.

Vì chuyện đó mà có cuộc xung đột dữ dội đầu tiên với Ethel.

Nhục nhã quá, muốn trốn khỏi khách sạn, buổi chiều đó chàng về nhà sớm hơn thường lệ. Ethel đương sửa soạn để ra đi. Mọi ngày, nàng quần khăn choàng, chân không, nằm dài ra, một đóa hoa cài trong mớ tóc mây. Lần này, nàng đi với lụa trắng, đi giày cao gót, bận chiếc áo xòe đẹp nhất bằng sa màu hồng.

Chàng hỏi:

- Trang điểm sang quá. Đi đâu vậy?

- Lại ông bà Crossley.

- Anh đi theo.

Nàng lạnh lùng hỏi:

- Để làm gì?

- Anh không muốn cho em lang thang một mình.

- Người ta không mời anh.
- Mặc! Em đi đâu cũng phải có anh.
- Nếu vậy thì nằm đó đợi cho em sửa soạn xong.

Nàng tưởng chồng say, hể nằm xuống là ngủ liền. Nhưng chàng kéo ghế ngồi, châm thuốc hút. Nàng dò xét chồng, mỗi lúc một thêm bức tức. Khi nàng bận áo xong, chàng đứng dậy. La lùng, hôm đó nhà vắng người. Lão Brevald làm lụng trong đồn điền, mụ vợ đi Apia. Ethel nhìn thẳng vào mặt chồng.

- Anh say rượu, tôi không đi với anh.
- Nói láo. Cô phải đi với tôi.

Vẻ khinh bỉ, nàng muốn gạt chàng ra. Chàng nắm cánh tay giữ lại.

Nàng la bằng tiếng bản xứ:

- Quỷ, để cho người ta đi.
- Tại sao cô lại muốn đi một mình? Cô tưởng rằng gạt được tôi ư?

Nàng nắm tay lại đâm vào giữa mặt chồng. Chàng điên lên, vì yêu vợ, vì oán vợ, nên la lớn:

- Tao cho mày biết tay, tao cho mày biết tay.

Chàng nắm chiếc roi da quất Ethel. Nàng la lên, Lawson càng hăng, đánh đập chửi rủa gấp bội. Nhà vang lên tiếng rên rỉ của Ethel. Sau cùng chàng liệng nàng lên giường. Vừa đau vừa sợ, nàng không cử động nữa, nàng khóc nức nở. Chàng liệng chiếc roi, chạy ra khỏi phòng. Nghe thấy chồng đi khỏi rồi, Ethel nín bật, ngó chung quanh cho chắc chắn rồi đứng dậy, tuy đau mà không bị thương tích. Chiếc áo cũng không hư. Bọn phụ nữ bản xứ quen bị đánh đập, cho nên việc mới xảy ra không làm cho nàng phẫn uất. Khi nàng soi gương để sửa lại mái tóc thì mắt nàng sáng lên một cách kì dị. Có lẽ chưa bao giờ nàng động tình bằng lúc đó.

Còn Lawson thì bỏ nhà chạy trong đồn điền, mù quáng lao đảo; thỉnh linh mệt quá, chàng ngồi phịch xuống một góc cây. Khốn khổ và tủi nhục, tánh tự ái thường ngày trở lại. Nghĩ tới Ethel, chàng thấy mình có tội. Nhớ lại dĩ vãng, nhớ lại những hi vọng của mình, chàng ngạc nhiên về sự tàn nhẫn vừa rồi. Chàng thêm người đàn bà đó hơn bao giờ hết, muốn ôm nàng, nếu không thì chịu không nổi. Chàng đứng dậy, mệt quá, bước lao đảo. Ở giữa căn phòng bừa bãi của hai vợ chồng, Ethel đang soi gương.

- Ethel em ơi, tha lỗi cho anh. Anh xấu hổ quá. Lúc đó anh mù quáng không biết mình làm gì.

Chàng quì xuống, rứt rứt vuốt ve gấu cụng của nàng.

- Nghĩ tới, anh không chịu nổi nữa. Thật ghê gớm. Chắc lúc đó anh điên. Anh không yêu ai bằng yêu em. Anh sẵn sàng hi sinh tất cả để em khỏi đau khổ, mà anh đã làm em đau đớn. Không bao giờ anh tự tha thứ cho anh được, nhưng còn em, em tha thứ cho anh nhé, nói đi em, tội nghiệp!

Chàng còn văng vẳng nghe tiếng hò hét lúc nãy của mình. Chịu sao nổi. Nàng làm thỉnh ngó chồng. Mắt đầy lệ, chàng rần rần nắm lấy tay vợ. Nhục nhã quá, chàng khóc nức lên, thân thể yếu đuối rung chuyển, gục đầu vào lòng nàng. Ethel như các phụ nữ bản xứ, khinh rẻ đàn ông nào tự hạ trước mặt mình. Thằng cha nhu nhược làm sao! Vậy mà mới lúc nãy mình đã suýt tin rằng hắn có tư cách chứ! Hắn lết ở chân mình như con chó vậy.

Nàng khinh bỉ vỗ nhẹ chàng:

- Cút đi. Thấy ghét lắm.

Chàng rần rần vợ lại, nhưng nàng đẩy ra và bắt đầu thay quần áo. Nàng lột giày, lột vớ. Thấy nàng quần chiếc khăn choàng, chàng hỏi:

- Em đi đâu?
- Hỏi làm gì? Đi xuống đầm.

- Cho anh đi theo nhé.

Chàng năn nỉ như một em bé,

- Tới cái đó mà cũng ám người ta nữa à?

Chàng lấy tay che mặt, khóc lóc thảm hại, trong khi Ethel bước ngang qua mặt, đi ra, cặp mắt bực tức, lạnh đậm.

Từ bữa đó nàng miệt thị chàng ra mặt. Hai vợ chồng chàng, hai đứa con, ông nhạc bà nhạc, bà ngoại vợ, rồi những bà con lơ mơ, những kẻ suốt đời ăn bám, hết thầy chen chúc nhau trong ngôi nhà nhỏ. Không ai để ý đến Lawson nữa: chàng không đáng kể nữa. Buổi sáng, điểm tâm xong, chàng ra đi, tối mới về ăn cơm. Chàng bỏ cuộc rồi. Khi hết tiền, Câu lạc bộ không nhận ra chàng nữa thì chàng ở nhà đánh bài với Brevald và bọn thổ dân. Chỉ lúc nào say chàng mới còn chút sinh lực, ngoài ra thì ủ rũ, trì độn. Ethel coi chàng như con chó. Thỉnh thoảng trong những cơn mây mưa phũ phàng man rợ, nàng chịu khuất phục, rồi kể đó nàng lại sợ run lên vì những trận giận dữ cảm hờn của chàng, nhưng khi chồng khóc lóc đề tiện thì nàng kinh tởm có thể nhổ vào mặt chàng được. Đôi khi chàng tàn nhẫn nhưng bây giờ nàng biết giữ miếng rồi. Đánh nàng thì nàng đánh lại, đá, cứa, cắn. Người ta được dự những cuộc đấu quyền hằng tiết mà chàng không phải là lần nào cũng thắng. Chẳng bao lâu cả châu thành Apia hay tin họ xung đột với nhau. Ít ai có cảm tình với Lawson và, ở khách sạn, người ta ngạc nhiên là tại sao lão Brevald chưa tổng cổ chàng đi.

Có kẻ nói:

- Lão Brevald khó chơi lắm. Một ngày kia, nếu lão có tặng cho Lawson một viên đạn cũng chẳng có gì là lạ.

Ethel vẫn tắm buổi chiều như trước. Cái đầm như có một sức gì thần bí làm mê hoặc nàng; chắc các Nhân ngư[35] say mê những làn sóng mát và mặn của biển cũng đến vậy chứ không hơn, nếu các nữ thần đó có linh hồn.

Đôi khi Lawson đi theo nàng. Tôi không hiểu tình cảm nào thúc đẩy chàng hành động như vậy vì rõ ràng là Ethel bực mình lắm khi thấy mặt chồng. Có lẽ chàng hi vọng tìm lại được ở nơi đó cái vui sướng cực độ và trong trẻo xâm chiếm lòng chàng hồi hai người mới gặp nhau lần đầu. Cũng có lẽ chàng yêu cuồng nhiệt mà không được đáp lại, như hóa điên mà tưởng rằng cứ đeo đuổi hoài rồi sẽ cưỡng lại được ái tình.

Một chiều nọ, chàng thơ thẩn lại phía đó, lòng bình tĩnh khác thường. Trạng thái đó của tâm hồn chàng càng ngày càng ít xuất hiện. Mặt trời đương lặn: sương mù vương trên tàu dừa như một đám mây nhẹ. Gió hiu hiu lặng lẽ phát phơ tàu dừa. Trăng lưỡi liềm hiện ngay ở trên ngọn dừa. Lawson tiến lại bờ, và thấy Ethel đương bập bênh trên mặt nước, tóc xỏa chung quanh, một bông bụt lớn ở trong tay. Chàng đứng lại một lúc để ngắm nàng: nàng giống Ophelie[36] quá.

Chàng vui vẻ gọi vợ:

- Ê, Ethel.

Nàng giật mình, đóa hoa rời khỏi tay nàng, trôi theo dòng nước. Chỉ bơi hai ba sải là nàng tới chỗ nông, đứng dậy la lên:

- Cút đi, cút đi!

Chàng cười.

- Đừng ích kỷ, em ơi. Có đủ chỗ cho hai đứa mình tắm mà.

- Sao không để yên người ta? Tôi không muốn có hai người.

Chàng vui vẻ đáp:

- Rõ khéo chưa, anh cũng muốn tắm lắm mà!

- Xuống phía cầu mà tắm. Tôi không muốn anh tắm ở đây.

Vẫn mỉm cười, chàng đáp:

- Biết làm sao bây giờ?

Rất bình tĩnh, chàng không nhận ra rằng nàng nổi quạu. Chàng bắt đầu cởi áo.

Nàng la lên:

- Cút đi. Tôi không muốn có anh bên cạnh tôi. Ít nhất cũng để yên người ta chứ? Cút đi.

- Đừng hù nào, cưng.

Nàng lượm một hòn sỏi nhọn liệng vào chàng.

Chàng không kịp cúi xuống. Hòn sỏi trúng vào thái dương chàng. Chàng kêu lên một tiếng, đưa tay lên đầu rút hòn sỏi dính máu ra, Ethel đứng yên lặng, giận đến nghen họng. Mặt tái mét, chàng quay đi, không nói một lời, lượm chiếc áo rồi đi. Ethel thả theo dòng nước: từ từ trôi xuống chỗ cạn lội qua được.

Trong mấy ngày sau, Lawson đi chơi, đầu băng bó. Chàng đã nghĩ trước một chuyện khó tin để phòng bạn bè ở Câu lạc bộ có hỏi thì giảng giải nguyên do vết thương đó, nhưng không có cơ hội để dùng tới: chẳng ai thềm hỏi cả.

Chàng bắt gặp người ta ngó lên mình nhưng không ai thốt ra một lời. Như vậy rõ ràng là người ta đoán được cả rồi. Lần này thì chàng tin chắc vợ mình nó đã ngoại tình với ai, thiên hạ đều biết cả, xong vẫn không có dấu hiệu gì để chàng đoán chắc được tình địch là kẻ nào. Ethel đi chơi đâu không có người nào cặp kè; cũng chẳng có ai xun xoe ở bên nàng; mà đối với Lawson cũng chẳng có ai chú ý đặc biệt tới cả để có thể sinh nghi. Chàng quạu một cách man rợ mà không biết phun ra với ai bây giờ, dành uống rượu mỗi ngày nhiều lên. Trước khi tới tới đảo được ít bữa, chàng lại bị một cơn động kinh nữa.

Tôi gặp Ethel ở nhà một người tên là Caster, có vợ bản xứ, cách Apia hai ba cây số. Tôi lại đánh quần vợt với ông ta; khi chơi xong ông ta mời tôi uống trà và tôi gặp Ethel đương trò chuyện với bà Caster trong phòng khách.

Tôi nói:

- Ủa, cô Ethel, tôi không hay cô ở đây chứ?

Tôi tò mò nhận xét, rón tìm xem thiếu phụ đó có cái gì làm cho Lawson say mê, truy lục đến như vậy. Nhưng ai giảng nổi được những cái đó? Quả thực là nàng yêu kiều. Trông nàng, ta nghĩ tới cái bông bột đỏ - thường trồng làm hàng rào ở Samoa - đẹp một cách rực rỡ mà ủy mị. Vì tôi đã biết sơ câu chuyện của nàng rồi nên tôi ngạc nhiên thấy nàng tươi tỉnh, bình dị. Nàng không có cái gì làm cho ta thấy chướng cả: không ồn ào thô lỗ, cũng không phì nộn như các người lai khác. Gần như không tin được rằng nàng có thể là con ác phụ gây những cuộc ẩu đả với chồng ghê gớm đến nỗi thiên hạ đồn rầm lên như vậy. Bận chiếc áo đẹp màu hồng, đi đôi giày cao gót, nàng ra vẻ một người Âu lăm, không ai ngờ được rằng cái xã hội bản xứ bí ẩn mới thật là phạm vi hoạt động của nàng. Sau khi sống chung một ít lâu với nàng, tình say mê chắc phải chìm lặn trong sự chán nản. Cái duyên đặc biệt của nàng có lẽ ở một cái gì đó mà ta không thể nhận ra được, cũng như một tư tưởng thoáng hiện rồi biến mất trước khi ghi nó lại được thành tiếng. Nhưng có lẽ do tôi tưởng tượng mà có ý nghĩ đó; nếu tôi không biết gì về câu chuyện thì tôi chỉ thấy nàng là một thiếu nữ lai rất đẹp như mọi người khác thế thôi.

Nàng hỏi tôi về mọi chuyện mà các người ngoại quốc thường đem ra nói với nhau ở Samoa. Tôi đã xuôi dòng thác Papaséca chưa? Có tính ở trong một làng bản xứ không? Rồi câu chuyện chuyển về Tô Cách Lan. Tôi nhận thấy nàng có phóng đại một chút, khoe vẻ đẹp căn nhà cũ của nàng ở đó. Nàng ngây thơ hỏi tôi có quen bà X..., bà Y..., những bạn thân của nàng hồi ở miền Bắc đó không.

Miller, anh chàng Mỹ gốc Đức mập mạp bước vô. Hắn thân mật bắt tay hết vòng rồi ngồi xuống vui vẻ lớn tiếng đòi huyết-ky xô-đa. Mập quá nên hắn nhiều mồ hôi. Hắn gỡ cặp mắt kính gọng vàng để chùi. Lúc đó người ta có thể nhận thấy vẻ ranh mãnh mưu mô của cặp mắt nhỏ, cặp mắt rất hiền hậu hiện ra sau lớp kính dày kia. Hắn chưa tới thì câu chuyện buồn tẻ; nhưng

hắn vui tính, khéo kể chuyện cho nên Ethel và bà Caster đều chăm chú nghe. Trong đảo hắn nổi tiếng là có lắm tình nhân. Bây giờ mập, thô, già, xấu mà vẫn có nhiều ả mê. Hắn có nghị lực nhờ sinh khí dồi dào, lại gan dạ, tinh thần của hắn hợp với trình độ hiểu biết của người nghe, mà giọng miền Tây của hắn làm cho câu chuyện nào hắn kể ra cũng thêm ý vị. Sau cùng hắn quay lại hỏi tôi:

- Nếu chúng ta muốn về cho kịp bữa cơm tối thì phải đi thôi. Tôi đưa ông về nhé?

Tôi cảm ơn rồi đứng dậy. Hắn chào mọi người, bước ra, dáng đi nặng nề, mạnh mẽ, rồi lên xe.

Trong khi xe chạy tôi bảo:

- Vợ chàng Lawson coi xinh đấy chứ nhỉ?

- Nó đối đãi với vợ tệ quá, thật xấu hổ. Nó đánh vợ. Nghe nói người đàn ông nào đánh vợ là máu tôi sôi lên.

Một lát sau, hắn nói thêm:

- Nó ngu mới cưới cô ả! Tôi đã bảo trước rằng không êm đâu. Nếu nó đừng cưới thì nó bắt gì mà cô ta chẳng nghe. Nó là một thằng hèn, chỉ là một thằng hèn.

Đã gần hết năm và sắp tới lúc tôi về xứ. Mừng bốn tháng giêng có tàu chạy Sydney.

Ở khách sạn, như mọi năm, người ta ăn lễ Giáng sinh một cách long trọng, nhưng long trọng nhất là ngày nguyên đán. Các khách quen định làm lễ Saint Sylvestre. Sau một bữa tiệc ồn ào, cả bọn tản bộ xuống Câu lạc bộ Anh để chơi bi da. Câu lạc bộ chỉ là một cái quán bằng ván. Không có cuộc gì vui, chỉ những tiếng cười, nói và cá nhau. Riêng Miller là chăm chú. Lớn tuổi hơn những người khác nhiều. Hắn uống cũng nhiều như ai, nhưng mắt vẫn nhanh, tay vẫn vững. Hắn vui vẻ, nhả nhả vết tiền của tụi trẻ. Được độ một giờ, tôi chán quá, xuống bờ biển. Ba cây dừa vươn lên ở bờ biển y như ba trinh nữ trên cung Hằng giáng phàm và đứng đó đợi người yêu ở dưới biển cưỡi ngựa thần hiện lên. Tôi ngồi dưới gốc cây dừa, nhìn vững và nền trời đầy sao.

Tôi không biết tối đó Lawson ở đâu, nhưng vào khoảng từ mười đến mười một giờ, chàng tới Câu lạc bộ. Buồn, mệt, lết từng bước, chàng đã theo con đường bụi bặm và vắng người. Trước khi vô phòng bi da, chàng lại quầy. Chàng phải uống một ly đầy huyết ki mới vững tâm đương đầu bọn da trắng này được: khi bọn họ đông, chàng hóa nhút nhát.

Miller bận sơ mi không, tay cầm cái gậy thụt bi da, thấy chàng đứng đó một mình, ly rượu trong tay. Hắn liếc người bồi:

- Jacques, đi chỗ khác đi.

Không nói một lời, người bồi lai, bận áo trắng, quần lava-lava đỏ lẫn đi.

- Này Lawson, tôi muốn nói chuyện với anh.

- Thế thì quả là một cái hiếm hoi không tốn tiền trên cái đảo chết toi này.

Miller sửa lại cặp kính, trừng trừng ngó Lawson, cặp mắt lạnh lùng cương quyết.

- Này nghe kĩ, chú em. Tôi hay tin rằng chú lại tàn nhẫn với cô Lawson lần nữa. Tôi không chịu được như vậy đâu! Nếu chú không chừa thì tôi đánh như xương, đồ khốn nạn.

Lawson hiểu liền. Chính là Miller rồi. Chàng xúc động vì ghê tởm: chàng tưởng tượng nàng Ethel của mình, trinh khiết kiêu diễm như vậy mà ôm ấp thằng tướng hói và mập này! Ôi! Cái mặt phỉ kia, vẻ thầy tu hoàn tục kia!... Mặc dầu có nhiều lỗi, Lawson không phải là người nhát, chẳng nói năng gì cả, chàng tận lực xông lại đánh Miller. Miller nhanh nhẹn lấy tay trái gạt ra rồi tay phải thoi một cái mạnh vào tai Lawson. Thấp hơn Miller đến hơn một tấc, nhỏ người, mảnh khảnh, bị suy nhược vì rượu một phần, nhưng nhất là vì bệnh tật và khí hậu oi bức, chàng té như một cái bị gạo ở chân quầy. Miller gỡ kính ra lau.

- Bây giờ thì biết rồi chứ. Bảo trước rồi đấy. Nhớ cho kĩ, nghe.

Hắn lượm cái cây thụt bi da, giữa cảnh ồn ào, chẳng ai hay gì cả. Lawson đứng dậy, tai còn ù, đưa tay lên sờ. Rồi chàng len lén bước ra.

Tôi thấy có bóng người - một vệt trắng trong đêm tối - đi ngang qua đường. Người đó xuống bờ biển, mặt cúi xuống, đi qua trước mặt tôi. Lúc đó tôi mới nhận ra Lawson. Nhưng đoán rằng chàng say, tôi làm thính. Chàng ngập ngừng bước vài ba bước rồi quay lại, cúi xuống sát mặt tôi, nói nhỏ:

- Tôi đoán đúng là ông.

Chàng ngồi xuống lấy ống điếu ra.

Tôi nói:

- Trong câu lạc bộ nóng và ồn quá.

- Tại sao ông lại ra đây?

- Tôi đợi buổi lễ nửa đêm ở nhà thờ.

- Nếu ông muốn thì tôi cùng đi với ông.

Chàng không say. Chúng tôi ngồi. Yên lặng hút thuốc một lúc. Thỉnh thoảng một con cá lớn vùng vẫy làm nước trong vũng bắn lên. Ở phía eo biển, lấp lánh những ngọn đèn của một chiếc tàu buồm.

Chàng hỏi:

- Tuần lễ sau ông xuống tàu?

- Phải.

- Được về thăm xứ sở một lần nữa thú lắm, nhưng tôi không chịu nổi nữa. Lạnh quá, ông ạ.

- Nghĩ tới giờ này đây, ở bên Anh người ta run lật bật ở bên cạnh lò sưởi, mà ở đây thì nóng như vậy, lạ thật.

Cảnh đêm huyền ảo, không khí im phắc, thơm tho. Tôi chỉ mặc một cái áo sơ mi mỏng và một cái quần. Tôi khoan khoái vươn vai hưởng cái uể oải tuyệt thú đó.

Tôi mỉm cười bảo:

- Cầu nguyện Thánh Sylvestre mà chẳng ảnh hưởng gì tới quyết định về tương lai cả.

Chàng không đáp. Tôi không hiểu lời nói ngẫu nhiên của tôi gợi cho chàng ý nghĩ gì, vì chàng lại bắt đầu nói, giọng khàn khàn, đều đều nhưng ngôn ngữ là của một người có học thức. Ít lâu nay, nghe những giọng khịt mũi thô tục chường cả tai, lần này nghe chàng nói, tôi thấy nhẹ hẳn người đi.

- Tôi đã phí cả một cuộc đời. Không còn nghi ngờ gì nữa! Bây giờ tôi ở đây vực thăm rồi, vô hi vọng ra khỏi. “Đen như cái vực từ Bắc cực thông qua Nam cực” [37].

Tôi đoán rằng chàng mỉm cười khi dẫn câu thơ đó.

- Và thực ra, tôi không hiểu làm sao tới nỗi đó.

Tôi nín thở. Không có gì làm cho tôi kính trọng, cảm động bằng một người sắp lột trần tâm hồn của mình ra. Người ta cảm thấy rằng lúc đó trong tâm hồn những kẻ trụy lạc, dễ tiện nhất, vẫn còn một chút tia sáng, còn cái gì đáng thương hại.

Lawson tiếp:

- Nếu lỗi hoàn toàn ở tôi thì tôi không nói gì. Tôi rượu chè bê tha, phải. Nhưng trong những hoàn cảnh khác thì tôi đâu có sinh ra cái tật đó. Tóm lại là tôi không thèm rượu. Đáng lí tôi không nên cưới Ethel. Nếu tôi chỉ bao nàng thôi thì mọi sự hoàn hảo. Nhưng tôi yêu nàng quá đi.

Giọng chàng hóa ra cảm động.

- Nàng đâu phải là xấu tách đến mức đó. Rủi, ông ạ... Đáng lí chúng tôi có thể sung sướng

như ông hoàng. Khi nàng bỏ ra đi, cứ để cho nàng đi là phải, nhưng tôi không chịu nổi. Tôi say mê nàng. Với lại nàng bắt mất đứa con.

- Ông mến cháu không?

- Hồi xưa thì có. Bây giờ tôi có hai đứa và tôi chẳng mến chúng như trước nữa: chúng y như tội trẻ bản xứ. Nói với chúng tôi phải dùng thổ ngữ.

- Bây giờ làm lại cuộc đời, có trễ lắm không? Ông can đảm lên, trốn cái xứ này đi được không?

- Không đủ sức nữa. Tôi mệt quá rồi.

- Ông vẫn còn mê bà chứ?

- Bây giờ thì hết... bây giờ thì hết.

Chàng lặp lại những tiếng đó với một giọng ghê tởm.

- Tới cái đó cũng không còn nữa. Hổng rồi ông ạ.

Chuông nhà thờ đổ. Tôi bảo:

- Nếu ông thực muốn đi lễ thì nên đi bây giờ đi.

- Thôi đi.

Chúng tôi đứng dậy, đi theo đường cái. Nhà thờ trắng toát, đứng uy nghi, ngó ra biển. Bên cạnh, những tiểu giáo đường Tin lành có vẻ như những phòng hội họp. Trên đường có vài ba chiếc xe hơi đậu và vô số xe ngựa sắp hàng mỗi bên, dọc theo chân tường. Dân chúng khắp nơi tụ lại dự lễ. Ngó qua những cửa mở toang ra, chúng tôi thấy nhà thờ chật ních người. Chính diện rực rỡ ánh sáng. Trong đám thổ dân, có vài người da trắng và nhiều người lai. Đàn ông đều bận quần vì Giáo hội đã cấm ngặt cái lava-lava sỗ sàng, tục tĩu. Phía sau, gần cửa, chúng tôi thấy có nhiều ghế dựa. Một lát, nhìn theo Lawson, tôi thấy Ethel tới với một bọn lai ăn bận sang trọng, đàn ông thì mang giày véc-ni, cứng ngắt trong cổ côn, đàn bà thì đội những chiếc nón xinh đẹp. Ethel chào bạn bè và mỉm cười.

Bắt đầu làm lễ. Khi xong lễ, Lawson và tôi còn kè cà đứng lại ngó lớp người ra về. Rồi chàng đưa tay cho tôi bắt.

- Chào ông. Chúc ông đi tàu được bình an.

- Từ nay đến hôm đi tôi còn gặp lại ông mà.

Chàng rán nín cười:

- Nhưng không biết lần sau gặp nhau, tôi tỉnh hay là say đấy chứ.

Chàng từ biệt tôi. Tôi còn nhớ cặp mắt đen dưới cặp lông mày dựng đứng của chàng lúc đó sáng lên một vẻ man rợ.

Tôi ngừng lại, do dự. Tôi không buồn ngủ, định lại Câu lạc bộ chơi độ một giờ rồi hãy đi ngủ. Phòng bi da vắng tanh. Trong phòng lớn, năm sáu người ngồi đánh bài tây.

Miller ngừng lên.

- Ông ngồi xuống đây đánh vài ván.

- Đánh thì đánh.

Tôi mua thẻ và vào cuộc. Không có món nào say mê bằng. Định chơi một vài giờ mà hóa ra hai, ba giờ. Mặc dầu đêm đã khuya mà người bồi vẫn còn nhanh nhẹn, chăm chú: ly của chúng tôi không lúc nào cạn rượu. Có món đùi heo muối thành thử khát hoài. Chúng tôi tiếp tục đánh bài, ai nấy uống rượu quá nhiều. Tôi đánh nhỏ thôi, không muốn ăn, chỉ gắng sao cho khỏi thua và tôi chăm chú nhận xét Miller. Hắn nuốt hết ly này đến ly khác như các bạn hắn nhưng vẫn sáng suốt, bình tĩnh. Trước mặt hắn, chồng thẻ mỗi lúc một cao. Hắn ghi cẩn thận những số tiền cho các người thua bạc mưon. Bình thản và vui tính, hắn mỉm cười với những thanh niên mà hắn đương lột da. Hắn liên tiếp kể hết giai thoại này đến truyện khôi hài khác, nhưng không

một nét mặt nào thoát được cặp mắt của hắn.

Bình minh bắt đầu len lỏi qua cửa sổ, e lệ, rụt rè như ngại quấy rầy người trong phòng. Sau cùng trời đã sáng.

Miller bảo:

- Thôi tôi tưởng ăn tết như vậy là đang hoàng lắm rồi. Chơi một ván nữa thôi, rồi thì cho tôi vô mừng. Đừng quên rằng tôi năm chục tuổi rồi nhé. Thức khuya như vậy chịu không nổi rồi đa.

Khi chúng tôi ra hiên thì cảnh ban mai đẹp quá chừng. Làn nước rực rỡ như một miếng thủy tinh nhiều màu. Có người đề nghị tắm rồi hãy đi ngủ. Nhưng nước trong vũng nhót nhót mà lại âm hiểm, không ai tán thành.

Chiếc xe của Miller đậu ở cửa; chàng sẵn lòng đưa chúng tôi lại đầm. Xe chạy trên con đường vắng. Khi tới nơi thì chúng tôi tưởng chừng mặt trời mới mọc. Bóng tối như còn ngự trị dưới các lùm cây và trải trên mặt nước. Chúng tôi vui vẻ. Không có khăn mặt, không có áo tắm, tôi lo lắng tự hỏi không biết lấy gì mà lau mình. Ai nấy ăn bận sơ sài nên chỉ nháy mắt đã cởi xong quần áo. Nelson, người mại bản nhỏ con, sẵn sàng trước tiên, bảo.

- Tôi hụp thẳng xuống đáy đây.

Một người khác hụp theo nhưng không hăng hái, chỉ một chút là nổi lên. Rồi Nelson cũng nhoi theo lên mặt nước, bám chặt vào bờ, bảo:

- Kéo tôi lên với.

- Cái gì vậy?

Chắc chắn là có cái gì xảy ra. Mặt hắn có vẻ kinh hoảng.

Hai bạn chìa tay cho hắn nắm rồi kéo hắn lên.

- Này, có người ở dưới đấy.

- Nói bậy nào! Say rồi hả?

- Nói vậy thì tôi mê sảng ư? Nhưng tôi nói chắc rằng có người ở dưới đấy mà. Tôi sợ ghê gớm.

Miller ngó hắn trừng trừng một lúc. Tái mét, hắn run lên.

Miller bảo Caster, chúng mình xuống xem sao.

Nelson tiếp:

- Nó đứng thẳng, bận áo quần đang hoàng. Tôi nhìn thấy nó. Nó muốn bắt tôi.

Miller ngắt lời:

- Câm cái miệng. Anh xong chưa?

Họ lặn xuống. Chúng tôi yên lặng đợi ở trên bờ. Họ ở lâu dưới nước, cơ hồ như quá sức nhịn thở của con người. Rồi Caster nhoi lên, tiếp theo là Miller mặt mày đỏ bừng như sắp lên cơn. Họ kéo một vật gì. Một người chạy lại tiếp tay và cả ba lôi được vật gì nặng lên bờ. Chúng tôi nhận ra Lawson. Một phiến đá lớn lủng lảng ở chân, có chiếc áo giữ lại.

Miller chấm cặp mắt cận thị, bảo:

- Hắn làm kĩ thật ta.

JOHN STEINBECK

Báo chí mới đăng tin giải thưởng văn chương Nobel năm nay (1961) về John Steinbeck. Tôi chưa được đọc những bài phê bình ông nhân dịp này trên các tạp chí văn học ngoại quốc, và tôi đoán rằng ông sẽ dĩ được vinh dự đó vì văn tài của ông có nhiều vẻ mà tư tưởng của ông rất nhân đạo.



*John Ernst Steinbeck, Jr.
(1902 – 1968)*

Văn ông bình dị, linh động, có nhạc, biểu lộ tình cảm mà không tàn nhẫn, không thái quá; lúc thì có giọng hài hước như đoạn tả mối tình của Danny với một thiếu nữ Bồ Đào Nha trong truyện Tortilla Flat (tên một khu nghèo nàn ở ngoại ô Californie); lúc thì tả chân bằng vài nét đơn sơ mà bi thảm, không kém Guy de Maupassant, như trong truyện Of mice and men (Chuột và người); lúc nhẹ nhàng nên thơ làm ta nhớ tới văn hào Nga Tchekov, như truyện Chrysanthemums (Cúc) trong tập The long valley (Thung lũng lớn).

Tuy đôi khi có giọng của Maupassant nhưng ông không cay độc. Ông thương con người, biết rằng họ có nhiều tật xấu đấy, nhưng gặp lúc thì cũng tỏ ra can đảm, từ tâm được. Trong cuốn Cannery Row (Con đường cá làm) nhân vật là những mụ đàn bà lẳng lơ, những gã đàn ông đàn điểm, cờ bạc, rượu chè; nhưng ông bảo rằng “nếu nhìn qua một lỗ khoá khác thì có thể cho bọn người đó là “những vị thánh, những kẻ tử vì đạo”. Một nhân vật trong The Grapes of Wrath (Men hận), nói: “Tôi đã học được một điều. Người nào tôi cũng học được điều đó. Là nếu ta có một nỗi lo lắng, nếu ta đau, nếu ta túng thiếu thì cứ lại hỏi người nghèo. Chỉ có bạn nghèo khổ - chỉ có họ - là giúp đỡ kẻ khác thôi”.

Ông rất thương kẻ nghèo, kẻ bị ức hiếp. Ông tả nỗi cơ cực, điều đúng của họ để ta tự rút ra kết luận này: “khi mà điền sản tập trung vào một số ít người, thì thế nào kẻ nghèo cũng nổi lên để giành lại”; “khi mà đại đa số quần chúng đói và rét thì họ phải dùng vũ lực để đoạt những cái cần thiết”; “sự đàn áp chỉ làm cho kẻ bị ức hiếp đoàn kết thêm với nhau mà mạnh thêm lên thôi”[38].

Ông thương người mà thương cả loài vật nữa. Ông nhận xét tỉ mỉ đời sống những con chó, con chim, con rùa, cả con heo, con rắn và chó chúng làm bạn với những nhân vật trong các truyện của ông.

Năm nay Steinbeck đúng 60 tuổi; ông xuất bản tác phẩm đầu tiên Cup of Gold (Chén vàng) năm 1929, bắt đầu nổi danh từ 1935, nhờ cuốn Tortilla Flat; nhưng đến năm 1939, khắp thế

giới mới phục tài ông trong cuốn *The Grapes of Wrath*.

Ông sanh ở Californie, thuở trẻ đi khắp miền Tây và miền Nam Hoa Kỳ, làm rất nhiều nghề để sinh nhai: thợ nề, thợ sơn, bán hàng, viết báo (chuyên về phóng sự), nuôi cá. Trong những năm đó ông vừa nhận xét phong cảnh, tính tình hạng nông dân, vừa tập viết. Ông viết được ba truyện rồi, nhưng thấy không có giá trị gì, đem đốt hai truyện và không chịu xuất bản truyện thứ ba. Có truyện (*A lady in Infra Red*) ông viết đi viết lại sáu lần. Công phu như vậy đó. Ông rất thích nhạc, và ông thường nghe vài đĩa nhạc rồi mới bắt đầu viết; vì vậy mà văn ông nhiều đoạn du dương.

Đời văn của ông tới nay có thể chia làm hai giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất từ 1929 đến 1935, có xu hướng lãng mạn như trong *Tortilla Flat*, thần bí như trong *To a God unknown*, hoặc đề cao cá nhân chủ nghĩa như *Cup of gold*.

Qua giai đoạn sau, ông tự lãnh trách nhiệm với nhân quần, xã hội, nên có những tư tưởng bác ái, xã hội. Trong thời này ông viết được những tác phẩm hay nhất: *In dubious battles* (Chắc gì đã thắng), *Of mice and men* (Chuột và người), *The long valley* (Thung lũng lớn), *The Grapes of Wrath*. Danh ông vang lừng nhất vào hồi 1939. Sau ông viết thêm mấy truyện nữa như *The moon is down* (Trăng đã lặn), *Cannery Row*, tuy cũng có giá trị nhưng không bằng *The Grapes of Wrath* và *Of mice and men*.

*

Có ít thì giờ mà muốn biết qua những nét chính về tư tưởng và nghệ thuật của ông thì nên đọc *The long valley* một tập gồm 13 truyện ngắn mà mỗi truyện có một vẻ: truyện thì hài hước như *The Harness* (Chiếc yên ngựa), truyện thì rùng rợn như *The Snack* (Con rắn), có truyện cảm động nhẹ nhàng, ý nhị, như *Chrysanthemums* (Cúc), *The White Quail* (Con cun cú trắng).

Vì có nhiều vẻ như vậy, nên nhà phê bình nào cũng tìm được trong tập đó một vài truyện để khen.

Dưới đây chúng tôi sẽ dịch truyện ***Johnny Bear, The Leader of the People*** và truyện ***The Raid***.

JOHNNY GẤU

(JOHNNY BEAR)^[39]

Tác giả dựa vào sự thực kì dị này, là một số người ghi được trong óc mọi thanh âm và phát ra y hệt, mà dựng nên một truyện tình tiết rất hấp dẫn, đột ngột, chua xót. Xã hội nào cũng có những cái không được đẹp, điều đó không có gì lạ; đáng buồn là con người có tính hiếu kì, tò mò, thích biết những cái xấu của người khác, khuyến khích những kẻ bới móc cái xấu của kẻ khác. Tinh thần nhân đạo của tác giả hiện trong hành động can đảm của Alex.

Nghe cái tên Y Pha Nho của làng Loma, người ta cũng biết ngay rằng nó cất trên một ngọn đồi nhỏ, tròn, nổi ở giữa cánh đồng, đầu có đường đưa vào thung lũng Salinas, miền trung tâm xứ California. Ở phía Bắc và phía Đông Loma, có những mỏ than bùn rộng mấy cây số, nhưng ở phương Nam, người ta đã rút cạn nước ở vũng lầy, làm thành một khu trồng rau phi nhiều, đất đen màu mỡ đến nỗi rau diếp và súp-lơ to lớn dị thường.

Chủ nhân những đất lầy ở phía Bắc làng bắt đầu thềm thường thứ đất đen đó, hùn nhau để lập một khu khai thác. Tôi làm cho công ti đã kí hợp đồng với họ để đào mương. Công ti chở chiếc xáng nổi tới, lắp nó rồi bắt đầu đào một con mương thông suốt vũng lầy.

Mới đầu tôi rón ở một thời gian trong chiếc nhà bè với nhân viên của tôi, nhưng rồi chịu không nổi những đám muỗi nó vo ve trên chiếc xáng và đám hơi độc dày đặc, như sương mù ở vũng lầy bốc lên là trên mặt đất, nên phải vào ở trong làng, mượn một phòng cực kì ẩm ướt trong căn nhà của Ratz. Tôi định kiếm một nơi khác xa hơn, nhưng sau lại thôi vì ở đó tiện, chủ nhân nhận giùm thư cho. Với lại, miễn là có chỗ ngủ trong căn phòng lạnh lẽo, tôi tàn đó, ăn thì tôi xuống nhà bè.

Dân số trong làng không quá hai trăm người.

Nhà thờ của giáo lý hội cất trên ngọn đồi, cách xa mấy cây số cũng trông thấy gác chuông. Chỉ có hai tiệm tạp hoá, một tiệm bán đồ sắt, một hội quán Tam Điểm nay đã bỏ, và quán Buffalo, là chỗ những dân làng lui tới. Trên sườn đồi là những căn nhà nhỏ bằng gỗ của dân làng và trên khu đất phi nhiều, bằng phẳng phía Nam là nhà của điền chủ, cất trong những khoảnh đất nho nhỏ, chung quanh trồng những cây trắc bách^[40] cắt xén thành những bức tường cao để che gió thường thổi mạnh vào buổi chiều.

Buổi tối ở Loma không lại quán cà phê thì không biết làm gì. Quán cất bằng ván, cũ kĩ, có một cái cửa hai cánh, đẩy ra đẩy vô, một cái mái hiên bằng gỗ dựng ở trên vỉa hè. Chính phủ cấm rượu, họ cũng vẫn bán, rượu huyết-ki dở tệ mà số khách hàng cũng chẳng giảm. Tối nào như tối nấy, bất kì người đàn ông nào ở Loma, hay chàng trai nào quá mười lăm tuổi, đều tới quán Buffalo ít nhất là một lần, uống một li rượu, nói chuyện phiếm một lúc rồi về nhà.

Lão Carl Mập vừa làm chủ quán vừa làm bồi rượu, thấy khách nào tới cũng chào hỏi, bề ngoài thì lạnh lùng, nhảu nhó mà thực ra thì có vẻ thân mật, được khách hàng mến. Nét mặt lão ương ngạnh, giọng nói quạ quọ, vậy mà... Không biết lão có cái thuật gì. Chỉ biết rằng khi Carl Mập đã hơi quen tôi rồi, lão quay cái mồm khó thương về phía tôi như gắt gỏng hỏi tôi: “Uống cái gì đây?”, thì tôi đã chẳng phật ý mà còn thấy hơi vinh hạnh được lão thiết tình với mình nữa. Ai vô lão cũng hỏi câu đó, mặc dầu lão chỉ bán huyết-ki và cũng chỉ có mỗi một người lạ, khi người này đòi vắt thêm một miếng chanh vào li rượu. Carl Mập không ưa bộ tịch. Lão quần một tấm giẻ lớn quanh mình, vừa đi vừa chùi li vào đó. Sân thì bằng ván rắc mạt cưa, quầy thì cũ kĩ, ghế dựa thì cứng ngắt và thẳng đơ, trang hoàng thì chỉ có những tấm quảng cáo, những tờ cáo bạch, và những tấm hình mà các ứng cử viên trong quận, các đại lí nhà buôn, các người bán đấu giá ghim đại trên vách. Có những tấm cũ từ lâu rồi. Ông quận trưởng Rittal chết đã bảy

năm mà tờ cáo bạch hô hào dân chúng tái cử cho ông vẫn chưa gỡ.

Nếu tả quán Buffalo thì ngay như tôi, cũng thấy là một nơi ghê tởm, nhưng khi người ta dọc theo vỉa hè bằng gỗ, trong đêm tối, khi những đợt sương mù dài ở vũng lầy đưa lên, quất vào mặt người như những tấm vải len có tuyết, dơ dáy và uyển chuyển, và sau cùng khi người ta đẩy cánh cửa vô quán của *Carl Mập*, thấy khách hàng ngồi rải rác, đương uống rượu, chuyện trò, lại thấy lão tiến tới tiếp mình thì dù sao, người ta cũng thấy khoan khoái một chút.

Có một bàn bài tây để tiêu khiển. Timothy-Raz, người chồng của chủ nhà trọ của tôi, trang bài chơi một mình, gian lận một cách xấu hổ để thắng, vì chỉ khi nào thắng mới uống rượu. Tôi đã thấy hắn thắng luôn năm ván. Thắng một ván, hắn kĩ lưỡng xếp những quân bài, đứng dậy, trịnh trọng tiến lại quầy. *Carl Mập* đã rót nửa li rượu trước khi hắn tới mà vẫn quen miệng hỏi:

- Uống cái gì đây?

Timothy nghiêm trang đáp:

- Một li huyết-ki.

Trong căn phòng dài, dân các trại và dân làng ngồi trên những cái ghế dựa cứng hoặc tựa vào cái quầy cũ kĩ. Bình thường họ trò chuyện nhỏ nhẹ, đều đều, trừ những khi có cuộc bầu cử hoặc một cuộc đấu quyền là mới có những người lớn tiếng diễn thuyết hoặc phát biểu ý kiến.

Tôi rất ngại đi chơi ban đêm trong cái miền bùn lầy này, để phải nghe tiếng máy diesel nổ từ cái xáng đưa lại, tiếng lọc cọc của cái gàu sắt, rồi trở về căn phòng thê thảm của mụ Ratz.

Tới Loma được ít lâu, tôi quen với Mae Romero, một ả xinh xinh lai Mễ Tây Cơ. Đôi khi vào buổi tối, tôi với ả xuống sườn đồi phía Nam dạo chơi cho tới lúc đám sương mù hơi hám làm cho chúng tôi khó chịu mà phải về sớm. Tôi đưa ả về nhà rồi lại quán ngồi một lát.

Một buổi tối nọ, tôi ngồi trò chuyện ở trong quán với Alex Hartnell, chủ một cái trại nhỏ xinh xinh. Chúng tôi đang nói chuyện đi câu thì cánh cửa thành linh mở ra rồi tự khép lại. Không khí trong phòng hoá ra yên lặng, nặng nề, Alex thúc khuỷu tay vào tôi bảo: “Thằng *Johnny Gấu* đấy!”

Tôi ngó hắn.

Cái tên của hắn đủ tả rõ hắn rồi. Hắn có vẻ một con gấu lớn ngu độn mà lại tươi cười. Cái đầu đen rậm rì đưa ra phía trước, lắc lư, hai cánh tay dài thông xuống cơ hồ bấm sinh ra, hắn đi bốn cẳng mà chỉ nhờ tập tành hắn mới đứng thẳng người được. Hắn bận một cái quần xanh nước biển, nhưng đi chân đất; bàn chân không có vẻ tàn tật gì cả, nhưng hoàn toàn vuông, chiều dài bằng chiều ngang.

Hắn đứng ở cửa, dong đưa hai cánh tay từng cơn một, y như những thằng ngốc. Hắn mỉm cười một cách sung sướng dần dần và tiến tới. Mặc dầu hắn to lớn, nặng nề mà đi như lướt, không bước như chúng ta mà như một con thú đi ăn đêm. Tới quầy, hắn ngừng lại, cặp mắt ti hí sáng lên, ngó khắp người này người khác để dò xét, rồi hắn hỏi: “huyết-ki?”

Dân Loma không có tính rộng rãi. Cũng có kẻ mời người khác uống một li, nhưng chỉ khi nào biết chắc rằng có đi có lại ngay kia thì mới mời. Cho nên tôi ngạc nhiên thấy một người trong đám đông dân làng ôn hoà đó đặt một đồng tiền lên mặt quầy. *Carl Mập* rót đầy li. Con quái vật đó vỗ lấy, nuốt ực ngay.

Tôi vừa mới nói:

- Thằng quỷ!... thì Alex thúc khuỷu tay, bảo tôi im.

Thế là bắt đầu một trò nhái bộ tịch thật kì dị. *Johnny Gấu* đi ra phía cửa, rồi rón rén trở vô, trên mặt vẫn còn cái nụ cười ngu dần đó. Tới giữa phòng, hắn nằm rạp xuống sàn. Một giọng nói phát từ trong họng hắn ra, một giọng nói mà tôi quen thuộc.

- Cô xinh quá cô ơi, mà sao chui trong cái xó xĩnh này làm gì?

Tiếng nói cao lên rồi chuyển qua một giọng êm đềm phát ra từ họng và hơi có một chút quê

mùa:

- Ông cứ nói vậy.

Tôi nhớ rõ lúc đó tôi muốn té xỉu. Máu đập ở thái dương. Tôi đỏ mặt lên. Đúng là những tiếng nói của tôi từ họng của *Johnny Gấu* phát ra, đúng là những lời của tôi và giọng của tôi. Rồi câu sau đúng là giọng của Mae Romero không sai một li. Nếu tôi không nhìn thấy hắn nằm rạp trên sàn, thì tôi tưởng là ả và gọi ả lại rồi. Cuộc đối thoại tiếp tục. Những câu tán tỉnh đó, nghe một người khác nói, sao mà kì cục quá. *Johnny Gấu* tiếp tục, nói đúng hơn, chính là tôi tiếp tục. Lần lần, khách trong quán không ngó *Johnny Gấu* nữa mà quay về phía tôi, cười ngạo. Tôi đành chịu trận vì biết rằng nếu bắt hắn ngưng lại thì thêm rầy rà cho mình thôi, thành thử màn diễn đó cho tới hết. Khi đã diễn xong, tôi xấu hổ mà mừng thầm rằng Mae Romero không có anh hay em trai. Những lời *Johnny Gấu* thốt ra sao mà nhạt nhẽo, gượng gạo lỗ bịch đến thế! Sau cùng hắn đứng dậy, vẫn mỉm cười một cách ngu độn, hỏi xin rượu.

- Huýt-ki?

Tôi ngờ rằng người trong quán thương hại tôi. Họ ngó đi phía khác, chăm chú nói chuyện với nhau. *Johnny Gấu* đi lại cuối phòng. Chui xuống gầm một cái bàn tròn dùng để đánh bài, nép mình như con chó rồi ngủ.

Alex Hartnell ngó tôi một cách ái ngại.

- Lần thứ nhất nghe thấy hắn?

- Phải, thằng tướng đó là cái quái quỷ gì vậy, trời với đất?

Alex làm thỉnh một lát rồi mới đáp:

- Nếu là vấn đề thanh danh của Mae thì ông đừng lo. *Johnny* đã có lần rình cô ả rồi.

- Nhưng làm sao hắn nghe được tụi tôi chứ? Tôi không hề thấy hắn.

- Khi hắn làm việc, có ai mà nghe thấy hay trông thấy hắn đâu. Hắn dờ dẫm mà có vẻ không hề cử động lấy một chút. Ông có biết thanh niên ở đây, mỗi khi đi chơi với tình nhân thì họ làm gì không? Họ dắt theo một con chó. Chó sợ *Johnny* lắm và đánh hơi biết được hắn tới.

- Trời đất ơi! Những giọng nói đó...

Alex lắc đầu:

- Tôi biết. Ở đây có vài người viết thư cho Viện Đại học về trường hợp thằng *Johnny* và Viện pháp một thanh niên tới. Người này ngó qua hắn rồi kể lại cho chúng tôi về *Tom Dui*. Đã nghe *Tom Dui* chưa?

- Phải tay dương cầm da đen đó không? Có, tôi có nghe nói.

- Thì *Tom Dui*, cũng là người chất phác lắm. Ăn nói khó khăn mà nghe ai đánh dương cầm, gã cũng bắt chước được, cả những bản nhạc dài. Để thử tài gã, người ta đã mời nhiều tay danh cầm đánh đờn và gã đã mô phỏng lại được đúng chẵn những bản nhạc mà cả những chỗ tế nhị riêng của từng nhà nữa. Muốn đánh lừa gã, họ cố ý đánh lầm vài nốt nhỏ, và gã cũng lập lại đúng những chỗ lầm đó. Gã như chụp hình được hết thấy, cả những chi tiết nhỏ nhất, khi nghe ai đánh đờn. Người của Viện Đại học bảo rằng *Johnny Gấu* cũng vậy, chỉ khác là *Johnny* thì chụp hình lời nói và giọng nói. Người đó thử tài *Johnny*, đọc một đoạn dài bằng tiếng Hi Lạp và hắn đã lập lại đúng. Hắn không biết những tiếng đó, hắn chỉ lập lại thôi. Hắn không đủ thông minh để bịa ra được, cho nên người kia tin rằng những tiếng hắn lập lại đúng là những tiếng hắn đã nghe[41].

- Nhưng tại sao hắn lại làm cái việc đó? Nếu hắn không hiểu thì hắn nghe làm gì, có lợi gì đâu?

Alex cuốn một điều thuốc rồi đốt:

- Không có lợi gì cả, nhưng hắn mê huýt-ki. Hắn biết rằng rình nghe ở cửa sổ rồi lại đây lập lại thì sẽ có người trả tiền huýt-ki cho hắn. Hắn đã định lập lại những lời đàm thoại của mục Ratz ở trong tiệm hoặc những lời Jerry Noland cãi với mẹ, nhưng những cái đó tầm thường

quá, ai mà chịu cho hấn huýt-ki.

Tôi bảo:

- Lạ thật, trong khi hấn lằm lét rình ở cửa sổ mà sao không có ai bắn cho hấn một phát.

Alex hít một hơi thuốc:

- Vô số người đã thử rồi, nhưng có gì đâu, không ai thấy hấn và không ai bắt được hấn. Người ta khép cửa sổ lại, và như vậy rồi cũng còn phải thì thầm với nhau, nếu không muốn cho hấn nghe được và lặp lại. Cũng may cho ông là đêm đó tối như mực đen; nếu không hấn đã trông thấy ông và có thể nhái những cử chỉ của ông. Phải nhìn *Johnny Gấu* thay đổi nét mặt để cho giống mặt một thiếu nữ, mới thấy là ghê tởm.

Tôi nhìn cái hình người nằm dưới bàn. *Johnny Gấu* quay lưng ra ngoài. Ánh sáng chiếu vào mái tóc đen, bù xù của hấn, một con ruồi lớn đậu trên đầu hấn và tôi cam đoan rằng đã thấy da đầu hấn rung động như da con ngựa bị ruồi bu vậy. Con ruồi bay đi rồi đậu trở lại, da đầu mẫn nhuệ của hấn lại đuổi nó đi. Và toàn thân tôi cũng rờn rợn.

Những câu chuyện trong quán lại tiếp tục tẻ nhạt đều đều. Đã được mười phút rồi, *Carl Mập* chùi hoài một cái li vào chiếc khăn lá đáp. Một nhóm người bên cạnh tôi bàn về những cuộc đá gà, đấu chó rồi lần lần chuyển qua những cuộc đua bò mộng.

Alex rủ tôi:

- Đi uống một li nào.

Chúng tôi lại quầy. *Carl Mập* lấy ra hai li:

- Uống cái gì đây?

Chúng tôi chẳng ai đáp cả. *Carl* rót huýt-ki ra.

Lão ngó tôi, vẻ rầu rĩ, hạ mí mắt dày hum húp xuống rồi nghiêm trang liếc tôi. Không hiểu sao mà tôi lại thấy khoái vì vậy. Lão ngẩng đầu làm dấu chỉ bàn bài tây.

- Bị với hấn rồi, hả?

Tôi liếc lại:

- Lăn sao, dắt theo con chó.

Tôi bắt chước giọng cộc lốc của lão. Chúng tôi uống huýt-ki xong rồi trở về ngồi chỗ cũ. *Timothy Ratz* mới ăn một ván bài, xếp lại quân bài và tiến tới quầy.

Tôi ngó về phía *Johnny Gấu* ngủ ở dưới bàn. Hấn đã lăn sấp một vòng, mặt quay ra ngoài, mỉm cười ngu độn. Đầu hấn cử động và hấn ngó chung quanh như một con vật sắp chui ra khỏi hang. Rồi hấn bò ra ngoài, đứng dậy. Lối cử động của hấn có cái gì nghịch lí. Nó có cái vẻ vạm vỡ, dị hình dị dạng, vậy mà lại dễ dàng lạ lùng, không khó nhọc một chút xíu nào cả.

Hấn lướt lại quầy, đi qua mặt ai cũng mỉm cười lấy lòng. Khi tới trước quầy, hấn lại hỏi:

- Huýt-ki? Huýt-ki?

Giọng hấn như giọng chim. Tôi không biết là loài chim nào, nhưng nhớ rằng đã có nghe ở đâu rồi... Hai âm bổng lên, hỏi hoài có mỗi một câu:

- Huýt-ki?

Khách trong quán ngừng chuyện trò nhưng không ai đặt tiền trên quầy, *Johnny* than thở mỉm cười:

- Huýt-ki?

Rồi hấn rán câu thánh giả. Từ cuống họng hấn phát ra giọng một người đàn bà giận dữ:

- Tôi bảo rằng chỉ có xương không thôi. Hai cắc nửa kí và nửa xương.

Rồi tới giọng một người đàn ông:

- Được, thím. Tôi không biết đấy. Tôi đổi cho thím một ít dồ.

Johnny Gấu ngó chung quanh, chờ đợi.

- Huýt-ki?

Không có ai chịu cho cả. *Johnny* lên ra cửa, ngồi chồm hồm.

Tôi hỏi nhỏ:

- Hấn làm gì vậy?

Alex đáp:

- Im. Hấn ngó lên một cửa sổ. Nghe này!

Giọng một người đàn bà đưa lên, một giọng lạnh lùng, tự tin, lời nói khô khan:

- Tao không hiểu nổi. Vậy ra mày là một quái vật chẳng? Nếu tao không thấy tận mắt thì không làm sao tin được.

Giọng một người đàn bà khác đáp lại, một giọng thấp, khàn vì khổ nảo:

- Có lẽ tôi là một quái vật. Tôi không chống lại được. Không chống lại được.

Giọng lạnh lùng kia ngắt ngay lời:

- Mày không chống lại được. Chao ôi! Thà mày chết đi còn hơn.

Tôi nghe thấy một tiếng nức nở phát từ cặp môi dày mím cười của *Johnny Gấu*. Tiếng nức nở của một người đàn bà tuyệt vọng. Tôi quay lại ngó Alex. Ông ta ngồi như phỗng đá, mắt ngó trừng trừng.

Tôi lắp bắp muốn hỏi một câu, nhưng ông ta ra dấu bảo im. Tôi ngó chung quanh phòng. Mọi người đều ngáy ra chăm chú. Tiếng nức nở ngừng.

- Chị Emalin, chị không bao giờ có cái cảm giác đó ư?

Nghe tên Emalin đó, Alex bỗng nín thở. Giọng lạnh lùng đáp:

- Tất nhiên là không.

- Không khi nào, ban đêm? Không một lần nào... Suốt đời chị không có lấy một lần?

- Nếu cái đó xảy ra, nếu có lần nào mà nó xảy ra thì tao đã cắt đứt cái chỗ đó của cơ thể tao rồi. Thôi, đừng khóc nữa. Amy. Tao chịu không nổi. Nếu mày không chịu nổi thần kinh của mày thì tao sẽ cho mày uống thuốc... Bây giờ đi tụt kinh đi.

Johnny Gấu vẫn mím cười:

- Huýt-ki?

Hai người khác lẳng lẳng tiến lại quầy, đặt mỗi người một đồng tiền lên mặt quầy. *Carl Mập* rót hai li rượu và khi *Johnny Gấu* đã liên tiếp nốc hết, lão lại rót thêm một li nữa. Ai cũng biết rằng lão cảm động lắm. Ở quán Buffalo này, chủ quán không mời ai một chầu nào cả. *Johnny Gấu* mím cười với khắp phòng rồi lủi ra ngoài. Cánh cửa khép lại chậm chậm, lẳng lẽ.

Mọi người im lặng, như tìm cách giải quyết một vấn đề ở trong đầu. Lần lần họ ra về từng người một và cánh cửa mỗi lần tự khép lại, đẩy vô phòng một luồng nhỏ sương mù. Alex đứng dậy về. Tôi cũng theo ra.

Sương mù nhóp nhúa, thấy mà ghê. Nó như bám dính vào nhà, và vươn những cánh tay dài lên không trung. Tôi bước vội để theo kịp Alex.

Tôi hỏi:

- Cái gì vậy? Chuyện gì vậy?

Đợi một lát tôi tưởng rằng ông ta không đáp. Nhưng rồi ông ta ngừng bước, quay về phía tôi:

- Chó thật! Đây này! Tỉnh nào cũng vinh hạnh về hạng quý phái của mình, về một gia đình có thanh danh ở trong tỉnh, mà Emalin và Amy là hạng quý phái của nơi này; cả hai đều là gái già,

nết na. Ông cụ thân sinh xưa là nghị sĩ! Tôi không ưa cái lối đó. Thằng *Johnny Gấu* không nên làm vậy. Với lại hai cô đó nuôi hăn kia mà. Mấy người trong quán không nên cho hăn huyết-ki. Bây giờ thì hăn sẽ rình chung quanh ngôi nhà đó. Bây giờ hăn biết rằng có thể kiếm huyết-ki được rồi.

Tôi hỏi:

- Có bà con gì với ông không?

- Không, nhưng hai cô ấy là hạng... nghĩa là hai cô ấy không như hạng người khác. Trại của hai cô ở bên cạnh trại của chúng tôi. Có một tội Huê kiều làm rě. Ông hiểu chứ? Khó giảng quá. Các cô Hawkins làm tiêu biểu. Khi người miền này muốn... tả những hạng người có nề nếp thì người ta nêu gương hai cô cho bọn trẻ theo.

Tôi cãi:

- Thì có sao? Thằng *Johnny Gấu* nói vậy mà có hại gì cho họ đâu?

- Tôi cũng không biết rõ nữa. Tôi không hiểu câu chuyện đó có ý nghĩa gì không. Nói cho đúng thì tôi lơ mờ nghi hoặc. Nhưng thôi, ngủ đi. Tôi về bộ, hôm nay không lái xe Ford đi.

Ông ta chia tay tôi rồi hấp tấp đi vào đám sương mù nó đương từ từ bò lên đồi.

Tôi về nhà trọ, nghe thấy tiếng máy diesel nổ ở trên vũng lầy và tiếng rang rảng của cái gàu lớn nó há miệng ra tiến tới để nuốt bùn. Hôm đó là tối thứ bảy. Chiếc xáng sẽ nghỉ việc vào ngày chủ nhật từ bảy giờ sáng tới nửa đêm. Nghe tiếng máy chạy tôi biết rằng không có trục trặc gì cả. Tôi leo lên cầu thang hẹp để lên phòng. Nằm trên giường, tôi còn để đèn sáng một lúc mà nhìn những bông lọt lọt, phai màu in trên giấy hoa dán tường. Tôi nghĩ tới hai giọng nói phát từ miệng *Johnny Gấu* ra. Đúng là giọng nói thật chứ không phải giọng giả. Khi nhớ lại những chỗ lên giọng xuống giọng, tôi tưởng như nhìn thấy hai người đàn bà đó: cô Emalin giọng lạnh lùng, và cô Amy nét mặt đau khổ, tuyệt vọng. Tôi tự hỏi nguyên nhân nỗi đau khổ đó ở đâu. Có phải chỉ do nỗi cô liêu của một người đàn bà sắp hết xuân? Nhưng điều đó cũng khó tin vì trong giọng có vẻ sợ sệt nữa. Tôi ngủ thiếp đi; chợp được một lúc, tỉnh dậy, thấy đèn vẫn cháy, phải tắt đi.

Sáng hôm sau, khoảng tám giờ, tôi đi ngang qua vũng lầy để tới xáng. Kíp thợ đang đặt dây cáp mới lên thùng máy, và quần dây cáp cũ lại đem cất. Tôi đứng coi họ làm, khoảng mười một giờ tôi về Loma. Trước căn nhà của mục Ratz, tôi thấy Alex Hartnell ngồi trong chiếc xe Ford mui sập kiểu T. Ông ta gọi tôi:

- Tôi định xuống xáng để kiếm ông. Sáng nay cho làm thịt hai con gà giò. Tính nhờ ông ăn tiếp, sợ không hết.

Tôi vui vẻ nhận lời. Người đầu bếp của chúng tôi béo phì, nấu ăn khéo; nhưng ít lâu nay tôi thấy có ác cảm với chú. Chú ta hút thuốc Cu-ba cắm trong cái bốt thuốc làm bằng tre^[42]. Tôi không thích cái lối chú nắm tay lại mỗi buổi sáng. Tay chú sạch... dính đầy bột y như tay một người thợ xay bột. Lần đó là lần đầu tiên tôi hiểu tại sao người ta gọi cái loài chấy biết bay đó là "*con xay bột*". Tôi leo lên chiếc xe Ford, ngồi bên cạnh Alex và chúng tôi xuống đồi, tiến về khu đất phì nhiêu ở phía Tây Nam. Mặt trời chiếu rực rỡ trên mặt đất đen. Hồi nhỏ, một đứa bé theo đạo Ki-tô bảo tôi rằng ngày chủ nhật nào trời cũng nắng dù là nắng có một lúc, vì ngày đó là ngày của Chúa. Tôi vẫn để ý nhận xét xem lời đó có đúng không. Chúng tôi tới cánh đồng bằng phẳng trong tiếng lọc cọc của chiếc xe.

Alex lớn tiếng:

- Ông có nhớ hai cô Hawkins không?

- Tất nhiên là nhớ.

Ông ta chỉ một điểm ở phía trước:

- Nhà hai cô ở đó.

Một hàng rào trắc bách cao và dài che gần hết nhà, chả trông thấy được mấy tí. Chắc là có

một khu vườn nhỏ trong khoảng đất vuông đó. Chỉ có nóc nhà và phía trên các cửa sổ là ló lên khỏi hàng cây. Nhà sơn màu thổ hoàng, những chỗ trang sức thì sơn màu hạt giẻ đậm, hai màu đó thường dùng cho các nhà ga và trường học ở California. Phía trước và phía hông hàng rào có hai cái cửa song. Lầm lúa ở phía sau nhà, ngoài hàng rào. Hàng rào xén vuông vắn. Nó có vẻ dày và chắc chắn lạ lùng.

Alex la lớn để át tiếng của chiếc xe Ford:

- Hàng rào đó để che gió.

Tôi bảo:

- Mà không che khỏi *Johnny Gấu*.

Mặt ông ta hơi sầm lại. Ông ta chỉ một căn nhà vuông trắng toát cất hơi xa xa ở trong đồng.

- Bọn Huê kiều làm rẽ ở căn nhà đó. Siêng năng. Tôi cũng muốn có một bọn như vậy.

Lúc đó có một con ngựa cột vào một chiếc xe trần hai bánh, ở phía sau hàng rào ló ra, tiến lên mặt đường. Con ngựa xám tuy già nhưng được săn sóc kỹ lưỡng, chiếc xe bóng nhoáng mà bộ đồ ngựa cũng đánh bóng. Trên mỗi tấm che mắt, có một chữ H lớn mạ bạc. Tôi có cảm giác rằng bộ dây cương giả[43] ngắn quá, không hợp với con ngựa già như vậy.

- Kìa, hai cô ấy đi lễ, kìa.

Khi xe đi ngang, chúng tôi ngả mũ, cúi chào và hai cô cúi đầu đáp lễ rất đúng nghi thức. Tôi được nhìn rõ và tôi xúc động. Gần đúng như tôi đã tưởng tượng. Thằng *Johnny Gấu* còn quái đản hơn là tôi ngờ nữa; chỉ bằng giọng nói mà hắn tả được dung mạo nhân vật của hắn.

Tôi nhận ngay cô nào là Emalin, cô nào là Amy. Cặp mắt trong và nhìn thẳng, cằm nhọn và tự tín, nét miệng như cắt bằng kim cương, không sai một li, vẻ mặt lạnh lùng không có những đường cong, chính là Emalin rồi. Amy giống chị cũng nhiều, mà khác chị cũng nhiều. Khuôn mặt dịu hơn. Vẻ mặt ấm áp và cặp môi dày. Ngực tròn; vậy mà cũng vẫn giống Emalin. Nhưng miệng của Emalin vốn nghiêm, mà miệng của Amy thì giữ cho nghiêm. Emalin vào khoảng năm mươi tuổi. Amy nhỏ hơn độ mười tuổi. Tôi chỉ thoáng thấy hai cô có một chút rồi không gặp lại nữa, mà lạ lùng thay, tôi tưởng như không biết rõ ai bằng biết rõ hai cô.

Alex hỏi lớn:

- Bây giờ thì ông hiểu tôi muốn nói gì khi tôi dùng tiếng quý phái chứ?

Tôi gật đầu. Dễ thấy quá mà. Một nhóm cộng đồng nào mà có được hai người đàn bà như vậy thì tất là có cái cảm giác... an toàn. Một làng như làng Loma này, với những sương mù, những vũng lầy gớm ghiếc như một tội lỗi ghê tởm đó, quả thật cần có hai cô Hawkins. Nếu không có hai người đàn bà đó để giữ thẳng bằng thì chỉ ở cái chốn này vài năm là thế nào cũng có những ảnh hưởng tai hại tới căn nảo.

Bữa cơm đó ngon. Bà chị Alex phết bơ, áp chảo mấy con gà giò và nấu những món khác rất khéo. Tôi đâm ra nghi ngờ hơn và bớt nhân từ với người đầu bếp của tôi. Chúng tôi ngồi trong phòng ăn, nhấp một thứ rượu mạnh rất ngon.

Tôi bảo:

- Tôi không hiểu ông lại quán Buffalo làm gì. Thứ huyết-ki đó...

Alex đáp:

- Tôi biết. Nhưng Buffalo là linh hồn của Loma. Nó là tờ nhật báo, là rạp hát, là câu lạc bộ của chúng tôi.

Lời đó đúng đến nỗi mà khi Alex đánh xe đưa tôi về thì tôi biết mà ông ta cũng biết rằng chúng tôi sẽ lại quán Buffalo ngồi một hay hai giờ.

Chúng tôi đã gần tới thành phố. Ánh sáng yếu ớt của đèn xe nhảy nhót trên đường. Một chiếc xe khác lóc cóc tiến lại. Alex thắng xe ở ngang đường, rồi giáng cho tôi:

- Viên thầy thuốc đấy, bác sĩ Holmes.

Chiếc xe kia tới, ngừng lại vì bị xe chúng tôi chặn đường.

Alex gọi:

- Bác sĩ! Tôi tính đi rước ông lại thăm bệnh cho chị tôi đây. Chị ấy sưng ở cuống họng.

Bác sĩ Holmes đáp:

- Được, Alex, tôi sẽ tới. Tránh đường cho tôi đi. Có việc gấp.

Alex hỏi ngay:

- Ai đau vậy?

- Cô Amy hơi khó ở. Cô Emalin kêu điện thoại, bảo tôi lại gấp. Thôi tránh đường ra.

Alex lùi xe lại cho xe bác sĩ qua, rồi chúng tôi lại đi. Tôi đã sắp khen rằng trời đêm đó sao mà trong vậy thì ngó phía trước đã thấy những đám sương mù từ vũng lầy lướt lên chung quanh trái đồi và bò như những con rắn uể oải, cho tới đỉnh đồi. Chiếc xe Ford rung chuyển rồi ngừng lại trước quán Buffalo. Chúng tôi vô quán.

Carl Mập vừa tiến lại chúng tôi vừa chùi một cái li vào chiếc khăn lá đáp. Lão lấy một chai rượu đã mở sẵn ở dưới quầy, hỏi:

- Uống cái gì đây?

- Huýt-ki.

Trên cái mặt phỉ, ủ rũ của lão thoáng hiện một nụ cười yếu ớt. Quán đầy khách. Cả kíp dưới xáng có mặt ở đó, trừ chú bếp. Chắc chú ta đang ngồi trên bờ hút thuốc lá Cu-ba cấm trong cái bót thuốc bằng ống sậy. Chú không uống rượu, bấy nhiêu đủ cho tôi nghi ngờ chú rồi. Hai người thợ trên boong, một viên kĩ sư và ba người thợ máy ngồi ở đó. Tụi thợ máy bàn với nhau về việc đào một con kênh.

Tục ngữ này của bọn tiểu phu: “Ở rừng thì nói chuyện điếm mà ở nhà thổ thì nói chuyện đốn rừng”, áp dụng vào tụi thợ máy chắc chắn là đúng.

Tôi chưa thấy một quán rượu nào mà bình tĩnh như quán rượu này. Không có chuyện ẩu đả, ít có tiếng hát và không bao giờ có những chuyện chơi khâm với nhau. Không hiểu bằng cách nào, nhưng hình như cặp mắt buồn rầu, bi thảm của *Carl Mập* làm cho cái sự uống rượu ở đây thành ra một công việc yên ổn, hữu hiệu, chứ không phải là một cuộc giải trí gây gổ. Timothy Ratz ngồi ở một cái bàn tròn, trang bài. Alex và tôi uống huýt-ki. Không còn một chiếc ghế trống và chúng tôi đứng dựa vào quầy, nói chuyện về thể thao, về làm ăn, về những thể sự mà chúng tôi đã từng trải hoặc cứ khoe đại rằng đã từng trải... tóm lại là nói những chuyện nhạt nhẽo, thứ chuyện trong quán cà phê ấy mà. Thỉnh thoảng chúng tôi lại mời nhau thêm một li nữa. Chúng tôi ở quán đã đến một hai giờ rồi. Alex đã ngỏ ý muốn về mà tôi cũng muốn về. Kíp thợ dưới xáng rủ nhau về cả bọn vì nửa đêm họ phải làm việc lại.

Cánh cửa lạng lẽ mở ra và *Johnny Gấu* lướt vô phòng, đong đưa hai cánh tay dài, lắc lư chiếc đầu lớn, bù xù, và mỉm cười đần độn. Bàn chân vuông của hắn y như bàn chân mèo.

Hắn đánh lười, hỏi:

- Huýt-ki?

Chẳng ai khuyến khích hắn cả. Hắn trở nghề, nằm rạp xuống sàn như lần hắn nhái tôi. Những tiếng bồng trầm, nghệt mũi phát ra; tôi đoán là tiếng Trung Hoa. Rồi hình như chính những tiếng đó được lập lại bằng một giọng khác, chậm rãi hơn, không nghệt mũi. *Johnny Gấu* ngẩng cái đầu bờm xờm lên, hỏi:

- Huýt-ki?

Rồi hắn đứng dậy, dễ dàng lạ lùng, không phải gắng sức một chút. Tôi thấy ngồ ngổ, muốn biết tài của hắn, đẩy hai cắc rưỡi trên mặt quầy. *Johnny Gấu* nốc hết li rượu. Một lát sau tôi mới ân hận. Tôi không dám nhìn Alex nữa, vì *Johnny Gấu* đã lướt tới giữa phòng rồi làm bộ ngồi rình ở cửa sổ.

Giọng cứng cỏi của Emalin bảo:

- Thừa bác sĩ, cô ấy đấy.

Tôi nhắm lại để khỏi nghe thấy *Johnny Gấu* và đúng lúc đó, hắn né ra. Giọng đó là giọng của Emalin Hawkins.

Tôi đã nghe giọng của bác sĩ trên đường và đúng lúc là cái giọng của ông ta đáp lại:

- A... cô bảo là... là té xỉu ư?

- Thừa bác sĩ, vâng.

Ngưng một chút, rồi giọng bác sĩ rất ngọt ngào:

- Emalin? Tại sao cô ấy lại làm vậy?

- Tại sao cô ấy làm cái gì?

Trong câu hỏi gặng lại đó, có cái giọng gần như dọa nạt.

- Emalin này, tôi là y sĩ chữa bệnh cho gia đình cô. Xưa kia tôi đã chữa bệnh cho ông nhà. Cô phải kể cho tôi nghe. Cô tưởng rằng tôi chưa bao giờ trông thấy cái vết như vết đó ở trên cổ ư? Khi cô hay mà tới thì cô ấy treo được bao lâu rồi?

Ngừng một lúc lâu hơn. Giọng người đàn bà hết cứng cỏi:

- Hai ba phút gì đó. Thừa bác sĩ, không sao chứ?

- Không sao đâu, cô ấy sẽ như thường. Không bị nặng. Tại sao cô ấy làm vậy?

Giọng người đàn bà lạnh lùng hơn lúc đầu nữa. Lạnh như băng:

- Thừa ông, tôi không biết.

- Cô muốn nói rằng cô không muốn cho tôi biết hả?

- Tôi muốn nói điều mà tôi nói.

Rồi tới giọng của bác sĩ dặn dò cách săn sóc: nghỉ ngơi, uống sữa và chút huyết-ki.

Ông ta bảo:

- Cần nhất là phải tỏ vẻ ngọt ngào với cô ấy, nhớ kĩ đấy.

Giọng Emalin hơi run:

- Thừa bác sĩ, bác sĩ... giữ kín cho chứ?

Bác sĩ đáp nhỏ nhẹ:

- Tôi là y sĩ cho nhà này mà. Tất nhiên là tôi giữ kín. Tối nay tôi sẽ cho mang thuốc an thần lại.

- Huyết-ki?

Thình lình tôi mở mắt ra. Thằng *Johnny Gấu* ghé tởm đó mỉm cười với mọi người.

Ai nấy im lặng xấu hổ. *Carl Mập* ngó xuống đất. Tôi quay về phía Alex xin lỗi, và chính tôi mới chịu trách nhiệm. Tôi bảo:

- Tôi đâu biết rằng hắn làm vậy. Tôi ân hận lắm.

Tôi đi ra, trở về căn phòng thám của tôi, ở nhà mụ Ratz. Tôi mở cửa sổ, ngó từng làn sương mù uốn khúc bò lên, từng đợt. Ở phía xa, trên vũng lầy, tôi nghe tiếng máy diesel bắt đầu chạy chậm chậm rồi nóng lên. Một lát sau có tiếng sắt của cái gàu bắt đầu đào mương.

Sáng hôm sau, một loạt tai nạn rất thường trong nghề liên tiếp đổ dồn lên đầu chúng tôi. Một chiếc dây cáp mới bỗng đứt trong khi kéo gàu về và làm rớt gàu lên một chiếc xà lan và chiếc xà lan này với dụng cụ chìm xuống dưới ba thước nước bùn. Khi chúng tôi thả một "khối đu" rồi cột một sợi dây cáp để câu lên thì dây lại đứt nữa, cắt rời chân một người thợ trên boong. Người ta vội băng bó đầu chân còn lại rồi chở gấp lại Salinas. Rồi tới những tai nạn nho

nhỏ. Một người thợ bị dây cáp cà vào, trầy da làm mủ. Chú bếp tìm cách bán cho anh ta một hộp *marijuana* [44], điều đó tỏ rằng ý kiến của tôi về chú ta không sai chút nào. Xét chung thì dưới xáng không chút nào yên, không có chuyện nọ thì có chuyện kia. Phải đợi hai tuần lễ chúng tôi mới có một xà lan mới, một người thợ boong mới, một người bếp mới mà tiếp tục lại công việc.

Người bếp mới nhỏ con, mũi dài, nước da ngăm ngăm, tính tình nham hiểm và có tài khéo nịnh.

Cả nửa tháng tôi không tiếp xúc gì với xã hội Loma cả, nhưng khi cái gàu bắt đầu kêu lèng xèng vục xuống bùn, khi cái máy diesel cũ kỹ, to lớn bắt đầu nổ rầm trên vũng lầy, thì tôi đi bộ lại thăm trại Alex Hartnell vào một buổi tối. Đi ngang qua nhà Hawkins, tôi ngó qua một cái cửa song nhỏ đục trong hàng rào trắc bách. Trong nhà tối om, mặc dầu có một ánh đèn yếu ớt le lói ở cửa sổ. Đêm đó, gió thổi nhẹ, và những khối sương mù lẩn nhè nhẹ trên mặt đất như bông cây thảo nhĩ [45]. Tôi đi trong một chỗ trống được một lúc, rồi bị một đám sương mù dày nuốt mất, rồi lại ra một chỗ sáng. Dưới ánh sao, tôi thấy những cục sương mù lớn loang loáng bạc đỏ chạy qua cánh đồng. Tôi tưởng như nghe thấy tiếng thở i i phát ra từ sau hàng rào trắc bách của khu vườn Hawkins, rồi thỉnh thoảng tôi ra khỏi đám sương mù và thấy một bóng đen chạy vội vào trong cánh đồng và nghe tiếng chân kẻ đó lết trên đất, tôi nhận ngay được là một người làm công Huê kiều đi dép. Bọn Huê kiều thường ăn vô số loài vật mà chỉ ban đêm mới bắt được.

Tôi gõ cửa. Alex bước ra. Thấy tôi ông ta có vẻ mừng. Bà chị ông ta không có nhà. Tôi ngồi gần lò sưởi và ông ta đem một chai rượu mạnh tuyệt hảo ra, hỏi tôi:

- Nghe nói ông gặp nhiều chuyện rắc rối?

Tôi kể cho ông ta nghe nguyên do.

- Hình như tai họa rủ nhau tới từng loạt. Họ đã tính ra rằng nó tới từng nhóm một, ba, năm, bảy hay chín tai họa liên tiếp nhau.

Alex gật đầu:

- Tôi cũng hơi có cái cảm giác đó.

Tôi hỏi:

- Hai cô Hawkins ra sao? Đi ngang qua tôi nghe có tiếng khóc.

Alex nửa như tỏm không muốn nói về họ, nửa lại thích nói:

- Tôi có lại thăm cách đây khoảng một tuần. Cô Amy không được mạnh. Tôi không được gặp cô ấy, chỉ gặp cô Emalin thôi.

Rồi Alex nói toạt ra:

- Có cái gì nó đè nặng lên họ, cái gì nó...

Tôi bảo:

- Người ta tưởng như ông là thân thích họ.

- Thì ông già tôi và ông già hai cô ấy xưa là bạn thân. Hồi xưa chúng tôi quen gọi là dì Amy, dì Emalin. Họ không thể làm một cái gì xấu xa được. Nếu hai chị em Hawkins không còn là hai chị em Hawkins nữa, thì dân chúng miền này sẽ không còn ra cái gì cả.

Tôi hỏi:

- Cái lương tâm của cộng đồng chẳng?

Ông ta lớn tiếng đáp:

- Sự an toàn. Nơi mà trẻ con tới được ăn bánh. Nơi mà thiếu nữ tới được an ủi. Họ tự đắc thật, nhưng họ tin những cái mà chúng ta chỉ mong rằng đúng chứ chưa tin hẳn. Mà họ sống như là... như là ở đời này, sự lương thiện là chính sách tốt hơn hết mà sự nhân từ tự nó là phần thưởng rồi. Chúng tôi cần có hai cô ấy.

- Tôi hiểu rồi.

- Nhưng lúc này cô Emalin đang chiến đấu với một cái gì ghê gớm và... và tôi ngờ rằng cô thắng không nổi.

- Ông muốn nói gì vậy?

- Tôi cũng không biết nữa. Nhưng tôi nghĩ đến việc giết thẳng *Johnny Gấu* rồi liệng thây nó xuống vũng lầy. Thực tình tôi đã tính làm cái việc đó.

Tôi bảo:

- Đâu phải lỗi của hắn. Hắn chỉ như cái máy ghi âm rồi phát ra đúng, nhưng đáng lẽ dùng một cái thẻ bỏ vô máy thì đằng này người ta dùng một li huyết-ki.

Rồi chúng tôi nói sang chuyện khác, một lát sau tôi về Loma. Tôi tưởng như sương mù bám vào hàng rào trắc bách của ngôi nhà Hawkins, và vô khối sương dồn đọng lại ở chung quanh trong khi những khối khác chậm chậm lách vô. Tôi vừa tiếp tục đi vừa mỉm cười, nghĩ tới cái lối mà óc con người thường dùng để có thể chinh lí lại thiên nhiên cho nó hợp với tư tưởng của mình. Khi tôi đi ngang, trong nhà không có ánh đèn.

Công việc của tôi lại theo một thủ tục rất đều đều, Chiếc gàu lớn đào mương, lần lần tiến tới. Kíp thợ biết rằng tai nạn qua rồi, điều đó có lợi cho tinh thần họ; người bếp mới khéo dụ dỗ họ đến nỗi có rán bê-tông cốt sắt cho họ ăn họ cũng ăn. Cá tính của người bếp cần cho hạnh phúc một kíp đào kinh hơn là các món ăn người ấy nấu.

Hai ngày sau khi lại thăm Alex vào buổi tối, tôi đi trên vỉa hè gỗ, để lại sau lưng một luồng sương mù, rồi tôi vô quán Buffalo. *Carl Mập* vừa chúi li vừa tiến lại phía tôi. Tôi la lớn: “Huyết-ki” không để cho hắn kịp hỏi tôi muốn uống gì. Tôi cầm li, lại ngồi một cái ghế tồi tàn. Alex không có ở đó. Timothy Ratz trang bài và ăn một ván may mắn lạ thường. Hắn thắng luôn bốn ván và mỗi lần thắng là uống một li huyết-ki. Khách tới mỗi lúc một đông. Không có quán Buffalo này, không biết chúng tôi sẽ làm gì đây.

Khoảng mười giờ, ai nấy đều đã biết tin tức. Sau này nghĩ lại những chuyện đó, người ta không thể nhớ rõ được tin tức tiết ra cách nào. Một kẻ nào đó vô, tiếng thì thảo truyền khắp phòng, và thỉnh thoảng ai nấy đều biết việc đã xảy ra với đầy đủ chi tiết. Cô Amy đã tự tử. Ai đem tin đó lại? Tôi cũng không biết nữa. Cô đã treo cổ. Trong quán, người ta không phê bình gì nhiều về tin đó. Tôi thấy mọi người rán giữ một thái độ nghiêm trang. Thường họ không như vậy. Họ ngồi thành từng nhóm, nói với nhau rất nhỏ nhẹ.

Cánh cửa từ từ mở và *Johnny Gấu* lướt vô, cái đầu rậm, lớn của hắn lắc lư, nụ cười dần dần hiện trên môi. Chân hắn yên lặng phớt qua trên sàn. Hắn ngó chung quanh, hỏi:

- Huyết-ki? Huyết-ki cho Johnny?

Bây giờ ai nấy đều muốn biết rõ. Họ xấu hổ vì tò mò muốn biết, nhưng khối óc của họ xúi họ phải biết. *Carl Mập* rót một li. Timothy Ratz đặt bài xuống, đứng dậy. *Johnny Gấu* nốc hết li rượu. Tôi nhắm mắt lại.

Bác sĩ có giọng gắt:

- Emalin, cô ấy đâu?

Tôi chưa bao giờ nghe thấy một giọng nào như giọng người đáp lại: lạnh lùng tự chủ, nhưng chỉ có bề ngoài là tự chủ, còn bề trong thì khổ não ghê gớm mà vẫn lạnh lùng. Giọng đều đều, không cảm xúc gì cả, nhưng trong sự rung động của âm thanh hiện rõ sự thống khổ:

- Thưa bác sĩ, cô ấy ở đó.

- Hừm... - Ngừng một lúc lâu – Treo cổ lâu chứ?

- Thưa bác sĩ, tôi không biết là bao lâu.

- Tại sao cô ấy làm vậy, Emalin?

Lại cái giọng đều đều:

- Thừa bác sĩ... tôi không biết.

Ngừng lâu hơn nữa, rồi:

- Hùm... Emalin, cô biết rằng cô ấy có mang chứ?

Giọng lạnh lùng mà đau đớn, người ta nghe tiếng thở dài:

- Thừa bác sĩ, vâng.

Rồi có tiếng rất nhỏ:

- Như vậy mà cô chùng chình, mãi rồi cô mới hay... Không, Emalin, tôi không muốn nói vậy đâu, tội nghiệp cô.

Giọng Emalin lại tự chủ được:

- Bác sĩ có thể làm tờ khai mà không ghi...

- Chắc chắn là được, thế nào cũng được mà. Tôi sẽ nói thêm với người lo việc chôn cất nữa. Cô đừng ngại gì cả.

- Đa tạ bác sĩ.

- Tôi đi kêu điện thoại bây giờ đây. Không thể để cô ngồi một mình ở đây được. Qua phòng bên đi, Emalin. Tôi cho cô một liều an thần...

- Huýt-ki? Huýt-ki cho Johnny?

Tôi nhìn cái nụ cười và cái đầu rậm lắc lư của hắn.

Carl Mập rót thêm một li nữa. *Johnny Gấu* nốc cạn rồi lướt tới cuối phòng, bò xuống dưới gầm một cái bàn, ngủ.

Mọi người làm thinh. Người ta lại quây, lặng lẽ trả tiền. Vài phút sau Alex đẩy cửa vô, phòng vẫn yên lặng. Ông ta bước vọt lại phía tôi, hỏi nhỏ:

- Ông hay tin chưa.

- Hay.

- Trước kia tôi đã lo ngại. Tối hôm nọ tôi có nói với ông rồi. Lúc đó tôi ngại quá.

Tôi hỏi:

- Hôm đó ông biết rằng cô ấy có mang ư?

Alex cứng sừng ra, ngó khắp phòng rồi ngó tôi, hỏi:

- *Johnny Gấu* hả?

Tôi gật đầu.

Alex lấy bàn tay che mắt:

- Tôi không thể tin được điều đó.

Tôi sắp đáp thì nghe tiếng lục đục, tôi ngó về phía cuối phòng. *Johnny Gấu* bò trong hang của hắn ra, lướt về phía quây.

- Huýt-ki?

Rồi hắn mỉm cười với *Carl Mập*, đợi.

Tức thì Alex tiến tới, nói với mọi người trong quán:

- Xin bà con nghe tôi nè! Như vậy đã là quá rồi. Thôi đi.

Không ai phản đối cả. Tôi thấy nhiều người gật đầu với nhau, tỏ ý tán đồng.

- Huýt-ki cho Johnny?

Alex quay lại góc thẳng góc đó:

- Mà phải biết xấu hổ chứ. Cô Amy cho mày ăn, bao nhiêu quần áo mày bận cũng do cô ấy

cho mày cả.

Johnny mỉm cười với ông ta:

- Huýt-ki?

Rồi hắn trở tài. Tôi nghe thấy một giọng bổng trầm nghệt mũi, chắc là giọng Trung Hoa. Alex có vẻ vững bụng.

Rồi tới một giọng khác, chậm rãi, do dự, lặp lại những tiếng đó mà không nghệt mũi.

Alex nhảy chồm lên, nhanh đến nỗi tôi không hay, thoi một cú mạnh vào cái miệng mỉm cười của Johnny, vừa thoi vừa hét:

- Tao đã biểu mày rằng thôi.

Johnny Gấu lấy lại thăng bằng. Mũi nó tét ra, đỏ những máu, nhưng nó vẫn còn mỉm cười. Nó cử động chậm chạp, không hề gắng sức. Cánh tay nó quàng Alex như những cái tua con hải quỳ ôm con cua. Alex gập mình về phía sau. Tôi nhảy bổ lại, nắm lấy một cánh tay của hắn, cố vịn mà hắn vẫn không bỏ Alex ra. *Carl Mập* lăn trên mặt quày nhảy xuống, tay cầm một cái vỏ của bọn thợ đóng thùng rượu. Lão đập vỏ vào cái đầu bù xù cho tới khi cánh tay hắn thả ra, và hắn ngã xuống sàn. Tôi ôm Alex, dìu ông ta ngồi xuống một cái ghế.

- Ông có bị thương không?

Ông ta rán thở, đáp:

- Có lẽ tôi bị treo lưng. Nhưng không sao.

- Ông có chiếc xe Ford ngoài đó không? Tôi sẽ đưa ông về.

Khi xe chạy qua nhà Hawkins, chúng tôi không ngó vô. Tôi nhìn đăm đăm con đường. Tôi đỡ Alex vô căn nhà tối tăm, đưa ông ta lên giường nằm và cho ông ta uống một li rượu chanh. Suốt trên đường về, ông ta không nói một tiếng. Khi nằm yên trên giường rồi, ông ta mới hỏi:

- Theo ý ông, có ai kịp nhận thấy không? Tôi đã làm im miệng nó vừa đúng lúc chứ?

- Ông muốn nói gì? Tôi vẫn chưa hiểu tại sao ông lại đánh hắn.

- Ông nghe tôi nè. Lưng tôi như vậy, chắc tôi phải nằm trong một thời gian. Nếu ông nghe thấy điều gì, thì ngăn cản người ta nhé? Không nên để cho họ nói gì.

- Tôi vẫn chưa hiểu ông muốn nói gì.

Ông ta ngó thẳng vào mặt tôi một lúc rồi đáp:

- Tôi nghĩ rằng có thể tin cậy ông được. Giọng nói thứ nhì đó... là giọng cô Amy.

NGƯỜI CHỈ HUY

(THE LEADER OF THE PEOPLE)^[46]

Đa số các tuyến tập đều lựa truyện này của Steinbeck. Tâm lí cả năm nhân vật đều sắc bén, nhất là tâm lí của ông già và em nhỏ. Truyện buồn man mác mà xen lẫn chút vui hồn nhiên. Không có gì cảm động bằng cảnh ông cháu quyến luyến nhau, ông tiếc thời oanh liệt đã qua mà cháu mơ ước những oanh liệt của tổ tiên.

Chiều thứ bảy đó, Billy Buck người làm công trong trại ruộng lấy cào gom đồng cỏ khô còn lại từ năm trước và liệng từ nạng cỏ qua hàng rào dây kẽm cho mấy con bò đã lửng da. Trên trời, những cụm mây nhỏ tựa như khói đạn, trôi về phương Đông, dưới ngọn gió thảng ba. Người ta có thể nghe tiếng gió thổi ào ào trong khu rừng rậm ở ngọn đồi, nhưng tại trại ruộng đó ở đáy lòng chảo này, gió không xuống tới.

Em nhỏ Jody vừa chạy ở trong nhà ra vừa ăn một miếng bánh phết bơ. Thấy Billy cào nốt đồng cỏ khô, em lết lại gần; người ta bảo em lết kiêu đó thì hại gót giày lắm, nhưng em cũng không chừa. Một bầy bồ câu trắng ở cây trắc bá bay vù ra khi em đi ngang qua, lượn một vòng chung quanh cây rồi trở lại đậu trên cây. Một con mèo vằn nhỏ từ mái hiên căn nhà ván nhảy ra, chạy qua đường, ngừng lại rồi chạy lộn về. Jody lượn một cục đá, tính ném, nhưng đã quá trễ, con mèo đã chui xuống dưới sàn rồi. Em liệng hòn đá vào cây trắc bá và làm cho bầy bồ câu trắng lại bay vù ra, lượn một vòng nữa.

Tới đồng cỏ khô đứa nhỏ tựa vào hàng rào dây kẽm gai, hỏi:

- Còn có bấy nhiêu là hết, phải không chú?

Chú Billy, một người đứng tuổi, siêng năng, ngừng tay, cầm cái chày nạng xuống đất, giở nón ra vuốt tóc, đáp:

- Chả còn gì cả, trừ ít cỏ đã mục vì đất ẩm thấp.

Chú lại đội nón, xoa hai bàn tay khô nứt như da thuộc.

Jody hỏi:

- Chắc là đầy nhóc chuột, phải không chú?

- Ừ, lúc nhúc những chuột. Chúng phá quá.

- Vậy khi nào chú làm xong, tôi có thể kêu chó lại cho chúng bắt nhé?

- Được mà.

Chú lấy cái chày nạng giở một ít cỏ ẩm tung lên cao. Ngay lúc đó ba con chuột nhắt nhảy lên rồi hoảng hốt chui vào đồng cỏ.

Jody thở ra khoan khoái. Bầy chuột mập mạp, lông mượt, không biết kiêng nể ai đó, lần này thì tiêu. Đã tám tháng nay chúng sinh sản trong đám cỏ khô, Jody dùng mèo, bầy, thuốc, đủ cách mà không diệt được chúng. Trong cảnh yên ổn, chúng hoá ra lanh lợi, ngạo mạn và mập ú. Bây giờ thì tới lúc chết rồi: không còn sống thêm được một ngày nào nữa.

Billy ngó những đỉnh ngọn đồi bao vây cái trại, bảo:

- Có lẽ em nên hỏi ý ba em trước đã.

- Ừ, ba ở đâu? Để tôi hỏi ngay bây giờ.

- Sau bữa cơm, ông đã cưỡi ngựa lên trại ở ngọn đồi. Chắc cũng sắp về.

Jody ngã lưng vào hàng cọc hàng rào:

- Ba mà để ý gì tới chuyện đó.

Billy tiếp tục làm việc, giọng ngài ngại:

- Cứ hỏi ý trước thì hơn. Còn lạ gì tính ông.

Jody biết rõ tính cha. Ở trại bất kì là việc quan trọng hay không, ba em, ông Carl Tiflin, bắt mọi người phải xin phép ông rồi mới được làm.

Jody để lưng tuột lần theo cây nọc, cho tới khi ngồi bệt xuống đất. Nó ngẩng lên ngó những đám mây tròn bay theo gió.

- Chú Billy, như sắp mưa hả?

- Có thể lắm. Gió đó thì mưa nhưng gió chưa đủ mạnh.

- Ước gì tôi giết xong bầy chuột trời đánh này rồi hãy mưa.

Nó quay lại ngó xem Billy có để ý đến lời rửa ra vẻ người lớn của nó không, nhưng Billy cứ tiếp tục làm, không phê bình gì cả. Jody quay đi ngó ngọn đồi trên đó có con đường từ thế giới bên ngoài đưa vào trại. Ánh nắng yếu ớt thảng ba như gọi sách ngọn đồi. Nhưng cây gai lá như trắng bạc, những cây đậu bông tím và vài cây anh túc trở bông trong bụi từ bi. Ở lưng chừng đồi, Jody thấy con chó đen Double-tree Mutt^[47] đang bới một cái hang sọc. Nó cào cào một lát rồi ngừng để hắt đất ở phía đằng sau; nó hăng hái đào; đáng lẽ nó phải biết rằng đào hang sọc thì không làm sao bắt được sọc chứ.

Thình lình, Jody thấy con chó sừng ra, chui khỏi hang rồi ngó về chỗ lõm ở đỉnh đồi, chỗ mà con đường đi qua. Một lát sau, hình ông Carl Tiflin cưỡi ngựa in lên nền trời xanh nhạt, rồi ông xuống dốc tiến về trại. Trong tay ông có vật gì.

Đứa nhỏ đứng phắt ngay dậy, la:

- Có thư.

Nó chạy về trại, vì chắc là thư sẽ đọc lớn tiếng; nó muốn được nghe. Nó tới nhà trước ba nó, chạy tuốt vô. Nó nghe thấy ông Carl xuống ngựa – cái yên rít lên – rồi vỗ vào sườn con ngựa để bảo nó vô lằm, dặn Billy tháo yên rồi thả cho ăn cỏ.

Jody chạy vô bếp, la:

- Chúng ta có thư.

Má nó đương coi cái xoong đậu, ngẩng lên hỏi:

- Chúng ta là ai?

- Ba. Con thấy ba cầm cái thư.

Ông Carl bước vô bếp, bà vợ hỏi:

- Thư ai gọi đó, mình?

Ông ta cau ngay mày lại:

- Làm sao mình biết là có thư?

Bà quay về phía đứa nhỏ:

- Thằng *Cái-gì-cũng-biết*, nó bảo đấy.

Jody mắc cỡ.

Ba nó khinh bỉ ngó nó, bảo:

- Ừ, nó đã thành ra thằng *Cái-gì-cũng-biết*. Việc của ai nó cũng xen vô, trừ việc của nó. Cái gì nó cũng chúi mũi vào.

Bà Tiflin dịu giọng:

- Cũng tại nó không có công việc gì để làm. Nhưng thôi, thư của ai đấy?

Carl trợn mắt ngó Jody:

- Nó coi chừng đấy, tôi sẽ kiểm việc cho nó làm không kịp nghỉ tay ra.

Ông chìa một bức thư niêm phong ra:

- Đoán là thư của ba em.

Bà Tiflin lấy một cái ghim cài tóc để mở thư. Bà mím môi lại, vẻ chú ý lắm. Jody thấy mắt bà đưa đi đưa lại theo những hàng chữ. Bà kể cho mọi người nghe:

- Ba nói là chiều thứ bảy sẽ đánh xe lại đây, ở chơi với chúng mình ít lâu. Nhưng hôm nay là thứ bảy rồi, thư tới trễ quá.

Bà nhìn lên con dấu nhà bưu điện:

- Thư bỏ hôm kia. Đáng lý hôm qua phải tới rồi chứ?

Bà ngó chồng, có vẻ hỏi han, rồi sầm mặt lại, bất bình, hỏi chồng:

- Về mặt mình sao kì vậy? Mấy khi ba đã tới!

Carl quay mặt đi, tránh cơn giận của vợ. Thường thường ông ta nghiêm khắc với vợ, nhưng đôi khi vợ quạu quọ là ông ta xò.

Bà vợ lại hỏi:

- Mình làm sao đấy?

Ông ta giảng giải, giọng xin lỗi như giọng em nhỏ Jody vậy. Coi mà thảm hại:

- Chỉ vì ba nói nhiều quá. Chỉ những nói và nói.

- Nói nhiều, ừ, rồi thì làm sao? Mình cũng nói nhiều vậy.

- Phải. Nhưng ông ngoại bày nhỏ chỉ nói có mỗi một chuyện.

Jody hăng lên, xem vô:

- Chuyện Da đỏ. Tụi Da đỏ với cuộc băng qua cánh đồng.

Carl quay lại, giận dữ:

- Cút đi, *Cái-gì-cũng-biết*. Đi, đi, cút đi!

Jody lăm lũi đi ra cửa sau và khép cánh cửa có lưới sắt lại một cách bình tĩnh không tự nhiên. Dưới chân cửa sổ nhà bếp, nó nhìn thấy một cục đá hình kì cục, thích quá, ngồi xổm xuống để nhặt rồi mân mê trong tay.

Qua cửa sổ để ngủ, có tiếng vọng xuống rõ mồn một. Ba nó nói:

- Thằng Jody nói đúng quá đi. Chỉ kể chuyện về tụi Da đỏ và cuộc băng qua cánh đồng. Tôi đã phải nghe chuyện ăn cắp ngựa ít nhất là cả ngàn lần rồi. Nhắc đi nhắc lại hoài huỷ mà không lần nào đổi lấy một tiếng.

Má nó đáp, giọng thay đổi hẳn đi, làm cho nó ngồi dưới cửa sổ, quên ngấm nghĩa viên đá. Giọng bà hoá ra ôn tồn, giảng giải. Jody đoán rằng về mặt bà cũng phải biến đổi dữ thì mới có giọng đó được. Bà bình tĩnh nói:

- Mình nè, nên nhìn nhận sự đó như vậy. Nên coi đó là một đại sự trong đời của ba. Ba đã dẫn một đoàn xe băng qua các cánh đồng cho tới bờ biển, và khi hoàn thành thì đời ba coi là hết rồi. Đó là việc lớn, nhưng nó không lâu bền. Nè, ba tiếp tục nói, coi như là ba sinh ra đời để làm việc đó, và một khi làm xong thì không còn cái gì để làm nữa, ngoài cái việc nhớ và kể lại cuộc hành trình đã qua. Nếu còn nơi nào tiến về phương Tây được nữa thì chắc chắn ba đã tiến rồi. Chính ba đã nói với em như vậy. Nhưng rốt cuộc là gặp biển. Ba bắt buộc phải ngừng lại và định cư ở bờ biển.

Giọng ngọt ngào đó làm cho Carl nguôi giận và chịu thua. Ông ta bình tĩnh gật đầu:

- Phải, anh đã trông thấy ba xuống núi, ngó về phía Tây mông lung ra ngoài khơi.

Giọng ông hơi nghiêm một chút:

- Rồi ba lại câu lạc bộ *Móng ngựa ở Pacific Grove*, kể cho mọi người nghe tụi Da đỏ quất dẫn

bầy ngựa ra sao.

Bà vợ lại rán làm nguôi lòng chồng:

- Mình nghĩ xem, đối với ba, việc đó quan trọng nhất mà. Mình nên chiều ba một chút, cứ chịu khó làm bộ nghe ba kể.

Carl quạu quọ quay đi, giọng gắt gỏng:

- Ừ, nếu chịu không nổi thì tôi trốn vô cái nhà ván rồi ngồi lì ở đó với chú Billy.

Nói xong, ông ta đi qua nhà trên, bước ra ngoài, khép cửa trước một cái rầm.

Jody chạy đi làm công việc. Nó vãi thóc cho gà con mà không phá chúng. Nó lượm trứng trong các ổ chim. Nó chạy đi ôm củi về nhà, cột lại kĩ lưỡng đến nỗi chỉ có hai ôm mà đầy nhóc cái thùng đựng củi.

Má nó nấu xong món đậu rồi, rút lửa đi, cầm một cánh gà mái quét mặt lò. Jody nem nép dò ý xem má nó còn giận nó không.

- Ngoại tới hôm nay, phải không má?

- Ừ, trong thư ngoại nói vậy.

- Con nên ra đường cái đón ông ngoại không?

Bà Tiflin đóng mạnh cửa lò.

- Ừ, ngoan. Đi đón, chắc ông ngoại vui lắm.

- Vậy con đi đây.

Ra ngoài sân, nó huýt còi lanh lảnh để gọi chó, ra lệnh:

- Đi lênh đồi.

Hai con chó goe nguẩy đuôi, chạy trước. Bên bờ đường, cây từ bi đã có trái non. Jody hái ít cọng vò trong tay, không khí thơm một mùi hăng hoang dã. Hai con chó nhảy một cái vào trong bụi, sủa để bắt một con thỏ. Bắt không được, chúng bỏ Jody, trở về nhà.

Jody leo lên đỉnh đồi.

Khi nó tới cái đèo nhỏ, chỗ con đường cái đi qua, gió chiều thổi mạnh làm rối bù mớ tóc của nó và chiếc áo sơ mi đánh phần phật. Nó nhìn thấy dãy đồi nhỏ ở dưới chân và đằng xa là thung lũng Salinas xanh mướt, bát ngát. Nó nhận ra được châu thành Salinas trắng toát ở giữa cánh đồng, ánh chiều lấp lánh trên các cửa kính. Ngay dưới chân nó, một bầy quạ, hóp nhau trên một cây "sên". Cây đen ngòm những quạ, chúng kêu vang cùng một lúc.

Rồi nó ra con đường xe thoai thoải từ chỗ nó đứng, mắt hút sau một ngọn đồi để lại xuất hiện ở phía bên kia. Trên khúc đường khá xa đó, nó thấy một cái xe do một con ngựa hồng kéo. Xe khuất, sau trái đồi, Jody ngồi xuống đất, rình chỗ mà xe sẽ hiện ra. Gió reo trên ngọn cây và những cụm mây phình phính trôi về phương Đông.

Chiếc xe xuất hiện và ngừng lại. Một người bận áo đen, trên ghế bước xuống, lại gần đầu con ngựa. Mặc dầu còn ở xa tít, Jody cũng đoán được người đó tháo bộ cương giả cho con ngựa vì đầu ngựa cúi gục xuống. Con vật lại bước và người đó chậm chậm leo dốc bên cạnh nó. Jody mừng quá la lên, chạy lại đón. Những con sóc chạy vọt qua bên đường chạy trốn và một con chim [48] ve vẩy cái đuôi, chạy lên đỉnh đồi rồi lượn đi, biến mất.

Jody rán vừa chạy vừa giẫm vào giữa bóng của mình. Một hòn đá lăn dưới chân nó, nó té nhào. Tới một khúc quẹo, nó chạy băng ngang và thấy ông ngoại nó với chiếc xe ở trước mặt, cách nó không xa. Nó ngừng lại và chững chặc tiến tới, không lảng xăng nữa.

Con ngựa khó nhọc lên dốc, bước không muốn vững, còn cụ già thì đi ở bên cạnh. Dưới ánh tà dương, bóng người và vật chập chờn ở sau, to lớn dị thường. Cụ già bận một bộ đồ nỉ đen, đi đôi "ghệt" bằng da dê, cổ áo cứng và rất thấp, đeo một chiếc cà-vạt đen. Tay cầm một cái mũ đen vành bẻ xuống. Râu cằm trắng, cắt ngắn; lông mày trắng rủ xuống mắt y như râu mép. Mắt

xanh, vui mà nghiêm. Từ nét mặt đến toàn thân đều có vẻ uy nghi như núi đá, đến nỗi thấy cụ cử động, người ta phải ngạc nhiên. Khi cụ ngồi nghỉ, người ta có cảm tưởng rằng cụ hoá ra đá và không sao nhúc nhích được nữa. Bước chậm chạp mà chắc chắn, tưởng như đã bước thì không thể nào lùi được, đã nhắm một hướng nào thì con đường cứ sẽ theo hướng đó, và bước chân cứ đều đều, không khi nào nhanh hơn, cũng không khi nào chậm lại.

Khi Jody hiện ở chỗ quẹo, cụ già lấy mũ vẫy nhẹ nhẹ làm dấu và lớn tiếng hỏi:

- Cháu Jody đi đón ông đấy hả?

Jody lại gần, quay nửa vòng, theo nhịp bước của ông ngoại, thân thể ngay ngắn, hơi lết gót một chút, đáp:

- Thưa ngoại vâng. Ở nhà mới nhận được thư ngoại hôm nay.

- Đáng lẽ thư phải tới từ hôm qua rồi. Chắc chắn vậy. Nhà bình an cả chứ?

- Thưa ngoại vâng.

Nó ngập ngừng một chút rồi rụt rè hỏi:

- Thưa ngoại, mai ngoại đi săn chuột không ạ?

Cụ già mỉm cười, đáp:

- Đi săn chuột ư, cháu? Con người ở cái thế hệ này đã tới cái nước phải đi săn chuột ư? Ngày nay người ta không còn mạnh mẽ nữa nhưng ông nghĩ đã tới nỗi nào phải bắt chuột làm con thịt.

- Thưa ngoại không ạ. Chỉ là trò chơi thôi ạ. Đồng cỏ khô sắp hết rồi. Cháu tính đuổi chuột ra cho chó bắt. Ngoại có thể ngồi coi hoặc đập ít cái lên đồng cỏ.

Cặp mắt vui và nghiêm của cụ già ngó xuống đứa nhỏ:

- Ông hiểu rồi. Mà không ăn chuột chứ? Chưa đến nỗi vậy chứ?

Jody giảng giải:

- Thưa ngoại, để cho chó ăn ạ. Cháu đoán là săn chuột với săn tụi Da đỏ, có chỗ khác nhau.

- Ừ, khác nhau nhiều... nhưng khi đã đuổi tụi Da đỏ đi, giết con cái chúng, đốt chòi của chúng thì đó cũng không khác săn chuột là mấy.

Hai ông cháu lên tới đỉnh đồi rồi bắt đầu xuống lòng chảo; ánh chiều không còn chiếu trên vai họ nữa.

Cụ già bảo:

- Cháu đã cao thêm hai phân đấy nhỉ?

Jody khoe:

- Dạ hơn. Chiều cao của cháu có đánh dấu ở cửa. Mới từ lễ Thanksgiving[49] năm ngoái, cháu đã cao thêm được ba phân.

- Có lẽ tại người ta tưới nhiều cho cháu quá, cho nên chỉ có cái thân cây và cái ruột là phát mau. Đợi khi nào có trái rồi nói biết được.

Jody liếc ông ngoại để xem có nên tỏ vẻ bất mãn không, nhưng không thấy ông có ý gì làm nhục mình cả mà trong cặp mắt xanh, tinh anh đó cũng không có vẻ trách mắng gì mình cả.

Nó nói:

- Có lẽ nhà sẽ mổ heo.

- Không được. Ông sẽ ngăn cản. Cháu muốn ngạo ông ư? Cháu biết rằng lúc này không phải là mùa nên mổ heo mà.

- Thưa ngoại, ngoại biết con Riley không, con heo nọc bự đó?

- Ừ, ông biết.

- Con Riley đã ăn củ khô ở cái đống củ mà cháu mới nói, nó khoét một lỗ trong đó và đống củ đổ lên mình nó, nó suýt nghẹt thở.

- Ừ, heo thường làm vậy.

- Con Riley dễ thương lắm, ngoại ạ. Thỉnh thoảng cháu cưỡi lên lưng nó mà nó làm thỉnh.

Có tiếng cửa mở trong căn nhà ở dưới chân họ và hai ông cháu thấy má của Jody đứng dưới hiên, vẫy cái khăn lá đáp để chào. Rồi lại thấy Carl Tiflin ở lùm đi lên nhà trên để có mặt tại đó khi hai ông cháu tới.

Mặt trời đã lặn sau đồi. Khói xanh ở lò sưởi toả ra, trải thành từng lớp đều ở trên cái lòng chảo màu tím tím. Gió đã ngừng, mấy cụm mây nhỏ lơ lửng ở trên trời.

Billy Buck ở trong chòi ván ra, đổ vung một chậu nước xà bông lên mặt đất. Mới giữa tuần mà chú cũng cạo râu vì chú trọng ông ngoại của Jody lắm và ông cụ cũng mền chú, bảo rằng trong cái thế hệ mới này chỉ có vài người như chú còn thì toàn là tụi thỏ để hết. Chú tuy đã đứng tuổi mà cụ coi chú như con nít. Chú đang bước vội lên nhà trên.

Khi hai ông cháu tới nơi, cả ba người đều đứng đợi ở cổng.

Carl chào:

- Thưa ông mới tới. Cả nhà đợi ông.

Bà Tiflin ôm cha và đứng yên cho cha vỗ nhẹ vào vai bằng bàn tay lớn của cụ. Billy trang trọng bắt tay cụ, nhếch mép mỉm cười sau bộ râu vàng và cứng như rơm. Chú thưa:

- Để cháu dắt ngựa của cụ vô chuồng.

Rồi chú dắt ngựa đi.

Ông cụ ngó theo rồi quay lại với đứa cháu, nói như cả trăm lần trước đã nói:

- Thằng đó ngoan. Tao biết ba nó, ông lão *Buck Đuôi la cái*. Không hiểu tại sao người ta lại gọi lão là *Đuôi la cái*, có lẽ tại lão dắt những con la chở đồ.

Bà Tiflin vô nhà trước nhất.

- Ba ở chơi bao lâu? Trong thư không thấy nói.

- Ờ, ba cũng không biết nữa. Tính ở khoảng nửa tháng. Nhưng lần nào cũng định ở lâu mà rồi có bao giờ ở được lâu đâu.

Một lát sau họ ngồi vào bàn ăn phủ một tấm vải trắng. Ngon đèn có chụp thiếc treo ở trên bàn. Ở ngoài, những con bướm đêm lớn đập nhẹ vào cửa kính phòng ăn.

Ông cụ cắt thịt bò áp chảo ra từng miếng nhỏ rồi nhai chậm chạp. Cụ nói:

- Đói. Ngồi xe như vậy mà ăn thấy ngon miệng. Y như hồi băng qua các cánh đồng vậy. Tối nào mọi người cũng đói như cào, đến nỗi không chịu đợi cho thịt chín nữa. Mỗi tối tao ăn được gần hai kí rưỡi thịt bò rừng.

Billy nói:

- Nhờ vận động nên ăn được nhiều. Ba tôi hồi xưa vận tải cho chính phủ. Tôi còn nhỏ xíu mà đã giúp việc cho người. Chỉ có hai cha con mà ăn hết nhẵn một cái đùi nai nhỏ.

Ông cụ bảo:

- Tao biết ông già mày, Billy. Người rất tốt. Người ta gọi là ông *Buck Đuôi la cái*, không hiểu tại sao, có lẽ tại chú ấy dắt bầy la cái chở đồ.

- Thưa đúng vậy, ba tôi dắt bầy la cái chở đồ.

Ông cụ đặt dao nĩa xuống và ngó chung quanh bàn:

- Tao nhớ có lần tao thiếu thịt...

Giọng cụ bỗng hạ xuống, du dương, kì dị, như theo một cái ngân âm thanh mà câu chuyện đã

tự vạch sẵn:

- Không có bờ rừng, không có sơn dương, đến thỏ cũng không. Bọn đi săn không bắn được một con chó sói nào. Lúc đó là lúc người chỉ huy phải đề phòng. Mà tao là người chỉ huy, tao phải để ý xem xét. Tại sao ư. Có gì đâu. Hễ họ đói thì họ giết bò kéo xe để ăn thịt. Các con có tin được điều đó không? Tao đã thấy những đoàn xe giết bò kéo xe để ăn thịt. Họ bắt đầu giết những con đi giữa rồi tiến lần lần tới hai đầu. Cuối cùng thì hạ nốt cặp bò dẫn đầu rồi tới những con vật được buộc ở bên gọng xe. Người chỉ huy đoàn lữ hành phải ngăn việc đó.

Một con bướm lớn không biết làm cách nào vô được phòng, bay quanh ngọn đèn treo đốt bằng dầu lửa. Billy đứng dậy tìm cách đập nát nó trong lòng bàn tay. Carl chụp được, bóp chết nghiền, lại cửa sổ liệng ra ngoài.

Ông cụ tiếp tục:

- Lúc này tao nói...

Nhưng Carl ngắt lời:

- Ông xoi thêm ít thịt nữa. Chúng con sắp tráng miệng món “pudding” [50] đây.

Jody thấy một vẻ giận trong cặp mắt của má. Ông cụ cầm dao và nĩa lên.

Khi xong bữa, cả gia đình với chú Billy Buck hội họp trước lò sưởi ở phòng bên, Jody lo lắng nhìn ông ngoại. Nó đã quen những dấu hiệu đó rồi. Mặt cụ già râu ria xồm xoàm cúi xuống; cặp mắt mất vẻ nghiêm nghị mà ngần ngừ nhìn ngọn lửa; những ngón tay lớn khô đét chắp lại đặt lên đầu gối.

Cụ bắt đầu kể:

- Không biết tao đã kể cho các con nghe tội cướp Piute đã đánh cắp ba mươi lăm con ngựa của chúng tao chưa.

Carl ngắt lời:

- Hình như ông đã kể rồi. Có phải đúng cái lúc ông sắp tới xứ Tahoe không?

Cụ già quay lại ngó chàng rể:

- Đúng. Vậy là tao đã kể chuyện đó rồi à?

Carl tránh cặp mắt của vợ, đáp một cách tàn nhẫn:

- Cả chục lần rồi ạ.

Nhưng ông ta có cảm giác là cặp mắt giận dữ của bà vợ đương ngó mình chăm chú, và nói tiếp:

- Tất nhiên, tôi nghe lại vẫn thấy thú.

Ông cụ nhìn ngọn lửa. Những ngón tay cụ mở ra rồi chắp lại. Jody biết lúc đó cụ đang cảm xúc ra sao; trong thâm tâm cụ chán nản và trống rỗng biết bao. Mới ban chiều nó bị rầy là “*Cái-gì-cũng-biết*”, mà bây giờ nó can đảm liều một lần nữa. Nó nhỏ nhẹ thưa:

- Ông kể cho chúng con về tội Da đỏ.

Cặp mắt cụ lại hiện lên cái vẻ nghiêm nghị:

- Con nít bao giờ cũng muốn nghe về tội Da đỏ. Công việc của người lớn mà con nít lại thích nghe. Ừ, được, để xem nào. Hồi đó tao muốn mỗi chiếc xe có một miếng sắt dài, chuyện đó tao kể chưa nhỉ?

Mọi người làm thinh. Chỉ có Jody là nói:

- Thưa chưa ạ.

- Ừ, chuyện như vậy. Khi tội Da đỏ tấn công, chúng tao quay xe lại thành một vòng tròn rồi chiến đấu ở trong vòng đó. Tao nghĩ rằng nếu mỗi chiếc xe có một miếng sắt dài đục lỗ để chĩa súng ra bắn, thì có thể gắn những miếng sắt đó vào những bánh xe ở phía ngoài, và khi các xe

quay lại thành vòng tròn thì ở trong vòng được yên ổn lắm. Như vậy tiết kiệm được mạng người, đủ bù vào số sắt nặng phải chở thêm. Nhưng tất nhiên là lũ đoàn không chịu. Từ xưa chưa có lũ đoàn nào làm như vậy, và họ thấy không có lý gì phải tốn thêm tiền vào việc đó. Sau này họ mới ân hận là không nghe lời tao.

Jody ngó má, thấy vẻ mặt bà chẳng chú ý mấy may gì tới câu chuyện cả. Còn ông chồng thì nạy chỗ chai tay ở ngón cái, chú Billy thì ngó một con nhện bò trên tường.

Ông cụ lại cho giọng nói theo cái ngắn của câu chuyện. Jody biết trước ông ngoại sẽ dùng những tiếng nào. Câu chuyện tiếp tục, giọng xì xào rồi gấp gáp một chút trong cuộc chiến đấu, ủ rũ khi tả những kẻ bị thương, lầm rầm khi làm đám tang ở giữa cánh đồng mênh mông. Jody ngoan ngoãn ngồi yên ngắm ông ngoại. Cặp mắt xanh nghiêm nghị có vẻ bình thản. Hình như chính cụ cũng không thích câu chuyện đó lắm.

Khi câu chuyện đã kể xong và mọi người đã ngồi yên một chút cho phải lễ, Billy Buck mới đứng dậy, vươn vai, kéo quần lên, nói:

- Tôi phải về thôi.

Rồi lại đứng trước mặt ông cụ:

- Ở trại đây cháu có cái sừng cũ đựng thuốc súng và một cây súng tay có thông nòng, không biết cháu đã đưa cụ coi chưa?

Ông cụ gật đầu nhè nhẹ:

- Rồi, hình như coi rồi. Nó làm cho tao nhớ tới cái súng tao dùng hồi chỉ huy lũ đoàn của tao.

Billy lễ phép đứng nghe hết câu chuyện ngắn đó rồi xin cáo biệt:

- Kính chào cụ.

Và đi ra sân.

Lúc đó Carl Tiflin rán xoay hướng câu chuyện:

- Trên đường từ đây tới Monterey[\[51\]](#) ông thấy đồng áng ra sao? Nghe nói là ít mưa.

- Khô khan. Không có một giọt nước trong đầm Laguna Seca. Nhưng chưa thấm vào đâu với năm 87. Hồi đó tất cả xứ này chỉ là cát bụi; và năm 61 nữa, không một con chó sói nào là không chết đói. Năm nay còn mưa được bốn tấc nước.

- Vâng, nhưng mưa trề quá. Nếu bây giờ mưa cho được một chút thì tốt.

Rồi ông ta ngó Jody:

- Con không thấy rằng tới giờ ngủ rồi ư?

Jody ngoan ngoãn đứng dậy:

- Ngày mai con được giết chuột trong đồng cỏ cũ không ba?

- Giết chuột? Được, giết cho không còn một mống đi. Chú Billy bảo cỏ khô hư hết ráo rồi.

Jody nháy ông ngoại, vẻ bí mật và khoái chí:

- Mai con sẽ giết hết cho mà coi.

Nằm trong giường, Jody nghĩ tới cái thế giới kì dị của tụi Da đỏ và loài bò rừng, một thế giới đã mất hẳn rồi. Nó tiếc không được sống vào cái thời đại anh hùng đó, nhưng nó biết rằng nó không có bản chất anh hùng. Tất cả những người đang sống, có lẽ trừ Billy Buck, không ai đáng làm những việc mà người trước đã làm. Thế hệ trước là một hạng người khổng lồ, những người không biết sợ là gì, những người mạnh mẽ phi thường, ngày nay không còn nữa. Jody nghĩ tới những cánh đồng mênh mông, những đoàn xe chạy trên đó như những con rết. Nó nghĩ tới ông ngoại nó cưỡi một con ngựa trắng cao lớn để chỉ huy cả đoàn. Những hình ma to quá đổi diễn qua óc nó, tiến tới chân trời rồi biến mất.

Lúc đó óc nó trở về trại một lát. Nó nghe tiếng xào xạc và gấp trong không gian tĩnh mịch. Nó nghe thấy chó trong cũi gài bộ chết, khuỷu chân đụng vào ván. Rồi gió lại nổi, cây trắc bá

đen rên rĩ và Jody ngủ lúc nào không hay.

Nó tỉnh dậy nửa giờ trước khi người ta gõ cái khánh tam giác để báo giờ điểm tâm. Khi nó đi qua bếp, má nó đương nhóm lò cho lửa reo. Bà hỏi nó:

- Con dậy sớm thế? Con đi đâu?

- Con đi kiếm một cây gậy tốt. Hôm nay giết chuột đây.

- Ai giết?

- Ngoại và con.

- Vậy ra con muốn ngoại làm hả? Con muốn có thêm người để nếu có bị rầy thì khỏi phải một mình nhận lỗi hả?

- Con sẽ trở vô liền. Con chỉ muốn có cây gậy tốt để ăn sáng xong là sẵn sàng.

Nó khép cửa lưới sắt rồi ra sân. Buổi sáng mát mẻ. Chim ríu rít chào bình minh, và những con mèo của trại từ trái đồi trở về, y như những con rắn mập. Chúng sẵn ong ban đêm, no nê, ngồi quay quần thành hình bán nguyệt ở cửa sau và kêu meo meo để đòi sữa. Hai con chó Double-tree Mutt và Smasher theo ven bụi rậm, đánh hơi một cách trịnh trọng, nhưng khi Jody huýt còi gọi chúng thì chúng ngẩng ngay đầu lên và vẫy đuôi, chạy xuống, vừa ngáp vừa rũ lông. Jody nghiêm trang vuốt đầu chúng rồi tiến lại đám đồ vụn dãi dầu dưới mưa nắng. Nó lựa một cái cán chổi cũ và một khúc cây cũ dày hai ba phân. Nó móc trong túi ra một sợi dây giày cột đầu hai cây gậy đó mà không thắt, để làm thành một cái đòn. Cầm khí giới mới đó nó vút trong không khí rồi đập xuống đất, để thử, trong khi hai con chó nhảy ra bên để tránh, kêu ăng ăng lo ngại.

Jody đi vòng căn nhà định tới đồng cỏ cũ để nhận xét địa thế chỗ sẽ xảy ra vụ tàn sát, nhưng Billy Buck, kiên nhẫn ngồi trên những bậc thềm ở sau, bảo nó:

- Trở về đi, sắp ăn sáng rồi.

Jody đổi hướng và trở về nhà. Nó gác cái đòn của nó vào những bậc thềm, bảo:

- Để đuổi chuột cho chúng ra đây. Tôi cam đoan là chúng mập dữ. Tôi cam đoan là chúng không ngờ gì hết về tai nạn sẽ xảy ra hôm nay.

Billy đáp, giọng một triết nhân:

- Phải, chúng không biết được việc sẽ xảy ra, mà em cũng vậy, tôi cũng vậy, chẳng ai biết được đâu.

Ý tưởng đó làm Jody hoang mang. Nó biết rằng điều đó đúng. Óc tưởng tượng của nó không hướng về cuộc săn chuột nữa. Má nó ra hiên phía sau, gõ vào cái kiếng hình tam giác, và tất cả mọi ý tưởng tan hết.

Khi họ ngồi vào bàn thì ông cụ chưa vô. Billy lấy đầu ra dấu, chỉ cái ghế của cụ, hỏi:

- Cụ mạnh chứ? Có sao không?

Bà Tiflin đáp:

- Cụ thay đồ lâu lắm. Còn chải râu, đánh giày, chải áo.

Carl rắc đường lên món ăn nấu bằng sữa bột.

- Một người chỉ huy một đoàn xe băng qua đồng thì phải săn sóc y phục của mình chứ.

Bà Tiflin quay lại:

- Mình, đừng nên vậy! Thôi đi!

Giọng có vẻ dọa hơn năn nỉ, làm cho Carl nổi quạu:

- Thế thì bắt tôi phải nghe bao nhiêu lần nữa câu chuyện miếng sắt và câu chuyện ba mươi lăm con ngựa? Thời đó đã qua rồi. Nó đã qua rồi thì tại sao không chịu quên nó đi?

Càng nói lại càng giận, giọng cao lên:

- Tại sao cứ lặp đi lặp lại hoài huỷ vậy? Ừ thì ba mình đã băng qua những cánh đồng. Tài giỏi lắm! Nhưng bây giờ xong việc rồi. Không còn ai muốn nghe hoài huỷ câu chuyện đó nữa.

Cánh cửa nhà bếp nhẹ nhẹ khép lại. Cả bốn người ngồi ở bàn bỗng lạnh toát đi. Carl đặt cái thìa lên bàn rồi đưa tay lên cằm.

Cánh cửa nhà bếp mở ra và ông cụ vô. Miệng mỉm cười gượng gạo và mắt như trốn tránh mọi người. Cụ cất tiếng chào, ngồi xuống, nhìn đăm đăm vào đĩa sữa bột.

Carl không thể làm thinh được.

- Ông... ông đã nghe lời tôi nói?

Cụ khẽ gật đầu.

- Thưa ông, không biết hôm nay tôi làm sao ấy. Tôi không muốn nói như vậy. Chỉ là vui miệng nói thôi ạ.

Jody mắc cỡ, liếc mắt nhìn mẹ và thấy bà nín thở ngó chồng. Ông chồng làm cái việc ấy bấy quá. Nói câu đó chắc ông đứt ruột ra. Đã nói rồi mà chối là điều gớm ghiếc lắm đối với ông, chối mà lại tự hạ mình xuống mới là vô cùng xấu xa chứ.

Ông cụ ngó chỗ khác, giọng nhả nhặn:

- Tôi luôn luôn rón nhìn cái phía tốt của mọi sự. Tôi không giận đâu. Anh nói gì tôi cũng không chấp, nhưng điều anh nói đó có thể đúng, và chính chỗ đó, chỗ đó mới làm cho tôi buồn.

Carl đáp:

- Lời tôi nói không đúng đâu. Sáng nay trong người tôi không được bình thường. Tôi ân hận đã thốt ra câu đó.

- Đừng nên ân hận điều gì cả, anh Carl. Già như tôi đâu còn sáng suốt nữa. Có lẽ anh nói đúng. Cuộc băng qua đồng đã xong rồi. Nó xong rồi thì có lẽ nên quên nó đi.

Carl đứng dậy:

- Tôi ăn đủ rồi. Tôi đi làm đây. Cứ thùng thảng mà ăn, chú Billy!

Ông ta vội bước ra. Billy nuốt cho xong bữa rồi theo ra. Nhưng Jody không thể rời cái ghế được, hỏi ông ngoại:

- Từ nay ngoại không kể chuyện nữa ư?

- Có chứ! Ông cũng vẫn kể, nhưng chỉ khi nào... ông biết chắc người ta muốn nghe kìa.

Jody đứng dậy:

- Thưa ngoại, cháu đợi ngoại ở ngoài. Cháu có một cây gậy đuổi chuột rồi.

Nó ra sân đứng đợi ở cửa cho đến khi ông cụ bước ra hiên.

Nó gọi:

- Thôi đi giết chuột bây giờ đi, ngoại.

- Để ông ngồi sưởi nắng ở đây. Cháu đi giết chuột đi.

- Nếu ngoại muốn, ngoại cầm cây gậy của cháu này.

- Không, ông chỉ ngồi đây một lát thôi.

Jody buồn rầu đi về phía đồng cỏ cũ. Nó nghĩ tới những con chuột mập mạp, nung núc để cho thêm hăng hái. Nó lấy đòn đập xuống đất. Bầy chó ăng ăng mơn trớn chung quanh nó, nhưng nó tiến không được. Nhìn lại sau lưng, nó thấy ông ngoại ngồi dưới hiên, nhỏ bé, gầy ốm và đen.

- Sao mà trở về sớm vậy? Cháu giết chuột rồi ư?

- Thưa ngoại không. Để hôm khác sẽ giết.

Ruồi buổi sáng vo ve mặt đất và kiến lằng xằng ở trước bậc thềm. Mùi hăng của cây từ bi từ

trên đồi toả xuống. Cái hiên bằng ván phơi ra dưới nắng.

Khi ông cụ bắt đầu nói, Jody còn vớ vẫn chưa nhận ra:

- Buồn như vậy thì ông không nên ở đây nữa.

Ông cụ nhìn những bàn tay già nua và mạnh của mình:

- Ông có cảm tưởng rằng cái việc băng qua đồng đó không đáng làm.

Ông cụ ngược mắt lên nhìn những ngọn đồi và thấy một con ó yên lặng đậu trên một cành khô.

- Ông kể lại những chuyện cũ nhưng ông không muốn nói như vậy. Kể lại là ông muốn cho thiên hạ cảm thấy một cái gì mà cái đó thì ông biết. Cái quan trọng không phải là tội Da đỏ, cũng không phải là cuộc mạo hiểm, cũng không phải là cái việc tới được đây. Cái quan trọng là biến đổi được một đám người rời rạc thành một con vật thuần nhất, khổng lồ, bò qua cánh đồng. Và ông là khúc đầu của con vật đó. Con vật đó tiến về phương Tây, tiến hoài về phương Tây. Mỗi một người cũng muốn một cái gì cho riêng mình, nhưng con vật khổng lồ gồm tất cả những người đó thì chỉ muốn mỗi một điều này là tiến về phương Tây. Ông là người dẫn đường nhưng nếu không có ông thì cũng có người khác lên cầm đầu. Vật đó cần một cái đầu.

“Giữa trưa nắng mà dưới những bụi rậm nhỏ, bóng tối cũng đen ngòm. Khi người ta nhìn thấy dãy núi ở xa thì ai nấy đều khóc... Nhưng cái quan trọng không phải là cái việc tới được đây mà là cái việc tiến về phương Tây.

Bọn ông đã đem đời sống lại miền này, cho nó an trí ở đây, cũng như bày kiến tha trứng lại. Và ông là người dẫn đường. Cuộc tây tiến đó lớn như Thượng đế vậy, và những bước chân chậm chạp để thực hiện cuộc di cư đó, mỗi ngày một chồng chất lên nhau cho tới khi xuyên qua được đại lục.

Rồi bọn ông tới biển và thế là hết”.

Ông cụ ngừng lại, chùi nước mắt, mí mắt hoá đỏ.

- Đó, đáng lẽ ông phải nói như vậy, chứ đừng kể chuyện.

Khi Jody nói, ông cụ giật mình, ngó nó:

- Một ngày kia có lẽ cháu có thể cầm đầu một bọn người được.

Ông già mỉm cười:

- Còn nơi nào nữa mà đi. Biển rộng ở đó để cản đường các người rồi. Suốt dọc bờ biển, có một nhóm người già oán ghét biển cả vì nó ngăn cấm bước đường của họ.

- Thừa ngoại, đi tàu thì cháu có thể tiến được nữa chứ?

- Không còn chỗ nào để đi nữa, cháu ơi, chỗ nào cũng có người chiếm rồi. Nhưng cái đó, không phải là cái đáng buồn nhất. Không, không phải là cái đáng buồn nhất. Đáng buồn nhất là con người ngày nay không còn ước vọng tây tiến nữa. Cuộc tây tiến không còn là một khao khát nữa. Nó chết hẳn rồi. Ba con nói đúng. Hết hẳn rồi.

Ông cụ chấp tay lại ôm gối, ngồi nhìn ngón tay của mình.

Jody thấy buồn lắm.

- Ngoại muốn uống nước chanh, để cháu pha?

Ông cụ định từ chối nhưng thấy vẻ mặt đứa cháu, bảo:

- Ừ, pha cho ông một li đi, uống cho vui.

Jody chạy vô bếp; má nó đương rửa chén.

- Má, cho con một trái chanh làm nước chanh cho ông ngoại nhé?

Má nó nhái giọng của nó:

- Và một trái nữa để làm nước chanh cho con.

Bỗng nhiên bà ngừng lại:

- Jody! Con đau ư?

- Không, con không xin cho con.

Bà ngọt ngào bảo nó:

- Lấy một trái trong chạn đó, con. Đợi đấy, má lấy đồ ép chanh cho.

MỘT CUỘC RÁP

(THE RAID)[52]

André Gide khen truyện này là tả được một bi kịch của thời đại bằng những nét không đậm quá, không nhạt quá, làm cho ta vừa hồi hộp vừa mỉm cười, tâm trạng hai nhân vật trong truyện có thể là tâm trạng chung của mọi đảng viên các hội kín trên thế giới, dù là Cộng sản đảng ở Trung Hoa, Pháp, Mã Lai hay Quốc dân đảng ở Việt Nam thời trước... Chúng ta đều biết tác giả theo Cộng, thái độ của ông trong bài này cũng như trong truyện In dubious battle. Đoạn kết mỉa mai rất kín đáo. Dick vô tình diễn một ý trong Thánh kinh mà khi Root nhắc lại câu diễn ý đó thì bị Dick mắng là không nhớ lời dạy của đảng.

I

Trời đã tối đen khi hai người đàn ông nhảy từ một toa xe xuống rồi vội vàng tiến vào khu hẻm lách của châu thành nhỏ tại California. Không khí nặc mùi lò lợ trái cây thúi từ những xưởng đóng thùng đưa ra. Tại các ngã tư, những ngọn đèn điện xanh ở tít trên cao đong đưa dưới gió và chiếu lên mặt đất những bóng dây điện chao đi chao lại. Những căn nhà bằng gỗ nghỉ ngơi trong tĩnh mịch. Ánh đèn thê thảm rọi lên những cửa kính dơ dáy.

Hai người đàn ông đó cao suýt soát nhau, nhưng một người lớn tuổi hơn người kia nhiều. Tóc họ hớt kiểu bàn chải, quần xanh kẻ ô. Người lớn tuổi bận một chiếc áo ngắn, thứ áo của thợ, còn người nhỏ tuổi bận một chiếc áo nịt tay dài, màu xanh, cổ cuộn lại. Họ rảo bước trên những con đường tối, tiếng chân của họ dội vào những căn nhà gỗ. Người nhỏ tuổi bắt đầu huýt sáo điệu *Comme to me, my melancholy baby*[53]. Bỗng gã ngừng huýt:

- Sao nó cứ lớn vồn hoài trong óc tôi suốt ngày nay, cái điệu hát mắc dịch đó. Muốn quên đi mà không được. Điệu đó cổ quá rồi mà.

Người kia quay lại bảo:

- Root, mày sợ rồi. Thú thật đi. Hoảng vía rồi.

Lúc đó họ bước tới chân một cột đèn điện. Nét mặt của Root dữ dần lạ lùng. Mắt gã hoá lè, môi gã mím lại, chua chát: “Không, tôi không sợ”. Họ đã bước ra khỏi vùng ánh sáng. Mặt gã diu bớt đi. “Tôi chỉ muốn được biết rõ hơn một chút thôi. Anh Dick, anh đã làm đại diện. Anh biết việc sẽ xảy ra sao. Còn tôi, tôi chưa hề làm đại diện”.

Dick đáp ra vẻ ông thầy lăm:

- Không có trường học nào bằng trường học hoạt động. Trong sách mà học được cái gì đâu. Họ bước qua đường rầy. Ở phía trên một chút, là chỗ bẻ ghi, lổm đổm vài ngọn đèn xanh.

Root bảo:

- Tối gì mà như mực thế này. Không biết lát nữa trăng có ló không. Thường thường hể trời tối đen là trăng mọc. Anh Dick, anh nói đầu tiên phải không?

- Không, mày nói chứ. Tao có kinh nghiệm hơn mày. Trong khi mày diễn thuyết, tao nhận xét họ, để hể thấy họ cần câu là tao hạ một cú cho đích đáng. Mày biết mày phải nói gì với họ không?

- Biết mà. Ở trong đầu tôi rồi. Tôi đã viết lên giấy rồi học thuộc lòng. Có nhiều thằng tướng bảo rằng khi họ đứng dậy bỗng hoá bí, không biết nói gì cả rồi thỉnh thoảng nó tuôn ra như có người khác nói thay cho họ và cứ thế mà thao thao như nước ở miệng một ống bơm vậy. Big Mac Sheane bảo chính hần như vậy. Nhưng tôi thì tôi không muốn có gì vấp vấp, nên tôi viết cả lên giấy.

Một chuyến xe lửa hú lên thê thảm và một lát sau từ một khúc quẹo hiện ra, đẩy làn ánh đèn hoảng hốt trên đường rầy. Những toa xe có đốt đèn rầm rầm chạy qua. Dick quay lại ngó chuyến xe rồi khoan khoái bảo:

- Chuyến xe đó ít khách. Mà phải nói rằng lão già đó làm sở hoả xa phải không?

Root rán giữ cho giọng khỏi chua chát:

- Phải. Lão coi đường rầy. Siết thẳng. Khi lão hay công việc của tôi, lão tổng cổ tôi. Lão sợ bế nôi gạo. Không chịu hiểu gì cả. Tôi giảng giải mà vô phương, lão không chịu hiểu.

Có chút ân hận trong giọng của Root. Thành linh gã cảm thấy rằng gã đã xuống tinh thần, có thể đã lộ vẻ quá bi quan, nhớ tiếc.

Gã nói tiếp, giọng gay gắt:

- Cái đó mới là tai hại ghê gớm cho họ. Họ chỉ nhìn thấy nôi gạo của họ thôi. Không nhìn xa hơn được. Họ không thể thấy cái gì xảy ra cho họ. Họ cứ bám vào những xiềng xích của họ.

Dick bảo:

- Đừng phí lời: Những câu đó đập mạnh đấy. Trong diễn văn của mày có những lời đó không?

- Không. Nhưng nếu anh nghĩ là nên, tôi sẽ cho vô.

Cột đèn điện thừa lắn. Bên đường mọc một hàng cây xiêm gai vì nhà cửa bắt đầu thừa thớt mà đồng quê lẩn lẩn chiếm lại ưu thế. Đường không lát đá, lác đác vài nóc nhà, vườn tược không được săn sóc.

Root lại phàn nàn một lần nữa:

- Tối gì mà như mực thế này, hờ trời! Tôi tự hỏi không biết có xảy ra chuyện lộn xộn gì không đây. Nếu có xảy ra thì đêm tối như thế này, xoay xở cũng tiện nhỉ?

Dick khịt mũi, kéo cổ áo thợ lên tới mũi. Họ làm thỉnh đi một lúc.

Root hỏi:

- Anh Dick, có gì thì anh kiếm cách tẩu thoát chứ?

- Không khi nào. Cầm ngặt. Có gì thì phải chịu đựng. Chỉ thị bảo vậy. Mày còn con nít. Tao có cảm tưởng rằng để mặc mày làm thì mày tẩu!

Root làm bộ gan:

- Anh tự cho là “yêng hùng” vì anh đã làm đại diện hai ba lần. Làm như đã sống trăm tuổi.

Dick đáp:

- Dù sao tao cũng không đái trong quần.

Root cúi đầu đi, hỏi nho nhỏ:

- Anh Dick, chắc chắn là anh không bỏ chạy chứ? Anh chắc chắn rằng anh có thể ở lại mà chịu đựng chứ?

- Dĩ nhiên là tao chắc rồi. Tao đã chịu đựng một lần rồi. Chỉ thị như vậy, phải không? Vớ lại, nghĩ coi, như thế là quảng cáo tốt cho mình chứ? – Mắt chú tìm Root trong bóng tối – Tại sao lại hỏi tao như vậy chú mày? Mày sợ rằng mày sẽ bỏ chạy ư? Nếu sợ thì vô làm cái gì?

Root rùng mình:

- Anh Dick à, anh là người tốt. Điều tôi nói với anh, anh đừng kể cho ai nghe nhé? Tôi chưa bị

thử thách lần nào. Làm sao tôi biết được tôi sẽ làm gì nếu có kẻ cầm dùi cui đập túi bụi vào mặt tôi. Ai mà biết được lúc đó mình sẽ làm gì, phải không? Tôi không tin rằng tôi bỏ chạy. Tôi rần không chạy trốn.

- Được đấy chú mày. Thôi đừng nói tới nữa. Nhưng nếu mày kiếm cách chuồn thì tao sẽ ghi tên mày lên tờ báo cáo đa. Chúng tao không chứa quân đề tiện nhất gan đâu. Đừng quên điều đó, nghe, chú mày.

- Lúc nào cũng chú mày, chú mày, chán quá. Ai chả biết anh già tuổi đảng hơn tôi.

Họ càng tiến thì những cây xiêm gai càng khít rậm. Gió xì xào trong lá. Họ đi ngang qua một cái sân, chó trong sân gừ gừ. Sương nhẹ bắt đầu vương trong không khí, các ngôi sao chìm trong màn sương.

Dick hỏi:

- Mày chắc chắn đã sửa soạn kĩ mọi thứ rồi chứ? Có đèn không? Những tờ giấy in nữa. Tao đã để hết cho mày.

Root đáp:

- Tôi đã làm xong cả chiều nay rồi. Chưa dán bố cao, nhưng có đủ trong thùng ở dưới ấy.

- Đã châm dầu vô đèn chưa?

- Đây nhóc. Này anh Dick, tôi cam đoan rằng có một thằng nào đó dò xét mình, có không, anh?

- Chắc chắn. Luôn luôn có kẻ dò xét.

- Nhưng thỉnh thoảng, có lần nào anh hay tin chúng xuống bắt không?

- Mẹ kiếp, làm sao mà tao biết được? Mày tưởng mỗi lần chúng muốn đập bể mồm tao, chúng báo trước cho tao hay sao? Rán lấy lại tinh thần đi Root. Xuống quá rồi. Cứ điệu đó, riết rồi tao cũng hoảng lây.

II

Họ tới gần một căn nhà nóc bằng, thấp đen, bè bè trong bóng tối. Tiếng họ vang nặng nề trên đường bằng gỗ.

Dick bảo:

- Vẫn chưa có ma nào. Chùng mình mở cửa và đốt đèn đi.

Họ vô một cửa tiệm bỏ trống. Mặt kính của tủ bê bết bụi bẩn, coi đục đục. Một đầu, một tấm quảng cáo *Lucky Strick* dán lên mặt kính; còn đầu kia thì tấm hình cô *Coca-Cola* to lớn bằng giấy các-tông, y như hình ma. Dick đẩy hai cánh cửa và họ bước vô. Chú ta đánh một cây quét, đốt một ngọn đèn dầu, đập thông phong lại và đặt đèn trên một cái thùng lật úp, trước kia đựng trái táo.

- Root, thôi sửa soạn cho đủ đi.

Tường quét vôi còn loang lổ những vết cọ.

Một chồng báo bụi bặm nằm trong một góc. Hai cánh cửa phía trong đầy mạng nhện. Ngoài hai thùng để đựng táo, trong phòng tuyệt nhiên không có đồ vật gì khác.

Root tiến lại cái thùng, lấy ra một tờ yết thị lớn, in hình một người đàn ông, những nét đỏ và đen phản nhau. Gã lấy ghim ghim tấm hình trên tường quét vôi trắng sau ngọn đèn. Rồi gã ghim một tấm yết thị nữa ở ngay bên cạnh, một tờ tuyên truyền lớn, mực đỏ trên nền trắng. Sau cùng gã trở lại thùng kia, chồng lên mặt thùng những tờ truyền đơn và những tập sách nhỏ bìa thường. Bước chân gã vang lên trên mặt sàn trống trơn.

- Đốt cây đèn kia lên, anh Dick! Ở đây tối quá trời.

- Chú mày cũng sợ tối nữa ư?

- Không, họ sắp tới rồi. Khi họ tới, phòng phải sáng sủa một chút chứ. Mấy giờ rồi?

Dick nhìn đồng hồ:

- Tám giờ thiếu mười lăm. Chắc họ sắp tới.

Chú rút hai tay vào túi áo thợ, uể oải đứng gần thùng truyền đơn, Không có chỗ để ngồi. Tấm hình in người đỏ và đen ngó trừng trừng trong phòng, vẻ tàn nhẫn, nghiêm khắc. Root dựa lưng vào tường.

Một ngọn đèn ngả ra màu vàng rồi từ từ hạ xuống. Dick đi lại gần cây đèn:

- Tao nhớ bảo mày rằng có đủ dầu đấy. Thế mà tìm khô dầu rồi nè.

- Tôi cứ tưởng nó đầy dầu chứ. Ngó này. Một cây thì đầy ắp. Có thể san qua cây này được.

- San cách nào được? Phải tắt cả hai ngọn rồi mới san được. Mày có quẹt không?

Root nắn túi:

- Còn có hai cây.

- Mày thấy không! Thế là chỉ đốt được mỗi một ngọn đèn trong cuộc hội họp này. Đáng lẽ chiều nay tao phải đích thân kiểm soát mọi việc mới phải. Tao mắc việc ở thành. Tao tưởng tin cậy ở mày được chứ.

- Có lẽ có thể san vội một chút dầu ở đèn này vô một cái thùng nhỏ rồi lại rót vô đèn kia.

- Phải đấy. Để rồi đốt luôn cái quán này hả? Mày thật hết chỗ nói.

Root lại dựa lưng vào tường:

- Sao mà họ vẫn chưa tới? Mấy giờ rồi anh?

- Tám giờ năm.

- Vậy thì họ còn làm cái gì nữa? Còn đợi gì nữa? Anh bảo họ tám giờ phải không?

- Câm miệng lại, nhãi con! Riết rồi mày làm tao nổi quạu. Làm sao tao biết họ đợi cái gì? Có lẽ họ đợi tuyết tan. Có lẽ họ lạnh. Bây giờ thì mày im đi một lúc cho tao nhờ.

Chú nhét sâu hai tay vào túi áo thợ của chú:

- Có thuốc lá không, Root?

- Không.

Cảnh rất tĩnh mịch. Gần khu trung tâm châu thành, xe hơi qua lại; người ta nghe thấy tiếng máy rồ và thỉnh thoảng có tiếng còi. Một con chó sủa băng quơ ở căn nhà bên cạnh. Gió rít từng luồng trong lá, thổi bù những cây xiêm gai lên.

- Nghe này, anh Dick! Anh thấy có tiếng nói không? Chắc họ tới.

Hai người quay đầu lại, lắng tai nghe.

- Tao không nghe thấy gì cả. Mày tưởng tượng đấy thôi.

Root lại gần một cửa sổ cái những dơ và ngoái ra ngoài. Khi trở về chỗ cũ, gã ngừng lại trước chồng truyền đơn, xếp lại kĩ lưỡng.

- Mấy giờ rồi anh Dick?

- Mày có yên không, thằng kia! Riết rồi mày làm cho tao hoá điên mất. Làm cái việc này phải có gan mới được. Tỏ ra cho chúng tao biết rằng mày có gan đi nào!

- Anh Dick ơi, tôi chưa làm đại diện lần nào mà.

- Bộ người ta không thấy điều đó hay sao? Mà còn cố ý tỏ ra như đâm vào mắt người ta nữa!

Những luồng leng keng ở cửa sổ. Một cánh cửa từ từ mở ra, bản lề rít lên nhẹ nhẹ. Gió thổi vào phòng, quất vào chồng giấy báo dơ ở trong góc, mấy tờ yết thị ở tường bay phất phất như

tấm màn.

- Root, khép cửa lại... Không, để vậy, có người tới mình nghe rõ hơn.

Chú coi đồng hồ. Gần tám giờ rồi.

- Anh tin rằng họ tới chứ? Nếu họ không tới thì mình phải đợi họ bao lâu?

Người lớn tuổi ngó chăm chú về phía cửa sổ mở:

- Sớm lắm là chín giờ rồi mới được đi. Chỉ thị bảo rằng phải có cuộc hội họp.

Cửa để mở, tiếng động ban đêm nghe rõ hơn – tiếng lá khô của cây xiêm gai nhẩy múa trên đường, tiếng chó sủa ròi rạc và đều đều. Ở tường, tấm hình người in đỏ và đen hoá ra có vẻ doạ nạt trong chỗ tranh tối tranh sáng. Mép dưới tấm đó lại bay phất phất. Dick nhìn vào đấy, rồi bình tĩnh bảo Root:

- Nghe này, chú mày. Tao biết rằng chú mày sợ. Khi thấy sợ thì ngó ống. Chỉ vậy là đủ. – Chú đưa ngón tay chỉ tấm hình – Ai chứ ống thì không sợ. Nhớ lại tất cả những việc ống làm.

Người trẻ tuổi ngó tấm hình:

- Anh tin rằng ống không bao giờ sợ ư?

Dick mắng cho một thôi:

- Nếu ống sợ thì cũng không ai biết được. Noi gương ống. Đừng có tỏ cái nhát gan của mày ra cho thiên hạ người ta thấy mà đẹp mặt.

- Anh Dick, anh thật tốt bụng. Người ta mà sai tôi đi một mình thì không biết tôi sẽ làm ra sao.

- Thì chú mày cũng làm được việc lắm chứ. Chú mày có khả năng. Tao cảm thấy vậy. Chỉ chưa thử lửa lần nào thôi.

Root liếc vội ra cửa:

- Nghe, anh. Có tiếng người tới phải không?

- Thôi đi, lúc nào họ tới thì họ tới. Dù sao cũng khép cửa lại. Phòng này không lấy gì làm ấm.

- Nghe, anh. Tôi bảo có người tới mà.

Có tiếng chân bước vội vang trên đường, rồi thì chạy băng qua lề đường gổ. Một người đàn ông bận bộ đồ thợ đội nón thợ sơn, ủa vào phòng. Hẩn hẩn hẩn như hết hơi:

- Trốn đi, các bạn. Tụi nó tới làm ráp. Không một bồ nào tới họp đâu. Họ muốn bỏ rơi các bạn để các bạn chịu hết đấy. Tụi nó tới làm ráp bây giờ.

Mặt Root nhợt nhạt, tiều tụy. Gã lo lắng ngó Dick. Dick rùng mình, rút tay vào túi, lưng khòm xuống, nói:

- Cảm ơn anh, cảm ơn anh cho biết tin đó. Anh trốn đi. Tụi tôi xoay xở sau.

Người kia bảo:

- Tụi nó bỏ rơi các anh, chứ không gì đâu.

Dick nhún vai:

- Họ không nghĩ tới tương lai. Họ không nhìn xa hơn cái chót mũi của họ. Anh nên trốn đi, nếu không bị chúng bắt a.

- Thế còn hai anh, không trốn ư? Tôi giúp các anh ôm đồ cho.

Dick cương quyết:

- Tụi tôi ở lại. Chỉ thị là phải ở lại. Phải chịu hết.

Người kia đi ra cửa. Rồi quay lại hỏi:

- Các anh muốn tôi ở lại với các anh không?

- Không. Anh thực tốt bụng. Anh ở lại vô ích. Có lẽ lần khác chúng tôi sẽ cần tới anh.
- Vậy tôi làm hết sức tôi rồi.

III

Dick và Root nghe tiếng chân người đó băng qua lề đường bằng gỗ rồi chạy tuốt trong bóng tối. Lá rụng như cào mặt đất. Tại trung tâm thành phố tiếng xe rồ rồ.

Root ngó Dick. Gã thấy hai bàn tay của người bạn già nắm chặt lại trong túi áo. Bắp thịt ở mặt nổi cứng lên, nhưng Dick rán mím cười với gã. Những tấm yết thị bay tung rồi lại áp vào tường như cũ.

- Chú mày sợ hả?

Root sừng cồ lên, toan chối nhưng rồi chịu thú:

- Vâng, em sợ. Có lẽ em không xứng đáng, anh ạ.

Dick có giọng gay gắt:

- Bình tĩnh chứ chú mày! Bình tĩnh lên chứ!

Rồi đọc cho gã nghe đoạn này:

- “Đối với những kẻ thiếu tin tưởng và hăng hái thì phải nêu gương kiên nhẫn cho họ theo (...)” Hiểu chưa, Root? Chỉ thị như vậy đó.

Rồi Dick lại yên lặng. Tiếng cho sửa gấp lên.

Root bảo:

- Chắc là chúng nó đấy. Anh có tin rằng chúng sẽ giết tụi mình không?

- Không, ít khi chúng giết ai lắm.

- Nhưng chúng sẽ đâm đá túi bụi, cái đó thì có chứ? Chúng cầm dùi cui đập vào mặt mình cho bể mũi ra chứ? Big Mike bị chúng đập bể hàm, bể ở ba chỗ.

- Bình tĩnh chứ mày! Bình tĩnh lại đi! Và nghe anh nói nè: nếu có kẻ nào đập bể miệng chú thì không phải là hấn làm đâu mà là xã hội đấy (...) Nhớ kĩ điều đó không?

- Em không muốn bỏ chạy đâu, anh Dick. Em thề với anh là không. Nếu anh thấy rằng em sắp trốn thì anh làm ơn ngăn cản em nhé.

Dick lại gần gã, đặt bàn tay lên vai gã:

- Được, cứ yên tâm. Thằng tướng nào có vẻ chịu đựng được thì anh biết liền.

- Nhưng có nên giấu tất cả các giấy tờ này cho khỏi bị đốt không?

- Không. Một thằng tướng nào đó có thể nhét một cuốn vào túi để sau sẽ đọc. Như vậy cũng có ích chứ. Để sách lại đó. Và bây giờ thì cầm miệng đi. Càng nói chỉ càng thêm rối trí thôi.

Con chó lại sửa ròi rạc, buồn bã như cũ. Một luồng gió cuốn một đám lá khô vô phòng, qua cửa để ngỏ. Tấm hình phồng lên và một góc bung ra. Root tới cầm lại cây ghim. Tại một nơi nào đó trong châu thành, một chiếc xe hơi thẳng mạnh, rít lên.

- Anh Dick, anh nghe thấy gì không? Nghe thấy chúng tới không?

- Không.

- Này anh, Big Mike nằm sóng sượt trên đất, hàm bể nát, mà hai ngày sau mới có người lại khiêng đi.

Chịu không nổi nữa, người đàn ông lão luyện quay về phía thanh niên, một bàn tay nắm chặt rút ra khỏi túi áo. Chú chăm chú nhìn Root rồi quàng vai bạn, bảo:

- Nghe kĩ này, chú mày. Anh không biết gì nhiều, nhưng anh đã trải qua cái vụ đó rồi. Anh có

thể nói chắc với chú mày rằng khi té xuống thì chú mày cũng không thấy đau. Không hiểu tại sao nhưng nó vậy đó. Dù chúng có giết chú mày nữa thì chú mày cũng không thấy đau.

Chú ta thả cánh tay xuống rồi tiến về phía cửa, ngó ra ngoài, lắng tai nghe cả hai phía, trước khi trở vô trong.

- Anh có nghe thấy gì không?
- Không, chẳng có gì cả.
- Theo ý anh, chúng đợi gì mà chưa tới hả?
- Làm sao tao biết được?

Root gắng sức nuốt nước miếng:

- Có lẽ chúng không tới đâu. Có lẽ là nói bậy, cái thằng tướng lại đây đó, có lẽ chỉ nói bậy.
- Có lẽ.
- Vậy thì chúng mình đợi đây suốt đêm để chúng lại đập bể mặt mình.

Cuồng phong nổi lên rồi thành linh tấ. Chó ngưng sủa. Một chuyến xe lửa hú lên một hơi dài, báo hiệu tới chỗ tránh, rồi sự tĩnh mịch đêm lại nặng nề hơn trước. Trong một căn nhà gần đó có tiếng đồng hồ reo. Dick bảo:

- Có người nào phải đi làm đêm đây. Có lẽ làm gác dang.

Trong đêm tĩnh, tiếng chú ta vang lớn quá. Cánh cửa khép nhè nhẹ lại, hơi rít một chút.

- Anh Dick, mấy giờ rồi?
- Chín giờ mười lăm.

- Trời ơi! Em cứ tưởng là hai ba giờ khuya rồi chứ... Sao chúng không tới phắt cho xong đi! Nghe này, anh, hình như có tiếng nói.

Họ đứng ngậy ra, đầu đưa ra trước, nghe ngóng:

- Nghe thấy gì không anh?
- Hình như có. Như có tiếng nói nho nhỏ.

Chó lại sủa, lần này dữ dội. Nghe thấy tiếng thì thầm, nhẹ nhàng, bình tĩnh.

- Kìa, anh. Hình như có người ở cửa sổ phía sau.

Dick cười gượng:

- Cái đó là chặn đường rút lui của mình đây. Chúng bao vây căn nhà rồi. Bình tĩnh chứ, chú mày. Chúng tới kìa. Nhớ rằng có gì thì không phải tại chúng đâu đấy mà tại xã hội.

Có tiếng chân nện vội vàng. Cửa mở tung. Một đám người đàn ông ừa vô chiếm phòng, quần áo sơ sài, nón đen. Họ cầm dùi cui và đoản côn. Dick và Root đứng ngay ngắn, cầm đầu ra, mắt ngó xuống, lim dim.

Khi vô rồi, bọn người hùng hổ kia thấy hơi khó chịu. Họ vây hai người trong phòng thành hình bán nguyệt, đợi cho có ai quyết định.

Gã thanh niên Root liếc ngang Dick và thấy người bạn lão luyện này ngó mình, nghi ngờ mình, dò xét thái độ mình. Root thọc mạnh hai bàn tay run run vào túi áo. Gã gắng sức thu nghị lực thành thử hơi chúm tới trước. Gã la lên, giọng the thé vì sợ sệt:

- Các đồng chí, các bạn cũng là người như chúng tôi. Hết thấy chúng ta là anh em...

Một cái dùi cui cao su rít lên, đập vào một bên đầu gã, nghe đập một tiếng. Root ngã quỵ, hai tay đưa ra chống.

Bọn kia đứng yên, vẻ hung dữ.

Root khó nhọc đứng lên. Tai gã té ra, máu chảy lênh láng xuống cổ.

Một phía mặt gã nát bấy, đỏ lôm. Gã lại đứng dậy rồi. Tiếng gã vang lên, nhiệt liệt. Tay gã không run nữa. Bây giờ giọng gã cương quyết, bạo dạn. Mắt gã đỏ lửa vì khoái cảm đến cực độ. Gã la lên:

- Sao các bạn không suy nghĩ. Chúng tôi làm cái đó là vì các bạn. Chỉ vì các bạn thôi. Các bạn không biết mình làm gì.

- Giết chết tui (...) như nhóp đó đi![54]

Có tiếng hực hực bực tức. Thế là sóng gió nổi lên. Khi té xuống, Root còn kịp thoáng nhìn thấy nụ cười khiêu khích, gay gắt, gượng gạo của Dick.

IV

Gã đã nhiều lần tỉnh mà không tỉnh hẳn, y như một vật chìm sâu ở đáy, mới nhoi lên được gần tới mặt nước. Sau cùng gã mở mắt ra, nhận được các vật ở chung quanh. Mặt và sọ hằn quần đầy băng. Gã chỉ thấy một tia sáng lọt qua mí mắt sưng húp của gã. Gã nằm dài một lúc, rán nhớ lại mọi việc. Rồi gã nghe tiếng Dick nằm bên cạnh hỏi gã:

- Tỉnh rồi hả, chú mày?

Root thử giọng nói của mình, thấy nó oang oang, lạ tai:

- Em có cảm giác đó.

- Sợ chú mày bị nặng! Anh tưởng chú mày tiêu rồi chứ. Lo cho cái mũi của chú mày là phải. Chắc khi lành rồi, nó chẳng ngộ lắm đâu.

- Còn anh, chúng làm gì anh?

- Chúng làm tiêu một cánh tay và hai ba sườn của anh.

Phải tập áp mặt xuống đất: Để tránh cho cặp mắt – Dick ngừng nói, thở gượng nhẹ - Xương sườn gãy, thở đau quá. Thế mà hên (...)

- Chúng mình ở trong khám hả?

- Ừ, lao xá dưỡng bệnh.

- Lý do gì?

Root nghe Dick rán hực hực, hỗn hển vì đau:

- Vì hô hào làm loạn. Sáu tháng. Đoán vậy (...)

- Anh đừng bảo chúng rằng em làm ở mỏ, anh Dick nhé.

- Không, không bảo đâu. Bây giờ thì im miệng đi. Giọng chú mày có vẻ còn mệt đấy. Nằm yên.

Root nín thinh, nằm dài ra, không nhút nhích như có một lớp đau như bao bọc toàn thân. Nhưng được một lát gã lại lên tiếng:

- Anh Dick, lúc đó em không thấy đau anh ạ. Lạ thật, lúc đó sao mà hăng thế, hăng dữ.

- Chú mày cừ ra phết. Cừ y như những người cừ nhất mà anh đã thấy. Anh sẽ khen chú mày với uỷ ban. Thật là cừ.

Đầu óc lộn xộn, Root rán nhớ lại một điều gì.

- Trong khi chúng đập em, em muốn bảo chúng rằng em cóc cần.

- Ừ, như anh đã nói với chú mày mà. Không phải chúng nó đâu. Xã hội đấy. Không nên oán chúng. Chúng không biết.

Root nói bằng một giọng nói ngái ngủ. Gã đau ê ẩm cả người.

- Anh Dick, anh còn nhớ trong *Thánh Kinh* không, cái đoạn nào đó nói một câu gì như thế này: *Xin cha tha thứ cho họ vì họ không biết họ làm gì.*

Dick nghiêm khắc đáp:

- Thôi mà, bỏ cái ngón tôn giáo đó đi, chú mày. Rồi đọc tiếp câu này: *“Tôn giáo là thuốc phiện của dân chúng”*.

Root bảo:

- Vâng, em biết lắm. Nhưng em có nói gì đến tôn giáo đâu. Khi không em nhớ tới câu đó, thế thôi. Hình như em cảm thấy gì giống giống vậy.

CHARLES DICKENS

Tên Charles Dickens chắc không lạ gì với độc giả. Ông là một tiểu thuyết gia Anh nổi tiếng ở thế kỉ trước (1812-1870). Tuổi thơ của ông rất cực khổ; mười hai tuổi đã phải thôi học làm công trong một xưởng chế tạo sáo, sau chỉ nhờ hiếu học, kiên nhẫn và có tài mà lập nên sự nghiệp rực rỡ trên văn đàn, được khắp thế giới biết tiếng.



*Charles Dickens
(1812-1870)*

Dùng một bút pháp linh hoạt, mạnh mẽ, luôn luôn cảm động thường dí dỏm, mỉa mai một cách nhẹ nhàng, ông bênh vực những kẻ nghèo yếu, nhất là những trẻ em cơ cực và mạt sát tánh giả dối, ích kỉ của loài người. Những tiểu thuyết thành công nhất của ông là David Copperfield, Oliver Twist, Nicolas Nickleby, Truyện Nô-en, Em gái Dorrit, Những may rủi bất ngờ của ông Pickwick.

Ngoài những chuyện tình cảm, xã hội đó, ông còn viết ít truyện ngắn có tính cách quái đản mà ít người được biết, như câu chuyện lạ lùng dưới đây lần đầu trong tạp chí All the year round số đặc biệt về lễ No-en năm 1886, dưới nhan đề là Mugby Junction (Ngã ba Mugby)[55].

Truyện là một truyện ma trong bầu không khí lạnh lẽo, ghê rợn, bí mật. Tác giả tả tỉ mỉ từ khung cảnh, trời đất, nhà cửa, đến nét mặt, cử chỉ, tâm lí nhân vật; chi tiết rất nhiều mà không rườm vì chi tiết nào cũng có công dụng riêng, làm cho ta ngạc nhiên, chú ý tới liền và hồi hộp theo dõi để xem kết cục ra sao.

NGƯỜI BÁO HIỆU

- Ê, chú kia,

Khi nghe tiếng tôi gọi, hắn đương đứng trước cửa buồng nhỏ của hắn, tay cầm một cây cờ ngắn, lá cuốn vào cán. Thoạt tiên ai cũng tưởng hắn có thể đoán ngay được tiếng gọi từ đâu tới mà không do dự gì cả vì hai chỗ cao thấp khác nhau xa; nhưng đáng lẽ ngược mắt lên đường cái, chỗ tôi đứng ở bờ đường hào xe lửa, thì hắn lại quay ngược về phía khác mà nhìn đường rầy. Cử chỉ của hắn có cái gì lạ, nhưng tôi không nhận được là cái gì. Tôi chỉ biết rằng cái gì đó làm cho tôi chú ý tới liền; mà hình dáng của hắn đứng ở xa tít dưới sâu, ở đáy hào, có vẻ co rúm lại; còn tôi, đứng ở một chỗ cao, tràn ngập ánh tà huy của một nền trời đông tố đến nỗi tôi phải lấy tay che mắt mới nhìn rõ hắn được.

- Ê, chú kia!

Thôi không nhìn đường rầy nữa, hắn quay lại và ngược nhìn lên, trông thấy tôi ở tận trên cao.

- Có đường đi xuống đó không? Tôi muốn nói chuyện với chú.

Hắn ngược nhìn lên tôi mà không đáp, tôi nhìn xuống hắn mà không dám nhắc ngay lại câu hỏi hơi vô ích đó.

Đúng vào lúc ấy, đất và không khí rung nhẹ và một chút sau chuyển động dữ tợn; rồi hiện ra một đám lù lù phẳng phẳng chạy làm cho tôi vội nhảy lùi lại, sợ bị lôi cuốn theo. Một đám khói từ chuyển xe lửa tốc hành bốc lên tới tôi rồi toả ra xa, là là trên mặt đất; khi khói tan tôi lại ngó xuống hào và thấy chú ta đương cuốn lại lá cờ mà lúc xe lửa qua, chú đã phất ra.

Tôi lập lại câu hỏi. Chú chăm chú nhìn tôi một lát rồi cầm cây cờ cuốn chỉ cho tôi một điểm ở trên cao chỗ tôi đứng và cách tôi vài ba trăm thước. Tôi đáp lớn tiếng: "Hiểu rồi" và tiến lại điểm đó. Tới nơi tôi nhìn kĩ chung quanh và sau cùng tìm được một lối lờ mờ, ngoằn ngoèo, đục sọc sài đưa xuống hào. Tôi theo con đường đó.

Hào đục trong đá, rất sâu mà vách dựng đứng. Đá càng gần đáy hào càng ướt, nhớt; cho nên tôi thấy đường đi hơi dài và vừa đi tôi vừa nghĩ tới vẻ mặt gượng gạo và u ám của người báo hiệu khi hắn chỉ đường cho tôi.

Khi tôi tới một chỗ thấp, lại trông thấy hắn thì hắn đương đứng giữa đường rầy, có vẻ như đợi tôi lộ mặt ra. Bàn tay trái hắn đỡ cằm, khuỷu tay đó chống vào lòng bàn tay mặt đặt ngang trước ngực. Cử chỉ đó cho tôi có cảm tưởng hắn mong mỏi tôi lắm và tôi ngạc nhiên ngừng lại một chút.

Tôi tiếp tục xuống dốc, tới mặt phẳng của đường rầy, tiến lại phía hắn, và lại gần, tôi nhận ra rằng nước da hắn vàng vố, râu đen mà lông mày rậm. Chỗ hắn làm việc ở vào một nơi cô lập nhất, thê lương thất tôi chưa từng thấy. Hai bên là bức vách đá đẽo nhám nhỏ, ướt át; nhìn lên cao chỉ thấy một mảnh trời hẹp; nhìn về một phía thì chỉ thấy cảnh tựa khám đường mênh mông đó kéo dài ra, ngoằn ngoèo; còn nhìn phía kia thì chỉ thấy một ngọn đèn đỏ ảm đạm để báo hiệu với miệng đường hầm [56] ảm đạm hơn nữa, đen ngòm, đồ sộ, kiến trúc cổ lỗ, mản rợ, nặng nề. Ánh sáng mặt trời khó khăn lắm mới len lỏi vào nơi đó được, thành thử hơi đất ẩm thấp giết người được lúc nào cũng bốc lên; lại thêm một ngọn gió thổi cuồng bạo tới nỗi thỉnh thoảng thấy buốt cóng, tưởng như mới rời khỏi dương thế.

Tôi lại gần hắn, gần như chạm hắn mà hắn vẫn trơ trơ. Mãi sau hắn mới lùi lại một bước, đưa tay lên mà mắt hắn không rời tôi.

Tôi hỏi chuyện: Hắn thấy chỗ này cô liêu không? Người lạ chắc ít khi tới đây lắm? Hắn có bức mình phải tiếp người lạ không? Còn tôi, chỉ là một người bị giam hãm suốt đời trong

những khu chật hẹp, bây giờ mới được tự do muốn xem xét những công việc lớn lao của sở hỏa xa. Đố, đại khái tôi nói chuyện với hắn như vậy, nhưng không nhớ rõ những lời tôi đã dùng, vì tôi không có tài bắt chuyện mà con người của hắn lại có cái gì làm cho tôi ngại ngùng, rụt rè.

Hắn ngó về phía cây đèn đỏ ở gần miệng hầm, vẻ mặt rất kì dị, rồi xem xét chung quanh miệng hầm như có cảm tưởng rằng thiếu cái gì ở đó, sau cùng hắn quay lại nhìn tôi.

Tôi hỏi có phải hắn có phận sự coi ngọn đèn đỏ đó không. Hắn đáp, giọng khàn khàn:

- Thì ông biết rồi mà.

Một ý quái đản hiện trong óc tôi; nhìn cặp mắt trùng trùng đó, nét mặt cau có đó, tôi tưởng như đứng trước một hình ma chứ không phải một con người. Từ lúc đó tôi vẫn tự hỏi không biết tôi có nhiệm vụ gì nhiều tư tưởng của hắn không.

Bây giờ thì chính tôi lùi lại mà cặp mắt hắn tỏ vẻ như sợ tôi vậy. Ý quái đản trước của tôi tiêu tan.

Tôi rán mỉm cười bảo hắn:

- Chú ngó tôi y như chú sợ tôi vậy.

Hắn đáp:

- Không biết tôi đã gặp ông lần nào chưa.

- Ở đâu?

Hắn quay mặt đi, chỉ cho tôi ngọn đèn đỏ.

Tôi hỏi:

- Ở đó ư?

Hắn trân trân ngó tôi, lặng lẽ gật đầu.

- Chú này mới kì dị, tôi lại đó làm gì chứ? Chú có thể tin chắc rằng tôi chưa bao giờ đặt chân tới đó.

- Tôi cũng tin vậy. Vâng, tôi tin chắc vậy.

Hắn có vẻ thoải mái hơn, tôi cũng thế. Hắn đơn đả trả lời tôi, ăn nói thông minh. Công việc của hắn có nhiều không? Nhiều; thực ra trách nhiệm khá nặng; cần nhất là phải đúng giờ, chứ chẳng có gì mệt sức. Kéo dẫu hiệu này hoặc dẫu hiệu kia, gạt tim đèn, thỉnh thoảng nhắc một cây đòn bẩy bằng sắt, đó công việc tay chân chỉ có vậy, còn thì suốt ngày ngồi trơ trơ một mình. Tôi bảo như vậy rất khó chịu thì hắn cho rằng lâu cũng quen. Ở chỗ này, hắn đã học được một ngoại ngữ, nghĩa là tập đọc sách, còn giọng thì hắn theo giọng của hắn, đúng lơ lớ; như vậy thực ra không thể nói là học ngoại ngữ được. Hắn cũng đã học được phân số và số lẻ, bắt đầu bước vô môn đại số, nhưng từ nhỏ hắn không có khiếu về toán. Trong những ngày làm việc, hắn có bắt buộc phải ngồi hoải trong cái hầm ẩm thấp, lộng gió này không, hay là có thể thỉnh thoảng leo lên khỏi những bức tường cao này mà tới chỗ có ánh sáng kia không? À cái đó thì còn tùy lúc. Trên con đường này không phải xe lúc nào cũng qua lại thường như vậy, có giờ ít, có giờ nhiều; lại tùy trường hợp nữa. Hôm nào đẹp trời thì thỉnh thoảng hắn leo lên đó dạo chơi, ra khỏi cái miền tối om này; nhưng vì lúc nào chuông điện cũng có thể réo lên được, nên hễ hắn tiến xa một chút thì lại càng phải chú ý nghe chuông thành thử đi chơi cũng hết thú.

Hắn mời tôi vô căn phòng trong đó có một lò sưởi, một mặt tủ trên mặt đặt một cuốn sổ lớn để ghi chép việc sở, một máy điện tín có mặt đồng hồ và nhiều kim với một cái chuông nhỏ. Tôi tỏ vẻ thân mật, khen hắn có vẻ một người gia giáo, học thức cao hơn địa vị xã hội hiện thời của hắn (tôi hy vọng hắn không vì thế mà giận tôi); hắn trả lời rằng trong xã hội vẫn thường có trường hợp đó, như trong các nhà dưỡng bần, trong ty cảnh sát và cả trong quân đội nữa, chỗ trú chân cuối cùng của những kẻ thất bại; và ngay trong công ty hỏa xa cũng có một số nhân viên như vậy. Hồi trẻ hắn học môn vạn vật (hắn ngồi trong cái chòi tồi tàn này thì khó tin điều đó quá, chính hắn cũng không tin nổi) hắn đã ăn học đàn ông rồi sống một đời phóng đảng, bỏ lỡ cơ hội, đến nỗi xuống dốc và không leo lên được nữa. Hắn không có quyền phàn nàn. Lỗi

tại hần thì hần phải chịu. Trễ quá rồi, không làm lại cuộc đời được nữa.

Hần bình tĩnh kể lại đời hần mà tôi tóm tắt lại như trên, trong lúc đó cặp mắt đen nghiêm trang của hần hết ngó ngọn lửa lại ngó tôi. Thỉnh thoảng ở giữa câu hần lại kính cẩn “Thưa ông”, nhất là khi hần kể tuổi xuân của hần như muốn cho tôi hiểu rằng hần chẳng cao quý gì hơn cái bề ngoài của hần đâu. Nhiều lần chuông kêu làm hần ngừng câu chuyện để bắt tin và trả lời. Có một lúc hần phải đứng ở trước cửa để phất cờ khi xe lửa qua và truyền một tin cho người thợ máy. Tôi nghiệm thấy hần làm phận sự một cách đứng đắn, cần mẫn lạ thường: đương nói hần ngừng ngay lại, xong việc rồi mới nói tiếp.

Tóm lại nếu không nhận xét thêm điều dưới đây thì tôi phải nhận rằng không ai đáng tin cậy và hợp với công việc báo hiệu hơn con người ấy: hai lần trong câu chuyện tôi nhận thấy hần ngừng nói, mặt tái đi, quay về phía cái chuông mà *chuông không kêu*, rồi mở cửa phòng (mà hần đã đóng lại cho khí độc ẩm thấp ở ngoài khỏi vô) và nhìn về phía đèn đỏ ở miệng hầm. Cả hai lần, hần trở lại gần lò sưởi: mắt hần đều có vẻ bí mật không thể giãi được mà tôi đã nhận thấy từ khi nhìn ở xa.

Khi đứng dậy ra về tôi bảo hần:

- Tôi có cảm tưởng rằng chú là một người thoả mãn về số phận (Tôi hơi xấu hổ mà thú thực rằng tôi nói vậy để kích thích hần thổ lộ tâm sự với tôi).

Hần đáp, vẫn cái giọng khàn khàn tôi để ý từ lúc đầu.

- Trước kia, tôi thoả mãn về đời tôi, nhưng thưa ông, bây giờ thì tôi lo lắng lắm, lo lắng lắm.

Tôi thấy hần chua chát, ân hận đã thốt ra như vậy, nên hỏi ngay:

- Tại sao vậy? Tại sao lại lo lắng?

- Thưa ông, khó giảng lắm. Rất khó nói. Khó nói vô cùng. Nếu ông có dịp trở lại đây, tôi rán kể cho ông nghe.

- Thế nào tôi cũng trở lại. Chú cho biết bao giờ tôi có thể tới được.

- Thưa ông, sáng mai tôi phải đi sớm, nhưng tôi sẽ trở về làm việc từ mười giờ tối.

- Vậy mười một giờ khuya tôi sẽ lại.

Hần cảm ơn tôi rồi cùng bước ra ngoài với tôi.

- Thưa ông. Để tôi cầm đèn rọi đường cho tới khi ông tìm được đường mòn – Giọng hần khàn khàn một cách kì dị - Khi ông tìm được đường rồi, ông đừng kêu lớn tiếng nhé và khi leo lên tới đỉnh, cũng đừng lớn tiếng nhé!

Nghe hần nói vậy tôi bỗng thấy lạnh người hơn, nhưng tôi chỉ đáp:

- Đồng ý.

- Và tối mai ông cũng đừng la lớn nhé. Ông cho phép tôi hỏi một câu nữa. Tại sao ban chiều ông gọi tôi: “Ê! Chú kia!”?

Tôi đáp:

- Tôi cũng không hiểu nữa. Phải, lúc đó tôi đã gọi lớn đại khái như vậy...

- Thưa ông không, không phải “đại khái như vậy”, mà là đúng như vậy. Tôi nhớ rõ lắm.

- Ừ, thì cho rằng tôi nói đúng như vậy. Nhưng có gì lạ? Có lẽ chỉ vì tôi thấy chú ở xa, nên tôi gọi thế thôi.

- Ông không có lý do gì khác chứ?

- Vậy chứ theo chú, còn có thể có lý do gì nữa?

- Ông không có cảm giác có một thần linh nào khác cho ông những tiếng đó ư?

- Không.

Hần chào tôi và giơ cao đèn lên. Tôi theo đường mà đi xuôi xuống (có cảm giác rất khó chịu

rằng một chuyến xe lửa chạy tới sau chân tôi) cho tới khi tìm được đường mòn. Lần leo lên dễ hơn lần xuống và tôi về lữ quán không khó khăn gì cả.

*

Y hên, tối hôm sau tôi trở lại, vừa bước xuống tới đường mòn thì nghe đồng hồ gõ mười một tiếng ở xa. Hẳn đợi tôi dưới chân dốc, tay cầm đèn.

Tới nơi tôi bảo hăn:

- Tôi đã nghe lời chú, không la một tiếng đấy nhé, bây giờ chú cho phép tôi nói không?
- Xin ông cứ tự nhiên ạ.
- Vậy thì chào chú. Và tôi chìa tay ra.

Hăn cũng chìa tay ra:

- Xin chào ông.

Rồi chúng tôi tiến song song tới căn phòng; vô rồi, hăn đóng cửa lại và chúng tôi ngồi gần lò sưởi.

Đợi tôi an toạ rồi, hăn ghé sát tôi, nói nho nhỏ:

- Thưa ông, bây giờ thì tôi nhất định không để ông hỏi một lần nữa nguyên do nỗi lo lắng của tôi. Tối hôm qua tôi ngỡ ông là kẻ nào kia. Đố, tôi lo vì vậy.
- Lo vì nhận lầm?
- Không. Vì kẻ đó.
- Ai vậy?
- Tôi không biết.
- Kẻ đó giống tôi?
- Tôi cũng không biết nữa. Tôi chưa trông thấy mặt mũi hăn bao giờ vì hăn luôn luôn lấy tay trái che mặt, trong khi đưa tay phải ra vẫy. Hăn xua tay mạnh mẽ lắm. Như vậy nè.

Tôi nhìn theo cử động của hăn. Cánh tay hăn gật gật một cách hăng hái, cuồng nhiệt lạ lùng, như để bảo: “Trời ơi! Đang ra!”.

Hăn kể với tôi:

- Một đêm trăng tròn tôi ngồi góc này bỗng nghe một tiếng kêu: “Ê! Chú kia!” Tôi nhảy phắt dậy, ngó ra ngoài và thấy kẻ đó đứng dưới ngọn đèn đỏ báo hiệu ở miệng hầm, tay gật gật như tôi mới làm cho ông coi. Hăn la lớn quá thành thử giọng hăn khàn, hăn la: “Coi chừng! Coi chừng!” rồi lại la: “Ê, chú kia! Coi chừng”. Tôi lượm cây đèn lên, quay nó về phía tấm kính đỏ, rồi vừa chạy lại hăn vừa la: “Cái gì đó? Xảy ra cái gì đó? Nguy hiểm ở đâu?” Kẻ đó đứng ngay miệng hầm tối đen. Lại gần tôi lấy làm lạ sao vẫn đưa cánh tay lên che mặt. Tôi chạy tới, đưa tay ra nắm tay áo hăn, kéo xuống để xem mặt hăn thì vừa lúc đó hăn biến mất.

- Biến vô hầm?

- Không. Tôi chạy vô hầm, tiến năm trăm thước nữa. Rồi tôi ngừng lại, đưa đèn lên khỏi đầu, thấy trên vách hầm những con số chỉ quãng đường; tôi nhận rõ những vết ẩm ướt, những giọt nước rỉ và chảy từ trần hầm xuống. Tôi chạy trở ra, gấp hơn lần vô (vì không khí ghê rợn, chịu không nổi) và tôi xem xét chung quanh cây đèn báo hiệu bằng ngọn đèn nhỏ cầm tay của tôi, tôi leo thang sắt lên nóc đường hầm ở trên cây đèn rồi tôi leo xuống, chạy trở về đây. Tôi đánh điện cho hai trạm ở hai đầu: “Có người báo nguy cho tôi. Ở phía đó có gì bất thường không?” Cả hai phía đều đáp: “Mọi sự như thường”.

Chuyện đó làm cho tôi lạnh xương sống. Chống cự lại cảm giác đó và rán chứng thực cho hăn rằng sự ma hiện hình đó chỉ là một ảo ảnh; tôi bảo một số bệnh nhân mà những dây thần kinh rất tế nhị ở mắt không được bình thường thỉnh thoảng cũng thấy hiện lên những hình kì dị; điều đó ai cũng biết và chính bệnh nhân rồi cuộc cũng hiểu được căn do của bệnh, có khi tự thí

nghiệm về bản thân mà tìm ra được căn do nữa.

Tôi nói thêm:

- Còn những tiếng kêu tường tượng kia thì trong lúc chúng ta nói chuyện nho nhỏ với nhau đây, tiếng gió thổi trong cái thung lũng nhân tạo này làm rung những dây điện thành những điệu kì dị, chẳng khác gì làm rung dây một chiếc phong cầm[57].

Chúng tôi lắng tai nghe một lúc rồi hần cãi rằng tôi nói gì thì nói, hần cũng không tin; hần biết rõ tiếng gió và tiếng dây điện. Vì mùa đông một mình ở đây, hần thường thức suốt đêm để nghe những tiếng đó. Và hần bảo câu chuyện chưa hết mà.

Tôi xin lỗi đã ngắt lời hần; hần bèn đặt bàn tay lên cánh tay tôi, chậm rãi kể tiếp:

- Khoảng không đầy sáu giờ sau lần ma hiện ra đó, một tai nạn khủng khiếp xảy ra trên đường rầy, và không đầy bốn giờ sau nữa, người ta chôn những kẻ bị thương và chết trong đường hầm ra; chắc họ đã đi qua đúng chỗ tôi đã trông thấy gã đó.

Tôi rùng mình nhưng gắng sức bình tĩnh bảo:

- Nếu vậy thì phải nhận rằng đã có một sự ngẫu hợp khác thường gây cho chú ấn tượng mạnh đó. Nhưng cũng chắc chắn rằng những sự ngẫu hợp kì dị như thế vẫn thường xảy ra và ta cần nhớ lẽ ấy mỗi khi gặp một trường hợp tương tự.

Để rào đón trước lời phản đối của hần, tôi nói thêm:

- Tôi sẵn sàng nhận rằng cả những kẻ sáng suốt nhất cũng không đoán trước được những ngẫu hợp đó khi dự tính công việc hằng ngày.

Lần này hần cũng lại bảo tôi hãy nghe hần kể nốt câu chuyện đã. Tôi lại xin lỗi hần. Hần lại đặt bàn tay lên cánh tay tôi, mắt sâu hoắm liếc vội về phía sau, rồi nói:

- Tai nạn đó xảy ra cách đây đúng một năm. Mãi sáu bảy tháng sau tôi mới bình tĩnh lại được thì một buổi sáng, lúc hùng đông, đứng trước cửa này đây, ngó về phía đèn đỏ, lại thấy hình ma đó.

Hần ngừng và ngó tôi trừng trừng.

- Nó có la không?

- Không. Nó yên lặng.

- Nó có xua tay không?

- Không, nó dựa người vào cột đèn, hai bàn tay che mặt, như vậy nè.

Lần này tôi ngó theo điệu bộ của hần. Điệu bộ kinh khủng. Tôi đã thấy những ngôi mộ có những tượng khắc điệu bộ đó.

- Chú có đi lại phía nó không?

- Tôi trở lại đây ngồi một phần vì muốn thu lại can đảm một phần vì hình ảnh đó làm cho tôi đứng không muốn vững nữa. Khi tôi trở ra thì mặt trời đã lên, hình ma biến mất.

- Rồi sau không xảy ra gì chứ? Không có tai nạn chứ?

Hần đưa ngón tay trở chạm tôi hai ba lần, mỗi lần hần lại gật đầu, vẻ bi thảm.

- Đúng ngày hôm đó, một chuyến xe ở trong hầm ra; khi nó đi ngang qua mặt tôi, tôi thấy lò mờ lơ nhố những đầu người và cánh tay túm tụm ở cửa một toa nọ, họ đương vẫy vẫy cái gì. Vừa kịp nhận thấy là tôi kéo hiệu báo ngừng. Người thợ máy tắt hơi, thẳng lại, nhưng chiếc xe còn trớn, chạy thêm khoảng trăm rưỡi thước nữa. Tôi chạy theo, vừa chạy vừa nghe thấy những tiếng kêu la rùng rợn. Một thiếu nữ rất đẹp mới chết trong phòng cô ta, người ta khiêng xác lại đây, ở đó, từ chỗ ông ngồi lại tôi.

Bất giác tôi kéo lùi chiếc ghế lại, mắt rời chỗ sàn hần chỉ cho tôi để quay lại nhìn mặt hần.

- Thưa ông, đúng hết. Đúng hết. Những chuyện đó ra sao, tôi kể lại đúng như vậy.

Tôi không biết nói gì nữa, nói gì cho hợp lúc bây giờ? Họng tôi khô. Tiếng gió thổi trong dây điện rên rĩ nào nuốt như để điểm thêm cho câu chuyện.

Hắn kể tiếp:

- Bây giờ xin ông chăm chú nghe tôi rồi ông sẽ hiểu tôi lo lắng tới bậc nào. Hình ma đó trở lại cách đây một tuần. Thỉnh thoảng hiện lên, không có giờ nhất định gì cả.

- Ở gần ngọn đèn đỏ?

- Vâng, gần ngọn đèn đỏ báo hiệu.

- Nó làm những cử động nào?

Hắn làm lại, y như lần thứ nhất, nhưng hấp tấp hơn, mạnh mẽ hơn, những cử động như để bảo: “Trời ơi! Dang ra!”.

Rồi hắn tiếp:

- Từ bữa đó nó không để tôi yên một chút nữa. Nó kêu tôi, hằng mấy phút liền, giọng lo lắng: “Chú kia! Coi chừng! Coi chừng!” Nó ra dấu cho tôi. Nó rung chuông của tôi...

Nắm được cơ hội, tôi ngắt lời hắn:

- Tối hôm qua, trong khi tôi ở đây, nó có rung chuông trước khi chú bước ra cửa không?

- Có. Hai lần.

Tôi bảo:

- Nếu vậy thì chú thấy đó, rõ là thần hồn nát thần tính rồi. Lúc đó tôi chăm chú ngó và lắng tai nghe. Mà đúng là tiếng chuông không reo, chắc chắn vậy. Không. Trừ những khi nó reo vì có một nhà ga nào nói chuyện với chú, còn thì tuyệt nhiên nó không reo.

Hắn nhún vai:

- Thưa ông, chưa tôi hề làm bao giờ. Tôi không bao giờ lẫn lộn tiếng chuông reo của ma với tiếng chuông của nhân viên hoả xa. Tiếng chuông reo của ma chỉ là một điệu ngân rất đặc biệt không do một nguyên nhân nào khác; tôi không thể nhận được là mắt tôi có thấy nó rung không. Ông không thấy tiếng ngân đó, tôi không lấy làm lạ. Nhưng tôi, tôi đã nghe thấy.

- Và chú có cảm tưởng rằng hình ma ở đó, khi chú ngó ra ngoài không?

- Nó đích thị ở đó.

- Cả hai lần?

Hắn lặp lại, giọng cương quyết:

- Cả hai lần.

- Chúng ta thử ra cửa ngó xem lúc này nó có ở đó không nào.

Hắn cắn môi, có vẻ do dự, nhưng cũng đứng dậy. Tôi mở cửa, tiến ra ngoài còn hắn đứng ở trong khung cửa. Chúng tôi thấy ngọn đèn đỏ báo hiệu. Thấy miệng buồn thảm của cái hầm. Thấy những vách đá đồ sộ và ẩm ướt của đường hào. Thấy sao trên trời.

Tôi hỏi:

- Có thấy nó không?

Vừa hỏi tôi vừa ngó kĩ thấy mắt hắn như lờ ra, găng sức; nhưng khi tôi nhìn về ngọn đèn đỏ thì mắt tôi có lẽ cũng như vậy chứ không kém.

Hắn đáp:

- Không, nó không ở đó.

- Đúng.

Chúng tôi trở vô phòng, khép cửa lại, ngồi xuống. Tôi đương suy nghĩ nên triệt để lợi dụng thắng thế ra sao nếu quả thực tôi đã thắng thế, thì hắn tiếp tục câu chuyện, giọng hoàn toàn tự

nhân; cơ hồ hẳn không nghĩ rằng chúng tôi không đồng ý nhau về vấn đề sự kiện, thành thử cái thể của tôi hoá ra rất yếu. Hẳn bảo:

- Thưa ông, bây giờ chắc ông đã hiểu rằng điều làm cho tôi lo lắng tới nỗi đó, là điều này: Con ma đó muốn gì tôi?

Tôi thú thực chưa hiểu rõ. Hẳn trầm ngâm nhìn ngọn lửa, chỉ thỉnh thoảng quay lại phía tôi. Rồi hẳn tiếp:

- Nó muốn báo cho tôi cái điềm gì? Có một tai nạn lớn vờn đầu đó trên con đường này. Một tai nạn ghê gớm sắp xảy ra. Lần này thì tôi không có quyền nghi ngờ nữa, sau khi đã mục kích hai lần trước. Bị ma ám ảnh như vậy ông nghĩ có rùng rợn cho tôi không? Tôi làm được cái gì đây?

Hẳn rút khăn mùi xoa ra chạm mồ hôi trán. Người hẳn nóng bừng.

- Nếu tôi đánh điện báo nguy cho ga trước hay ga sau, hoặc cả hai ga – hẳn vừa nói vừa chùi tay – thì là vô cớ, đã chẳng giúp ích cho ai mà còn có hại cho tôi nữa. Người ta sẽ ngỡ là tôi điên. Đây, việc sẽ như vậy: Tin thứ nhất: “Coi chừng! Nguy hiểm đấy! Đáp: “Nguy hiểm cái gì? Ở đâu?” – Tin thứ nhì: “Tôi không biết, nhưng tôi van ông hãy coi chừng đấy!” Rồi ông ta tổng cổ tôi đi. Có cách nào khác đâu?

Vẻ đau đớn của hẳn làm tôi náo lòng. Đó là sự dày vò của một người có lương tâm, bị trách nhiệm hành hạ vô cùng, một trách nhiệm không hiểu nổi về sinh mạng của kẻ khác.

Hẳn vuốt ngược mớ tóc đen, đưa tay lên trán mấy lần trong một cơn lo lắng như nung nấu, rồi tiếp tục:

- Lần đầu tiên tôi thấy nó ở dưới ngọn đèn báo hiệu, tại sao nó không báo cho tôi biết tại nạn xảy ra ở đâu – nếu nhất định tai nạn phải xảy ra? Còn như trái lại, tai nạn có thể tránh được thì tại sao nó không chỉ cho tôi cách phải làm ra sao để tránh? Tại sao lần thứ nhì nó lại che mặt mà không báo tôi: “Thiếu phụ đó sắp chết đấy. Cô ấy phải ở nhà”? Và nếu hai lần đầu nó chỉ hiện ra để chứng thực cho tôi biết đều nó báo đều đúng cả, như vậy lần thứ ba tôi phải tin nó thì tại sao bây giờ nó không báo cho tôi biết rõ đi? Và tại sao nó lại báo cho tôi? Trời ơi! Tôi, một tên báo hiệu khốn nạn lạc loài trong cái trạm cô liêu này! Tại sao nó không báo cho một ông lớn nào ở trên cao được mọi người tin cậy và có đủ quyền để hành động?

Thấy hẳn trong tình trạng đó, tôi hiểu rằng chỉ còn cách là an ủi hẳn, như vậy mới lợi cho hẳn mà cũng lợi chung nữa. Cho nên bỏ cuộc cái lý về sự hư thực của những ảo ảnh hẳn đã thấy, tôi bảo hẳn rằng kẻ nào tận tâm làm tròn bổn phận cũng là theo đường phải cả và hẳn nên yên lòng rằng ít nhất đã thấy bổn phận của mình, còn chuyện ma hiện kì quặc đó thì kể làm gì. Lần này an ủi như vậy tôi thành công hơn là cố chứng minh rằng hẳn lầm, như những lần trước. Hẳn bình tĩnh lại; đêm càng khuya thì công việc càng bắt hẳn chú ý hơn, và hai giờ khuya tôi từ biệt hẳn. Tôi ngỏ ý ở lại suốt đêm với hẳn cho vui mà hẳn không chịu. Tôi phải thú rằng khi leo đường mòn lên, mấy lần nhìn ngọn đèn đỏ tôi thấy làm sao ấy, và tưởng tượng nếu kê giường ở dưới ngọn đèn đỏ thì tôi khó chợp mắt được. Tôi cũng không ưa câu chuyện tai nạn và câu chuyện thiếu phụ chết trong xe. Tôi phải thú thực như vậy.

Nhưng điều làm tôi băng khoăn nhất là đã được nghe những lời tâm tình đó thì thái độ của tôi phải ra sao bây giờ? Chắc chắn là hẳn thông minh cần mẫn, chịu khó và đứng đắn; nhưng tinh thần thác loạn như vậy thì còn giữ những đức đó được bao lâu? Chức vụ tuy là hạ cấp, nhưng trách nhiệm là quan trọng. Như tôi đây tôi có chịu giao phó tính mạng cho hẳn không trong trường hợp mà công việc của hẳn quan hệ tới sự an toàn của tôi?

Tôi vớ vẩn nghĩ hoài nếu cho bề trên của hẳn biết những điều hẳn kể cho tôi nghe mà không báo trước cho hẳn rõ để tìm một giải pháp ổn thoả thì tôi có mang tội bất tín không? Sau cùng tôi quyết định dặt hẳn lại viên y sĩ nổi danh trong miền để hỏi ý kiến (tạm thời tôi sẽ giữ kín bí mật, không cho ai biết, ngoài viên y sĩ). Hẳn đã bảo tôi rằng tối hôm sau, giờ gác của hẳn sẽ đổi; hẳn sẽ được nghỉ từ khoảng một hay hai giờ sau mặt trời mọc tới khi mặt trời lặn. Tôi đã báo trước là lúc đó tôi sẽ tới.

Chiều hôm sau nhân trời rất tốt, tôi đi chơi sớm một chút. Khi đi ngang qua con đường đất ở gần đường hào thì mặt trời chưa lặn hẳn. Tôi tự nhủ sẽ đi dạo độ nửa giờ nữa; phải mất nửa giờ để về, hết thấy là một giờ, lúc đó xuống phòng của người báo hiệu là vừa.

Trước khi tiếp tục dạo mát, tôi lại bờ hào, vô tình ngó xuống đáy hào, vì hôm đó tôi đứng đúng vào chỗ tôi đứng lần đầu tiên khi thấy hẳn. Tôi rùng mình một cách không thể tả được khi thấy ở miệng hầm hiện ra một hình người tay trái đưa lên che mắt, còn tay phải thì xua xua mạnh mẽ.

Tôi sợ ghê gớm nhưng chỉ một lát sau, về sau tôi nhận ra rằng cái hình hiện ra đó chính là một người và có một đám đông người khác ở gần đó, tôi có cảm giác rằng kẻ kia xua xua tay lần nữa để ra dấu hiệu cho đám đông. Ngọn đèn đỏ báo hiệu chưa tắt. Ở dưới chân cột đèn người ta đã dựng một cái liều thấp bằng vài cái cọc và một tấm bố; liều đó không hơn một cái giường và lần đó là lần đầu tiên tôi thấy nó ở chỗ đó.

Linh tính báo cho tôi chắc chắn rằng có tai nạn, tức thì tôi vừa sợ vừa ân hận đã bỏ người báo hiệu ở lại một mình mà cũng không báo cho công ty hoả xa phải kiểm soát hành động cùng công việc của hẳn, để đến nỗi xảy ra cái hoạ vô phương cứu vãn này. Tôi rần hết sức chạy xuống dốc, hỏi những người tại chỗ:

- Cái gì đó?

- Thưa ông, chú báo hiệu chết sáng nay.

- Chú báo hiệu trong cái phòng đó phải không?

- Vâng.

- Chú mà tôi quen ấy hả?

- Nếu ông quen chú ấy thì ông có thể nhận mặt được – Người trả lời tôi câu đó vừa nói vừa kính cẩn giở nón trước khi vạch một gốc lều – Mặt chú ấy không thay đổi gì cả.

- Tội nghiệp! Làm sao?... Tại nạn xảy ra làm sao? Tôi vừa hỏi vừa ngó chung quanh từng người một, trong khi tấm bố hạ xuống.

- Thưa ông bị đầu xe lửa hút ạ. Có ai thạo nghề bằng chú ấy đâu. Nhưng chú ấy đứng sát đường rầy quá. Đúng lúc mặt trời mọc. Chú vừa mới tắt ngọn đèn đỏ báo hiệu, cây đèn nhỏ còn trong tay. Khi xe lửa ở trong miệng hầm ra chú quay lưng về đầu xe, bị xe hút văng ra trước. Đây anh chàng cầm máy đã tả cho chúng tôi thấy tai nạn xảy ra sao. Tóm đầu, kể lại cho ông nghe đi!

Chàng Tom đó bận một chiếc áo giản dị màu sẫm, đi lại đứng ở miệng hầm rồi nói:

- Thưa ông, tôi đã qua khỏi khúc queo cuối cùng trong hầm thì thấy chú ta hiện ở đằng xa, như trong một ống kính. Tôi không kịp bớt tốc độ mà vốn biết rằng chú ấy cẩn thận lắm. Nhưng chú ấy như không để ý tới tiếng còi mà xe chạy tới sát rồi, tôi tắt còi la lên.

- La ra sao?

- Tôi la: Ê, chú kia! Coi chừng! Coi chừng! Trời ơi! Dang ra!

Tôi giật nảy mình lên.

- Thưa ông, ghê quá ông ạ. Tôi la hoài la huỷ. Tôi đưa cánh tay lên che mắt để khỏi nhìn thấy và tôi xua xua bằng cánh tay mặt cho tới cùng. Nhưng vô ích.

Tôi không muốn kéo dài câu chuyện này mà nhấn mạnh đặc biệt vào một trong những hoàn cảnh kì dị nào đó. Nhưng để kết luận, tôi muốn đọc giả chú ý tới sự ngẫu hợp này: những lời người cầm máy la chẳng những đúng y những lời chú báo hiệu khốn nạn đó đã lập đi lập lại cho tôi nghe vì đã ám ảnh chú, mà còn đúng y với câu mà theo tôi (theo tôi chứ không phải theo chú báo hiệu), hợp với ý nghĩa những cử động mà chú đã bắt chước diễn ra cho tôi coi.

JACK LONDON

Tuổi thọ của Jack London (1876-1916) chỉ gần bằng nửa tuổi thọ của Léon Tolstoi, mà ông viết nhiều hơn Tolstoi: 51 cuốn trong 18 năm! Hầu hết là những tác phẩm mạo hiểm, phiêu lưu, tả sự chiến đấu của con người giữa sự yên lặng hoặc sự biến động dã man của thiên nhiên. Nhân vật là những kẻ tìm vàng, những tay giang hồ, những nhà truyền giáo, những tên buôn lậu... mà sức sống cuộn cuộn như sóng, ào ạt như bão. Nổi danh nhất là cuốn Tiếng gọi của rừng tả một con chó tinh khôn ở miền Klondike, không chịu giam cầm mà bỏ nhà đi hoang; rồi tới những truyện Đứa con của chó sói, kể sự xung đột tàn bạo giữa người da đỏ và người da trắng; Cô con gái của xứ tuyết, Những đứa con của miền băng giá, Nanh trắng, Truyện Nam Hải, Mạo hiểm (hai tập sau này tả đời sống ở các quần đảo Salomon)... Ngoài ra còn hai cuốn có tính cách xã hội: cuốn Gót sắt và Con đường, cả hai buồn thảm, nhất là cuốn sau có những nét tả chân tối tăm quá.



Jack London

(1876-1916)

Nhiều người bảo: “Muốn viết thì trước hết phải có cái gì để mà nói đã”. Đời của Jack London minh chứng lời đó.

Ông học rất ít – trước sau chỉ được năm sáu năm, mà học trong những điều kiện cực kì gian khổ: vừa kiếm ăn vừa học, học được ít tháng rồi phải bỏ, rồi tiếp tục học lại – nhưng ông đọc sách rất nhiều (chỉ thích truyện du kí, mạo hiểm, sách về xã hội chủ nghĩa và tiểu thuyết của Kipling mà ông thờ vào bậc thầy); và nhất là ông sống rất nhiều: ông trôi giạt khắp nơi, vốn là người Mi mà lên Alaska, qua Nhật Bản, xuống miền Nam Hải, làm đủ các nghề: thủy thủ, phu dỡ hàng, hải khấu, gát dăng, thợ trong xưởng, rửa chén trong khách sạn, đào vàng, có hồi lại ăn xin, bị nhốt khám, trước sau bị nhốt khám cả trăm lần ở Huê Kỳ, Mễ Tây Cơ, Mãn Châu, Nhật Bản, Triều Tiên...

Nhờ cuộc đời ba đào đó mà ông được thấy rất nhiều điều lạ, gặp rất nhiều nghịch cảnh, rồi say mê chép thành những truyện dào dạt như sóng, làm say mê cả thanh niên và người lớn. Cuốn Tiếng gọi của rừng đã được dịch ra hai chục thứ tiếng và đã bán ra được ba triệu cuốn. Theo Van Wyck Brooks trong cuốn The Confident years thì Lénine khi hấp hối còn thích đọc London.

Ông khuyên một người bạn muốn viết văn:

“Trong óc anh chưa có gì đáng kể lại đâu. Đi nhiều đi và học trong đời như tôi đã học. Bất kì ai cũng có thể viết đúng ngữ pháp được nhưng điều cốt yếu làm phải biết diễn tả linh động (...) Tôi cam đoan với anh rằng tôi không khi nào thiếu đề tài để viết (...). Những cảnh đời ta đã trải, dù ghê tởm đến đâu cũng có cái đẹp của nó”.

Ông rất ghét đời “buốc gia”, đời công chức. Có lần một thiếu nữ mà ông muốn cưới, khuyên ông kiếm một chân thư kí, ông nổi giận, tuyệt giao liền; sau kể lại tâm sự với một người bạn thân như vậy:

“Nếu tôi nghe lời cô ấy thì bây giờ tôi thành anh cạo giấy mần nguyện được sống như một thằng múa rối (...) Ngày nào mà tôi phải sống như vậy, ngồi bôi nguệch ngoạc trong một phòng giấy thì tôi sẽ tự cứa cổ cho xong cái kiếp nợ đi”.

Vậy mà ông viết văn lại đều đều như một công chức, định số chữ phải viết cho xong mỗi ngày: từ ngàn rưỡi tới hai ngàn; ngày nào viết không đủ thì ngày sau phải viết bù; như vậy liên tiếp hàng chục năm.

Bí quyết thành công của ông là ở đó.

Vì phải chiến đấu từ hồi nhỏ, (15 tuổi phải kiếm ăn) nên Jack London rất thích tư tưởng của Nietzsche, Darwin và diễn những tư tưởng đó trong các tiểu thuyết mạo hiểm của ông; và vì cực khổ quá, nên ông thích xã hội chủ nghĩa. Ông đã từng trải các đời làm thợ ở cuối thế kỉ trước:

“Dù là mệt lử đi nữa, chúng tôi cũng không có thì giờ ngược mắt lên hoặc thở dài. Chỉ vô ý trong một giây thôi là ngón tay văng ra (...) Buổi chiều bọn con trai chúng tôi được nghỉ vài phút để nói chuyện. Con gái cũng làm việc nhiều như con trai mà không được nghỉ như con trai. Ngoài những phút nghỉ đó ra, chúng tôi phải chăm chỉ làm việc như bị cực hình, tới đứt gân gân cốt được”. Có khi ông phải ngồi luôn ở máy suốt ba mươi giờ liền; lúc đứng dậy mệt quá, không còn biết gì nữa, thất thểu bước về nhà như một người máy.

Hầu hết các nhà phê bình đều khen truyện ông rất hay – sống nhiều như vậy, làm sao không hay? – nhưng văn ông nhiều chỗ dở - viết nhiều như vậy làm sao mà không có chỗ dở?

Đọc truyện Ngôi nhà của Mapouhi dưới đây, độc giả nhận thấy lời đó rất đúng. Truyện hấp dẫn, linh động, ta hồi hộp đọc một hơi cho tới hết, nhưng văn không chuốt, thường quá dễ dãi. Tuy nhiên, đoạn tả cơn giông kinh hồn ở Nam Hải quả là bất hủ: trong văn học Anh, Pháp, chưa có một cây bút nào cho tôi một cảm giác rừng rợn đến như vậy về sức tàn bạo man dã của thiên nhiên! Mà cái dục vọng có một ngôi nhà theo kiểu thực dân của gia đình Mapouhi; cái tánh tham lam bốc lột thổ dân của bọn văn minh da trắng cũng man dã như những hiện tượng thiên nhiên ở miền đó vậy.

Ngôi nhà của Mapouhi trích trong tập Contes des mers du Sud (bản dịch của nhà Hachette). Trong tập còn hai truyện nữa cũng nên đọc : truyện Le païen nhà xuất bản Phụng Giang đã dịch (trong cuốn Chiếc lá cuối cùng) và truyện La Graine de Mac Coy mà văn sĩ Anh George Orwell khen là tế nhị, có tính cách nhân đạo[58].

NGÔI NHÀ CỦA MAPOUHI^[59]

Mặc dầu đóng một cách nặng nề, hình dáng thiếu hẳn sự mảnh khảnh, chiếc tàu buôn *Aorai* vậy mà chạy cũng khá.

Nó lượn dưới ngọn gió hiu hiu, tiến sát lại đảo Hikouérou^[60] và khi nó tới cái vòng san hô kinh khủng sủi bọt ở chung quanh đảo, thì viên thuyền trưởng vội vàng hạ buồm xuống, cho tắt máy.

Vòng san hô đó bị cát lấp tới một nửa, sóng vỗ dập dồn, hiện lên lè tè trên mặt nước. Chu vi nó dài tới khoảng hai chục cây số mà chỉ lộ ra khỏi mặt nước có một hai thước.

Phía trong vòng là một vũng nước rộng, phẳng như tấm gương và chứa rất nhiều trai có ngọc. Đứng trên sàn chiếc tàu *Aorai* người ta thấy thợ lặn đương mò trai.

Không có lấy một cái lạch cho ghe tiến vào trong vũng đó được. Chỉ có vài chiếc thuyền nhỏ một buồm, gặp lúc gió thuận, mới dám mạo hiểm lách vô cái eo hẹp và nông từ biển khơi vào trong vũng.

Còn những loại tàu ghe khác phải neo ở ngoài vòng san hô rồi cho thuyền nhỏ vô đảo.

Chiếc *Aorai* làm theo cách đó. Người ta hạ thủy ngay một chiếc ca-nô và sáu người thủy thủ da đồng đen, quần choàng rực rỡ, nhảy xuống ngồi trong ca-nô.

Họ cầm chèo, còn người cầm lái là một thanh niên bận đồ vải trắng thường, thứ y phục chung cho tất cả những người Âu ở miền nhiệt đới.

Tuy tóc gã hung hung mà gã không phải là một người Âu. Da gã nắng rám màu nâu như thổ dân quần đảo Polynésie và thỉnh thoảng trong cặp mắt xanh nhợt của gã hiện ra những tia vàng.

Tên gã là Raoul, Alexandre Raoul, con trai út của Marie Raoul, một người đàn bà lai giàu có ở Tahiti, làm chủ sáu bảy chiếc tàu buôn in hết chiếc *Aorai* và đứng ra khai thác lấy nguồn lợi.

Tới cái eo, bị nước hút và gặp những xoáy nước, những làn sóng dội lại sùng sục, họ phải chèo mạnh tay mới qua được, vô cái vũng phẳng lặng như gương rồi ghé vào bờ.

Raoul nhảy lên bãi cát trắng và đụng đầu với một thổ dân đương đứng đợi gã ở đó vì đã thấy gã vô vũng.

Người thổ dân đó vai u, ngực nở. Nhưng cánh tay mặt chỉ còn là một khúc cụt ghê tởm, ở đầu lộ ra một cái xương trắng hếu vì mưa gội, coi y như xương một hài cốt.

Thấy vậy, người ta biết ngay rằng trước kia đã có lần hắn bị cá mập táp, hết làm nghề thợ lặn được nữa, và bây giờ phải làm thằng ăn mày, xin tiền thưởng.

Hắn bảo:

- Thầy Alex, thầy có hay tin không? Mapouhi đã mò được một hạt trai... Trời ơi! Một hạt trai đích đáng... Chưa bao giờ người ta mò được một hạt như vậy, ở Hikouérou, ở Touamotou, khắp thế giới không đâu có. Nó còn giữ đấy, hỏi mua ngay đi. Và thầy đừng quên rằng em mách thầy tin đó nhé. Nó khờ dại, thầy mua thế nào cũng hời. À thầy, thầy có thuốc lá đấy không?

Raoul liệng cho hắn một gói thuốc lá rồi tiến vô trong đảo, về phía một căn nhà tranh lấp ló trong tàu lá xum xuê của bụi một dừa dại.

Làm trọng mãi cho mẹ, Raoul có nhiệm vụ vắt cho kiệt quần đảo Touamotou để lấy cho hết những bảo vật nơi đó, từ dừa khô tới đồi mồi, xà cừ và hạt trai.

Gã mới học nghề, đi chuyến đó là chuyến đầu tiên nên thiếu kinh nghiệm để đánh đúng giá

hạt trai và lúc nào cũng chỉ sợ bị gạt.

Nhưng khi Mapouhi đưa cho gã hạt ngọc đỏ thì gã khó giấu được vẻ ngạc nhiên. Của đó quả là của quý.

Vốn là con buôn lanh lợi, gã làm bộ thản nhiên.

Hạt ngọc lớn bằng trứng bồ câu, tròn vo, trong như mắt mèo mà rực rỡ kì dị, đủ màu của cầu vồng. Nó có vẻ như rung động và sống thực vậy. Chưa bao giờ Raoul thấy cái gì đẹp bằng.

Và khi Mapouhi đặt viên ngọc vào tay gã thì gã ngạc nhiên, thấy nó nặng làm sao.

Gã lấy trong túi ra một cái kính hiển vi[61], kĩ lưỡng xem xét hạt ngọc. Tuyệt nhiên không có tí vết.

Ra mặt trời, hào quang của nó tan hoà trong ánh sáng ở chung quanh. Ở trong tối, hào quang của nó toả ra êm đềm như ánh trăng lưỡi liềm.

Raoul thả nó vào ly nước, nó chìm ngay xuống đáy vì nặng, và nó trong suốt tới nỗi khó mà nhận ra được nó nữa.

Gã hồ hững hỏi:

- Muốn đòi bao nhiêu?

Mapouhi đáp:

- Tôi muốn...

Đằng sau nó, hiện ra ba cái mặt đen thui, bao vây cái mặt cũng đen thui của nó. Hai người đàn bà, Téfara và Naouri, vợ và mẹ, với đứa con gái Ngakoura, đứng đó để sẵn sàng xác định lời nói của nó. Cả ba đều nghiêng mình ra phía trước, mắt long lanh thêm thường.

Mapouhi tiếp:

- Tôi muốn một ngôi nhà. Một ngôi nhà như ngôi nhà mà các người da trắng thường cất. Nó phải có một cái nóc bằng tôi uốn, và trong nhà phải có một cái đồng hồ quả lắc, mặt đồng hồ phải đẹp. Căn giữa là một phòng rộng kê một cái bàn và tường treo đồng hồ. Rồi thêm bốn phòng nữa, hai phòng bên mặt, hai phòng bên trái, trong mỗi phòng kê một cái giường sắt, hai cái ghế, và một cái bàn rửa mặt. Sau nhà cũng có bếp và bình chứa nước, có xoong và một cái lò. Và thầy phải bảo người ta cất nhà đó tại đảo Fakarava, đảo của tôi.

Giọng giễu cợt, Raoul hỏi:

- Hết chưa?

Téfara xen vô:

- Thêm một cái máy may nữa.

Naouri nhấn mạnh:

- Đừng quên cái đồng hồ...

Mapouhi bảo:

- Thôi, hết!

Raoul phá lên cười. Gã vui vẻ cười một lúc lâu, vừa cười vừa tính nhẩm giá trị phỏng chừng của ngôi nhà đó.

Về cái đó, gã chỉ biết lờ mờ thôi. Tiền mua vật liệu, tiền chở chuyên từ Tahiti lại Fakarava, rồi đem lên bờ, xây cất, tốn hết thảy là bao nhiêu?

Cứ tính số chẵn mà tính cho rộng ra để đề phòng sự bất ngờ thì có lẽ tới hai vạn quan tiền Pháp[62].

Nhất định là tốn kém rồi. Mà hạt ngọc đáng cái giá đó không? Gã nghĩ không nên khinh suất mà quyết định vội vàng, gã thương lượng thay mẹ, tiền là tiền của mẹ, gã không có quyền liều một số tiền lớn như vậy.

Gã đáp:

- Mapouhi, anh khủng rồi. Đừng nói tới ngôi nhà của anh nữa, anh cho biết cái giá trả bằng tiền đi.

Nhưng Mapouhi khẳng khẳng giữ ý kiến. Nó lắc đầu và sau lưng nó, cả ba cái đầu kia cũng đồng thời lắc.

Nó bảo:

- Tôi muốn một ngôi nhà. Một ngôi nhà dài mười hai thước, có hiên chung quanh.

Raoul ngắt lời:

- Thôi thôi... Tôi biết cái nhà anh muốn rồi. Nhưng tôi không chịu. Tôi trả ngàn đồng bạc Chili đấy.

Lặng lẽ, cả bốn cái đầu đen cùng lắc một lúc.

- Tôi thêm cho anh ngàn đồng bạc Chili bằng hàng hoá nữa đấy.

Mapouhi lặp lại:

- Tôi muốn ngôi nhà.

- Nhà mà dùng được cái gì cho anh? Ở cái xứ này, nhà có bền đâu. Hễ cơn giông thổi là nó quét sạch hết. Về điều đó anh còn hiểu nhiều hơn ai nữa.

- Đúng, ở Hékouérou này thì nhà không bền. Nhưng ở Fakarava thì lại khác. Đảo đó cao hơn, nhà đứng vững được. Nó phải dài mười hai thước, có hiên chung quanh.

Raoul lại kiên nhẫn nghe nó tả lại ngôi nhà.



Suốt một giờ gã rán đập vào óc Mapouhi để nó bỏ cái ý đương ám ảnh nó đi. Nhưng để chóng lại, mẹ, vợ và con nó kéo giằng nó lại và làm cho nó càng bám chặt lấy quyết định của nó.

Nhưng trong khi nghe kể lần này là lần thứ một trăm những điều kiện của ngôi nhà mơ tưởng đó, thì Raoul ngó qua cửa để mở, thấy chiếc ca nô thứ nhì của chiếc tàu buôn tiến vào bờ.

Muốn mau rời đi nơi khác, các thuỷ thủ vẫn ngồi cầm chèo đợi. Chỉ có một phó thuyền trưởng chiếc tàu *Aorai* là nhảy lên bờ nói vài tiếng với thẳng cụt tay vẫn đứng canh trên bãi cát, rồi hấp tấp tiến lại căn nhà tranh của Mapouhi.

Trời thỉnh linh tối sầm lại, một đám mây đen lớn che mặt trời.

Người thuyền phó không chào, nói ngay:

- Ông thuyền trưởng Raffy bảo tôi lên nói với cậu rằng phải về ghe gấp ngay bây giờ. Muốn mua đồ gì thì để đến lần khác. Phong vũ biểu xuống hoài không ngừng.

Cơn gió lớn đã báo trước đó, lúc đầu làm cho mặt vũng gợn sóng, thành những luồng nước lưu động, và tung lên thành bọt nhẹ tựa như làn khói trắng.

Nó tiến lại gần, gầm lên, đâm bổ vào bụi dừa dại ở chung quanh căn nhà tranh. Rồi nó len

được một đường giữa những gốc dừa làm cho thân dừa lắc lư như điên và trái dừa khô rơi ào ào xuống đất, kêu độp độp.

Đồng thời, những giọt mưa đầu tiên lộp bộp trên tàu lá.

Raoul đứng phắt ngay dậy, bảo:

- Mapouhi, tôi trả một ngàn đồng Chili và trả bằng hàng hoá hai ngàn đồng thứ tiền đó.

Mapouhi lặp lại:

- Tôi muốn một ngôi nhà...

Raoul thét lên vì gió át cả tiếng:

- Mapouhi, thôi để lần khác! Anh chỉ là thằng khùng.

Gã băng qua khỏi nhà rồi cúi mình xuống, đi sát người phó thuyền trưởng, trở ra bờ biển.

Mưa ở miền nhiệt đới này lớp lớp trút lên đầu họ, chung quanh họ mù mịt không còn nhìn thấy chiếc ca nô nữa. Họ chỉ thấy cát ở dưới chân và những đợt sóng của cái vũng, như điên như dại ủa vào, đập vào, như gặm cắn bãi cát.

Trong cơn hồng thuỷ từ trên trời đổ xuống đó, một bóng người hiện ra: bóng thằng cụt tay.

Nó hét vào tai Raoul:

- Thầy mua được hạt ngọc không?

Raoul cũng thét lại:

- Mapouhi là một thằng điên.

Rồi họ không còn trông thấy nhau nữa.

*

Mưa độ nửa giờ thì tạnh.

Hourou-Hourou (tên thằng cụt tay) tiếp tục dò xét ngoài biển thấy chiếc *Aorai* quay mũi ra khơi trong khi một chiếc tàu thứ nhì được gió đưa vào bờ.

Hắn nhận ra là chiếc *Orohéna* của tên mọi lai Toriki tự lái lấy để đi mua bán.

Tới vòng san hô, chiếc *Orohéna* hạ buồm xuống, thả một chiếc ca nô xuống nước.

Trời đã hoàn toàn quang đãng và dưới mặt trời gay gắt, cái vũng lại sáng rực rỡ như một tấm gương.

Gió cũng đã tạnh và không khí nhờn nhớt như keo, đè nặng lên ngực, làm cho người ta khó thở.

Thấy Toriki ngồi trong ca nô, tên cụt tay nhe răng cười vì hắn biết rằng Mapouhi thiếu tên mọi lai đó một số tiền lớn, tiền hàng mua chịu từ năm trước.

Toriki tới bờ thì Hourou-Hourou hỏi:

- Thầy hay tin không? Mapouhi đã mò được một hạt trai... Trời ơi! Một hạt trai đích đáng... Chưa bao giờ người ta mò được một hạt như vậy, ở Hikouérou, ở Touamotou, ở khắp thế giới không đâu có. Mapouhi là thằng khờ. Nó lại thiếu tiền thầy... Đừng quên rằng em mách thầy tin đó nhé. Thầy có thuốc lá đấy không?

Toriki liệng cho hắn một miếng xì gà rồi đâm bổ lại căn nhà tranh của Mapouhi.

Toriki là một thằng tướng to lớn, thân thể cứng rắn như đẽo bằng búa, dáng điệu thô lỗ. Nó lơ đãng ngó hạt ngọc tuyệt đẹp mà Mapouhi đưa cho coi, cầm trong tay rồi nhét ngay vào túi, khen:

- Mapouhi, anh có phước mới được một hạt trai đẹp như vậy. Tôi bằng lòng mua cho, và tôi sẽ ghi vào sổ sách của tôi cho anh.

Mapouhi kinh hoảng, bảo:

- Tôi muốn một ngôi nhà... Nhà phải dài mười hai thước...

Toriki đáp:

- Trước hết anh phải trả nợ tôi đã. Anh thiếu tôi hết thấy một ngàn hai trăm đồng bạc Chili. Được lắm. Tôi chịu nhận hạt trai này với giá đó và từ nay anh không còn thiếu nợ tôi nữa.

Mặt Mapouhi dài thòng ra.

- Tôi lại ghi thêm cho anh một số tiền là hai trăm đồng nữa, cũng thứ tiền Chili. Và nếu đem lại Tahiti bán được giá thì tôi ghi cho anh thêm ba trăm đồng nữa là năm trăm đồng. Nhưng, nhớ kỹ đấy. Tôi bảo: nếu bán được giá. Vì có thể rằng tôi phải bán lỗ.

Mapouhi buồn rầu khoanh tay trước ngực, cúi đầu ngồi thừ ra.

Thế là Toriki cướp giật hạt ngọc của nó rồi. Đáng lẽ đổi được một ngôi nhà thì chỉ trả được món nợ.

Khi tên mọi lai ra khỏi nhà, Téfara la lên:

- Đồ ngu!

Naouri mắng thêm:

- Chúa ngu! Tại sao mày lại đưa cho nó cầm hạt ngọc đó?

Mapouhi rên rỉ:

- Đâu phải lỗi con... Con thiếu nợ nó mà nó biết rằng con có hạt ngọc. Con có cho nó biết đâu. Chính nó hỏi chứ. Chắc có ai cho nó hay. Làm sao con từ chối được vì con thiếu nợ nó mà.

Ngakoura cũng nói theo:

- Ba ngu quá!

Đứa nhỏ mới độ mười hai tuổi, nó bắt chước mẹ và bà nội mà nói vậy.

Thật đại dột. Vì Mapouhi nắm lấy được cơ hội để hả giận, bạt tai cho nó một cái nên thân, làm cho nó lảo đảo vắng lại một xó nhà.

Trong lúc đó Téfara và Naouri oà lên khóc và vốn lẩm miệng, day nghiêng chua chát Mapouhi.

*

Vẫn đứng một chỗ trên bãi biển, Hourou-Hourou thấy một chiếc tàu thứ ba lại gần đảo, neo ở ngoài vòng san hô rồi thả một chiếc ca nô xuống nước.

Chiếc tàu này nó cũng biết nữa, chiếc *Hiram*^[63]. Cái tên hợp với quốc tịch của chủ nhân, một người Đức gốc Do Thái tên là Lévy, thân hình mập, thô, không cân đối, nổi danh về tài lũng hạt trai vào bọc nhất ở miền này. Hắn được bọn mò trai và bọn ăn cắp ở Tahiti coi như thánh sống.

Lévy mới lên bờ, tên cụt tay đã hỏi ngay:

- Ông hay tin không? Mapouhi đã mò được một hạt trai... Trời ơi! Một hạt trai đích đáng... Chưa bao giờ người ta mò được một hạt như vậy ở Hikouérou, ở Touamotou, khắp thế giới không đâu có. Nó là một thằng khờ. Lúc nãy nó đã bán cho Toriki lấy một ngàn bốn trăm đồng bạc Chili. Tôi đứng rình ở ngoài và nghe được. Chính Toriki cũng chẳng biết giá trị hạt ngọc. Ông hỏi mua lại sẽ có lời nhiều, vì hạt ngọc chắc chắn có giá trị hơn nhiều. Và ông đừng quên rằng tôi mách ông tin đó nhé.

- Toriki hiện giờ ở đâu?

- Ở nhà thuyền trưởng Lynch, đương cùng nhau uống rượu mạnh. Ông có thuốc lá đấy không?

Lévy quay lưng đi, mau mau tiến lại nhà của thuyền trưởng Lynch.

Hourou-Hourou len lỏi trong các bụi cây lén lút đi theo, ghe tai vào vách nhà thuyền trưởng.

Nó nghe thấy tên Do Thái và Toriki thoả thuận với nhau về cái giá kinh khủng của hạt ngọc quý đó: hai vạn rưỡi quan.

Đúng lúc đó thì từ ngoài khơi bắt đầu vang lên một loạt tiếng súng.

Đó là dấu hiệu báo nguy của hai chiếc *Orohéna* và *Hiram* cho biết rằng tàu phải ra khơi gấp, nếu không sẽ bị sóng đánh văng vô bờ.

Khi Lévy và Toriki ra khỏi nhà thuyền trưởng Lynch thì quả nhiên thấy hai chiếc tàu đã hạ buồm lớn buồm nhỏ, bị sóng nhồi chạy ra khơi.

Toriki bảo:

- Qua cơn gió lớn mới nổi này, tàu sẽ trở vô.

Thuyền trưởng Lynch nói:

- Phong vũ biểu vẫn xuống. Không biết sẽ ra sau đây?

Ông ta là một thủy thủ lão luyện, râu bạc phơ, già quá phải nghỉ, và đã kinh nghiệm rằng chỉ có ở tại quần đảo này là mới khỏi bị bệnh suyễn nó hành. Vì vậy ông ta đã định cư ở Hikouérou

Cả ba người lo lắng ngó trời, biển. Gió cứ nổi lên rồi lại tạnh, tạnh rồi lại nổi lên mà thay hướng hoài hoài.

Hai chiếc tàu đảo hoài và rán trở vô bờ để đón chủ. Người ta hạ thêm buồm nữa, có cánh buồm bị gió bắt rồi cuốn đi. Chiếc *Aorai* xuất hiện trở lại và cũng làm như chiếc kia.

Tiếng sóng đập vào vòng san hô mỗi lúc một vang tai thêm lên. Nhân một lúc gió hơi ngớt, Toriki bảo:

- Tôi tưởng nên đông gấp là hơn, về tàu đi.

Lévy nhận là phải:

- Tôi cũng nghĩ vậy.

Và hai người chạy lại ca nô của họ.

Tên Do Thái mập, hoảng hồn cấm cổ chạy, nặng nề như con hà mã.

Sau cùng cả hai xuống được ca nô và đúng lúc ca nô của họ ra khỏi vũng thì ca nô của chiếc *Aorai* vô.

*

Ngồi sau lái, thúc thủy thủ chèo cho mau, Raoul bị hình ảnh rực rỡ của viên ngọc ám ảnh, trở lại, để chịu nhận cái giá của Mapouhi, nghĩa là chịu cất ngôi nhà nó muốn.

Gã lên bờ đâm bổ vào thẳng cụt tay trong khi sấm vang lên kinh khủng gấp bội.

Hourou-Hourou hét lên:

- Trễ rồi. Mapouhi đã để lại cho Toriki lấy một ngàn bốn trăm bạc Chili và Toriki đã để lại cho Lévy lấy hai vạn rưỡi quan. Thầy có thuốc lá đấy không?

Mới đầu Raoul hơi thất vọng nhưng rồi nghĩ rằng như vậy là xong chuyện, khỏi phải do dự nữa. Gã chỉ hơi ngạc nhiên về số hai mươi lăm ngàn quan mà Lévy chịu trả cho Toriki. Hạt ngọc có thực đáng cái giá đó không?

Tên Do Thái vốn có tiếng là đá mà phải bỏ ra một số tiền lớn như vậy... Hay là thẳng cụt tay đã làm chẳng?

Muốn cho khỏi bận tâm, gã lại hỏi thuyền trưởng Lynch cho biết rõ hơn.

Gã thấy người thủy thủ già há hốc miệng trước cái phong vũ biểu. Ông ta lau cặp kính, bảo:

- Thầy thử ngó coi. Hay là lão trông lầm. Cây kim bắt đầu đảo ngược lại này.

Raoul đáp :

- Đúng đấy. Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi thấy như vậy.

Thuyền trưởng Lynch cầu nhau, lo lắng :

- Lão cũng vậy! Suốt năm chục năm trời, từ nhỏ cho đến già, lão chiến đấu với sóng gió trên khắp mặt biển. Mà chưa bao giờ, thực là chưa bao giờ... Sắp có cơn bão kinh hồn đây. Nghe này.

Tiếng sóng gầm trên đảo vòng san hô, lớn tới nỗi làm rung rinh căn nhà.

Raoul hỏi rõ về việc đổi chác hạt ngọc, thấy đúng như lời thằng cụt nói, rồi trở về ca nô. Nhưng các thủy thủ chỉ cho gã những lớp sóng bạc cuồn cuộn và chiếc *Aorai* đương bắt buộc phải lui ra khơi. Gã ra lệnh cho họ kéo ca nô lên bờ rồi mạnh ai đi tìm chỗ mà trú. Còn gã trở lại nhà thuyền trưởng Lynch xin tá túc đến hôm sau.

Thuyền trưởng trợn mắt, lại trân trân đứng ngó phong vũ biểu, bảo Raoul:

- Ngó này! Ngó này! Bây giờ cây kim quay ngược hẳn rồi! Trời đất ơi! Mũi kim trút xuống dưới, cây kim đã dựng ngược rồi.

Hai người ngồi yên trên bậc cửa, trong khi ngọn sóng lớn ghê gớm, dài mấy hải lý, nặng tới mấy chục ngàn tấn, vượt một hơi cái vòng san hô mà không hề ngừng, rồi băng qua cái vũng, tới đập vào bờ.

Không khí oi ả tới nỗi mặt hai người đầy những giọt mồ hôi lấm tấm. Những giọt đó tụ lại rồi chảy như suối trên trán, trên má họ, rỏ xuống đất.

Một lượn sóng thứ nhì còn mạnh hơn lượn trước quét sạch bãi cát, liếm những gốc dừa rồi toả ra trước thềm nhà.

Thuyền trưởng Lynch nói:

- Nước dâng lên, vượt hẳn mức thủy triều cao nhất rồi, vượt hơn bốn rồi. Lão ở đảo này đã mười một năm mà căn nhà này cất trên chỗ cao nhất trong đảo. Chưa bao giờ, quả thật là chưa bao giờ... Toàn đảo sẽ bị ngập.

Ông ta coi đồng hồ. Đúng ba giờ chiều.

*

Một người da đen hiện ra với người vợ. Cả hai có vẻ hoảng hốt, dắt theo một bầy con nít và đủ thứ súc vật.

Họ ngừng lại ở gần nhà, do dự một chút rồi buồn rầu ngồi bệt xuống đất.

Vài phút sau, nhiều gia đình khác từ mọi phía chạy tới, đàn ông đàn bà, ôm theo những vật kỉ lạ mà họ quý nhất. Chỉ một lát là có mấy trăm người da đen, trai gái, già trẻ, túm tụm lại chung quanh nhà thuyền trưởng Lynch.



"TAKING BODIES FROM THE SEA TO THE LAND AND TO THE SEA" "ABOUT THE CAPTAIN'S DRESSING"

Vì hồi đó đương giữa mùa mò trai và dân da đen ở tất cả các đảo chung quanh, cả ở Tahiti,

đều tụ lại Hikouérou.

Thuyền trưởng Lynch nói với Raoul:

- Ở đây có gần một ngàn hai trăm người, không biết ngày mai đây còn được bao nhiêu.

Một lượn sóng thứ ba đập vào bờ rồi tàn bạo xoáy ở chung quanh nhà, luồn dưới ghế của Raoul và Lynch, làm ướt chân họ.

Đàn bà thì rên rỉ, trẻ còn thì chấp tay lại, khóc lóc thảm thiết. Mèo, gà lộn trong bùn rồi cùng leo lên hoặc bay cả lên mái nhà thuyền trưởng.

Một người đàn ông bụng một cái rổ đựng một bầu chó con, leo lên cây dừa, cột cái rổ vào một chỗ cách mặt đất bảy thước[64]; con chó mẹ đứng ở dưới, đi đi lại lại ở trong vũng nước, sửa ai oán.

Bây giờ thì những núi nước xanh đập vào bờ không ngớt.

Thuyền trưởng Lynch thấy cơn hồng thủy đó, thất vọng, đưa hai tay lên trời, rồi vô nhà kiểm một cuộn thùng, cắt ra từng khúc nhỏ, mỗi khúc dài vài thước.

Ông ta đưa một khúc cho Raoul, giữ một khúc cho mình, còn bao nhiêu phân phát cho đàn bà, khuyên họ nên lựa ngay một cây nào đó, leo lên rồi cột mình vào cây.

Ông bảo :

- Địa ngục sắp tung ra đấy.

Một giây sau, căn nhà rung chuyển, cửa sổ bung ra và mặt kính bể vụn, bay tứ phía. Một luồng gió mạnh làm cho hai người lão đảo, suýt ngã.

Cửa kêu rần rắc, khoá gãy, quả nầm rớt xuống sàn, bể vụn ra. Tường phồng lên y như vỏ một trái cầu được bơm thành lình.

Rồi thì có một tiếng như súng hoả mai nổ rền, do bọt nước bắn vào tường.

Thuyền trưởng Lynch coi đồng hồ: bốn giờ chiều.

Ông ta khoát một cái áo cụt bằng vải sơn, gỡ cái phong vũ biểu nhét kĩ vào trong túi.

Một lượn sóng nữa đập vào nhà nghe ầm một tiếng. Căn nhà nhẹ đó lắc lư, quay đi một vòng tròn rồi sập xuống, sàn chĩa lên trời.

Raoul thoát ra khỏi đám đổ nát đó trước nhất, bị gió thổi quay tròn như sợi lông. Gã vội vàng nằm rạp xuống cát, móng tay bám vào cát.

Thuyền trưởng Lynch cũng bị gió thổi tung lên như một cọng rơm, rồi rớt xuống ở bên cạnh gã, tay chân gập lại.

Hai thủy thủ của chiếc ca nô đương bám vào cây, cúi rạp mình xuống rón tiến lại cứu ông già.

Những khớp xương ở chân tay ông già, vì té xuống, cứng ngắt lại không cử động được mấy may nữa.

Hai người thủy thủ lấy khúc thùng mà ông không rời ra, cột ông rồi khó nhọc đẩy, kéo ông lên một cây dừa và sau nhiều đợt, mới buộc được ông vào ngọn cây, cách mặt đất mười lăm thước[65].

Ánh sáng mặt trời đã tắt, cảnh chiều tối thật ảm đạm. Những giọt mưa bị gió thổi bay ngang, đập vào mặt Raoul như những viên chì.

Bọt nước mặn đập vào mặt như có ai bạt tai gã. Má gã rát như bỏng và đau quá, gã bất giác khóc.



"IT HAD LONG SINCE PASSED BEYOND ALL HIS EXPERIENCE OF WORD"

Hàng trăm người mọi trốn ở trên các cây dừa, và trong những hoàn cảnh không bi đát như vậy, thì nhìn từng chùm người lủng lẳng trong đám lá như trái cây đỏ, người ta sẽ thấy ngộ nghĩnh, buồn cười lắm.

Nước đã lên đến đầu gối, Raoul đành làm theo họ. Vốn là dân Tahiti, gã ôm lấy cây dừa rồi co mình leo lên, hai bàn chân đập vào thân cây để leo.

Lên đến ngọn cây thì gã thấy một người đàn ông, hai người đàn bà và một đứa con gái, ôm một con mèo trong tay.

Từ chỗ ngồi của gã, nhìn ra trước mặt, ngang tầm mắt, gã thấy thuyền trưởng Lynch, giơ tay chào; ông già dững cảm đó chào lại.

Điều làm cho Raoul kinh hoàng hơn hết thảy, là cái vẻ bất thường của nền trời; trời thấp tới mức tưởng chừng như chỉ đưa tay ra là sờ được. Từ màu chì trời đã biến ra màu bồ hóng.

Nhiều thổ dân còn túm tụm ở dưới đất, mình cột chặt bằng dây thừng vào những gốc dừa[66].

Một linh mục đạo moóc-mông (mormonisme) len lỏi trong đám, khuyến khích đồng đạo, tụng kinh với họ và bảo họ hát những bài thánh ca.

Trong sự tung hoành của dông tố, những âm thanh nhịp nhàng đưa lên tới tai Raoul, nhỏ nhỏ như tiếng ve ve của ve sầu vắng vắng đưa lại.

Nhìn xa một chút, gã thấy những nhóm khác cũng mở miệng ra nhịp nhàng, nhưng không nghe thấy gì cả.

Thực là không thể tin được rằng gió như vậy rồi mà vẫn còn mạnh thêm lên được. Không có cách nào tính được sức mạnh của nó, nhưng do một bản năng huyền bí nào đó, người ta cảm thấy rằng sức mạnh của nó có tăng.

Một gốc cây ở gần Raoul bị trốc rễ, và những người bám trên cây đó văng cả xuống đất.

Cùng lúc đó một lượn sóng từ vũng dâng lên và khi nó lùi ra thì không còn một người nào ở trên mặt đất.

Chỉ trong một giây, Raoul thoáng thấy một bả vai đen nhô lên khỏi mặt nước, một cánh tay đưa ra, bàn tay nắm lại. Rồi thì biến mất, nhanh như khi xuất hiện.

Nhiều cây khác chịu không được, đổ chồng lên nhau y như những que diêm.

Cây dừa mà Raoul bám lúc lắc một cách đáng lo. Một người đàn bà ghì chặt con gái vào lòng mà khóc, đứa nhỏ cũng ghì chặt con mèo vào lòng một cách âu yếm.

Người đàn ông ngồi gần Raoul nhất rờ cánh tay gã, bảo gã nhìn về phía mà hấn trở.

Raoul ngó và thấy giáo đường đạo moóc-mông cất bằng gỗ, bị bứt khỏi nền, chạy lăng quăng như người say rượu cách đó khoảng ba chục thước.

Gió thổi ngôi nhà đó về phía vũng, nhưng giữa đường nó đâm bổ vào một bụi dừa, làm cho những người bám trên ngọn dừa rớt cả xuống đất như dừa khô.

Đàn ông, đàn bà, trẻ con vùng vẫy như đàn kiến trong lớp sóng sùng sục, chỉ trong nháy mắt, ngọn sóng vét hết, rồi cuốn theo khi nó rút đi.

Raoul lạnh lùng ngó những cảnh rừng rợn đó, tưởng chừng như chiêm bao.

Gã còn thấy một lượn sóng lớn hơn cả những lượn sóng trước, đập vào giáo đường rồi cuốn ra ngoài vũng. Ngôi nhà với gác chuông nổi trên mặt nước được một lát như chiếc tàu của Noé trong hồi đại hồng thủy. Rồi nó bắt đầu chìm và thỉnh linh đâm thẳng xuống đáy vũng.

Bất giác Raoul ngó về phía căn nhà của thuyền trưởng Lynch. Không còn vết tích gì cả.

*

Bảy giờ tối, cơn dông lên tới tột điểm và tàn phá tăng lên. Cây gãy răng rắc.

Trời ơi! Gió đâu mà gió! Không bao giờ Raoul tưởng tượng nổi sao mà có thể có thứ gió như vậy được.

Nó không phải là không khí chuyển động nữa, mà là bức tường đặc rú lên, chắc nịch chứ không phải lỏng.

Gã tưởng chừng như nếu muốn thì có thể nắm lấy bức tường đó được, bám vào nó như bám vào một bờ dốc đá ở gần biển.

Dưới áp lực kinh hồn đó, cây dừa của Raoul hết lúc lắc rồi. Nó cúi rạp xuống đất, không còn ngóc lên được nữa, mà run lật bật một cách ngán ngấm y như những cây bằng thép của một âm xích.

Tất nhiên là trong cái thế đó, cây không chịu đựng được lâu. Hoặc là bật rễ lên, hoặc là cây sẽ gãy chưa biết lúc nào đây, cũng như những cây khác ở chung quanh đã gãy rắc rắc hết trong cảnh ào ào tiếng khóc, tiếng gió, tiếng sóng.

Cây của thuyền trưởng Lynch đã bị như vậy. Phần trên ngọn bị bứt ra khỏi gốc và đáng lẽ rớt xuống thì bay vù đi, chở theo như một chiếc phi thuyền ông thuyền trưởng và hai người thủy thủ của chiếc *Aorai*.

Khúc cây đó bay trên vũng khoảng một trăm thước rồi rớt xuống nước, đánh "hụp" một tiếng kinh khủng. Mắt mở lớn, Raoul còn ngờ không biết có phải ông thuyền trưởng già đã đưa tay ra chào vĩnh biệt gã không.

Tất cả những người da đen vội vàng tụt xuống gốc cây, và Raoul tính bắt chước họ. Gã chạm tay vào vai người đàn ông ngồi bên, ra dấu bảo nên làm theo mình.

Nhưng hấn bỏ hai người đàn bà ngồi chết trân vì kinh hoảng và đứa con gái ôm hoài con mèo trong lòng.

Gã bèn xuống một mình, và trong khi mưa trên trời và sóng dưới biển xối vào người gã như thác, gã tự cột chặt mình vào gốc một cây dừa, cây này đã bứt ngọn và như vậy mới có hy vọng chịu đựng nổi.

Gã thức suốt đêm như vậy, có cảm tưởng rằng đã đến giờ tận thế mà vũ trụ sẽ chìm trong cảnh hỗn mang.

Khi hừng đông, Raoul vẫn còn đó. Gã thấy cảnh tượng dưới đây.

Bụi dừa đại ở gần gã, mà Mapouhi cùng mẹ, vợ và đứa con gái bám vào, mặc dầu rễ cứng làm

vậy mà cũng bị búng khỏi đất, trôi ra vũng.

Vũng thành ra một thứ vôi hồ, trong đó nước như điên như khùng, nhào, nghiền, trộn lung tung đủ thứ: thân cây gãy, xà nhà, tàn vật, người sống sót và thây ma.

Do một sự trớ trêu của vận mạng, Mapouhi được cái may là lòng là sóng đẩy lên bờ, bị đến hai chục vết thương đâm máu, và đương nâng đầu đứa con gái lên khỏi mặt nước.

Ngakoura gần chết ngộp, cánh tay trái gãy, ngón tay mặt bị nghiền. Má và trán bị cắt đứt thấu xương.

Ba giờ sáng gió bắt đầu dịu. Khoảng năm giờ sáng nó chỉ còn hây hẩy. Tới sáu giờ thì hoàn toàn êm lặng và mặt trời lại rực rỡ trên nền trời xanh. Biển cũng hết động. Bãi biển đầy những thây ma sóng đưa vào, mặt mũi tàn phá ghê gớm.

Mapouhi đi kiếm mẹ và vợ trong đám thây ma. Nhất định phải ở trong số đó.

Hắn lật một đồng thây lên, từng cái từng cái một, thấy Téfara nằm nửa người dưới nước vũng, hết sinh khí.

Hắn ngồi trên cát, bên cạnh vợ, theo tục mọi, khóc lóc, than vãn, khăn khăn, như con vật.

Rồi bỗng hắn thấy vợ cử động một cách khó khăn và rên rỉ. Hắn cúi xuống, thấy vợ còn sống. Mụ chỉ mới chết ngất đi thôi và cũng gặp may là lòng như chồng.

Trong số một ngàn hai trăm người hôm trước, chỉ sống sót có ba trăm người. Nhà cửa trên đảo sập hết ráo.

Năm chục gốc dừa mới có một gốc chịu được; nhưng tàn vật đó, coi mà thảm hại: không còn lấy một trái.

Thiếu nước ngọt. Giếng đào nông, bình thường có nước mưa thấm vào, bây giờ đầy nước mặn.

Vài bao bột, người ta tìm thấy được, đều sũng nước như bột biển, bột hư hết.

Những kẻ sống sót phải cắt ruột cây dừa[67] mà ăn.

Ông mục sư moóc-mông chế một thứ đồ chưng nước thô sơ nhưng không sao đủ dùng cho ba trăm người.

Ngày thứ nhì, Raoul khát dữ dội, nghĩ cách ngâm mình trong vũng để cho trong người được mát.

Gã mách mọi người hay và đàn ông, đàn bà, trẻ con bắt chước gã, ngụp xuống tới cổ để uống nước bằng chân lông.

Qua ngày thứ ba, những thây ma còn nổi lều bều, được vớt lên, chôn cùng với những thây trên bãi.

Trong khi đó, người ta cất tạm những chỗ núp bằng những vật liệu có thể gom góp được.

Rồi đây thế nào ở Tahiti người ta cũng sắp gửi đồ tới để cứu tế.

*

Người mẹ của Mapouhi trong cơn tai biến, lạc gia đình, không tìm thấy xác. Mụ đã bị lôi cuốn vào một cuộc mạo hiểm lạ lùng.

Mụ bám vào một tấm ván bào không kĩ nó làm cho da trầy ra, bám lại, bị cả ngàn cái dằm đâm vào. Rồi một lượn sóng nâng mụ lên, vượt được cái lũy san hô, lôi mụ ra biển.

Ở ngoài khơi, nước quất vào mụ một cách ghê gớm và tấm ván văng đi.

Mụ đã già, gần sáu chục tuổi, nhưng sinh trưởng ở miền này nên quen với biển từ trong huyết quản quen ra.

Mụ bơi trong đêm tối, nghẹt cổ, nghẹt thở, và một trái dừa nổi đập vào vai mụ.

Vẫn bình tĩnh, mụ quơ lấy trái dừa, nắm được những sợi dừa còn dính vào trái.

Trong giờ đồng hồ sau, mụ bắt được bảy trái dừa nữa, cột cả lại với nhau thành một trái nỏ, nhờ vậy mà mụ sống sót.

Rồi vừa khấn thầm thần Cá mập để khỏi bị cá mập táp, mụ kiên nhẫn đợi cho cơn đông dịu xuống.

Hừng sáng, sóng đánh mụ vào một cù lao nhỏ có cát. Nhưng lúc đầu mụ mê man đi vì kiệt sức.

Ánh nắng mặt trời làm mụ tỉnh lại, mụ vô phía giữa cù lao cho sóng khi rút ra khỏi cuốn mụ đi.

Mụ biết rằng khu đất nhỏ đó chỉ có thể là đảo Takakota, không có người ở và cách Hikouérou hai mươi lăm cây số về phía Bắc.

Luôn tám ngày, mụ sống nhờ tám trái dừa trước kia giúp mụ khỏi chìm và bây giờ cho mụ thức ăn, thức uống, mặc dầu là rất thiếu thốn.

Nhưng chắc chắn là sẽ có người lại cứu mụ.

Mụ thấy khói của nhiều chiếc tàu đi từ Tahiti lại Hikouérou; không một chiếc nào đi vòng lại phía cù lao của mụ.

Chỉ có vô số thây ma lại thăm mụ khi biển dâng lên, sóng đánh dạt vào. Mỗi buổi sáng, những thây đó viền cái đảo một lớp ghê tởm rùng rợn. Mùi hôi thối làm cho mụ khó chịu, và hễ còn sức là mụ chịu khó liệng trả xuống biển cho cá mập ăn. Tới lúc mệt quá, mụ đành đi xa những thây ma đó, nhưng đảo nhỏ thành thử không lánh được xa lắm.

Khi đã ăn hết trái dừa cuối cùng rồi, mụ rán kiếm những trái khác, nhưng không có dừa mà chỉ có thây ma.

Mụ nằm lăn trên cát, tuyệt vọng. Thế là hết. Chỉ còn có đợi chết.



"ON THE EIGHTEENTH DAY SHE LAUNCHED THE CANOE THROUGH THE SURF"

Nhưng sinh lực trong người mụ còn dai lắm. Sau lần cực suy nhược, mụ thấy thây một người đàn ông nổi trên mặt nước mà sóng đánh vào bờ. Thây một người da trắng tóc hung hung.

Mụ lết lại, tò mò xem là ai. Nhưng mặt mũi bị cá táp hết ba phần tư rồi, không còn nhận ra được.

Naouri lại nằm lăn trên cát.

Một giờ sau mụ ngồi dậy, trở lại coi cái thây ma ghê tởm đó. Ý, người đàn ông này, mụ biết mà.

Một tia sáng hiện trong óc mụ. Kẻ nằm đó chính là Lévy, người Đức gốc Do Thái, đã mua của Toriki hạt ngọc đẹp đó và mang nó theo xuống chiếc tàu Hiram.

Vậy có một điều chắc chắn là chiếc Hiram trong cơn đông đã chìm cả người lẫn cửa. Thần ăn trộm đã không phù hộ cho tên Do Thái đó nữa.

Naouri hỗn hển.

Mụ moi bộ quần áo ướt, tìm thấy chiếc dây lưng, ngón tay mụ run rẩy nắm chặt lấy nó. Đường khâu đứt tung ra, và mụ già lục hết túi này tới túi khác ở phía trong chiếc dây lưng.

Không thấy hạt ngọc... Có, có! Nó đây, ở trong cái túi cuối cùng.

Naouri la lên một tiếng khàn, vồ lấy nó, ngắm nghía một lúc lâu.

Không còn làm được. Đúng là viên ngọc quý mà Mapouhi đã mò được. Mụ nhắc lên xem nặng nhẹ, để nó lặn trong lòng bàn tay, âu yếm vuốt ve nó.

Không phải vẻ đẹp của viên ngọc thôi miên mụ đâu, mà trước mặt mụ đã tái hiện ngôi nhà mơ tưởng, nóc bằng tôn uốn, có một chiếc đồng hồ quả lắc, mặt bát giác, treo ở tường trong phòng lớn.

Thế này thì đời đáng sống lắm!

Mụ xé ở manh vải phủ làm áo ra một miếng rộng, để quấn ngọc lại rồi cột chặt hết thảy vào chung quanh cổ.

Mụ hăng hái trở lại, đi khắp bãi cát kiếm trái dừa.

Mụ kiếm được một trái. Mụ kiếm được hai trái.

Mụ đập trái thứ nhất ra, khoan khoái uống nước dừa nó đã chua chua, rồi ngòm ngòm cạp hết hảnh cái cùi, chạm cái sọ mới thôi.

Cách đó hơi xa xa, mụ moi ở cát lên một chiếc xuồng. Thiếu mất tấm ván thẳng bằng.

Nhưng mụ tràn trề hy vọng và vài giờ sau mụ kiếm được tấm ván đó.

Thôi! Thế là mọi sự hoàn hảo. Hạt ngọc quả là linh không bùa nào bằng.

Chiều tối hôm đó mụ thấy một thùng gỗ nổi. Mụ kéo lên bờ, gỡ ván ra. Thùng chứa mười hộp thiếc cá hồi.

Dùng một hòn cuội, mụ đục một lỗ trong một hộp rồi rất khó nhọc, rất tốn công, vừa đập, vừa moi, mụ lấy ra được từng miếng cá một.

Tám ngày đã trôi qua mà vẫn không thấy bóng một chiếc tàu nào cả.

Naouri dùng thời gian để cột tấm ván thẳng bằng vào cái xuồng, làm bằng một khúc cây khoét lõm. Mụ phải dùng tất cả những sợi dừa mà mụ có, và chiếc áo của mụ, còn được mảnh nào dùng nốt vào việc đó.

Thân cây dùng làm xuồng đã hơi nứt, Naouri không biết làm cách nào cho nó khỏi rịn nước, đành phải dùng một sọ dừa để tát nước vậy.

Còn cần một chiếc dầm nữa. Khó nhọc vô cùng, mụ tạo ra một chiếc bằng những ván thùng chứa cá hộp, mụ cột những ván đó vào một cành cây lượm được trên bờ biển.

Phải cột cho chặt. Cho nên Naouri phải dùng một miếng thiếc của hộp cá để cắt tóc cho sát da đầu rồi kết tóc thành một sợi dây thùng.

Ngày thứ mười tám, lúc nửa đêm trăng tỏ, Naouri đẩy xuồng xuống nước rồi bơi về Hikouérou.

Naouri đã già. Vì cực khổ, vì thiếu ăn từ hôm đó đến nay, mụ gầy chỉ còn xương với da.

Xuồng lớn, để cho ba người lực lưỡng chèo mà mụ bơi một mình, thỉnh thoảng phải ngừng lại để tát nước.

Tới hừng sáng, đảo Takokata đã xa mà đảo Hikouérou thì chưa thấy.

Trong khi Naouri bơi về phương Nam thì một luồng nước mạnh làm cho nó tạt về phương Tây.

Mụ vừa sửa hướng vừa tiếp tục công việc khó nhọc đó, và tới chiều thì mụ đã thấy khoảng ba hải lý trước mặt mụ, đảo Hikouérou hiện lên, trơ trẽn, không còn những hàng dừa đẹp để trang sức cho nó nữa.

Thấy đảo, mục phấn khởi lên. Nhưng luồng nước chảy mạnh hơn và dùng tạm mái dầm mục tạo ra đó thì không đủ sức.

Tới khi mặt trời lặn, mục mới tiến được một hải lý.

Naouri hiểu rằng tiếp tục chiến đấu trong điều kiện đó là vô ích vì mục mỗi lúc một yếu đi. Thứ nhất là cái việc tát nước, nó làm cho mục kiệt lực.

Còn một hộp cá, mục rán moi ra ăn cho hết, rồi thành tâm nguyện thần Cá mập xong, mục nhảy xuống nước, lội.

Dưới ánh trăng rằm, mục khoan khoái nhận thấy rằng mục tiến khá mau lại gần bờ.

Nhưng chính lúc đó xảy ra cái mà mục sợ nhất. Cách mục không đầy sáu thước, một cái vây lớn chọt mạnh nước.

Mục vẫn tiếp tục lội. Vài phút sau cái vây cá mập vờn sát mình mục rồi tiến ra xa.

Con quái vật đó mấy ngày trước ăn no quá rồi, cho nên lúc này không thấy tham lắm. Nhưng nếu nó muốn thì nó cũng có thể cắn mục một cái, đứt làm hai được.

Mục vẫn bơi, bơi ngửa để cho con cá mập không thấy rõ mục khi nó trở lại.

Nửa giờ sau con cá hoá bạo hơn. Nó bơi chung quanh Naouri, mỗi lúc vòng tròn một thu hẹp lại.

Đừng mơ tưởng nữa, vô ích. Sớm muộn gì con cạp biển dài năm thước đó cũng đâm sả vào con mồi của nó. Naouri quyết tâm đánh bạo một cái. Một là sống, hai là chết, mục tấn công nó trước.

Khi con cá mập bơi lại gần sát mục, mục nắm chặt tay lại, thỉnh linh thôi cho nó một cái vào hông.

Con vật vừa ngạc nhiên, vừa sợ sệt một cách ngu xuẩn, quẫy đuôi rất mạnh rồi bỏ đi. Nó tiến ra xa, bơi theo vòng tròn, mỗi lúc một mở rộng, và sau cùng, mất dạng.

Còn bàn tay của Naouri thì chạm vào lớp da như giấy nhám của con vật, trầy trụa ra, máu chảy đầm đìa trong nước biển.

*

Mapouhi, Téfara và Ngakoura còn nằm trên những cái mền dùng làm giường, trải trong một cái hầm đào ngay ở mặt cát, và che bậy bạ bằng một miếng nóc nhà.

Mapouhi và Téfara cãi nhau rất gắt.

Téfara lập đi lập lại, lần đó là lần thứ một ngàn.

- Nếu nghe người ta thì đâu có mất hạt ngọc. Ai lại đi chìa cho thẳng cụt tay nó coi.

Mapouhi đáp:

- Tôi nhắc lại một lần nữa rằng lúc cạy con trai thì thẳng Hourou-Hourou nó đứng kể bên.

Téfara vẫn gân cổ:

- Thế là chẳng được đồng nào mà cũng chẳng có nhà. Hôm qua thầy Raoul còn bảo rằng nếu chưa bán hạt ngọc cho Toriki...

- Tôi có bán cho hần đâu. Hần lấy của tôi đấy chứ.

- Lấy hay không lấy thì thầy Raoul về Tahiti hỏi ý bà cụ, trở lại chắc chắn là bằng lòng cắt cho tụi mình ngôi nhà đó và lại đưa thêm một vạn đồng bạc Chili nữa.

Mapouhi rên rỉ:

- Đáng tiếc thật. Nhưng làm sao được bây giờ. Với lại dù sao cũng đã trả được nợ cho Toriki, hạt ngọc đâu phải là mất toi.

Téfara hét lên:

- Toriki chết rồi! Chiếc tàu của hắn chìm lỉm trong cơn giông như chiếc Aorai và chiếc Hiram rồi. Vậy có đòi hắn được ba trăm đồng bạc Chili mà hắn hứa ghi vô sổ cho không? Hắn là không chứ? Thế thì món nợ mình đem hạt ngọc để trừ đó, bây giờ chết rồi, hắn có đòi được không? Ai mà thiếu nợ người chết bao giờ?

- Tôi cũng nhận là đau lòng lắm... Và bây giờ thì hạt ngọc mất luôn, chẳng về ai cả. Buồn ngủ lắm rồi. Để yên cho tôi ngủ.

Mapouhi sắp nằm dài ra trên tấm mền thì bỗng vánh tai lên nghe ngóng. Bên ngoài, từ cái ngõ hẹp và dài dằng lằm lổm, có tiếng kì dị đưa lại. Như là có người thở hổn hển, mệt nhọc.

Rồi một bàn tay quơ quơ cái chiếu rủ xuống thay cửa.

Mapouhi hỏi:

- Ai đó?

- Naouri đây. Tôi kiếm con trai tôi. Làm ơn cho biết nó ở đâu.

Téfara giật mình đánh thót một cái, vội vàng nắm cánh tay chồng thì thầm, răng đánh lập bập:

- Ma... Ma!

Mapouhi cũng thấy run cùng mình. Hai vợ chồng nắm chặt lấy nhau.

Rồi hắn run run đáp, rón đỏi giọng cho không nhận ra được:

- Bà ơi, tôi biết con trai bà... Anh ấy không ở đây, mà ở phía bên kia vũng.

Có tiếng thở dài đáp lại.

Mapouhi bắt đầu vững bụng. Hắn đã gạt được con ma. Hắn đánh bạo hỏi thêm:

- Bà già ở đâu tới?

Có tiếng rên thê thảm:

- Ở biển vô...

Téfara vô ý la lên:

- Phải, phải, ở biển vô... Đúng rồi...

Ở ngoài có tiếng nói tiếp:

- Téfara ở đây ư? Nếu nó ở đây thì con trai tôi cũng ở đây. Không có lẽ nó đi ngủ lang.

Mapouhi lật bật, thì thầm vào tai vợ:

- Mình làm lộ mất rồi.

Hắn vội cãi lại:

- Không! Mapouhi không từ mẹ đâu. Nhưng tôi không phải là Mapouhi. Mapouhi ở bên kia vũng mà.

Ngakoura kinh khủng như cha mẹ nó, khóc lóc cuống cuồng lên ở trên giường.

Cái chiếu bắt đầu lung lay rồi dờ lên, trong lúc đó, Mapouhi và Téfara hoảng hốt lăn trong mền, mắt như lồi tròng, ngó về phía con ma.

Trong ánh sáng mờ mờ của hừng đông, họ thấy Naouri tiến vô, gầy chỉ còn xương với da và trần truồng như con nhộng, nước biển rờn rờn trên người.

Họ lấy mền trùm đầu.

Con ma rên rĩ:

- Mapouhi, con cho mẹ uống nước với.

Mapouhi bảo vợ:

- Cho bà ấy uống, Téfara.

Téfara la đưa con:

- Cho bà ấy uống, Ngakoura.

Hai vợ chồng lấy chân đá đưa con, bắt nó đứng dậy.

Nó run rẩy như tàu lá, chìa bình nước cho con ma.

Và con ma lẳng lẳng uống, xong rồi đặt cánh tay lên cánh tay Mapouhi.

Bàn tay không phải là bàn tay ma. Nó nặng như bàn tay người sống.

Mapouhi ló ra khỏi mền, và khi Naouri chìa cho hắn hạt ngọc quý thì hắn không còn ngờ gì nữa, tin chắc rằng mẹ hắn đứng đó, trước mặt đó.

Hắn bảo vợ:

- Téfara nhìn này, hạt ngọc này... Má có hạt ngọc!

Thình lình Téfara cũng vững bụng như chồng.

Naouri mệt đừ rồi. Họ mời cụ ngồi xuống một khúc cây và mụ tức thì kể cuộc phiêu lưu của mụ.

Kết luận mụ nói:

- Chúng ta sẽ có ngôi nhà...

Mapouhi tán thành:

- Lại còn thêm một vạn đồng bạc Chili nữa. Đã thoả thuận với Raoul rồi.

Naouri hỏi:

- Nhà phải có nóc bằng tôn uốn dài mười hai thước đấy chứ?

- Đúng vậy.

- Trong căn phòng lớn ở giữa, có treo ở tường một cái đồng hồ quả lắc và kê một cái bàn tròn đấy chứ?

Téfara đáp:

- Vâng, vâng...

- Như vậy thì được. Bây giờ cho mẹ ăn gì đi, mẹ đói quá, Mapouhi. Nhưng phải nghe mẹ, chỉ khi nào Raoul xây cất xong nhà và xía mười ngàn đồng bạc trên bàn, thì con mới đưa hạt ngọc, nghe không? Trong việc làm ăn, phải cẩn thận đừng tin người là hơn.

ĐỖ QUANG ĐÌNH và LÂM NGŨ ĐƯỜNG

Lão Râu Quăn là một truyện ngắn mà nhiều nhà phê bình văn học Trung Hoa (Hồ Thích, Lỗ Tấn, Lâm Ngũ Đường) khen là một trong những truyện cổ hay nhất của đời Đường. Kim Thánh Thán ở thế kỉ XVII cũng nhận rằng một trong ba mươi cái vui của ông là đọc truyện đó.

Sách Đường đại tòng thư không biết căn cứ ở đâu mà bảo tác giả là Trương Thuyết. Thuyết đó có vẻ không vững vì lẽ dưới đây. Trong truyện có nói một nước Phù Dư ở đông nam Trung Hoa mà sự thực là ở phía bắc Vạn Lý Trường Thành, tức ở địa phận Mông Cổ, Trương Thuyết làm tể tướng đời Đường không lẽ lại dốt địa lí mà lầm lẫn như vậy được.

Lỗ Tấn trong bộ Trung Quốc tiểu thuyết sử lược cho tác giả là Đỗ Quang Đình (850-933). Quang Đình tự là Tân Chi^[68] người đất Tấn Vân, mới đầu học đạo ở núi Ngũ Thai, sau vô xú Thục, giúp Vương Kiến, làm chức gián nghị đại phu, về già từ quan, ẩn trong núi Thành Thành, mất hồi 83 tuổi. Tác phẩm của ông gồm mười sáu quyển chép trong bộ Toàn Đường Thư; nhưng truyện Lão Râu Quăn (chữ Hán là Cầu Nhiêm Khách) này không chép trong bộ đó mà chép trong bộ Thái Bình Quảng Kí (quyển 193), có nhiều bản hơi khác nhau.

Trương Phụng Dục đời Minh lấy cốt truyện viết một nhan đề là Hồng phát kí.

Nguyên bản Cầu Nhiêm Khách ngắn, hơi khô khan. Lâm Ngũ Đường viết lại ra tiếng Anh, nhan đề là Curly-beard trong cuốn Famous Chinese short stories (loại sách bỏ túi). Ông đã bỏ một chi tiết: bữa tiệc đầu lâu, và thêm nhiều nét khác cho truyện thêm vui và tâm lí nhân vật thêm sâu sắc. Trong đoạn giới thiệu ở đầu truyện ông nói là đã thêm chi tiết về đoạn ở lữ quán Thái Nguyên (Taiyuan inn).

Điểm đáng khen nhất của Lâm là đoạn kết. Trong nguyên văn chữ Hán, đoạn đó có tính cách luân lí tầm thường, khuyên ta tin ở mạng trời. Lâm sửa lại và thêm được một nét hợp với tâm lí nàng Trương.

Nghệ thuật của Đỗ Quang Đình khá cao. Tình tiết dồn dập, đột ngột. Tâm lí những nhân vật chính, tả gọn mà sắc. Cử chỉ nhất là ngôn ngữ hợp với người: Lý Tĩnh, cương trực, trung tín, đúng là một trang hảo hán; Lão Râu Quăn hiền ngàng, giang hồ, bí mật, đại lượng, ôm ấp chí lớn; nàng Trương thông minh, biết thời, biết người nhưng vẫn có chỗ nhũn nhẽ thường tình và rất dễ thương vì vậy. Đặc biệt nhất là từ đầu đến cuối, Lý Thế Dân chỉ hiện có hai lần mà không nói lên một tiếng, âm thầm, xa xăm. Lại thêm mối tình của Trương và Lý đã đẹp mà tình của Râu Quăn với vợ chồng Lý lại càng cao.

Bản tiếng Anh của Lâm Ngũ Đường viết cho người phương Tây nên dùng một số từ ngữ mới. Chúng tôi chằm chước, rán giữ chút không khí cổ và tin dị đoan đầu đời Đường – thời đó ảnh hưởng của đạo Lão rất mạnh – nhưng không dám bỏ xa Lâm, nên truyện có vẻ hơi tân thời.

Ông Giản Chi đã dịch bản tiếng Hán của Đỗ Quang Đình và đăng trong Nội san Bưu điện thông tin số xuân Canh Tí sau khi cắt mấy hàng luân lí ở cuối truyện.

LÃO RÂU QUẦN

Xã hội đời Đường là một xã hội võ hiệp, mạo hiểm, đầy những chuyện chiến đấu gan dạ và những cuộc chinh phục phiêu lưu, có biết bao hành động kì dị của những nhân vật kì dị. Con người ở thời đại rực rỡ đó vĩ đại hơn, tưởng tượng sâu sắc hơn, đại độ, đại đởm hơn và hành động lạ lùng hơn con người các thời khác. Tất nhiên là từ khi xã tắc nhà Tùy rung rinh thì trong nước đầy những quân nhân gặp thời nổi lên như một khu rừng đầy loài ngàn thú. Người ta coi vận mạng như cuộc đỏ đen trong một canh bài lớn, mà đấu mưu đấu trí với nhau. Người ta tin tưởng dị đoan, thù ghét ai thì cay độc mà trung thành với ai thì cũng nhiệt liệt. Trong thời đó xuất hiện một vị hảo hán da sắt, tim vàng.

*

Lúc đó vào khoảng đầu giờ Hợi. Lý Tĩnh, một chàng khoảng ba chục tuổi, ăn cơm xong, đương nằm ở giường, buồn rầu, lơ lửng và bức mình. Chàng cao lớn, gân guốc, tóc xoà trên cổ và vai mà cổ chàng rất đẹp. Chàng uể oải vận động những con chuột ở cánh tay vì chàng có tài lạ, không cần co tay lại mà cũng làm cho các bắp thịt nhảy lên được. Chàng đầy cao vọng, giàu nghị lực mà chẳng có cách gì thi thố tài năng.

Buổi sáng hôm đó chàng vào yết kiến quan Tư Không là Dương Tố để dâng một sách lược văn cứu giang san. Bây giờ nhớ lại, chàng chắc chắn rằng lão Tư Không mập ú đó chẳng buồn đọc sách lược của chàng. Thật công toi.

Quan Tư Không giữ việc phòng thủ Tây kinh trong khi Tùy Dạng Đế vui thú với mỹ nhân ở Nam kinh. Lão ngồi chễm chệ trên sập, vẻ tự mãn. Mặt lão như mặt heo, môi dày, mắt hum húp, cằm xệ xuống một lớp mỡ, lỗ mũi hếch đều đều phát ra hơi thở ột ột. Hai chục mỹ nữ đứng sắp hàng hai bên, bụng chén đĩa, bánh trái, ống nhổ, phất trần. Những phất trần dùng để trang sức đó làm bằng đuôi ngựa, dài khoảng gang rưỡi, buộc vào một cái cán bằng ngọc thạch hoặc gỗ sơn đỏ. Lòng ngựa trắng mượt như tơ, mềm mại rũ xuống.

Lý Tĩnh nước da sạm nắng; thân mình cao lớn như một lực sĩ, yên lặng đứng đợi (...). Chàng nghĩ rằng xã tắc như trái táo chín rực, sắp rớt đến nơi rồi. Toàn quốc nổi loạn mà ở đây cái mặt lợn ỉ này cứ ung dung núp sau những bức bình phong bằng da thít đàn bà kia để cho được ấm áp.

Dương Tố nhìn tấm thiếp của khách rồi hỏi, giọng chán chường, mệt nhọc:

- Thầy là ai?

- Một tên vô danh. Tôi nghĩ trong những thời như thời này, tướng công nên chiêu hiền, tìm người có kế hoạch để hoạt động chứ và nên có lễ độ hơn một chút. Đáng lẽ phải mời tôi ngồi chứ.

Dương Tố đáp:

- Ừ, ngồi chơi, ta vô tình đấy, thôi bỏ qua cho.

Lão luôn luôn tiếp khách mà không thềm đứng dậy, nhưng chưa ai dám nói thẳng vào mặt lão như thế.

Có tiếng thở gấp như hỗn hển. Một chiếc phất trần rớt xuống và một thiếu nữ dong dong cao, mảnh khảnh, bận áo hồng, vôi vàng cúi xuống lượm. Lý Tĩnh nhìn lên, thấy một cặp mắt đẹp, đen lánh, sáng ngời kinh ngạc ngó mình. Chàng ung dung ngồi xuống.

- Thầy muốn gì?

- Tôi không muốn gì hết. Còn tướng công, ngài có muốn gì không?

Thấy giọng xác láo đó, lão Tư Không lắp bắp:

- Ta ư?

- Ngài cứ thản nhiên thôi, chẳng chịu tìm một kế hoạch cứu quốc, và một người cương quyết...

Những tiếng sau nhỏ dần rồi ngưng bật.

- Một kế hoạch ư?

- Tôi biết trước rồi, ngài chẳng có chủ trương gì cả. Tôi sợ làm mất thì giờ của ngài thôi.

Nhưng khi lão Tư Không hỏi thì chàng cũng rút trong túi ra bản sách lược, và lão ta đặt nó ngay ngắn trên chiếc ghế đầu thấp ở bên mặt, tỏ vẻ lễ độ một cách gượng gạo, rồi hỏi:

- Hết rồi chứ?

Lý đáp:

- Hết.

Rồi đứng dậy cáo từ.

Trong khi chàng nói, thiếu nữ bận áo hồng dăm dăm ngó chàng và hai cặp mắt gặp nhau. Lúc nàng quay lưng đi ra nàng lại đánh rớt cây phất trần một lần nữa. Chỉ có chuyện đó là vui vui và lúc này đây nằm trên giường, chàng mỉm cười nhớ lại vẻ nhìn chăm chú của thiếu nữ.

Có tiếng gõ nhẹ nhẹ ở cửa phòng. Ai mà tới thăm chàng giờ này đây? Hay là lão Tư Không đã đọc sách lược của chàng chăng? Vô lý, không thể như vậy được. Chàng ngồi dậy và thấy một người lạ đứng ở cửa, bận áo tía, đội mũ, tay cầm một cái gậy gác lên vai; đầu kia là một cái túi.

- Khách là ai?

Có tiếng đáp nhỏ nhẹ:

- Thiếp là kĩ nữ cầm phất trần ở dinh họ Dương. Thiếp vô được không?

Lý vội khoác chiếc áo dài rồi mời vô, ngạc nhiên về cuộc viếng thăm bí mật và về sự giả trang của khách. Nàng khoảng mười tám mười chín tuổi, lột bỏ áo ngoài và mũ ra, để lộ một chiếc áo thêu và một chiếc xiêm đỏ vẽ mây. Chàng ngó giai nhân yếu điệu, e lệ đó, tưởng chừng như một ảo ảnh. Nàng cúi mặt hoa rồi thưa:

- Chắc ông quên thiếp rồi. Thiếp được gặp ông trong cuộc hội kiến sáng nay với quan Tư Không. Thiếp lên đọc địa chỉ trên tấm thiếp của ông và lại đây thăm ông.

- Vậy ư?

Nàng theo dõi cử chỉ của Lý trong khi chàng vừa tháo chiếc dây lưng vừa dăm dăm ngó qua cửa sổ.

- Thưa ông, xin ông nghe thiếp, thiếp lên lại đây đây ạ.

- Lên lại đây! Cả gan nhỉ? Lính tráng khắp kinh sư này sẽ lùng bắt cô, cô biết chứ!

Thiếu nữ cười rất tươi và quyến rũ:

- Xin ông đừng lo. Thiếp có cô bạn nhỏ muốn thay chân thiếp và cái xác già nua suy nhược kia không nhận ra được đâu. Trong nhà đó cũng như trong nước lúc này không ai trung với chủ cả - thực ra họ ghét lão ta và chỉ muốn bòn rút của lão thôi.

Lý mời nàng ngồi xuống một cái ghế tốt nhất. Cặp mắt nàng vẫn không rời chàng:

- Thưa ông, thiếp đã đọc sách lược của ông.

- Đã đọc? Cô thấy nó ra sao?

- Thật là châu ngọc, dâng cho con heo đó thật uống.

Lý thấy vui vui, ngồi ngó, hỏi:

- Lão ta có đọc không?

- Không. Làm gì có chuyện đó.

Lý thấy cặp mắt nàng rất thông minh, mỉm cười với nàng:

- Vậy cô định trốn ư?

Nàng khoan thai ngồi xuống chiếc ghế, đáp:

- Thiếp xin thưa. Ai cũng biết xã tắc lúc này không còn bao nhiêu ngày nữa là trận lụt tràn dâng. Ai cũng biết chỉ trừ cái xác không hồn kia. Bọn đàn bà chúng em cũng biết và chúng em phải lo phận mình chứ.

Nàng ngưng một chút rồi tiếp:

- Nhiều người đã bỏ đi rồi. Chỉ khoảng một năm hay hơn một năm nữa là không còn quan Tư Không họ Dương nữa. Sáng nay gặp ông, thiếp nghĩ nên làm quen với ông.

Lý chăm chú nhận xét thiếu nữ. Nàng đẹp thật, nhưng chàng cảm động nhất là thấy nàng đã dám bỏ nhà họ Dương, mà lại thông minh biết nhận xa. Chàng biết rằng nếu chiến tranh lan tới kinh sư, quan Tư Không tẩu thoát không kịp mà bị bắt thì những thiếu nữ trong hoàn cảnh của nàng sẽ khốn đốn ra sao: hoặc bị lính bắt cóc, hãm hiếp, hoặc bị đem bán làm nô tì.

Nàng dong dỏng cao, cặp mắt hơi dài, cách xa nhau; lưỡng quyền hơi cao, mặt thon.

- Hạng đàn bà như thiếp lúc này có làm được việc gì không? Thiếp thành thực hỏi ông như vậy. Xin ông tin thiếp.

Giọng nàng có vẻ buồn, cặp mắt nghiêm, từ cử chỉ đến ngôn ngữ của nàng đều làm cho Lý mê mẩn.

Chàng hỏi tính danh thì thưa:

- Họ Trương.

- Thứ mấy?

- Đầu lòng.

Thiếu nữ chăm chú nhìn chàng.

- Thưa ông, thiếp đã thấy hàng trăm người vô yết kiến lão Tư Không nhưng không có ai được như ông.

Rõ ràng là nàng có ý muốn trốn từ lâu và lựa chàng để gởi thân. Chàng nghĩ rằng có được một người bạn như nàng cũng là điều may.

- Cô Trương à, sống chung với một chiến sĩ như tôi thì đời sẽ vất vả đấy, nay đây mai đó, hành binh rồi chinh chiến, nguy hiểm mà không chắc chắn gì cả.

- Thiếp đọc sách lược của ông, đã rõ điều đó.

- Cô mới gặp tôi sáng nay. Vậy có gì làm cho tin rằng tôi là hạng người đáng cho cô quý mến?

- Thiếp thấy ông làm cho lão Tư Không phải xin lỗi về thái độ bất nhã của lão. Không ai cả gan như vậy. Ông dám nói, thiếp tự nhủ ông là người thiếp đang tìm. Nếu ông không chê thì thiếp xin trở về để thu xếp ít việc nữa cho xong.

Khoảng một giờ sau thiếu nữ trở lại, Lý càng ngạc nhiên, khó tin được. Chàng vừa vui vẻ hãnh diện, vừa lo lắng vì chàng nghèo. Thỉnh thoảng, chàng lén nhìn ra phía cửa sổ xem có ai tới kiếm nàng không.

Lạ thay, thiếu nữ tỏ vẻ rất bình tĩnh. Mắt nàng âu yếm chăm chú ngó chàng và theo dõi chàng.

Lý Tĩnh hỏi:

- Cô không có thân thích gì cả?

Nàng trả lời vội vàng:

- Không ạ. Nếu có thì thiếp đã không gởi thân ở đây. Thiếp có phước quá.

Chỉ có lời đó là tỏ ra cái vẻ nồng nhiệt ẩn trong tia sáng của cặp mắt nàng suốt buổi ấy.

- Cô biết tôi không có công việc làm ăn gì cả chứ?
- Nhưng ông có cao vọng. Ông sẽ làm được đại sự.
- Sao cô biết?
- Bản sách lược đó.

Chàng mỉm cười chua chát:

- Phải, bản sách lược đó!

Không phải chàng coi rẻ bài văn của chàng đâu. Chàng có văn tài mà kế hoạch của chàng phô diễn một cách rõ ràng mạnh bạo, sắc bén. Chàng nói tiếp:

- Thôi đừng nói bậy nữa, không có lý cô lại mê mấy trang chữ đó.
- Thật đấy ạ, thiếp mê nó, nói cho đúng là thiếp mê người viết nó. Đáng tiếc lão Tư Không đã không ngó tới.

Nhưng còn điều này thì mãi về sau nàng mới cho chàng hay, là nàng cũng mê cái vẻ đẹp trai của chàng nữa: đầu ngay ngắn, cổ lớn mà tròn, vai rộng mà hiên ngang, cặp mắt sáng, rõ ra phong độ một hảo hán, một quân nhân.

*

Ít bữa sau, Lý nghe đồn lính thị vệ của quan Tư Không đến tìm nàng. Mặc dầu họ tìm kiếm cho có lệ đúng như nàng nói, chàng cũng bảo nàng cải trang làm đàn ông, đỡ nàng leo lên lưng ngựa rồi đưa nàng đi trốn.

Nàng hỏi:

- Chúng mình đi đâu bây giờ?
- Đi thăm một người bạn ở Thái Nguyên.

Thời loạn lạc, đi xa là một chuyện mạo hiểm. Nhưng riêng về bản thân mình thì Lý không ngại: dù có mười hai tên cướp hèn nhát mai phục ủa ra một lúc chàng cũng chống cự được. Chàng chính là hạng dũng sĩ có cao vọng, gan dạ, cảm thấy xã tắc nhà Tùy rung rinh nên giao du để kết bạn, nghiên cứu tình hình chính trị và địa lí để hễ gặp thời là phát cờ. Có nhiều người như chàng hoặc giả trang ngao du sơn thủy, hoặc bí mật hành động, tìm những người can đảm tin cậy và trung thành kết làm đồng chí.

Ngựa đương phi, Lý hỏi Trương:

- Em tin số không?
- Anh muốn nói gì ạ?
- Tin ở số mạng ấy mà. Có một thanh niên con thứ của quan Châu tướng Thái Nguyên. Một người bạn của anh là Lưu Văn Tĩnh biết hẳn rõ lắm và cùng với hẳn âm mưu nổi loạn mà không cho gia đình hay, Lưu tin hẳn vô cùng bảo hẳn có chân mạng đế vương.

Thiếu phụ kinh ngạc:

- Chân mạng đế vương?

Lý rầu rầu đáp:

- Ừ, chắc hẳn sẽ lên ngôi báo một ngày gần đây. Diện mạo hẳn kì dị lắm. Em tin có số không?
- Dạ, có. Có tin mới tìm tới mình chứ. Hẳn kì dị ra sao?
- Không thể nói được. Tất nhiên là đẹp trai, cân đối, đủ. Nhưng anh không thể tả được. Hề hẳn lạng lẽ vô phòng thì dù không nhìn thấy, em cũng có cảm tưởng hẳn ở sau lưng mình. Có cái gì tự hẳn phát ra y như trời sinh hẳn để làm thủ lãnh mọi người. Anh muốn em gặp hẳn để rồi sẽ hiểu lời anh nói.

- Tên hắc là gì?

- Lý Thế Dân. Người ta thường gọi hắc là Thứ Lang vì hắc là con thứ của quan Châu tướng.

Quả nhiên Lý Thế Dân là người sau này sáng lập ra nhà Đại Đường, ông vua được quý mến nhất trong ngàn năm nay, can đảm, khôn khéo, nhân từ; triều đại của ông thành một hoàng kim thời đại trong lịch sử (...).

*

Khi vợ chồng Lý tới một quán trọ nhỏ ở Linh Thạch thì giường đã dọn sẵn. Trong góc phòng đặt một chiếc lò nhỏ lửa đương cháy và trên lò có một nồi thịt hầm đương sôi. Thiếu phụ cúi bộ đồ giả trang rồi đứng trên giường chải đầu cho khỏi quét đất vì tóc nàng rất dài. Lý đương sẵn sóc con ngựa ở ngoài sân.

Một người tầm vóc trung bình, râu đỏ mà quăn, cưới một con lừa ốm yếu tiến vào quán. Chẳng kiểu cách gì cả mà cũng chẳng để ý rằng có nàng Trương ở đó, khách liệng túi da xuống làm gối, nằm dài trên đất rồi nhìn nàng, bằng cặp mắt sáng ngời, đầy khí lực. Lý bất bình vì thái độ vô lễ của khách, nhưng vẫn tiếp tục chải ngựa, chỉ thỉnh thoảng coi chừng khách.

Nàng Trương cũng ngó trộm khách. Mặt khách xám như đồng, quần áo bằng lông thú. Một cái vỏ đoản đao lủng lẳng ở dây lưng. Khách có vẻ nghiêm trang đáng kính. Nàng quay đi, tay trái đỡ mái tóc, tay phải ra dấu cho Lý đừng giận cứ để mặc khách.

Vấn tóc xong, nàng tiến lại phía khách, lễ phép hỏi tên họ để làm quen. Khách chậm chạp ngồi dậy, đáp mình họ Trương.

- Thừa thứ mấy?

- Thứ ba.

Nàng dịu dàng nói:

- Thiếp cũng họ Trương, vậy thiếp xin nhận làm em.

Khách hỏi:

- Cô thứ mấy?

- Đầu lòng ạ.

- Vậy tôi gọi cô là cô Nhớn. Gặp được người cùng họ như cô, còn gì bằng.

Lý bước vào phòng. Nàng Trương bảo:

- Anh Tĩnh à, anh lại chào anh Ba đi.

Khách tỏ vẻ thân mật, nhưng giọng cộc cằn. Đúng là kẻ giang hồ từng trải. Khách nhìn Lý và thiếu phụ, có vẻ đã hiểu được cặp này ra sao rồi. Lý dò xét cử chỉ và y phục của khách, đoán cũng là bậc hảo hớn như mình.

Lý thích gặp hạng người như Lý, không nhà cửa, ăn nói cộc lốc, khinh lối sống nề nếp của bọn cầu an, thận trọng, ôn hoà; hạng người gặp thời cơ thì tung hoành, hạng người gang thép, trung thành với bạn bè và tàn nhẫn với kẻ thù.

Khách Râu Quăn hỏi:

- Nấu gì trong nồi đấy!

Nàng Trương đáp:

- Thừa thịt cừ. Cũng gần chín.

- Ta đương đói đây.

Lý ra ngoài, lấy ít bánh để cùng ăn với khách. Khách Râu Quăn rút còn dao bén cắt thịt cừ, liệng ít xương vụn cho lừa ăn. Chẳng giữ ý tứ trong khi ăn uống và ăn mau lạ lùng.

Râu Quăn bảo nàng Trương:

- Cặp vợ chồng này kì dị đấy. Nghèo mà phóng túng. Vợ đâu được anh chàng đó? Ta biết hết rồi. Chẳng cưới hỏi gì đâu, gặp chuyện gì đó nên cô cậu dặt nhau đi trốn. Đúng không? Không sao, đừng sợ, cô Nhón.

Có cái gì âu yếm, ấm áp trong giọng nói của lão.

Cặp mắt chàng Lý không hề chớp, chàng bình tĩnh nhưng lấy làm lạ sao lão lại biết rõ như vậy. Hay là lão biết coi tướng. Có lẽ những móng tay dài của nàng Trương đã tố cáo đời sống xa hoa của nàng trong dinh thự chẳng?

Chàng cả cười, đáp:

- Có phần đúng đấy.

Cặp mắt họ gặp nhau; Lý rón dò ý khách rồi mỉm cười nói tiếp:

- Đúng như ông anh nói, cô ấy đã để ý tới tôi. Đừng coi thường hạng phụ nữ. Cô ấy biết rằng sắp có trận đại hồng thủy rồi.

Mắt Râu Quăn sáng ngời:

- Hồng thủy.

- Vâng, nói cho bóng bảy vậy mà.

Râu Quăn liếc thiếu phụ, vẻ thán phục. Rồi hỏi:

- Hai người ở đâu tới?

Lý chăm chú nhìn khách bình tĩnh đáp:

- Từ kinh sư.

- Có rượu không?

- Bên cạnh đây có quán rượu.

Râu Quăn đứng dậy ra đi.

Nàng Trương hỏi chồng:

- Sao anh nói toạc cả ra thế?

- Em đừng lo. Bọn thảo dã anh hùng trọng danh dự hơn quan lớn quan bé. Trông bác ấy anh đoán được cùng bọn với nhau rồi.

- Lúc không có anh ở đây bác ta cắt lấy một miếng thịt cừu rồi cho lừa ăn mà chẳng thèm hỏi em, em không thích như vậy. Ý như là thức ăn của bác ấy vậy.

- Đó mới là điều đáng khen nhất. Nếu bác ấy lại lễ độ và trợn tru thì anh mới ngại. Anh nghĩ một người như bác ta không nên để ý tới vài miếng thịt cừu. Rõ ràng là bác ấy mến em.

- Em cũng thấy vậy.

Râu Quăn đem rượu về. Mặt đỏ gay và bắt đầu nói nhiều. Mạch máu ở thái dương nổi lên. Giọng khàn khàn và thấp, lời chậm rãi, rõ ràng, thận trọng. Lão coi thường tất cả những tướng quân đã phất cờ khởi nghĩa. Không có thằng cha nào ra hồn cả. Nghe nói, Lý chắc Râu Quăn cũng đương mưu tính chuyện gì.

Để dò xét, Lý hỏi:

- Còn Dương Tố là người ra sao?

Râu Quăn cầm phập lưỡi dao vào mặt bàn, cả cười. Lưỡi dao bén toé ánh sáng rực rỡ, tiếng thép ngân lên, run run rồi lặn yên hẳn.

- Nói tên đó làm quái gì.

- Tôi muốn biết ý kiến ông anh.

Lý kể cho Râu Quăn nghe cuộc hội kiến với họ Dương và cuộc trốn thoát của nàng Trương.

- Bây giờ cô chú đi đâu?
 - Đi Thái Nguyên mai danh ít lâu.
 - Đừng tưởng mai danh được đâu. Chú có nghe nói Thái Nguyên có một dị nhân không?
- Lý kể chuyện về Lý Thế Dân mà người ta đồn là chân mạng đế vương.
- Chú thấy hấn ra sao?
 - Kì dị lắm.

Râu Quần có vẻ suy nghĩ lung, một lát sau hỏi:

- Ta gặp mặt hấn được không?
 - Anh bạn tôi là Lưu Văn Tĩnh quen thân hấn lắm. Có thể nhờ Văn Tĩnh giới thiệu được.
- Nhưng bác muốn gặp để làm gì?
- Ta sành coi tướng.

Lý không ngờ mình mới hứa một cuộc hội kiến mà kết quả sau này sẽ nghiêm trọng.

Họ hẹn với nhau tới Thái Nguyên hôm trước thì hôm sáng hôm sau đợi nhau ở cầu Phần Dương. Râu Quần nhất định đòi trả tiền phòng, bảo trả cho cô Nhón của lão. Rồi leo lên lưng lừa, cho chạy nước kiệu, biến mất.

Hai vợ chồng Lý trở vô, Lý bảo Trương:

- Anh đoán bác ấy muốn gặp chân nhân vì một lý do riêng và quan trọng. Con người kì dị.

*

Đúng hẹn, Lý Tĩnh và Râu Quần gặp nhau ở cầu Phần Dương lúc mờ sáng mù sương, chưa rõ mặt người. Lý khoác tay bạn tới tiệm điểm tâm qua loa rồi dắt bạn đến nhà Lưu Văn Tĩnh. Cả hai không nói năng gì cả, cảm thấy một cái gì thân thiết hơn tình bạn, một mục đích chung. Lý cao lớn hơn, có vẻ một dũng sĩ. Râu Quần có dáng đi dệu dàng uyển chuyển như một người lão luyện, cứng gỏi, coi cuộc đi bộ trăm dặm là thường.

Lý nghĩ đến chân nhân, hỏi:

- Bác tin khoa coi tướng là đúng à?
- Tính tình con người lộ ra diện mạo. Mắt, môi, mũi, cằm, tai, sắc diện, hể coi tướng thì trông qua là có thể đọc được như đọc trong sách. Bẩm tính mạnh hay yếu, xảo trá hay ngay thẳng, cương quyết và tàn bạo hoặc dâm dật và quý quyết đều hiện ra trong diện mạo hết. Cuốn sách đó khó đọc nhất vì tính tình con người rất phức tạp, có đủ các lối kết hợp.
- Vậy số con người đã định sẵn từ khi mới sanh?
- Gần như vậy. Khó tránh khỏi được lắm, cũng như khó tránh khỏi được tính tình của mình (...).

Gần tới nhà Lưu, Lý nhận thấy rằng hơi thở của Râu Quần gấp lên như bị xúc động.

Tới nhà, Lý bước vô trước và nói:

- Một ông bạn tôi muốn gặp Lý Thứ Lang. Ông ta giỏi coi tướng. Còn đứng ngoài kia.
- Mời ông ta vô đi.

Lý vội ra đón Râu Quần vào, Lưu đã mưu tính cuộc khởi loạn với Lý Thứ Lang, tức Lý Thế Dân, và nghe nói có ai coi tướng đoán được vận mạng thì thích lắm. Râu Quần vô và Lưu giữ lại dùng cơm trưa, trong khi đó viết thư mời Lý Thế Dân tới.

Một lát sau, Râu Quần thấy một thanh niên bước vô phòng, áo lông quàng lên vai, đẩy ngựa ra sau, trán cao, nét mặt vui vẻ chân thành, quả quyết. Bảo là đẹp trai thì không đúng. Khi gã bước vô phòng thì như có hào quang toả ra. Cặp mắt không liếc ngang liếc dọc mà thu được hết những cái gì xảy ra trong phòng. Sống mũi cao, thẳng; dưới chót mũi nhọn là hàng ria đỏ, cứng, uốn cong ngược lên như có thể móc vào đó một cây cung được. Lý thấy cặp mắt điều hâu của

Râu Quần chăm chú nhận xét nét mặt phương phi của thanh niên đó.

Sau bữa cơm, Râu Quần nói nhỏ với Lý:

- Ta muốn có đạo huynh của ta ở đây coi tướng người đó.

Thật là khó tin, khi họ ra về, nét mặt Râu Quần như có một cái gì như bị ai đập mạnh vào đầu. Cúi gằm xuống mà đi, sắc mặt sậm lại, do dự, hoang mang. Hơi thở phì phì.

Lý Tĩnh hỏi:

- Bác thấy Lý Thế Dân ra sao?

Không thấy đáp, hỏi lại:

- Bác thấy hấn ra sao?

Chậm rãi, Râu Quần lăm bầm như nói một mình:

- Ta chắc tám chín phần mười rồi. Hấn có thể là chân nhân lắm. Nhưng ta còn muốn đạo huynh của ta coi lại cho kĩ. Chú ở trọ nơi nào?

Lý đáp là trọ tại một lữ quán.

- Ở tạm ít bữa thì được. Đi theo ta lại đây một chút.

Râu Quần dắt Lý lại một tiệm tơ lụa. Một lát lão ở trong tiệm ra cầm một gói bọc giấy đựng lụa, nặng chừng một hai cân, bảo:

- Này, mang về sửa chữa cho cô Nhón.

Lý ngạc nhiên.

- Đừng ngại mà. Cầm lấy đi.

Bọn anh hùng lực lâm vẫn có những hành động như vậy.

- Ông anh bắt chủ tiệm nộp thuế đấy ư?

Râu Quần cười:

- Không. Chủ tiệm là chỗ bạn bè. Chú cần gì nữa không? Ta sẽ viết cho hấn mấy chữ. Chú cứ nói, muốn thứ gì lấy thứ đó. Ta thấy cô chú không dư dả gì mà ta không muốn cô em của ta phải thiếu thốn. Ta chắc cô chú không ở đây lâu chứ? Lại Lạc Dương ở với ta. Một tháng nữa hãy lại.

Lão ngẩng đầu lên, đếm trên đầu ngón tay:

- Mừng ba tháng hai ta sẽ về đó. Tới nơi kiếm một túp lều ở phía Đông các tàu ngựa cửa Đông. Thấy con lừa này với một con la đen cột ở ngoài thì chú biết rằng ta và đạo huynh của ta ở trên lầu. Cứ đi thẳng lên.

Họ về quán trọ của Lý, nhưng Râu Quần không cáo biệt mà theo Lý vô quán. Lão coi cô Trương như em ruột và coi Lý như em trai. Tối đó lão dọn bữa thịnh soạn và có vẻ như chưa muốn đi. Cả ba ngồi trò chuyện tới khuya.

- Cô Nhón vô nghỉ trước đi, để mặc anh.

Rồi lão ngồi lì đó, không có vẻ buồn ngủ. Cô Trương dúi mắt lại, đi ngủ trước. Nàng ngượng ngịu, nhưng vui. Sinh lực của Râu Quần thật siêu quần. Quá nửa đêm lão vẫn còn nói mà Lý thì ngủ gà ngủ gật rồi.

Sáng hôm sau lão đánh thức Lý dậy.

- Đêm qua bác ngủ ở đâu?

- Nằm ngay trên sàn đây.

- Bác tưởng em cần có lính thị vệ chăng?

Râu Quần vẫn tươi tỉnh như thường.

- Ta sắp lên núi[69] có ít việc phải lo cho xong. Mừng ba tháng hai ta sẽ về Lạc Dương. Đừng quên nhé. Tất nhiên, cô Nhón cũng phải tới đấy.

Có lẽ thái độ đó là thái độ thường của những vị nghĩa hiệp giang hồ, đi lại rất mau mà kết bạn cũng rất mau, lòng cởi mở mà đại lượng. Khi một người coi ta như em ruột và coi vợ ta như em gái thì ta không thể không mến người đó được.

*

Đúng hẹn, hai vợ chồng Lý tới Lạc Dương. Họ tìm ra tửu quán và khi trông thấy một con lừa và một con la cột ở ngoài thì họ lên lầu.

Râu Quăn đứng dậy chào:

- Ta biết rằng thế nào cô chú cũng tới.

Lão giới thiệu hai vợ chồng Lý với đạo sĩ (...) Đạo sĩ ăn nói khoan thai, tính tình trầm mặc (...) nhưng thân mật.

Đạo sĩ đột ngột hỏi Lý Tĩnh:

- Vậy là bỏ việc bút nghiên theo việc đao cung ư?

- Thừa vâng, thời buổi này cần đao cung chứ không cần bút nghiên.

Lý lấy làm lạ rằng sao đạo sĩ nhận xét đúng như vậy. Chàng lâu thông kinh sử và thú rằng hồi mười sáu, mười bảy tuổi chàng đã do dự lâu lắm, không biết nên lựa nghề văn hay nghề võ.

Râu Quăn dắt hai vợ chồng lại một căn phòng, bảo:

- Hai cô chú có thể ở đây. An toàn. Đừng ngại gì cả. Ta đoán cô chú nghĩ gì rồi. Tửu quán này của ta. Ở dưới quầy có học tiền, cứ tự nhiên, nhớ mua cái gì đẹp đẹp cho em gái ta nhé.

Thế là họ ở lại tửu quán và thỉnh thoảng Râu Quăn lại nói chuyện tới khuya, bàn về binh pháp. Lý Tĩnh học được nhiều điều sau này đem ra thực hành có kết quả.

Điều quan trọng không phải là luyện tập cho được khoẻ mạnh can đảm như nhiều người tưởng. Cần nhất là phải hiểu biết địch thủ, tìm cho được nhược điểm mà đập một cái cho thật mạnh, như vậy hơn là đập cả trăm cái (...) Những cuộc đàm luận như vậy luôn luôn kéo dài quá nửa đêm. Vị đạo sĩ luôn luôn ngó về phía Thái Nguyên, coi thiên văn xem các tinh tú gặp nhau ra sao, mờ tỏ ra sao, cái đó Lý Tĩnh và Râu Quăn chẳng hiểu gì cả.

Được ít tuần, đạo sĩ ngó ý muốn gặp Lý Thế Dân. Râu Quăn bảo Lý:

- Chú giới thiệu đạo huynh của ta với Lý Thế Dân nhé. Ta muốn đạo huynh của ta xét xem hần phải là chân nhân hay không. Sắp tới lúc quyết định rồi, và mọi việc sẽ được quyết định.

- Nếu hần là chân nhân bác tính sao? Chiến đấu với hần hay hợp tác với hần?

- Ta không chiến đấu với số mạng.

- Vậy theo hần?

- Nói bậy nào.

Râu Quăn cười để cắt ngang câu chuyện. Lão dẫn một câu tục ngữ có nghĩa rằng thà làm đầu con gà còn hơn làm đuôi con bò.

*

Họ tới nhà Lưu ở Thái Nguyên. Lý Tĩnh giới thiệu đạo sĩ là một nhà lý số biết được tương lai. Lưu đương đánh cờ và mời đạo sĩ chơi với mình một ván, trong lúc sai người mang thư đi mời Lý Thế Dân lại chơi coi đánh cờ. Râu Quăn và Lý Tĩnh đứng “chầu”.

Lý Thế Dân vô và lẳng lặng ngồi vào một cái ghế ở bên cạnh bàn cờ. Không thốt một lời, đúng là thái độ đứng đắn của kẻ đứng ngoài coi. Râu Quăn thúc cùi chỏ ra hiệu cho Lý. Trong nước thiếu gì hạng dũng sĩ và hạng anh hùng đeo kiếm, nhưng một vị chân mạng đế vương thì phải là hạng khác. Vị đạo sĩ bề ngoài thì chăm chú vào ván cờ nhưng thầm dò xét hơi thở, đo lường hào quang của Lý Thế Dân. Lý Thế Dân ngồi rất thẳng, vai ngang, chân dẹt, hai tay đặt

ngay ngắn trên đầu gối. Thỉnh thoảng cặp chân mày nhướng lên một chút để theo dõi ván cờ. Và từ phía trong con người toả ra một tia sáng như là trông thấy hết, hiểu rõ hết. Một lát sau, đạo sĩ đẩy bàn cờ về phía Lưu Văn Tĩnh, bảo:

- Ván này không nước gỡ. Ông thí quân cờ đó, đi một nước hay quá. Tôi chịu thua.

Những người đứng ngoài đều thấy rằng ván cờ chưa đến nỗi như đạo sĩ nói. Rõ ràng là đạo sĩ không nhất định không chịu phí sức trong cuộc đấu vô ích. Đạo sĩ đứng dậy thở dài.

Rồi cả ba cảm ơn chủ nhân ra về.

Khi họ tới cửa, đạo sĩ bảo Râu Quăn:

- Ván cờ của bác thua rồi. Người có chân mạng đế vương ở trong nhà đó. Đừng rán sức nữa vô ích. Nhưng có thể kiếm một đất khác mà chiếm.

Lần đầu tiên Lý Tĩnh thấy lưng Râu Quăn khòm xuống và toàn thể gân cốt gần như dãn ra. Có cái gì biến chuyển trong tâm hồn lão.

Râu Quăn nói:

- Tình thế đã thay đổi và tôi e rằng chính tôi cũng đã thay đổi kế hoạch. Đợi tôi ở Lạc Dương. Khoảng nửa tháng tôi sẽ trở về.

Nói xong rồi bỏ đi.

Lý cũng chẳng hỏi đi đâu, mà cùng về Lạc Dương với đạo sĩ.

*

Khi Râu Quăn trở về, gọi nàng Trương lại bảo:

- Anh muốn cô lại thăm chị. Anh có việc quan trọng muốn bàn với cô chú.

Lý Tĩnh chưa hề biết Râu Quăn ở đâu. Chàng luôn luôn lạ lùng về con người đó. Người ta đưa chàng tới một cái cổng nhỏ có mỗi một cánh. Qua khỏi sân thứ nhất, tới một phòng trang hoàng rực rỡ. Hàng chục thị tì đứng hầu. Người ta dắt vợ chồng Lý vào phòng phía đông để trang điểm. Bàn trang điểm, gương cổ, chậu đồng bằng thau, đèn bằng pha lê; bàn tủ, bình phong toàn là đồ thượng hạng, nhiều đồ quý giá vô cùng.

Một lát sau, Râu Quăn cùng ra với vợ và giới thiệu với vợ chồng Lý. Thiếu phụ khoảng hai mươi tám, ba chục tuổi, rất đẹp. Hai vợ chồng Lý được tiếp đón cực kì niềm nở, trang trọng như hàng thượng khách.

Trong bữa tiệc, một đội nữ nhạc tấu những khúc lạ tai, du dương mà Lý chưa hề được nghe. Tiệc gần tàn, gia nhân bưng vô mười cái khay gỗ quý phủ nhiễu và đặt trên những chiếc ghế thấp ở sát đầu tường phía đông. Khi mọi sự xong xuôi, Râu Quăn bảo Lý:

- Tôi cho chú coi cái này.

Mở lớp khăn phủ rồi, Lý thấy các khay đều đựng giấy tờ, chứng thư, sổ sách và những chùm chìa khoá lớn.

Râu Quăn bảo:

- Kể cả châu báu và các bảo vật khác, thì hết thả vào khoảng trăm ngàn lượng vàng. Xin biểu hết cô chú đấy. Sao? Anh đã trù tính, thu thập số đó để đợi thời cơ lập một đội binh mua vũ khí quân nhu, hy vọng làm nên đại sự. Nay thì không dùng tới nữa. Anh tin chắc rằng thanh niên họ Lý ở Thái Nguyên đó có chân mạng đế vương. Chú giữ lấy những món này, sau sẽ giúp người đó làm nên việc Trời giao cho hẳn. Hẳn sẽ là chúa công của chú; mà đừng nên quên chiến lược ta đã chỉ cho đấy nhé. Trong khoảng năm mười năm nữa, Lý Thế Dân sẽ bình định được giang san. Dốc lòng thờ người đó thì sẽ vinh hiển phú quý đấy. Còn anh, anh phải lo việc của anh. Khoảng mười hai năm nữa, khi nào nghe bên kia biên giới có người chiếm được đất, lập một nước mới thì người đó là bạn cũ của cô chú đấy. Lúc đó chú và cô Nhón quay mặt về phía đông nam mà uống ly rượu mừng nhé.

Rồi hẳn quay lại nói với bọn nô tỳ và gia nhân:

- Từ nay ông Lý là chủ của các người và làm chủ cả gia tài của ta, mà cô em của ta đây sẽ là bà chủ của các người.

Dẫn dò mọi việc xong rồi, lão vô bận quần áo đi đường rồi cùng với vợ leo lên lưng ngựa, chỉ có mỗi một người tớ trai theo hầu, từ đó biệt tăm.

*

Mấy năm sau, Lý mắc đánh dẹp khắp nơi trong những trận dai dẳng để thống nhất Trung Hoa thành một đại đế quốc đời Đường, Lý Thế Dân lên ngôi thiên tử, trị dân trong cảnh thanh bình và Lý Tĩnh được vua tin yêu nhất, giao cho chức Bình Chương sự.

Một hôm Lý đọc được trong một bản phúc bẩm của quân đội rằng có một người – không thấy chép tên họ – đã đem một đạo quân khoảng ba bốn chục ngàn người đổ bộ lên nước Phù Dư ở bên kia biên giới về phía nam và đã chiếm nước đó mà xưng vương. Lý chắc chắn rằng người đó là ông bạn cũ đã giúp hai vợ chồng mình hồi trước.

Một người không chịu ở dưới quyền người khác mà tự mai danh cho người đời quên mình và tự đẩy mình ra khỏi nước thì thật là điều khó tin. Lão Râu Quăn đã quyết chí làm vua chúa một nơi nào đó và bây giờ nguyện vọng đã thành.

Tối đó Lý về nhà kể lại cho vợ nghe.

Nàng rất cảm động, nói:

- Chắc là bác Râu Quăn rồi, mừng quá!

- Ừ, bác Râu Quăn đấy. Đáng mừng thật. Bác ấy đã đạt mục đích.

Họ nhớ lại lời dặn cuối cùng hồi xưa nên sau bữa cơm, đốt hai cây nến đỏ, bày ở ngoài sân rồi quay mặt về phía đông nam uống rượu mừng bạn cũ.

Giọng người vợ bỗng kì dị, như nghẹn ngào:

- Mình có thể giúp bác ấy được việc gì không – chẳng hạn tâu với Hoàng thượng phong hầu cho bác ấy?

Lý Tĩnh đáp:

- Để yên bác ấy! Chức tước gì của Hoàng thượng ban ra chỉ làm cho bác ấy thêm rầu thôi. Tại cái xứ bác ấy ở, bác ấy là chúa tể, chẳng thuộc quyền ai cả. Thật là một dị nhân.

Rồi thở dài nói thêm:

- Một bậc vĩ nhân.

[1] Tất cả các hình ảnh trong eBook này để do tôi chép thêm từ các trang mạng. (Goldfish).

[2] Theo “Danh mục sách của Nguyễn Hiến Lê in trong cuốn *Mười câu chuyện văn chương* thì tuyển tập *Mưa* do Cơ sở xuất bản Tiến bộ in lần đầu vào năm 1969. (Goldfish).

[3] Các bạn có thể xem nguyên văn tiếng Pháp truyện *Boule de suif*, bắt đầu từ trang <http://clicnet.swarthmore.edu/literature/classique/maupassant/boule.suif.a.html>. (Goldfish).

[4] Saintsbury – một phê bình gia nổi tiếng của Anh (1845-1933) chuyên phê bình văn học Anh và tiểu thuyết Pháp.

[5] Chính nghĩa là “*cục mỡ bò tròn vo*”, thứ mỡ để làm nến – Trỏ một người mập, tròn.

[6] Nguyên văn là *bourgeois*. Tiếng này cũng như tiếng *gentleman* của Anh không thể dịch ra tiếng Việt được, vì ở nước mình không có giai cấp nào giống giai cấp bourgeois thời Trung cổ ở Pháp, và lại tiếng đó có tới bốn, năm nghĩa. Theo nghĩa trong truyện này chúng tôi dịch là *trọc phú*, tuy chưa đúng hẳn nhưng còn hơn tiếng trưởng giả mà nhiều người thường dùng.

[7] *Loiseau vole* mà cũng có nghĩa là “*Loiseau xoáy*” – Vole có nghĩa là *bay*, hoặc *ăn cắp*. Lại có thể hiểu nghĩa là “*chim bay*” nữa, vì khi nghe nói, người ta không phân biệt được hai *Loiseau* (tên người) l’oiseau (con chim)

[8] Tức Second Empire, thời Nã Phá Luân đệ tam cầm quyền, từ 1852 đến 1870. Truyện này tả xã hội Pháp trong chiến tranh Pháp Phổ năm 1870.

[9] Trị vì từ 1830 đến 1848.

[10] Ngày 4-9-1870, có một cuộc cách mạng ở Pháp.

[11] Theo thần thoại Hy Lạp, Tantale là vua Lydie. Khi các vị Thần trên trời xuống Lydie, Tantale đem dọn thịt con của mình mời các vị đó ăn để xem các vị đó có thiêng không. Vì vậy thần Zeus đày Tantale xuống Âm ty, bắt chịu cực hình luôn luôn đói và khát, hể nước sông gần tới miệng Tantale thì lại rút ra, trái cây gần tới tay Tantale thì cành cây lại đưa bông lên, không hóp mà uống được, không hái mà ăn được.

[12] Biệt danh mà một số người đặt cho Nã Phá Luân đệ tam.

[13] Nguyên văn là “soldat” nghĩa là lính, chiến sĩ, quân nhân... nói chung. Hồi xưa ta gọi lính của quân đội Pháp chiếm đóng Đông Dương là “săng đá”, một cách gọi có vẻ khinh thường. Ở đây, “săng đá” là lính Đức mà nước họ chiếm đóng là Pháp. (Goldfish).

[14] Nguyên văn là “orgue”, nghĩa là đàn ống; ở đây cụ Nguyễn Hiến Lê đã “Việt hoá” thành đàn nhị. (Goldfish).

[15] Chắc sách in thiếu chữ “sữa”. Nguyên văn là “*lait de poule*”: một loại thức uống gồm sữa, lòng đỏ trứng, đường... (Goldfish).

[16] Theo *kinh Cựu Ước*, Judith là một trang nữ liệt Do Thái goá chồng ở thành Bétulie. Holopherne, tướng Assyrie bao vây thành đó. Nàng vô tội Holopherne, dùng kế mỹ nhân, phục rượu Holopherne, chặt đầu hắn, rồi nửa đêm trở về Bétulie. Sáng hôm sau quân Do Thái treo thủ cấp Holopherne lên cửa thành. Quân Assyrie sợ, mở vòng vây, bỏ chạy, bị giết rất nhiều.

[17] Lucrèce, tiết phụ La Mã thời cổ, bị Sextus làm nhục, đâm cổ tự tử, do thảm kịch đó mà chế độ cộng hoà mới thành lập ở La Mã (510 tr. tây lịch).

[18] Cléopâtre, nữ hoàng Ai Cập, rất đẹp, quyến rũ được những tướng La Mã đã xâm chiếm Ai Cập như César, Antoine, nhưng sau không quyến rũ được Octavien, nàng để cho rắn độc cắn mà tự tử.

[19] Annibal, tướng Carthage, đem quân qua đánh La mã tới đầu thắng đó, chiếm được Capoue, gặp mùa đông, tạm đóng quân lại. Theo truyền thuyết quân lính của ông vui thú mấy tháng tại Capoue, mà mất nhuệ khí. Nhưng truyền thuyết không nói rằng phụ nữ La Mã lại Capoue để quyến rũ họ.

[20] Một trưởng lão Do Thái sẵn lòng hy sinh con là Isac cho Chúa. Sắp giết con thì một vị thiên thần cản lại, vì Chúa chỉ muốn thử lòng ông thôi.

[21] Điển lấy trong một bài ngụ ngôn của La Fontaine. Con chồn thấy đàn nho muốn leo lên ăn, nhưng không được, bỏ đi, chẻ là nho xanh, không thềm.

[22] Các bạn có thể xem nguyên tác *La Parure* tại <http://clicnet.swarthmore.edu/litterature/classique/maupassant/parure.html>. Truyện này ra mắt độc giả lần đầu tiên trên tờ *Gaulois* ngày 17-02-1884 và trở thành một trong những tác phẩm nổi tiếng của Guy de Maupassant. Nó đã gợi hứng Henry James viết truyện ngắn “Paste”; được chuyển thể thành nhạc kịch, thành phim, và được đưa vào sách giáo khoa. (Goldfish).

[23] *Hương ngư*: nguyên văn là *truite*, nay thường dịch là cá hồi. (Goldfish).

[24] Mỗi đồng tiền vàng ăn hai chục quan.

[25] Các bạn có thể đọc nguyên tác *Rain* trên trang <http://maugham.classicauthors.net/Rain/>. (Goldfish).

[26] Nguyễn Hiến Lê dịch, nhan đề *Kiếp người* (nhà xuất bản Văn học). [Có lẽ chú thích này là của nhà xuất bản Văn hoá Thông tin. Trong cuốn *Mười câu chuyện văn chương*, cụ Nguyễn Hiến Lê cho biết cuốn *Kiếp người* do nhà Thanh niên Cộng hoà xuất bản năm 1962 (?), và nhà Lửa Thiêng tái bản năm 1975. (Goldfish)].

[27] Tiền thân của tập truyện ngắn *Mưa* là *Những truyện thương tâm*, in năm 1963. Xem *Lời nói đầu* tại <http://www.thuvien-ebook.com/forums/showthread.php?t=4960> – post #4. (Goldfish).

[28] Bản dịch này, tôi chép lại, bắt đầu từ trang <http://www.wattpad.com/401004-m%C6%B0a-somerset-maugham-nguy%E1%BB%85n-hi%E1%BA%BFn-l%C3%AA-d%E1%BB%8Bch-truy%E1%BB%87n> - tất cả gồm 16 trang - rồi đối chiếu với bản in Tập truyện ngắn *Mưa*, Nhiều tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch và giới thiệu (Nxb Văn hoá Thông tin, năm 2006) để sửa lại những chỗ khác biệt. (Goldfish).

[29] Nguyên văn: *comforter* - khăn quàng cổ (che cả mũi và miệng). (Goldfish).

[30] Truyện này dịch theo bản tiếng Pháp trong cuốn *L'Archipel aux Sirènes* (Arthème Fayard) vì chưa kiếm được nguyên văn. [Truyện *Cái Đầm* này tôi chép từ một eBook do một thành viên của TVE-4u gửi tặng, sau đó đối chiếu với bản in của Nxb Văn hoá Thông tin, 2006, tr. 156-218 và bản tiếng Anh *The Pool* trong tập *Sixty-Five Short Stories* của Somerset Maugham để sửa vài lỗi và ghi thêm vài chú thích. (Goldfish)].

[31] Bệnh sản khí (cả 2 bản đều chép là bệnh sản khí): bản tiếng Anh chép là “hernia in the chest” (tạm dịch: bệnh thoát vị ở vùng ngực). (Goldfish).

[32] Như chiếc xà-rông của người Miên.

[33] Muller: bản tiếng Anh chép là Müller. (Goldfish).

[34] André: bản tiếng Anh chép là: Andrew. (Goldfish).

[35] Theo thần thoại Hy Lạp, Nhân ngư là những nữ thần ở biển, thân là người, đuôi là cá, có giọng hát mê li.

[36] Một nhân vật trong kịch *Hamlet* của Shakespeare.

[37] Nguyên văn: “*Black as the pit from pole to pole*” (tác giả là nhà thơ người Anh William Ernest Henley (1849–1903)).

(Goldfish).

[38] Trích của Pierre Brodin trong *Les écrivains américains de l'Entre-deux-guerres* – Horizons de France.

[39] Các bạn có thể xem bản tiếng Anh *Johnny Bear* tại <http://homepage.ntu.edu.tw/~karchung/JohnnyBear2.pdf>. (Goldfish).

[40] Sách in là “trắc bá”, tôi sửa thành “trắc bách” cho phù hợp với các chữ “trắc bách” ở các đoạn sau (nguyên văn là *cypress*).

(Goldfish).

[41] Thứ kí tính kì dị đó, các nhà tâm lí học gọi là *mémoire éidétique*. Ta viết một hàng số dài trên bảng rồi bôi đi, người có thứ kí tính đó nhìn xong là như đã chụp hình được trong óc hàng số đó; rồi nhìn vào tấm hình trong óc mà đọc xuôi, đọc ngược lại được cả hàng số, không sai một con. Có người chụp hình thanh âm, tức trường hợp của Johnny Gấu. *Mémoire éidétique* chúng tôi muốn dịch là *ấn ức*, nghĩa là *nhớ như in* trong óc vậy. (Lời chú thích của dịch giả).

[42] Nguyên văn là *bamboo*, ở đây dịch là “tre” nhưng ở sau lại dịch là “ống sậy” (?). (Goldfish).

[43] Bộ dây cương giả: nguyên văn là “check-rein”. (Goldfish).

[44] Marijuana: là lá và hoa khô của cây cần sa. (Goldfish).

[45] Một loại cây gai.

[46] Các bạn có thể nguyên tác tại <http://www.d.umn.edu/cla/faculty/tbacig/cst1030/1030anth/steinbec.html>. (Goldfish).

[47] Ở đây sách in là “Doubietree Mut”, ở sau lại in là “Double-tree Mutt”; tôi đã sửa lại theo bản tiếng Anh. (Goldfish).

[48] Loài chim này tiếng Anh kêu là *road-runner* (chạy trên đường) ở miền Californie, có đặc điểm là chạy nhanh hơn bay.

[49] Lễ đó ở Mỹ vào cuối tháng mười một. [Tức lễ Tạ Ơn. (Goldfish)].

[50] Bánh làm bằng bột, sữa, trứng, trái cây.

[51] Sách in là: Monterz. (Goldfish)

[52] Các bạn có thể xem nguyên tác *The Raid* tại <http://www.unz.org/Pub/NorthAmericanRev-1934oct-00299>. (Goldfish)

[53] *Cô em u sầu, lại đây với anh*.

[54] Nguyên văn tiếng Anh: “*Kill the red rats!*”. (Goldfish).

[55] *Người báo hiệu* là một truyện ngắn trong tập truyện ngắn *Ngã ba Mugby*. Các bạn có thể bản tiếng Anh tại <http://gaslight.mtroyal.ca/mugbysgn.htm>. (Goldfish).

[56] Xin độc giả lưu ý: đường *hào* thì lộ thiên đục ở sườn núi; còn đường *hầm* thì không lộ thiên, đục trong lòng núi; xe lửa ở trong đường hầm lộ ra, rồi chạy trong đường hào.

[57] *Dây điện*: đây là dây điện truyền tín hiệu của máy điện báo, nguyên văn là “telegraph wires”. *Phong cầm*: đúng ra là hạc cầm (đàn hạc), nguyên văn là “harp”. (Goldfish).

[58] Các bạn có thể xem thêm tiểu sử của Jack London trong cuốn *Gương chiến đấu* của cụ Nguyễn Hiến Lê. (Goldfish)

[59] Dịch theo bản tiếng Pháp của Paul Gruyer và Louis Postif. [Các bạn có thể xem nguyên tác tiếng Anh *The House of Mapuhi* (viết năm 1909) tại <http://carl-bell-2.baylor.edu/bellc/JL/TheHouseOfMapuhi.html>]. Các hình ảnh ở dưới tôi chép từ trang vừa nêu. (Goldfish).

[60] Một trong quần đảo Polynésie, ở phía đông Tahiti, và thuộc Pháp.

[61] Nguyên văn tiếng Anh là: “a pocket magnifying glass” tức kính lúp loại bỏ túi. (Goldfish).

[62] Tiền vàng, trước năm 1914.

[63] Theo truyền thuyết, Hiram là kiến trúc sư xứ Phénicie đã chỉ huy việc xây cất đền Jérusalem.

[64] Bản tiếng Anh chép là: *twenty feet*, tức 6,1 mét. (Goldfish).

[65] *Cây dừa*: trong câu này và nhiều câu ở dưới, bản tiếng Anh chép là *tree*, tức tác giả chỉ nói là *cây* chứ không nói là *cocoanut tree* (cây dừa). - *Mười lăm thước*: bản tiếng Anh chép là: *fifty feet*, tức 4,57 mét. (Goldfish).

[66] Bản tiếng Anh cũng chép là: *trees*. (Goldfish).

[67] Ở đây mới đúng là cây dừa: *cocoanut tree*. (Goldfish).

[68] *Tân Chí*: theo Thivien.net thì tên tự của Đỗ Quang Đình 杜光庭 là Tân Thánh 賓聖, nhưng nhiều trang mạng chữ Hán lại chép là 聖賓 (Thánh Tân). (Goldfish).

[69] Nguyên văn: *Mount Wutai*. Trong bản chữ Hán của Đỗ Quang Đình không có, chắc Lâm Ngữ Đường thêm chi tiết đó, chúng tôi chưa tra ra được Wutai là gì.

[Mount Wutai là Ngũ Đài Sơn 五台山. (Goldfish)].

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>